NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 216 • APRIL 2007

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Nguyễn Hữu Đang

NHÂN VĂN - GIAI PHẨM

Phùng Quán ▪ Hoàng Khoa Khôi ▪ Ngô Nhân Dụng
Đặng Tiến ▪ NhậtTiến ▪ Tiêu Dao Bảo Cự ▪ Nguyễn Đặng Bắc Ninh
Đặng Nhật Minh ▪ Nguyễn Công Khanh

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

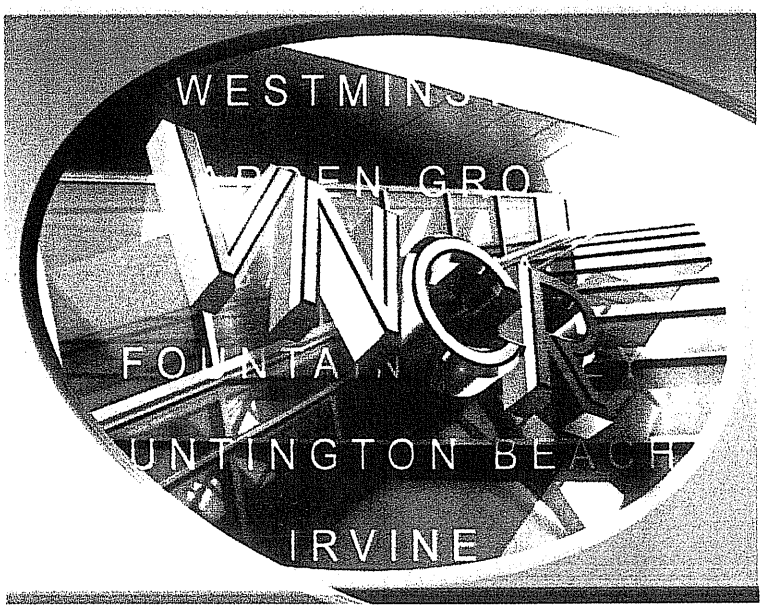

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động. Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn, thu hút người xem trên khắp thế giới.*

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

CHUYỆN NGƯỜI VỢ TÙ CẢI TẠO

Sau tháng Tư 1975, quân nhân công chức của miền Nam phải đi tù cải tạo, các bà vợ ở nhà phải gánh lấy trách nhiệm đối với gia đình trong hoàn cảnh kinh tế và xã hội vô cùng khó khăn. Thêm vào đó, còn phải lo đi thăm nuôi các ông chồng trong tù. Các bà đã trải qua những ngày tháng cực kỳ đen tối vất vả, và nay đã viết lại những trang hồi ký về quãng đời ấy. Bộ ba cuốn: cuốn 1 giá 25 mỹ kim; cuốn 2 và 3 mỗi cuốn giá 14 MK.

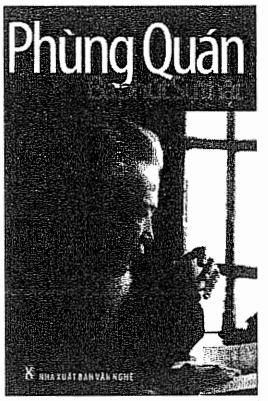

BA PHÚT SỰ THẬT - PHÙNG QUÁN

Đọc cuốn sách, người đọc sẽ hiểu thêm số phận bi tráng mà cao thượng của những người trí thức, văn nghệ sĩ, đồng thời càng hiểu thêm sự nhân hậu của tác giả Phùng Quán "một đời lao lực, một đời cay cực, một đời thơ." Sau vụ án Nhân Văn, Phùng Quán phải trải qua nhiều năm trong trại cải tạo; khi về suốt 20 năm không một chỗ trú thân, phải sống bằng "cá trộm, rượu chịu, văn chui," thế mà vẫn cặm cụi viết, "dòng đầu thẳng ngay như dòng cuối."
Giá 12.50 Mỹ kim.

TRẬN CHIẾN TRONG MÙA PHỤC SINH 1972
NGÔ QUANG TRƯỞNG. Bản dịch của Kiều Công Cự

Đây là một trong các cuốn sách, nguyên tác Anh ngữ, mà Trung tướng Ngô Quang Trưởng đã đóng góp vào bộ sách Indochina Monographs đã được Trung tâm Quân sử thuộc bộ Quốc phòng Hoa Kỳ xuất bản. Sách mô tả lại ba mặt trận chính tại Quảng Trị, Kontum, An Lộc vào mùa hè đỏ lửa 1972, chứa đựng những tài liệu chính xác và những nhận xét và phê bình rất trung thực, đúng đắn của tác giả. Giá 16 Mỹ kim.

TU BỤI
TRẦN KIỂM ĐOÀN

Một cuốn tiểu thuyết chủ đề Phật giáo, lời văn nhẹ nhàng thơ mộng, tư tưởng sống động, người đọc như gặp chính cuộc đời cùng các trăn trở của mình trong đó. Các nhân vật xuất thân khác nhau, trình độ, hoàn cảnh khác nhau nhưng ý hướng tìm đạo đã giúp họ tìm được con đường của mình, giải quyết được những chướng ngại để tạo cho mình một cuộc sống hạnh phúc giữa trần gian. Giá 18 Mỹ kim.

CƠN UẤT HẠ LÀO
BÙI ĐỨC LẠC

Tác giả là một sĩ quan Dù Quân lực VNCH, đã tham dự rất nhiều trận đánh khốc liệt với Cộng quân, đặc biệt vào năm 1972. Cuốn sách này tập hợp một số bài viết của ông mô tả một số trận quan trọng mà ông đã tham dự trực tiếp. Tác giả quả quyết những gì ông viết nói lên đúng sự thực, vì không phải ông ngồi nhớ lại để viết, mà dựa vào những tài liệu "bút mực ghi từng ngày, từng giờ xảy ra trận đánh." Ông muốn để lại những gì khả tín cho các thế hệ sau. Giá 20 Mỹ kim.

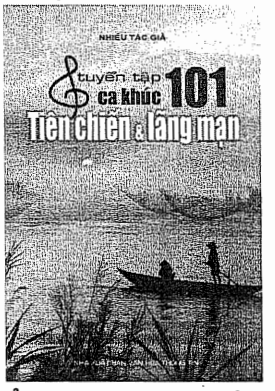

TUYỂN TẬP 101 CA KHÚC TIỀN CHIẾN & LÃNG MẠN
Nhiều Tác Giả

Một tập hợp khá quy mô các bản nhạc hay của các tác giả Việt Nam: Đặng Thế Phong, Lê Thương, Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Văn Tý, Dương Thiệu Tước, Văn Cao, Cung Tiến, Phạm Đình Chương, Văn Phụng, Tô Vũ, Hoàng Trọng... Một tập nhạc rất hữu ích cho người yêu nhạc. Tuy nhiên có hai tác giả quan trọng bậc nhất của âm nhạc Việt Nam lại vắng mặt, đó là Phạm Duy và Trịnh Công Sơn. Giá 16 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

ĐÃ PHÁT HÀNH

VIỆT SỬ ĐẠI CƯƠNG tập 3

SOẠN GIẢ: TRẦN GIA PHỤNG

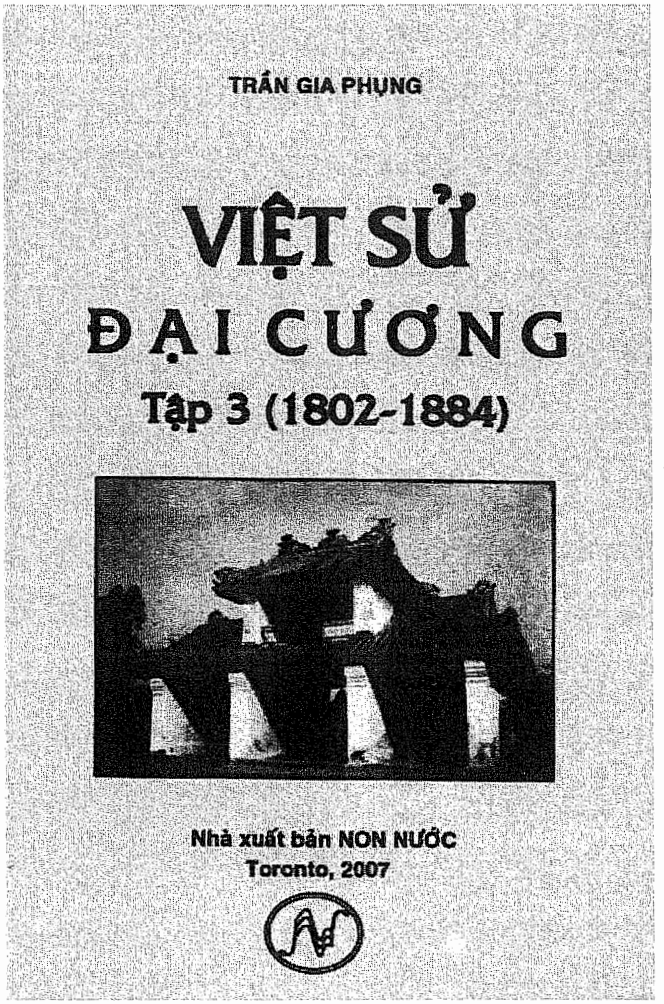

Tài liệu mới về nhà Nguyễn và về việc Pháp bảo hộ Việt Nam
(từ 1802 đến 1884).
Bộ Việt sử cần thiết cho các gia đình Việt Nam.
Giúp thanh thiếu niên tìm hiểu lịch sử dân tộc cận đại.
Sách dày 458 trang, ấn phí 20 đô-la.

Tìm mua ở các hiệu sách
Liên lạc: **(714) 262-4052, phungtrangia@yahoo.com**
P.O. Box 63015, 1655 Dufferin Str.
Toronto, ON. M6H-4H8, CANADA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
Vietnamese American Arts & Letters Association (VAALA)

Trân trọng thông báo:

Hiện nay Hội đang tiến hành dự án xuất bản cuốn sách
NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
của **HUỲNH HỮU ỦY**

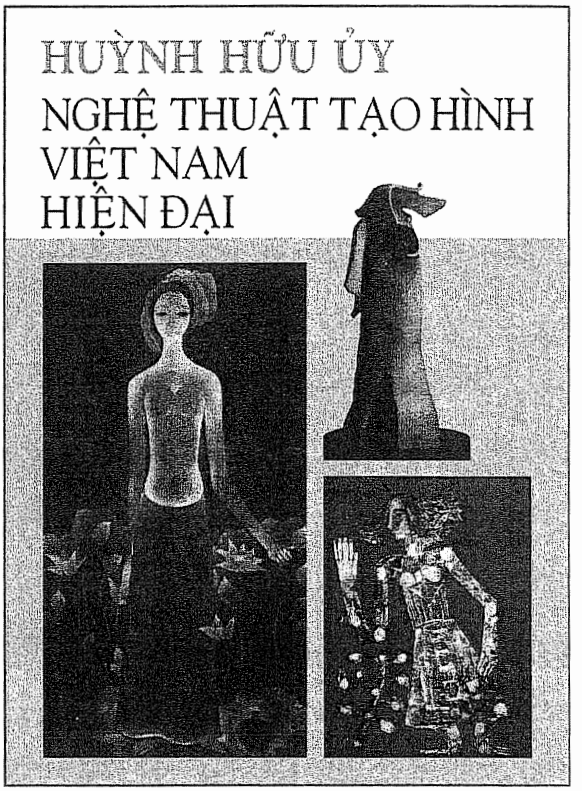

Đây là một công trình nghiên cứu Nghệ Thuật Tạo Hình rất công phu mà soạn giả đã bỏ ra mấy chục năm qua để sưu tầm và nhận định. Đặc biệt, nền Hội Họa và Điêu Khắc của Miền Nam từ 1954 đến 1975 đã được nhà phê bình nghệ thuật Huỳnh Hữu Ủy đặt để đúng vị trí và giá trị của nó trong toàn cảnh nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại.

Vì việc ấn loát một cuốn sách nghệ thuật dày trên 600 trang rất tốn kém, Hội chúng tôi thiết tha kêu gọi sự tiếp tay của toàn thể đồng hương, để cuốn sách –hiện đã xong hoàn toàn công đoạn trình bày, sẵn sàng để ấn loát— được sớm ra mắt.

Chúng tôi kính mời quý vị đặt mua trước cuốn sách để Hội sớm có đủ phương tiện tiến hành việc in ấn:

- Giá sách $60
- Chi phí đóng gói và cước phí: $12

Xin quý vị gửi chi phiếu $72 cho mỗi cuốn, đề tên người nhận VAALA, Ghi chú: Mua sách Nghệ Thuật Tạo Hình, ghi rõ tên và địa chỉ người mua sách, gửi về:

VAALA
14781 Moran Street
Westminster CA 92683
USA

Cần thêm chi tiết, xin quý vị liên lạc:
VAALA (714) 893-6145
E-mail: Vaala_91@gmail.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Nguyễn Hữu Đang và Phùng Quán*,
ảnh: **Nguyễn Công Khanh**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Nguyễn Đình Toán, Hoàng Khoa Khôi,**
Nguyễn Công Khanh, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 216 – Tháng Tư 2007

CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
21. Từ Iraq tới Iran: chưa thấy ánh sáng cuối đường hầm – **Cổ Lũy**
30. Hiện trạng và triển vọng cải tổ hệ thống giao thông tại Việt Nam – **Nguyễn Quốc Khải**
34. Kết quả vụ án Libby – **Nguyễn Anh Tuấn**

NGUYỄN HỮU ĐANG – NHÂN VĂN GIAI PHẨM
8. Hào kiệt – **Ngô Nhân Dụng**
12. Người làm báo Nhân Văn – **Hoàng Khoa Khôi**
39. 1956, Việt Nam, Giai Phẩm, Nhân Văn – **Đặng Tiến**
45. Phong trào NVGP và Giải thưởng Nhà nước: Nhìn dưới góc người đọc – **Nhật Tiến**
49. Bài học lịch sử "Nhân Văn" và "Xét Lại" – **Tiêu Dao Bảo Cự**
67. Cây xương rồng Nguyễn Hữu Đang – **Nguyễn Đặng Bắc Ninh**
73. Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng lễ đài Tuyên ngôn độc lập – **Phùng Quán**
83. Có phải người Mỹ đã quay những thước phim về ngày lễ Độc lập ở Hà Nội ngày 2-9-1945? – **Đặng Nhật Minh**
86. Những người Nhân Văn cuối cùng – **Nguyễn Công Khanh**

CÁC BÀI KHÁC
91. Tuyến đường ga Ấm Thượng – **Nguyễn Tường Thiết**
93. Tôi muốn nhắc: niềm vui là nấm mộ... (*thơ*) – **Du Tử Lê**
99. Cây gạo đầu nhà – **Nguyễn Đức Tường**
101. Huế oan khiên (*thơ*) – **Huy Phương**
102. Nước Úc xa xăm – **Hà Kỳ Lam**
108. Đọc *Chốn Cũ* của Song Thao – **Phạm Xuân Đài**
110. Václav – **Nguyễn Ái Nhân**
113. Nếu tôi có được một bài thơ đẹp (*thơ*) – **Lê Nhiên Hạo**
117. Mê làm thơ lục bát (*thơ*) – **Luân Hoán**

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Hộp thư trị sự
53. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
60. Trang Chuyện Phiếm – **Song Thao**

Lại chuyện viết thư

Mục Bạn Đọc Viết số tháng Ba vừa rồi, có thư của ông Phạm Văn Xuân ở Ohio rất hay. Ông Xuân gợi lên một điều rất đúng là bây giờ hầu như không còn môn viết thư nữa – đó là tôi nói về những "người phàm" như chúng tôi, chứ còn các nhà văn thì tôi không rõ. Thỉnh thoảng lắm, có lẽ một năm độ một vài lần là cùng, bưu điện mới đem đến cho tôi một bức thư đúng nghĩa, tên và địa chỉ của người nhận được viết bằng tay, và bên trong chứa đựng những trang giấy đầy chữ. Đó là những bức thư hiếm hoi của vài người bạn hiếm hoi của tôi, còn ở Việt Nam, mà lại ở tuốt trên vùng cao nguyên, tâm tình với tôi nhiều thứ. Tôi nghĩ phải là người ở núi mới còn khả năng đó, chớ người đô thị thời buổi này chẳng huơn đâu mà viết thư!

Vậy tôi nhận được gì hằng ngày từ thùng thư bưu điện? Toàn là những cái phong bì vô cảm, những hóa đơn, những thư quảng cáo, thư xin tiền của các tổ chức từ thiện... tất cả đều được sản xuất hàng loạt. Nhớ hơn nửa thế kỷ trước có bài hát "Người đưa thư đã đi qua" nói lên cái tâm tình của một thiếu nữ chờ thư của người yêu, tâm tình ấy bây giờ chắc đã được xếp vào viện bảo tàng! Người đang yêu thời nay mà phải chờ thư bưu điện thì... lâu quá, phải trao đổi ngay bằng lời qua điện thoại, hoặc cùng lắm là "chat" trên computer, tình cảm đâu còn rề rà đợi hàng tuần để nhận được mấy dòng chữ!

Hoàng Văn Diêu
(Florida)

Hồi hai

Bài Khai Xuân Thạch Vấn hồi hai (trong số Thế Kỷ 21 tháng Ba, 2007) đã giải tỏa nhiều nghi vấn cho các vị đã dày công đọc và giảng bản chữ Hán của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Chính tác giả đã phiên âm ra quốc ngữ thì còn gì phải nghi ngờ nữa. Thế nhưng khi so bản dịch nghĩa của tác giả Từ Mai và cả của giáo sư Nguyễn Huệ Chi với bài thơ dịch của Vũ Hoàng Chương, tôi vẫn thấy có một chỗ trệch nghĩa. Câu thứ hai "*Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh*" đã được Từ Mai dịch nghĩa là "Vui đùa chúc xuân sang, đêm đẹp gần như ngọc," còn Nguyễn Huệ Chi dịch "Đùa chúc cho phút giao thừa xuân sang, nhiều điều tốt đẹp," hai câu dịch lời lẽ hơi khác nhưng ý gần gần giống nhau. Trong khi đó câu thơ dịch của Vũ Hoàng Chương "*Xuân vào đêm, giữa lòng băng nở quỳnh*" thì ý hoàn toàn khác, nói hoa quỳnh nở trong đêm xuân. Cả hai người, Từ Mai và Nguyễn Huệ Chi khi đọc câu chữ Hán đó đều không hiểu "dạ bán quỳnh" là nửa đêm hoa quỳnh nở, mà hiểu ra một nghĩa khác hẳn, như thế hẳn có lý do. Chúng tôi, những người không rành chữ nho, rất lấy làm thắc mắc vì sự chênh lệch này. Mong quý vị thâm nho giải thích cho.

Khanh Linh *(Internet)*

Hội thảo văn học

Chà, lâu lắm mới thấy một cuộc hội thảo văn học "tầm cỡ" như số báo Thế Kỷ 21 tháng Ba 2007 cho thấy. Hình như từ thời "khai thiên lập địa" của cộng đồng di dân Việt Nam hải ngoại cho tới bây giờ, đây là lần đầu tiên có một biến cố như thế. Mà cũng phải thôi, ba mươi năm là thời gian tối thiểu để nhìn lại xem có thật là có một "nền văn học" thành hình chưa. Và cũng cần một thời gian như thế để làm chín mùi điều kiện vật chất lẫn tinh thần cho người tổ chức lẫn người tham dự. Giữa thời điểm này của cuộc sống di dân, việc một nhà văn bỏ tiền ra mua vé máy bay về tham dự từ các tiểu bang khác của nước Mỹ, thậm chí từ các nước trên thế giới, xem ra cũng không khó khăn mấy. Không hội thảo thì người ta vẫn về Little Saigon chơi đều đều, hoặc về Việt Nam hay đi du lịch các nước khác rất thường xuyên.

Đọc các bài tham luận trên Thế Kỷ 21 tôi thấy rất hay, đúng là nhà văn thì có khác với độc giả bình thường. Họ là nhà sản xuất, mình chỉ là người tiêu thụ, dĩ nhiên họ phải quan tâm đến sản phẩm mà họ làm ra hơn là cánh chỉ lo việc... thưởng thức.

Dù sao một cuộc hội thảo như thế vẫn rất có ích cho mọi người. Lâu lâu nhìn lại đời sống di dân của mình, thấy nhiều sinh hoạt đã trưởng thành không thua gì một quốc gia, thấy cũng... khoái chí lắm chứ!

Lê Quân *(Vancouver)*

Thành tựu và tiềm năng

Thành tựu của một nền văn học thì dễ nhận thấy, vì đó là những cái đã có rồi, tức là sách vở đã được xuất bản. Nói một cách lạc quan như nhà văn Trần Hữu Thục, "thành tựu là những gì ta đã đạt được qua một quá trình thời gian dài," hoặc khó tính như nhà thơ Trần Mộng Tú, chưa có thành tựu, vì đã 30 năm mà văn học hải ngoại chưa có tác phẩm tầm vóc ra đời; dù nói cách nào thì chúng ta cũng đã có một số tác phẩm được xuất bản, thôi thì tạm cho đó là cái vốn ban đầu, gọi là thành tựu hay chưa thành tựu gì cũng được. Điều cụ thể là ba triệu người hải ngoại đã có sách để đọc trong cuộc sống tị nạn của mình.

Nhưng còn tiềm năng? Đó là ẩn số, nhưng có thể tính trước được. Lớp người đang ngự trị văn

đàn hải ngoại bây giờ là lớp một rưỡi, tuổi trong khoảng từ 35 đến 55. Thế hệ viết văn thứ nhất, đã thành danh từ trước 75, nay đang đi vào lứa tuổi trên dưới 80, khả năng viết lách của họ xem như đã chấm dứt. Thế hệ một rưỡi đang thay thế họ, và chắc chắn đây là lớp người cuối cùng có thể viết bằng tiếng Việt ở hải ngoại. Thế hệ thứ hai, học trường bản xứ, nói và viết tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Na Uy... dĩ nhiên không thể có khả năng sáng tác bằng tiếng Việt, vậy tiềm năng không ở lứa tuổi này. Lớp một rưỡi còn có thể viết trong khoảng 30 năm nữa, và sau đó tôi cho rằng nền văn học tiếng Việt ở hải ngoại sẽ hoàn toàn chấm dứt. Nếu tính về tiềm năng thì chỉ nên tính trong thời gian ba thập niên nữa là lạc quan lắm rồi. Nhưng trong thời gian ấy, có thể hai nền văn học trong nước và hải ngoại đã hòa nhập làm một rồi, khỏi phải thắc mắc thành tựu với tiềm năng gì nữa!

Đoàn Công Đính *(New York)*

Về bài Vịnh Tranh Gà Lợn

Liên tiếp trong hai số báo, Thế Kỷ 21 Xuân Đinh Hợi và số tiếp theo, tháng Ba 2007, trong bài viết của mình, tác giả Đặng Tiến đã giới thiệu bài Vịnh Tranh Gà Lợn của Vũ Hoàng Chương. Ông giảng rất kỹ từng câu, từng chữ của bài thơ theo nghĩa đen, nhưng tránh không nói thẳng ngụ ý bài thơ. Trong bài trước, ông viết "Còn ý nghĩa, ngụ ý dí dỏm nhưng thâm trầm của từng câu, từng chữ thì chúng tôi xin miễn giải thích, sợ làm mất cái duyên ngầm của bài thơ." Trong bài sau ông viết: "Dĩ nhiên là bài thơ còn u uẩn nhiều ngụ ý và u uất nhiều tâm sự, chúng tôi xin miễn bình giải nơi đây."

Rõ ràng là có một sự tránh né. Hẳn nhiên tác giả Đặng Tiến có lý do của ông, nhưng không giảng rõ mà chỉ nói bóng gió thì khiến người đọc thấy thiếu, vì chính cái ngụ ý mới là cái chính, mới là lý do để Vũ Hoàng Chương làm bài thơ này. Chứ vịnh suông một bức tranh dân gian thì mất công làm gì!

Tôi xin mạn phép trình bày cái hiểu của tôi về ngụ ý bài thơ. Bài này sáng tác vào dịp Tết Bính Thìn 1976, sau khi quân cộng sản chiếm miền Nam hơn nửa năm. Cả bài thơ mô tả cảnh chiếm đóng ấy.

Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn om sòm rối bức tranh

Đó là cảnh bát nháo trong xã hội vào thời điểm Sài Gòn mới thay đổi chủ. *Gà lợn om sòm* hẳn là cảnh lăng xăng của chính quyền mới và những kẻ "cách mạng 30," cùng sự bất an của xã hội trước các chính sách mới.

Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh?

Hai câu này tả quá hay một xã hội đang bị chính quyền cộng sản ngự trị: "tình báo nhân dân" rình mò nghe ngóng khắp nơi, mọi phát ngôn, kể cả làm thơ, đều có thể tiềm tàng mầm mống tai họa. Và cũng không dám tin ai vào thời điểm ấy, khó biết một người là cộng sản (lòng đỏ) hay là quốc gia phe mình (mắt xanh).

Mắt gà huynh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tấc thành

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau, tiền nhân đã dạy như thế qua ca dao, nhưng những người cộng sản Việt Nam thì mù quáng vì chủ nghĩa, sẵn sàng coi là kẻ thù và tiêu diệt không nương tay những người cùng nòi giống không đồng ý với mình. Trong khi đó những người Việt Nam không cộng sản vẫn giữ lòng thành thực nhân hậu.

Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe rồng ngâm váng khúc tân thanh.

Thôi thôi đời sống tự do đã hết rồi, hãy im lặng mà nghe con rồng của năm mới Bính Thìn 1976 báo hiệu thời kỳ đầy đau đớn "đoạn trường tân thanh" đã bắt đầu.

Tôi cho đây là một kiệt tác của Vũ Hoàng Chương. Và mặc dù không có bằng cớ, tôi tin là chính vì bài thơ này mà nhà thơ đã bị tống vào ngục Chí Hòa. Và đó cũng là bản án tử hình cho ông.

Lưu Mạnh Thuấn
(Tokyo, Japan)

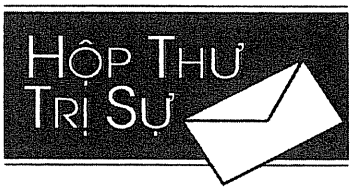

Độc Giả Mới

Hơn Dương – TX; Mr. & Mrs. Khanh Nguyen - WA

Độc Giả Gia Hạn

Nguyen Hao – CA; Võ Văn Điệu – KS; Nguyen Van Long – Germany; Lien G Doan – CA; Joseph Vu – TN; Nguyễn Mỹ – CA; Nham Ta – MN; Thich Minh Duc – CA; Ho Lan Anh – CA; Lam Nguyen – IL; Do Nguyen Thai – CA; Ha Thuc Chu – WA; Vo D Nguyen – WA; Vo Viet Quy – MD; Nguyen Huu Dien – AL; Nguyen Duc Luy – NV; Nguyen D Diem, MD – WA; Phu Nguyen – OR; Nguyen Cong Khai – CA; Ha Thi Minh – CA; Nguyen Thi Chan Quynh – France; Thanh Tran – ID; Bui Trong Chuong – OR; Dinh Van Vu – CA; Trần Trung Lương – Canada; Hoàng Văn Giang – IL; Tuyen Van Ngo, MD – WA; Nguyễn Xuân Hoàng – NJ; Nguyen Han – PA; Trang Thi Việt Hồng – KS; Thu Dinh – DE.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Nguyen Ngoc Lien – TX; Hung Vo – CA.

Hào kiệt

NGÔ NHÂN DỤNG

Giới trí thức và văn nghệ Việt Nam, ở trong nước cũng như ở nước ngoài, đang mở lại hồ sơ Vụ Nhân Văn, Giai Phẩm hồi 1956. Để tìm hiểu và thảo luận tự do, khách quan và rốt ráo, mạng lưới Talawas đang chứa sẵn sáu chục tài liệu khác nhau về vụ này, những bài đã đăng trong Nhân Văn, Giai phẩm cũng như những bài đả kích họ. Đây là một cố gắng đáng ca ngợi, đóng góp không những cho lịch sử văn học mà còn hữu ích cho những người nghiên cứu lịch sử dân tộc Việt Nam sau này. Trong khi đó, đảng CộngSảnViệt Nam vẫn giữ nguyên "bản án kết tội" nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm, như người ta thấy trong đáng tang cụ Nguyễn Hữu Đang. Mà trong tháng qua, đảng Cộng Sản vẫn tiếp tục đàn áp giới trí thức đòi dân chủ tự do trong nước. Chính sách độc quyền tư tưởng của đảng Cộng Sản làm cho sinh hoạt trí thức, văn nghệ ở nước ta tiếp tục lâm vào cảnh trì trệ, nghèo nàn, trong khi các lãnh vực khác đều thay đổi rất nhanh.

Nguyễn Hữu Đang, 1973.

Đám tang của nhà văn Nguyễn Hữu Đang là một cơ hội để giới văn nghệ Việt Nam tưởng nhớ tới ông, cùng những nhà văn, nhà thơ trong nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm. Họ đã bị chế độ đầy đọa và làm hao mòn sinh lực trong những trại lao động cải tạo. Họ phải chấm dứt cuộc sống trí thức, không được viết, hoặc phải viết chui những bài vớ vẩn để làm kế sinh nhai, không được xuất bản, không được quyền suy nghĩ nữa. Bao nhiêu con tim, khối óc bị để cho hao mòn cho đến khi qua đời, như Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Mạnh Tường, và các nhạc sĩ Đặng Đình Hưng, Văn Cao. Tất cả các nhà trí thức trên đều từng tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều người đã gia nhập đảng Cộng Sản, nhưng khi họ nói lên những ý kiến đòi cho văn nghệ, báo chí được tự do, đòi xã hội phải sống theo pháp luật, thì họ bị triệt hạ, bị đầy ải, từ đó không còn cơ hội được sử dụng óc suy xét, trí thông minh và văn tài của họ nữa. Cả một nguồn tài nguyên trí tuệ của dân tộc đã bị hủy hoại, phí phạm trong chế độ Hồ Chí Minh. Chúng ta có thể đọc những hồi ức của Phùng Quán, Trần Dần, những sáng tác của Đặng Đình Hưng, Phùng Cung, Lê Đạt, của cả những nhà văn thuộc thế hệ sau như Bùi Ngọc Tấn để biết tình cảnh các văn nghệ sĩ bị đầy đoạ như thế nào.

Đảng Cộng Sản ở Trung Quốc và Việt Nam đều khinh thường trí thức, chỉ muốn dùng trí thức như những công cụ, ai không đồng ý thì họ tiêu diệt. Trước khi đàn áp nhóm Nhân Văn, Giai Phẩm, chế độ Hồ Chí Minh đã giết rất nhiều nhà trí thức khác. Từ năm 1945 Đảng Cộng Sản đã ra lệnh giết những nhà báo cách mạng như Nhượng Tống, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, vân vân. Đầu năm Đinh Hợi, cách đây đúng 60 năm, nhà văn Khái Hưng đã bị cán bộ cộng sản giết rồi ném xác xuống sông mất tích. Tất cả những người này đều là những người chính trực, trong sạch,

nhiệt thành yêu nước; họ đều muốn dùng trái tim khối óc góp phần xây dựng cho một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do. Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Khái Hưng đã về quê sống như một người dân bình thường, sẵn sàng tham gia cuộc kháng chiến chống quân Pháp. Nhưng vì trong hơn một năm ông đã viết báo chỉ trích các chính sách của Hồ Chí Minh, đặc biệt là những lần Hồ Chí Minh ký kết thoả hiệp với Pháp để cho cộng sản rảnh tay tiêu diệt các nhóm chống Pháp khác trong thành phố Hà Nội cũng như trong các chiến khu của họ, cho nên dù tất cả các lực lượng không cộng sản đã tan rã, Khái Hưng đã phải ngưng làm báo, về quê vợ mà sống, ban ám sát của ông Hồ vẫn theo chân, bắt, giết và thủ tiêu cả thi hài của ông. Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm không chấp nhận những chủ trương, chính sách của Stalin, người mà Hồ Chí Minh vẫn coi như vị thánh sống "không bao giờ lầm," cho nên họ bị giết.

Đến thế hệ sau, những Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Mạnh Tường, Trương Tửu, Trần Đức Thảo và Nguyễn Hữu Đang đều từng chấp nhận đi theo đảng Cộng Sản vì nhu cầu đoàn kết trong thời gian kháng chiến chống Pháp, không ai chống đối. Nhưng sau cùng họ vẫn bị triệt hạ, chỉ vì họ mong muốn người Việt Nam, giới trí thức Việt Nam được sống tự do hơn, suy nghĩ và phát biểu tự do hơn. Trong khi đó, đảng Cộng Sản chỉ muốn độc quyền cai quản từ miếng cơm, manh áo cho đến ý kiến, tư tưởng của tất cả mọi người dân. Điều này đã được ông Nguyễn Hữu Đang trình bầy trong bài trả lời một giáo sư ngoại quốc về phong trào Nhân Văn, Giai Phẩm.

Cuối tháng 11 năm 1998, sau khi đã được phép về sống ở Hà Nội, ông Nguyễn Hữu Đang giải thích những nguyên nhân sâu xa của vụ Nhân Văn Giai Phẩm cho nhà nghiên cứu trên nghe. Ông tóm tắt trong hai điều. Thứ nhất là nhóm Nhân Văn Giai Phẩm chống lại chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao Trạch Đông, mà đó là những thứ mà đảng Cộng Sản Việt Nam rất tin tưởng trong thời gian này. Ông cho biết những người đi kháng chiến chống Pháp đã chấp nhận "chế độ chuyên chính," như một biện pháp bất đắc dĩ phải dùng trong một thời gian ngắn, để củng cố chính quyền mới lập. Nhưng sau khi đảng Cộng Sản nắm quyền trên một nửa nước Việt Nam, vào năm 1956 thì chế độ chuyên chính "đã trở thành chế độ cực quyền, toàn trị." Ông mô tả chế độ cực quyền, "trong đó con người bị cưỡng bức toàn diện, triệt để, nhiều khi tàn nhẫn đến vô nhân đạo, phi nhân văn, biến con người bị trị thành nô lệ của một tập đoàn thống trị ... hành động ... phản tiến hóa." Đó là những lời kết tội rõ ràng nhất về tất cả chế độ độc quyền toàn trị, một di sản do Hồ Chí Minh để lại.

Sau khi dân Việt Nam đã phải sống trong chế độ cực quyền này hơn một thế hệ, chúng ta mới thấy những suy nghĩ của các nhà trí thức trong Nhóm Nhân Văn Giai Phẩm lúc đó là đúng. Họ đã trông thấy trước, từ năm 1956, là chế độ cực quyền, toàn trị này "nó sẽ kéo dài không thời hạn." Vì thế mà sau khi khi quân Việt Minh về Hà Nội được hai năm, những nhà văn, nhà báo, trí thức trong nhóm này đã mở cuộc tấn công vào guồng máy điều khiển văn nghệ, báo chí của đảng Cộng Sản. Họ không hề chống lại độc quyền chính trị của đảng Cộng Sản. Họ không hề phê bình các chính sách kinh tế, xã hội sai lầm. Họ chỉ dám đặt vấn đề tự do cho người trí thức trong phạm vi nhỏ hẹp là sinh hoạt văn nghệ. Họ biết, chỉ khi nào các nhà văn, nhà báo, giới trí thức được tự do thì mới có tiếng nói bảo vệ tự do cho mọi người dân.

Chính quyền cộng sản đã vu cáo cho nhóm Nhân Văn Giai Phẩm là gián điệp của miền Nam Việt Nam, hoặc vu cáo là những người trong nhóm này chỉ muốn tranh giành địa vị lãnh đạo văn nghệ với các tay chân của đảng Cộng Sản như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi. Những lời giải thích mà Nguyễn Hữu Đang nói ra năm 1998 cho thấy động cơ chính của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm. Họ đã nhìn thấy mối nguy hại cho tương lai dân tộc nếu chủ trương cực quyền toàn trị kiểu Stalin và Mao Trạch Đông tiếp tục được Hồ Chí Minh tiếp tụng sử dụng tại nước ta. Ngày nay thì ai cũng thấy nó tai hại thế nào, nhưng năm 1956 mà những người trí thức ở miền Bắc đã nhìn thấy trước những điều đó, thật đáng khâm phục.

Nguyên nhân thứ nhì phát sinh vụ Nhân Văn Giai Phẩm đã được Nguyễn Hữu Đang nêu lên trong cuộc phỏng vấn trên là từ mấy năm cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, nhiều người trí thức, văn nghệ đã có tư tưởng chống đối các chiến dịch "chỉnh huấn" và "cải cách ruộng đất" của đảng Cộng Sản. Trong lúc cần đoàn kết toàn dân để đánh Pháp, Hồ Chí Minh đã mở ra những chiến dịch trên để đàn áp

những người bất đồng ý kiến ngay trong hàng ngũ kháng chiến, kể cả các đảng viên đảng Cộng Sản. Rồi sau đó các cố vấn Trung Cộng sang nước ta dậy cán bộ cộng sản tổ chức đấu tố, giết mấy chục ngàn người. Cả hai chiến dịch này đều làm theo khuôn mẫu của Mao Trạch Đông, những vụ tố khổ nhiều khi được các cố vấn Trung Cộng tới tận địa phương chỉ đạo trực tiếp, khi đội cải cách tìm được ít địa chủ quá thì các cố vấn dậy "đôn" lên cho đủ. Khi ông Hồ ngần ngại không muốn giết một người đàn bà thì có cố vấn Trung Cộng dậy: Cọp đực, cọp cái, cọp nào cũng ăn thịt người. Gần đây, nhà văn Tô Hoài mới dám đưa ra tiểu thuyết Ba Người Khác trên mạng lưới Talawas, một tác phẩm mô tả cảnh đấu tố dã man trong thời gian này. Nhưng trong những năm từ 1953 chắc ông đã thấy mình có bổn phận phải ghi lại các hình ảnh về tội ác của đảng Cộng Sản đối với những người nông dân Việt Nam. Ông đã làm đúng trách nhiệm của một nhà văn, người làm chứng cho lịch sử suốt nửa thế kỷ.

Nguyễn Hữu Đang và Văn Cao (Hình Nguyễn Đình Toán - Hà Nội.)

Nguyễn Hữu Đang cho biết các tư tưởng ngấm ngầm chống đường lối cộng sản đã có từ trước năm 1954. Tới khi hòa bình, "gặp hoàn cảnh thuận lợi, nó nổ bùng ra thành động cơ sôi nổi của một cuộc đấu tranh mãnh liệt trong nội bộ dân tộc Việt Nam." Ông gạch dưới nhấn mạnh hai chữ "nội bộ" trong bản viết tay. Đó là một cách phủ nhận những lời vu cáo của cộng sản, gán cho nhóm Nhân Văn Giai Phẩm là gián điệp, làm theo lệnh người ngoại quốc. Hoàn cảnh thuận lợi mà Nguyễn Hữu Đang nhắc đến là vụ nổi dậy của nhân dân Hungary, tháng 10 năm 1956, lật đổ một tổng bí thư đảng Cộng Sản – nhưng sau đó bị quân Nga đàn áp và tiêu diệt. Nguyễn Hữu Đang coi biến cố Nhân Văn Giai Phẩm là một "cái mốc đánh dấu bước chuyển tiếp từ giai đoạn đấu tranh dành độc lập sang giai đoạn đấu tranh đòi tự do." Ông nhấn mạnh, "Trước mắt, nó là nguyện vọng cao cả của nhân dân."

Đến năm 2007 này, nguyện vọng đòi tự do vẫn còn nguyên, vẫn đang được giới trí thức Việt Nam nung nấu. Đọc lại những lời phân tích của Nguyễn Hữu Đang, chúng ta hiểu rằng ước nguyện đòi dân chủ tự do của dân Việt Nam lúc nào cũng có. Sau năm 1956, đảng Cộng Sản đã đàn áp dã man các nhà trí thức và văn nghệ sĩ miền Bắc. Đọc lại những hồi ký và sáng tác như của Phùng Quán, Trần Dần, Phùng Cung, mới xuất bản sau này, chúng ta thấy cả một thế hệ những con người tài ba, trí tuệ phải sống hao mòn, không đủ cơm ăn áo mặc. Những hồi ký của Bùi Ngọc Tấn, Tô Hoài, cũng là những chứng tích cho lịch sử phán xét chế độ cực quyền toàn trị đối với các nhà văn nghệ. Biết bao tinh hoa của dân tộc Việt Nam đã bị hủy hoại, bị uổng phí, vì chủ trương cực quyền, toàn trị của Stalin, Mao Trạch Đông được Hồ Chí Minh trung thành áp dụng ở nước ta. Bị các nhà trí thức nhóm Nhân Văn Giai Phẩm cưỡng lại và tố cáo chính sách đó, cho nên đích thân Hồ Chí Minh đã kết án họ. Ông nói, "Nhân Văn Giai Phẩm là những hạt giống xấu mọc trên những tư tưởng

lạc hậu." (trích trong sách của Tố Hữu, "Xây dựng một nền văn nghệ lớn ..." nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội, 1973, trang 216).

Nhưng bây giờ mọi người đều công nhận, Nhân Văn Giai Phẩm đã gieo những hạt giống dân chủ tự do đầu tiên trong lòng những người phải sống dưới chế độ cộng sản ở Việt Nam. Đó là những tư tưởng tiến bộ nhất của nhân loại, và ngày nay những hạt giống đó vẫn tiếp tục nẩy mầm. Như Phùng Quán vinh danh ông, Nguyễn Hữu Đang xứng đáng được gọi là một bậc hào kiệt. Những điều mà Mạnh Tử mô tả bậc đại trượng phu, ông đã gồm đủ: Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất (Sống giầu sang mà không xa xỉ, bị nghèo khó cũng không thay đổi, gặp sức mạnh không chịu quỳ gối). Trong một bài của Nguyễn Bản, đăng trên talawas, ông Bản nhắc lại lời của một người bạn, ông Nguyễn Văn Khỏa, kể rằng trong thời gian làm Nhân Văn Giai Phẩm, Nguyễn Hữu Đang đã "xin phép quốc hội tổ chức biểu tình đòi tự do dân chủ." Lập tức, trùm văn nghệ cộng sản Tố Hữu và Tổng bí thư Trường Chinh lần lượt gọi ông tới yêu cầu hủy bỏ dự định biểu tình. Ông không nghe, cho nên bị bắt. Cuộc đời ông sau đó gồm 18 năm tù ở những trại kinh hoàng nhất miền Bắc như trại Cổng Trời, nơi đã giam giữ nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, nhà văn Kiều Duy Vĩnh, vân vân. Sau đó là 20 năm tù giam lỏng ở một làng quê ở Thái Bình, sống nghèo khó rách rưới hơn một người ăn mày. Nhưng tinh thần ông vẫn điềm nhiên, chí khí ông vẫn bất khuất, như Phùng Quán đã mô tả trong thiên ký sự viết năm 1992 mà khi đọc ai cũng muốn nhỏ lệ cúi đầu khâm phục. Đúng là một bậc hào kiệt. Dân tộc Việt Nam mỗi thời vẫn thường sinh ra hàng triệu những con người hào kiệt như vậy. Phan Văn Hùm, Tạ Thu Thâu, Khái Hưng đã bị cộng sản giết. Trần Dần, Phùng Quán, Nguyễn Mạnh Tường, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Hữu Đang vì lòng yêu nước mà phải đi theo Cộng Sản để kháng chiến, rồi cũng bị trù dập, cuộc sống bị hủy hoại, tài năng bị bỏ phí. Chỉ vì họ là những tay hào kiệt không khuất phục.

Thế bây giờ đảng Cộng Sản đã "đổi mới" hay chưa? Chúng ta thấy những chứng cớ là họ chưa hề thay đổi. Kinh tế nhiều thành phần, nhưng văn hóa tư tưởng thì vẫn là độc quyền của một nhóm người với cái vốn hiểu biết thấp nhất nước. Một nhà báo như cô Kim Hạnh chỉ đăng lại một bản tin trên báo Pháp về chuyện ông Hồ Chí Minh đã có vợ khi sống nhiều năm ở Pháp (như một người đàn ông bình thường) nhưng đảng Cộng Sản đã cách chức tổng biên tập báo Tuổi Trẻ của cô. Nhà văn Bùi Ngọc Tấn in xong cuốn Chuyện Kể Năm 2000 rồi vẫn bị tịch thu. Những nhà trí thức như Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Mai Thái Lĩnh chỉ bầy tỏ ý kiến về những vấn đề văn hóa, xã hội một cách ôn hòa, đều bị bắt bớ rồi quản thúc. Luật sư Nguyễn Văn Đài muốn tranh đấu cho quyền lợi giới lao động, cùng với Kỹ sư Đỗ Nam Hải đòi bầu cử tự do, đều bị bắt bớ, giam cầm. Tệ mạt nhất là chế độ cực quyền cộng sản đã làm áp lực với cha mẹ già của Đỗ Nam Hải khiến cho anh phải ký giấy cam kết ngưng tranh đấu. Họ chỉ tiếp tục truyền thống bất khuất của người trí thức Việt Nam, noi gương những Chu An, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Châu Trinh.

Đảng Cộng Sản không những tiếp tục đàn áp giới trí thức muốn suy nghĩ độc lập bây giờ, họ còn xác định vẫn giữ nguyên chủ trương cực quyền toàn trị mà Hồ Chí Minh đã thi hành với những người trong quá khứ, như nhóm Nhân Văn Giai Phẩm ngày xưa. Khi đại diện chính quyền cộng sản tới đọc bài điếu văn trước thi hài Nguyễn Hữu Đang, người thay mặt đảng và nhà nước vẫn không quên kết tội lần nữa, rằng cụ đã "mắc sai lầm tham gia nhóm Nhân Văn Giai Phẩm!" Đối với một người mới chết mà họ cư xử như vậy đó!

Trong thế giới của loài người sống văn minh, những người có tình thương và có hiểu biết, chúng ta không hiểu nổi tại sao trong tang lễ một người vừa nằm xuống, một cụ già 94 tuổi mới qua đời, mà người ta lại nhắc lại những lời vu cáo, kết tội từ 50 năm trước! Những người biết phép lịch sự tối thiểu không ai đi viếng tang mà mở miệng nói xấu, lên án người quá cố như vậy. Chẳng khác gì khi đại diện đảng Cộng Sản đến viếng tang Trung tướng Trần Độ, họ cũng kể tội ông đã mất lập trường! Những lời "thiếu giáo dục" đó khiến ngay giữa đám tang các con ông Trần Độ cũng phải bầy tỏ lòng tức giận.

Các nhà trí thức trong nước chắc không nổi giận khi nghe những lời lỗ mãng nói về Nguyễn Hữu Đang của đại diện cái bộ gọi là "giáo dục" của chính phủ Nguyễn Tấn Dũng. Người ta khinh.

Người Làm Báo "Nhân Văn"

HOÀNG KHOA KHÔI

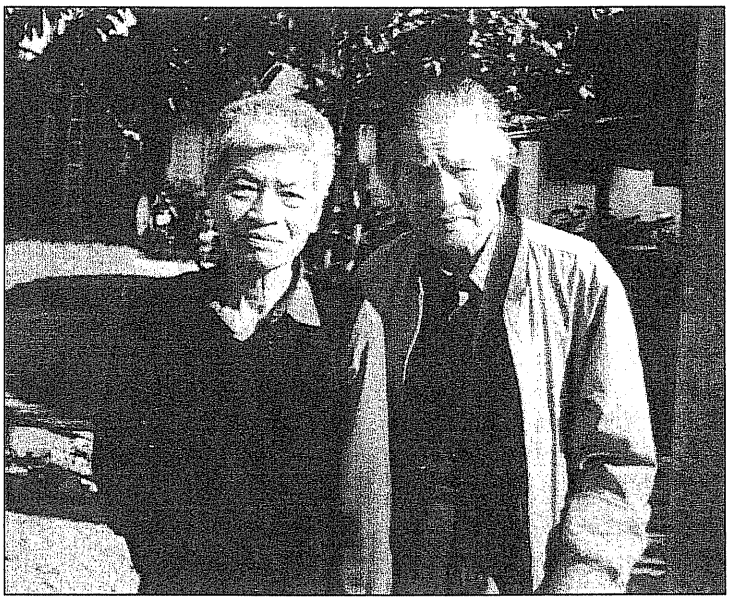

Tác giả Hoàng Khoa Khôi (phải) và Nguyễn Hữu Đang - 1994

LTS. *Hoàng Khoa Khôi sinh năm 1917 tại Nam Định, năm nay ông lên thượng thọ 90 tuổi. Ông học hết Ban Thành chung tại tỉnh nhà. Năm 1939, Pháp trưng dụng người Việt sang Pháp làm lính thợ không chuyên (ONS), ông đăng ký đi theo làm thông dịch với dụng ý sang Pháp sẽ từ nhiệm để tranh đấu cho nền độc lập xứ sở. Thực thi ý nguyện đó, ông cùng các anh em lính thợ, thành lập những nhóm hoạt động theo khuynh hướng Trostkyste (Đệ tứ Quốc tế). Nhóm này vẫn tiếp tục hoạt động cho đến ngày nay và Hoàng Khoa Khôi vẫn là một cánh chim đầu đàn.*

Họ chủ trương Tủ sách Nghiên cứu, đã xuất bản Cuộc cách mạng bị phản bội *(Trotsky, 1936 - bản dịch 1993);* Tờ trình bí mật của Khrushchev về Stalin *(1956, bản dịch 1994);* Người Việt ở Pháp 1940 - 1954 *(Đặng Văn Long, 1997),* Đời tôi *(tự truyện 2 tập của Trotsky, 1929, bản dịch 1998-1999);* Lenin - Con người, Cuộc đời và Sự nghiệp *(Nguyễn Văn Liên, 1998);* Văn học và Cách mạng *(Trotsky, 1924 - bản dịch 2000) và* Nhìn lại 60 năm tranh đấu cho Việt Nam *(Hoàng Khoa Khôi chủ biên, xuất bản tại Hoa Kỳ, 2004). Ngoài ra, còn có các tập* Hồ sơ Đệ tứ *(1, 2) và nhiều tài liệu viết bằng tiếng Pháp đăng trong tập san* Chroniques Vietnamiennes, *hiện nay là tư liệu hiếm quý.*

Năm 1994, Hoàng Khoa Khôi đã "chui" về được Việt Nam lần đầu (và có lẽ là lần cuối), và gặp nhiều nhà văn độc lập và đối lập - mà ông đã bí mật hỗ trợ trong nhiều thập niên.

Phong trào lính thợ 1939 đã là cơ hội xuất dương cho nhiều nhân vật tài danh: họa sĩ Lê Bá Đảng, nhạc sĩ Đan Trường, nhà điện ảnh Phạm Văn Nhận, các nhà văn Đặng Văn Long, Nguyễn Văn Liên.

*

Thời gian trôi thật nhanh, thờ ơ với mong muốn của tôi là muốn sống với thành phố và con người Hà Nội lâu hơn nữa. Đã sắp đến lúc tôi phải lên đường vào thành phố Hồ Chí Minh, để từ đó đáp máy bay trở về châu Âu xa xôi. Biết mình bất lực trước thời gian, nên tôi vội vã như chạy đua với nó.

Vào buổi sáng sau hôm tôi gặp anh Lê Đạt, một anh bạn quen đã thuê "trọn gói" (tức là thuê cả chuyến vừa đi, vừa về) một chiếc tắc

xi cho tôi để tôi đi gặp anh Nguyễn Hữu Đang, người cách đây gần bốn mươi năm đã bị bắt giam và bị kết án tù trong vụ án "Nhân văn - Giai phẩm." Vì có việc riêng, hôm đó anh bạn cùng về Việt Nam với tôi từ châu Âu không đi cùng tôi. Chúng tôi tạm chia tay nhau, "anh đi đường anh, tôi đi đường tôi," hẹn chiều tối gặp lại nhau ở khách sạn.

Sáng nay tôi không nghe thấy tiếng rao bán hàng như thường lệ với chữ "đây" buông dài ở cuối câu, nghe như chữ "đơi". Thoáng bâng khuâng, tôi bỗng phát hiện một điều, thì ra tôi nặng tình với Hà Nội hơn tôi tưởng. Có ai đó đã bảo tôi rằng, nếu anh đã từng là người sống ở Hà Nội lâu năm, thì chỉ cần trở lại Hà Nội mấy hôm thôi và chịu khó "lê la" các hang cùng ngõ hẻm của mảnh đất 36 phố phường này một chút, anh sẽ cảm thấy anh hội nhập ngay với nhịp sống và con người Hà Nội. Cái cảm giác "kiều" trong anh sẽ thực sự biến mất. Ngẫm nghĩ, tôi thấy điều anh nói cũng đúng. Tôi không phải là một nhà tâm lý học hay di truyền học, nhưng tôi ngờ rằng con người có khả năng lưu giữ một cách bản năng những thông tin thuộc về cội nguồn, về đất nước - nơi mình đã sinh ra và lớn lên. Tất nhiên, đây là thông tin về tâm lý và sinh học mà người ta quen gọi nôm na là "dấu ấn." Nếu nói theo cách nói của các nhà nghiên cứu di truyền thì nhiễm sắc thể ADN trong dòng máu Việt của tôi vẫn chưa bị "phân chia" sau mấy mươi năm xa Tổ quốc.

Anh lái xe tắc xi nhoẻn miệng cười khi nhìn thấy tôi từ cửa khách sạn ra. Hai chúng tôi chào nhau, rồi cùng bước lên xe. Anh nổ máy, nhấn chân ga. Chiếc xe lăn bánh, rời vệ đường. Sau khi quành ngang, rẽ dọc qua các đường phố, chiếc xe bám theo con đường dẫn ra ngoại thành. Nhà cửa hai bên đường thưa thớt dần, nhường chỗ cho những rặng cây xanh thẫm, um tùm. Tôi mải mê và tò mò ngắm nhìn quang cảnh ở bên ngoài đang chạy nhanh qua ô cửa xe. Ngoại thành Hà Nội, dĩ nhiên, đã thay đổi quá nhiều so với hồi tôi còn ở nhà. Bây giờ ở đó nhộn nhịp hơn, màu sắc hơn vì được điểm xuyến bằng những ngôi nhà xanh xanh, hồng hồng mới được xây cất và không dễ phân định kiến trúc của chúng thuộc trường phái nào mà tôi đã từng biết. Vùng đất nửa quê, nửa tỉnh này đã có dây điện giăng ngang ngọn cây, có tiếng nhạc "pop - top trong năm" ngồn ngộn âm thanh của bộ gõ và hối hả những giai điệu, xập xình phóng ra từ các dàn loa xịn, xen với tiếng gà cục tác, tiếng chó sủa chốc chốc vang lên. Lẫn với mùi ẩm của đất, mùi hoa lá xung quanh, tôi còn ngửi thấy thoang thoảng mùi khen khét của khí thải từ các ống "bô" sáng loáng của những chiếc xe máy Dream, hoặc Cub, với tiếng động cơ ròn tan, râm ran đây đó. Thấp thoáng sau những rặng cây ô-rô cao ngang tầm mắt là những mái nhà lợp giấy dầu đã bợt thếch, đôi chỗ có cả mái rạ, mái cọ lẫn với mái ngói đỏ au, mái bằng sáng vôi mới. Không biết có phải vì chưa quen mắt không, chứ tôi chưa thể phân biệt được người ngoại thành với người nội thành, nhất là các cô gái trạc đôi mươi. Các cô thôn nữ cũng "mắt xanh, môi đỏ," da không mấy vương hạt nắng, cũng uyển chuyển thướt tha như ai. Có thể tôi chưa gặp những con người lam lũ hơn, vì quang cảnh vùng ngoại thành chỉ vụt đến, rồi vụt đi theo tốc độ xe chạy.

Vì mải nghĩ, nên một lát sau tôi mới nhận ra anh lái thật ít lời. Suốt dọc đường, anh chỉ nói với tôi những câu thật cần thiết. Có thể anh cũng đang mê mải với những ý nghĩ của riêng anh?

Anh lái giảm tốc độ, đánh tay lái đưa xe vào một con đường hẻm. Mặt đường không trải nhựa, hai bên không có vỉa hè, mà là những mô đất nhỏ, vương vãi những viên gạch vỡ lẫn trong những đám cỏ gà cằn cỗi, mọc lan tới tận chân tường của những ngôi nhà. Sau hai lần rẽ, chiếc xe dừng lại bên đường, trước một ngôi nhà gác. Tôi vừa đặt một chân xuống đường, thì một anh thanh niên chừng ngoài ba mươi tuổi bước tới chào tôi và hỏi: "Bác tới thăm chú Đang phải không ạ?" Tôi gật đầu đáp: "Vâng!" Nghe tôi nói vậy, anh vội mở hẳn cửa xe, nắm lấy tay tôi và dắt tôi đi nhanh vào một ngôi nhà bên cạnh. Tôi chưa kịp nhận ra bên trong ngôi nhà đó ra sao, thì anh đã dắt tôi lên cầu thang dẫn lên tầng trên. Lên tới nơi, tôi gặp ngay anh Nguyễn Hữu Đang đang ngồi đợi tôi. Anh đứng dậy, mỉm cười nắm tay tôi, rồi thân mật mời tôi ngồi. Tôi tự giới thiệu tôi với anh. Anh khẽ gật đầu và nói, anh đã được biết về tôi. Cách đây mấy chục năm, ở nước ngoài tôi đã nghe, đã đọc thấy tên tuổi của anh gắn chặt với vụ án "Nhân văn - Giai phẩm" rồi. Nay, tôi mới có dịp gặp anh, pho sách sống về những tháng ngày đầy biến cố đó.

Theo bản "Sơ yếu lý lịch" của Nguyễn Hữu Đang, anh sinh ngày 15 tháng 8 năm 1913, vậy là năm nay anh đã 82 tuổi. Tuy gầy gò, vóc

người nhỏ bé và gương mặt hằn sâu nhiều nét khắc khổ, nhưng nhìn anh, tôi không nghĩ anh đã nhiều tuổi như thế. Tóc anh bạc nhiều, nhưng cũng lạ, mái tóc cứng đó vẫn còn khá nhiều sợi đen. Nhìn anh, tôi thoáng nhớ đến ông anh cả đã quá cố của tôi. Chỉ khác là cuộc đời Nguyễn Hữu Đang được nhiều thăng trầm quá.

Tiết trời hơi lạnh, nên ở trong nhà anh Đang vẫn mặc hai áo. Hai tấm áo sơ-mi được mặc lồng với nhau, trông như khoác vội. Chiếc áo bên ngoài màu sáng, không cài khuy ngực và khuy măng-séc, có vẻ mới hơn nhiều so với chiếc bên trong màu nâu. Chiếc quần màu xanh cổ vịt anh mặc cũng khá mới, khiến tôi nghĩ có lẽ bộ quần áo mới đó là bộ "đại lễ" anh dùng để tiếp khách. Trông anh bảnh hơn nhiều so với Nguyễn Hữu Đang "*đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thủng be bét, quần lao động màu cháo lòng...*" mà Phùng Quán đã mô tả cách đây ba năm (1). Nhìn một người có dáng dấp một ông cụ chất phác từ nông thôn ra tỉnh như anh, khó có thể nghĩ rằng anh là người đã được ông Hồ Chí Minh, lúc đó chủ tịch Chính phủ Lâm thời, giao cho nhiệm vụ Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập mùng 2 tháng 9 năm 1945. Sau này, báo chí, đài phát thanh và truyền hình thường lặp đi lặp lại quang cảnh buổi lễ trọng đại đó với hình ảnh ông Hồ Chí Minh đứng trên lễ đài, đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập" bằng chất giọng pha tiếng Nghệ An. Nhưng ít ai biết rằng, tác giả bản vẽ thiết kế lễ đài đó là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh và nó đã được anh Nguyễn Hữu Đang thay mặt Ban tổ chức Ngày Độc lập ký duyệt, rồi giao cho anh Quỳnh và họa sĩ Lê Văn Đệ thực hiện. Trong vòng có hai ngày, lễ đài đã được hoàn thành (2).

Với giọng chậm rãi, rành rọt, anh kể với tôi về cuộc đời đầy lao lung, nhưng cũng đầy hào hùng của anh. Nghe anh nói, những gì tôi đã biết về anh lại hiện lên trong óc tôi. Năm 1929, Nguyễn Hữu Đang đã tham gia Học sinh hội, một tổ chức thuộc Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội và sau này trở thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Vì thế, năm 1930, anh đã bị tổng đốc Vi Văn Định, vị quan khét tiếng của chính quyền thực dân, bắt giam hai tháng rưỡi trong nhà giam thị xã Thái Bình. Năm 1931, anh và nhiều người yêu nước khác đã bị chế độ thực dân xét xử. Nhưng vì chưa đến tuổi thành niên (trên giấy tờ anh đã khai rút tuổi xuống để vào học trường Pháp - Việt), nên anh chỉ bị quản thúc tại quê. Trong những năm 1932 - 1936, anh học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Sau đó, tham gia Mặt trận Dân chủ Đông Dương, làm biên tập viên của các báo "Thời Báo", "Ngày Mới" và báo "Tin Tức", "Đời Nay" của Đảng Cộng sản Đông Dương cùng với các ông Đặng Xuân Khu (tức ông Trường Chinh), Trần Huy Liệu, v.v... Trong những năm 1938 - 1945, Nguyễn Hữu Đang đã tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ cùng các ông Võ Nguyên Giáp, Đặng Thái Mai. Cuối năm 1945, anh là thứ trưởng Bộ Thanh niên. Ngoài ra, anh còn kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác của phong trào cách mạng lúc bấy giờ. Tuy đã tham gia vào nhiều hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương, nhưng mãi đến năm 1947 Nguyễn Hữu Đang mới được "truy nhận" là đảng viên chính thức từ năm 1943. Việc truy nhận này do hai ông Nguyễn Khánh Toàn và Xuân Thủy tiến hành theo sự ủy nhiệm của ông Trường Chinh, lúc đó là Tổng bí thư của đảng. Vẫn theo bản "Sơ yếu lý lịch" của anh, từ năm 1937 - 1939, anh đã hoạt động như một đảng viên cộng sản và được tổ chức đảng mặc nhiên coi là đảng viên, chỉ có việc kết nạp anh vào đảng là "*chưa được tiến hành theo đúng nguyên tắc, điều lệ của đảng.*"

Thế nhưng, người đảng viên cộng sản được kết nạp muộn màng đó lại là một trong những người sớm nhìn thấy những khuyết tật to lớn của đảng, dẫn đến những sai lầm quá tải trong cải cách ruộng đất, trong chỉnh huấn vào những năm 1953 -1956 và nhiều sai lầm về sau này. Căn nguyên là do những người cộng sản Việt Nam đã chịu ảnh hưởng quá nặng nề của chủ nghĩa Stalin và chủ nghĩa Mao. Chỉ cần đảo qua lĩnh vực văn nghệ cũng đủ thấy điều đó. Cảm kích trước sự qua đời của ông Stalin, bị thế giới gọi là kẻ "độc tài đỏ", ông Tố Hữu (phụ trách công tác tuyên huấn của đảng lúc đó) đã viết những câu thơ như sau:

Bữa trước mẹ cho con xem ảnh
Ông Stalin bên cạnh nhi đồng
Áo ông trắng giữa mây hồng
Mắt ông hiền hậu, miệng Ông mỉm cười

Stalin! Stalin!
Yêu biết mấy, nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin! (3)

Dù có cho rằng đấy là tình cảm thật sự của ông Tố Hữu đi nữa, thì cũng khó che giấu được

sự thái quá và khá sượng, thể hiện một sự lệ thuộc sâu sắc vào bên ngoài về mặt tư tưởng.

Anh Đang cho những sai lầm của đảng là "*bệnh ấu trĩ tả khuynh*." Căn bệnh đó đã dẫn tới sự phân liệt về chính trị thể hiện qua hàng loạt những chủ trương chính sách thấm đậm tính giáo điều, ấu trĩ. Hơi xuống giọng một chút, Nguyễn Hữu Đang nói về nguyên nhân khiến lòng tin của anh đối với đảng bắt đầu lung lay trong những năm tháng đó như sau: "*Ban Tuyên huấn Trung ương đảng có đưa ra một thông tri khẳng định những đảng viên thuộc giai cấp tiểu tư sản là không đáng tin cậy lắm, cần phải cảnh giác, vì giai cấp tiểu tư sản rất bấp bênh, dễ thì làm, khó thì bỏ và không trung thành.*" Đó là một trong những quan niệm cực đoan, quá tả về chuyên chính vô sản, về đấu tranh giai cấp của đảng cộng sản ở Việt Nam. Chính Lenin đã đánh giá một đảng có tư duy giáo điều như vậy là "*đảng chuyên chính của lãnh tụ*" và "*nó chứng tỏ một tư tưởng hồ đồ tới mức không thể tưởng tượng được và không thể cứu vãn được*" (4). Nói một cách cụ thể hơn, đảng đó đã bộc lộ những triệu chứng cho thấy đảng không hoàn toàn là tổ chức chính trị của dân như đảng vẫn nói. Anh Nguyễn Hữu Đang nói tiếp: "*Sau đó mấy tháng, tôi có dự tính một cuộc chỉnh huấn. Trước khi vào chỉnh huấn, tôi biết là tôi sẽ phải bộc lộ thành phần của tôi là tiểu tư sản trí thức. Tôi sẽ phải nhận không biết là bao nhiêu khuyết điểm do tôi thuộc thành phần đó. Nào là giao động, bấp bênh, v.v... Từ đó, tinh thần hăng hái của tôi kém đi nhiều.*" Tình hình giống hệt như ở Trung Quốc cũng vào thời gian này. Một cuộc đấu tranh giai cấp triệt để và tàn bạo đã được phát động trong toàn xã hội.

Những điều phi lý và bất công nói trên cộng với sai lầm của đảng trong cải cách ruộng đất đã tác động mạnh vào tư tưởng những người cộng sản trung thực như Nguyễn Hữu Đang. Anh đã định xin ra khỏi đảng. Tôi không coi đây là cái "bấp bênh" của giới trí thức. Anh hoàn toàn có quyền trăn trở, khi những gì anh tưởng là tốt đẹp đã và đang diễn ra không đúng với sự mong mỏi của anh và của biết bao người khác lúc đó. Anh thổ lộ ý định này với người đã kết nạp anh vào đảng là ông Nguyễn Khánh Toàn. Ông Toàn khuyên anh không nên làm việc đó.

Tuy không xin ra khỏi đảng nữa, nhưng Nguyễn Hữu Đang đã chán đảng. Trong khi nhiều đảng viên có cùng tâm trạng như anh, thì tin tức về Đại hội lần thứ 20 Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1956 lan tới Việt Nam. Stalin, thần tượng của phong trào cộng sản thế giới và của Đảng Cộng sản Việt Nam (lúc đó gọi là Đảng Lao động Việt Nam) bị chỉ trích mạnh mẽ vì lối hành xử bạo chúa và những sai lầm nặng nề của ông ta. Trong suy nghĩ của Nguyễn Hữu Đang đã nảy ra một ý rằng, các đảng cộng sản vẫn có thể bị thế lực nào đó "*lũng đoạn và phạm sai lầm nghiêm trọng*". Cái huyền thoại đảng cộng sản vốn là chân lý, lãnh tụ là chân lý đã sớm tan rữa trong tâm niệm của anh. Ngược lại, anh tự tin vào mình hơn và tin rằng chỉ có lẽ phải mới là chân lý đích thực. Vì thế, một tinh thần tranh đấu cho lẽ phải bùng lên trong anh. Nói tới cuộc đấu tranh tư tưởng trong anh lúc đó, giọng anh trở nên sang sảng, mạnh mẽ: "*Kỷ luật đảng không thể trói buộc mình được. Mình thấy phải, mình cứ làm, cứ nói. Mình thấy trái, mình cứ phê phán, chống lại... Phải thẳng thắn đấu tranh. Cần phải chống cái gì thì cứ chống. Chống đảng, chống cách mạng thì không. Nhưng chống từng việc là nhất định chống.*"

Thật là "cây ngay không sợ chết đứng"! Tinh thần quyết đoán của người cán bộ tuyên truyền và tổ chức xốc vác năm xưa đã biểu hiện bằng đức tính khảng khái, dám bảo vệ cho lẽ phải, quật mạnh vào tư duy giáo điều của đảng, coi thường bản lĩnh của người trí thức. Tôi nghĩ, có lẽ anh nói chưa hết ý. Nếu đối chiếu với những điều anh đã nói ở trên, hẳn anh đồng ý với tôi rằng, chỉ có một tổ chức chính trị thực sự "do dân", "vì dân" và "của dân" thì mới có khả năng giữ được lòng tin của nhân dân.

Sự ấu trĩ và giáo điều của đảng đã làm cho phạm trù chuyên chính vô sản biến dạng thành chủ nghĩa cực quyền. Vì cực quyền nên đã xảy ra bao vụ tố oan những người vô tội trong cải cách ruộng đất. Cũng vì cực quyền, trong vụ án "Nhân văn - Giai phẩm", đảng đã kết án oan những người trung thực. Anh Nguyễn Hữu Đang kể: "*Sách báo cứ nói rằng bà Thụy An thuộc nhóm 'Nhân văn.' Thực ra, bà Thụy An không hề tham gia nhóm 'Nhân văn,' không hề bàn bạc gì với tôi, hay bày mưu tính kế gì, tuy thỉnh thoảng chúng tôi có gặp nhau nói chuyện. Vì bà là văn nghệ sĩ nội thành, tôi là văn nghệ sĩ kháng chiến về, nên quan hệ hữu nghị, tươm tất với nhau lắm. Nhưng tại sao cứ qui cho bà ấy là "Nhân văn", thì tôi hiểu như thế này. Cơ quan an ninh nghi bà làm gián điệp cho Pháp, vì thời tạm chiếm, bà quan hệ nhiều với người Pháp. Lẽ ra, bà đã di cư vào Nam (khi đó bà có uy tín và sắp được cử làm giám đốc đài phát thanh). Nhưng vì lý do cá nhân, bà đã ở lại. Người ta lại càng nghi bà được địch cài lại, rất nguy hiểm. Trong*

khi bà bị theo dõi, thì có phong trào 'Nhân văn.' Tuy không tham gia 'Nhân văn,' nhưng bà đã làm một vài việc không hợp ý lãnh đạo lắm. Thí dụ bà đã thuê những bộ phim của Pháp, như phim 'Hamlet'; người ta cho rằng, bà làm như vậy là để cạnh tranh với những phim không hay lắm của Trung Quốc, của Liên Xô. Bà đã cùng với anh Phan Tại tổ chức vở kịch 'Thày Tú.' Khi người ta đã nghi, thì qui cái nọ ra cái kia, trông gà hóa cuốc. Thế là bà ấy và anh Phan Tại cũng bị qui tội 'phá hoại chính trị' và cùng bị mang ra xử cùng một buổi với tôi, cùng một phiên tòa, nhưng hai vụ khác nhau. Khi đó người ta chẳng hỏi gì tôi về bà Thụy An, mà người ta cũng chẳng hỏi bà Thụy An về tôi hay về tờ 'Nhân văn.' Người ta đã tạo ra một sự hiểu lầm rằng bà Thụy An cùng một vụ với tôi."

Hậu quả của bệnh "ấu trĩ tả khuynh" là như vậy đấy. Đồng thời nó cũng cho thấy sự hoảng hốt thường trực của đảng. Thật ngộ nghĩnh, sự hoảng hốt đó lại được đề cao là tinh thần cảnh giác cách mạng cao độ. Vẫn chưa hết, Nguyễn Hữu Đang kể tiếp: "*Trước khi xử tôi, công an và Viện Kiểm sát đã soạn một bản cáo trạng, ghi rằng tôi quan hệ với Thụy An là một phần tử gián điệp. Ông luật sư Đỗ Xuân Sảng đọc hồ sơ nói cho tôi biết như vậy. Ông ta ngạc nhiên nói với tôi rằng, trước đó tôi đã nói chuyện với ông ta về báo chí, kỷ luật tuyên truyền, nhưng hồ sơ của tôi lại là 'vụ gián điệp.' Nhưng rồi phiên tòa đó đã hoãn. Đến phiên tòa sau thì không thấy nói gì đến bà Thụy An, đến gián điệp nữa, mà chỉ đơn thuần xử việc 'vi phạm kỷ luật tuyên truyền và phá hoại chính trị' của tôi thôi.*" Anh Nguyễn Hữu Đang cho biết, vì bị hỏi cung, truy bức ráo riết, nên bà Thụy An đã nhận đại "tội" của bà là "địch trong Nhân văn." Khi gặp lại anh vào năm 1973, bà Thụy An đã xin lỗi anh. Sự việc này cũng nói lên thói vô trách nhiệm, bất chấp luật pháp, chà đạp lên nhân phẩm con người của bộ máy tư pháp và hành pháp của chế độ.

Vẫn với giọng khá khỏe ở tuổi ngoài "bát thập", anh Nguyễn Hữu Đang nói: "*Tôi được về không phải vì nhà nước khoan hồng hay vì hết án, mà là tôi thuộc diện "đại xá chính trị phạm trong Hiệp định Paris. Bên miền Nam đại xá chính trị phạm. Bên miền Bắc cũng đại xá chính trị phạm.*" Tôi bỗng nghĩ, nếu không có Hiệp định Paris thì sao nhỉ? Chắc Nguyễn Hữu Đang phải ngồi đếm tháng ngày cho tới khi mãn hạn tù. Hàng năm vào dịp Quốc khánh mùng 2 tháng 9, chính phủ Việt Nam có ra lệnh ân xá cho tù nhân. Vậy mà hơn một chục ngày lễ mùng 2 tháng 9 trôi qua, anh vẫn không được hưởng cái "ân" đó.

Anh Nguyễn Hữu Đang khẳng định: "*Dù thế nào đi nữa cũng không thể chấp nhận chế độ cực quyền, toàn trị*". Suy nghĩ đó của anh cũng trùng hợp với suy nghĩ của một số văn nghệ sĩ và trí thức lúc bấy giờ. Anh nói: "*Nhưng cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Mao hay chủ nghĩa Stalin thể hiện cụ thể bằng cái gì? Có cái gì trong tay để đấu tranh? Cuối cùng cũng chỉ có tự do sáng tác. Cụ thể là chỗ không chấp nhận hiện thực xã hội chủ nghĩa mà Stalin đề ra, mà muốn thực hiện hiện thực phê bình như là ở thế kỷ 19 ở phương Tây, như Balzac, Flaubert, Victor Hugo...*"

Cái gọi là "hiện thực xã hội chủ nghĩa" trong văn chương, thực ra là phương pháp sáng tác dùng văn học nghệ thuật để "tô hồng" chế độ. Hay nói theo "ngôn ngữ văn học" gần đây, có vẻ dịu hơn, thì "tô hồng" là ưa đề cập đến những "mảng sáng" trong xã hội. Ngược lại, "hiện thực phê bình", hay "hiện thực phê phán", là đề cập đến những thói hư tật xấu, tức là nói cả về những "mảng tối" trong xã hội. Trong khi bộ máy tuyên truyền của chế độ đang ra sức quảng cáo chủ nghĩa xã hội là tươi đẹp, để lôi kéo hàng chục triệu nhân dân, thì các anh đã dám vạch ra những khiếm khuyết cơ bản của xã hội, của đảng. Tôi cho việc làm đó của các anh, ngoài lòng can đảm ra, là tự nhiên. Nhìn về lâu dài, thì việc làm đó là hợp lẽ. Bởi vì khó có một xã hội không có tiêu cực. Hiện nay, trên mặt báo ở trong nước, người ta thấy la liệt những hiện tượng tiêu cực của xã hội. Hơn nữa, việc làm đó của các anh còn biểu hiện cái "tâm", thực sự muốn cái xã hội mà các anh đã không tiếc xương máu vì nó trở thành một xã hội tốt đẹp, vững chắc. Nghe Nguyễn Hữu Đang nói, tôi lại nhớ, gần đây trong một tạp chí của đảng có câu đại ý, đảng đã biết nhận sai lầm, điều đó chứng tỏ là đảng mạnh. Chắc đảng sẽ mạnh hơn ở chỗ đảng giữ được lòng tin của nhân dân, nếu từ đó đảng đã sớm nhận ra sai lầm và dám sửa chữa kịp thời tất cả những sai lầm của mình.

Hơi bất ngờ với tôi, khi anh Nguyễn Hữu Đang thổ lộ: "*Có một người ở Trung Quốc làm được một việc mà anh em coi là mẫu mực, coi là bậc thầy muốn noi theo. Đó là Đỗ Phủ. Suốt đời ông cô trung đối với nhà Đường, đến nỗi ông không được hiểu, không được trọng dụng. Cô thì cô, mà vẫn cứ trung. Lòng trung thành của Đỗ*

Phủ đối với nhà Đường rất cao, rất đẹp. Nhưng không phải vì thế mà ông không viết "Thạch hào lại" để phê phán xã hội đó đầy tội lỗi, đầy thối nát." Nói đến đó, anh cười. Gương mặt anh trông bớt khắc khổ. Anh nói tiếp: "*Thế là các ông "Nhân văn" này là một thứ Lương Sơn Bạc đây, muốn được phê bình chứ không phải là không được phê bình cái gì cả. Thế là nên chuyện ở chỗ đó.*"

Vậy là, thông qua việc đòi tự do sáng tác, nói theo ngôn ngữ ngày nay, thì các anh chỉ muốn chỉ ra những "hiện tượng tiêu cực" trong xã hội thôi. Việc đảng kêu gọi đảng viên hãy gương mẫu trong việc phê và tự phê, nhưng lại "đánh" những người thẳng thắn và trung thực phê đảng, có thể hiểu rằng, muốn phê gì thì phê, nhưng chớ có sa chân vào "vùng cấm". Hiện tượng này tương tự phong trào "Trăm hoa đua nở" ở Trung Quốc. Người ta kêu gọi phê bình đấy, nhưng lại tìm cách trả thù những người phê bình - một chước "đà đao" về chính trị. Ngày nay, hiện tượng trên đã đỡ, nhưng "vùng cấm" thì vẫn còn. Ai lạc vào đó là sẽ gặp phiền toái ngay. Tính "cực quyền", "toàn trị" của nhà nước cộng sản Việt Nam là ở chỗ đó, khiến người ta có cảm tưởng rằng nó có vẻ "khoái" ngược đãi những người đã từng chịu hy sinh mất mát to lớn, hoặc đã hết lòng vì nó, như các anh Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Minh Chính và nhiều người khác. Nguyễn Hữu Đang đã bị nhà nước mà anh đã tổ chức đón nó chào đời kết án, đày ải suốt nửa cuộc đời: 15 năm tù tại tỉnh miền núi Hà Giang, cộng thêm 20 năm bị quản thúc trong đói nghèo ở quê anh, tại thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Cả thảy là 35 năm anh mất tự do, mất quyền công dân. Hết sống dưới mái nhà tù, lại sống trong trại lợn, rồi chỉ có cái chái nhà dột nát để chui ra chui vào, mỗi ngày hai bữa anh ngập ngụa trong khói bếp mịt mù...

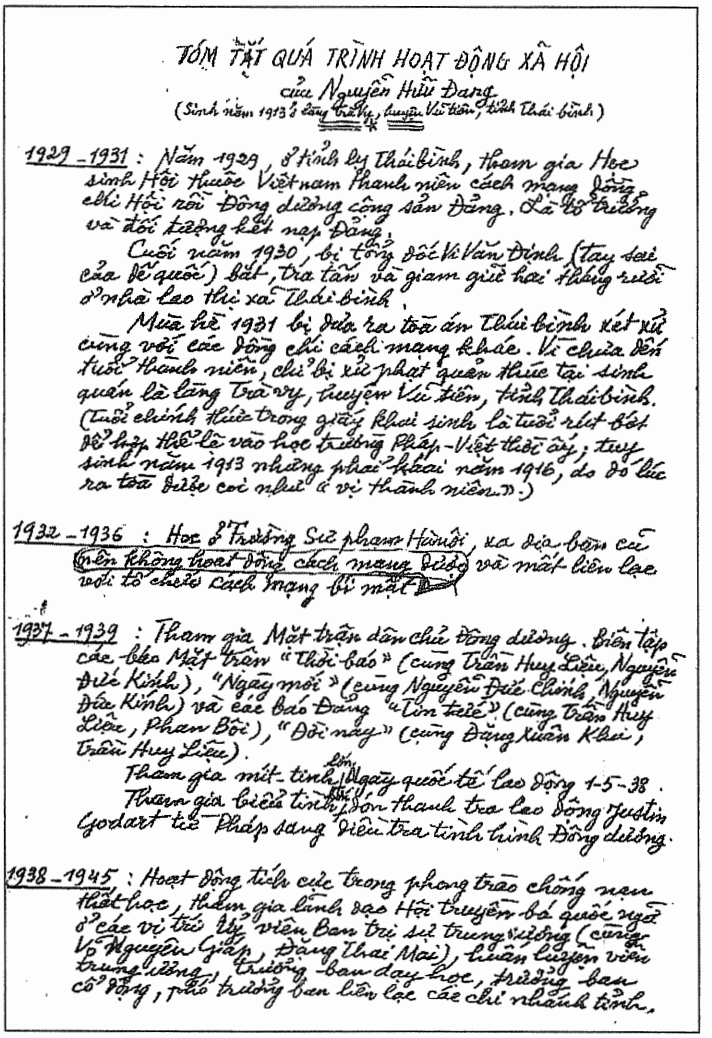

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI
của Nguyễn Hữu Đang
(Sinh năm 1913 ở Đông Trà Vy, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái Bình)

1929 - 1931 : Năm 1929, ở tỉnh lỵ Thái Bình, tham gia Học sinh Hội thuộc Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí Hội rồi Đông dương cộng sản Đảng. Là bí thư chi bộ và đối tượng kết nạp Đảng.
Cuối năm 1930, bị tổng đốc Vũ Văn Định (tay sai của đế quốc) bắt, tra tấn và giam giữ hai tháng rưỡi ở nhà lao thị xã Thái Bình.
Mùa hè 1931 bị đưa ra tòa án Thái bình xét xử cùng với các đồng chí cách mạng khác. Vì chưa đến tuổi thanh niên, chỉ bị xử phạt quản thúc tại sinh quán là làng Trà vy, huyện Vũ Tiên, tỉnh Thái bình. (Tuổi chính thức trong giấy khai sinh là tuổi rất bé để hợp thể lệ vào học trường Pháp-Việt thời ấy; thực sinh năm 1913 nhưng phải khai năm 1916, do đó lúc ra tòa bị xử coi như « vị thành niên »).

1932 - 1936 : Học ở Trường Sư phạm Hà nội, xa địa bàn cư trú không hoạt động cách mạng được và mất liên lạc với tổ chức cách mạng bí mật.

1937 - 1939 : Tham gia Mặt trận dân chủ Đông dương. Biên tập các báo Mặt trận "Thời báo" (cùng Trần Huy Liệu, Nguyễn Đức Kính), "Ngày mới" (cùng Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Đức Kính) và các báo Đảng "Tin tức" (cùng Trần Huy Liệu, Phan Bôi), "Đời nay" (cùng Đặng Xuân Khu, Trần Huy Liệu).
Tham gia mít tinh lớn Ngày quốc tế lao động 1-5-38.
Tham gia biểu tình đón thanh tra lao động Justin Godart từ Pháp sang điều tra tình hình Đông dương.

1938 - 1945 : Hoạt động tích cực trong phong trào chống nạn thất học, thêm gia đình vào Hội truyền bá quốc ngữ ở các vị trí lãnh đạo viên Ban trị sự trung ương (cùng Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai), huấn luyện viên trung ương, trưởng ban dạy học, trưởng ban cổ động, phó trưởng ban liên lạc các chi nhánh tỉnh.

Thủ bút của Nguyễn Hữu Đang

Khi anh bị "đánh" trong vụ "Nhân văn - Giai phẩm" vào năm 1985, người ta cố tình bôi nhọ anh, gán cho anh những hình ảnh xấu xa của "tên gián điệp," "tên phản bội," "tên khiêu khích": "*Đang tham gia phong trào đã lâu, nhưng vì đầu óc vô chính phủ và tư tưởng cơ hội nặng nề như vậy nên mãi đến năm 1947 mới được kết nạp vào đảng*" (5). Có lẽ anh Nguyễn Hữu Đang là một trong những người phải chịu hình phạt nặng nề nhất của chế độ (Ngoài Nguyễn Hữu Đang ra, còn có chị Thụy An bị phạm giam 15 năm tù, anh Phùng Cung 12 năm tù và một số người khác).

Tại sao chính quyền lại "ưu đãi" Nguyễn Hữu Đang, dành cho anh khung hình phạt cao như vậy? (6) Vẫn giọng nói khỏe khoắn, anh Nguyễn Hữu Đang nói: "*Lúc bấy giờ người ta gọi tôi là 'đầu sỏ' trong 'bọn Nhân văn - Giai phẩm'.*" Nghe anh nói, tôi nghĩ rằng, có một điểm khá mâu thuẫn là trong khi báo chí (tất nhiên là vừa

ngoan ngoãn theo lệnh của đảng, vừa bị đảng kích động và vừa nịnh bợ đảng) buộc cho anh đủ thứ tội tày đình, hào phóng dành cho anh vô số "mỹ từ" như ở trên, thì tòa lại kết án anh là "phạm kỷ luật tuyên truyền và phá hoại về chính trị." Cái nặng là ở những chữ "phá hoại chính trị." Với những chữ đó, người ta có thể hiểu rằng anh là người phá hoại chế độ, chống đảng, chống nhà nước. Tuy nhiên, trong bản luận tội anh, tuyệt nhiên không có tội danh cụ thể hơn như "chống đảng," "phản cách mạng" hay "âm mưu lật đổ" như người ta đã cố tình thổi phồng.

Nhớ lại phiên tòa đó, anh Nguyễn Hữu Đang nói: "*Trong phiên tòa tôi chỉ nhận rằng tôi đã phạm kỷ luật của đảng và nhà nước về tuyên truyền. Trong việc làm của tôi có những sai sót. Nhưng động cơ là tốt, tin rằng việc mình làm là ích nước lợi dân.*" Đương nhiên, một chế độ cảnh sát đã quen được phỉnh nịnh, thì làm sao có thể tin vào sự ngay thẳng, vào động cơ tốt đẹp của các anh được. Vả lại, kỷ luật của một chế độ độc tài là chỉ có nghe và làm theo đảng, dù đảng có sai. Phản ứng một cách thẳng thắn là bị qui tội liền.

Trong khi các anh bị dập vùi như thế, thì những kẻ đánh hôi cố lớn tiếng la lối, cốt tỏ lòng "trung thành" với chế độ, để đánh đổi lấy bổng lộc. Cái chức ủy viên Bộ Chính trị dành cho ông Tố Hữu sau vụ đó là một thí dụ trong nhiều thí dụ điển hình.

Vào giữa thập kỷ 50-60, sau khi hòa bình lập lại, Nguyễn Hữu Đang là một trong những người tổ chức và biên tập báo "Văn nghệ." Trong nhóm "Nhân văn - Giai phẩm," với hơn bốn mươi tuổi đời, Nguyễn Hữu Đang là người anh cả của nhóm và được anh em kính trọng. Mấy chục năm sau, "cậu em út" Phùng Quán của nhóm "Nhân văn - Giai phẩm" đã kể lại cảm giác của ông khi được gặp Nguyễn Hữu Đang như sau: "*Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sướng mê người, đầu không khiến mà chân cứ rụt về đứng thành tư thế đứng nghiêm, như ngày còn làm lính trinh sát mỗi lần được chính ủy sư đoàn hỏi chuyện.*" (7)

Nguyễn Hữu Đang vốn là người tháo vát, quen biết rộng giới trí thức và tư sản ở Hà Nội. Đó là điều kiện rất thuận lợi để các anh in ấn và phát hành tạp chí "Giai phẩm" và báo "Nhân văn". Cuối năm 1956, anh tổ chức và lãnh đạo báo "Nhân văn". Anh cũng là người giúp đỡ tích cực tạp chí "Giai phẩm". Nếu như các anh Trần Dần, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán và nhiều người khác đã dùng thơ văn để nói lên khát khao được tự do sáng tác của mình, nghiêng về lĩnh vực văn nghệ nhiều hơn, thì Nguyễn Hữu Đang đã viết những bài lý luận, đề cập trực tiếp đến đường lối lãnh đạo văn nghệ của đảng lúc đó. Anh công khai bày tỏ sự bất đồng chính kiến gay gắt đối với ban lãnh đạo đảng. Báo chí của chế độ khi đó đã trích dẫn quan điểm của Nguyễn Hữu Đang về đường lối lãnh đạo văn nghệ của đảng như sau: "*Cho tới nay, trên thực tế, đảng đã dùng văn nghệ một cách căn bản là sự vụ chủ nghĩa, căn bản là thực dụng chủ nghĩa, bó buộc về cả nội dung lẫn hình thức, không kể người sáng tác có cảm nghĩ sâu sắc hay không, bó buộc đến thời gian bao giờ cũng quá ngặt nghèo.*"(8)

Nguyễn Hữu Đang phê phán quan điểm "*văn nghệ phải phục vụ chính trị*" của đảng. Một khi mục đích chính trị lấn át cảm xúc nghệ thuật, thì tác phẩm được tạo ra thật khó vẹn tròn, nếu như không nói là khiên cưỡng, sai lệch. Về việc này, tôi vẫn còn nhớ cái "đỉnh cao muôn trượng" đầy tự mãn, kiêu căng của Tố Hữu vào năm 1961 (*). Qua đó cũng có thể đánh giá phần nào tư duy văn nghệ của đảng lúc bấy giờ. Và câu thơ: "*Bốn nghìn năm ta lại là ta*" trong bài thơ đã được "nhân gian" bình rất khôi hài rằng "ta vẫn là ta," nghĩa là ta vẫn lạc hậu, chẳng tiến được chút nào thì có gì đáng tự hào! Kết quả là đảng đã làm cho văn nghệ trở nên xơ cứng, nghèo nàn, tạo ra không ít "hàng rởm." Cho dù người ta đã trích dẫn rằng Nguyễn Hữu Đang có viết: "*Vì bất cứ phát hiện sự việc gì, hoặc tìm giải quyết vấn đề gì, tổ chúng tôi cũng thấy cái nút cuối cùng ở chỗ lãnh đạo*" (Tạp chí "*Văn nghệ*", T.l.đ.d.), tôi thấy cũng không có gì là quá đáng, khi đối chiếu những dòng viết đó với đường lối lãnh đạo văn nghệ toàn diện, thực chất là độc đoán của đảng. Thế nhưng, người ta đã coi những dòng viết đó là âm mưu "*đánh mạnh vào đường lối và sự lãnh đạo của đảng*" (T.l.đ.d). Trong các báo và tạp chí mang tư tưởng tự do khi đó, tờ "Nhân văn" do Nguyễn Hữu Đang lãnh đạo đã được báo chí của chế độ đánh giá như sau: "tạp chí '*Giai phẩm*' *để vận động về văn nghệ, tờ* '*Đất mới*' *để vận động sinh viên, tờ* '*Tự do diễn đàn*' *để tập hợp trí thức, còn tờ* '*Nhân văn*' *là tờ để tuyên truyền về chính trị.*" (T.l.đ.d) Rõ ràng, tờ "Nhân văn" được coi là nguy hiểm hơn cả và dĩ nhiên, Nguyễn Hữu Đang cũng được coi là phần tử đầu sỏ, nguy hiểm hơn cả. Người ta tiếp tục qui cho anh "*từ chỗ kêu gọi dân chủ tư sản, đến chỗ vu cáo miền Bắc là không có dân chủ, từ chỗ*

còn gọi đảng và chính phủ một cách kiêng dè, đến chỗ ngang nhiên vu cáo đảng và chính phủ của chúng ta là "tập đoàn thống trị", từ chỗ đòi hỏi "cần chính quy hơn nữa" đến chỗ hô hào quần chúng đứng dậy biểu tình mưu một cuộc biến động" (T.l.đ.d). Nguyễn Hữu Đang và tờ "Nhân văn" bị kết tội: "*Tờ báo 'Nhân văn' không che dấu nổi bộ mặt phản động của nó đã lộ rõ chân tướng một tờ báo khiêu khích vừa sặc mùi tờ-rốt-skít vừa y hệt cơ quan tác động tinh thần của Mỹ Diệm*" (T.l.đ.d). Với lời khẳng định đó, người ta đã xếp những anh chị em trong nhóm "Nhân văn - Giai phẩm" vào hàng ngũ kẻ thù của đảng, của nhân dân. Họ nói toạc ra rằng "*đối với đảng và nhân dân ta*," Nguyễn Hữu Đang "*đã tỏ rõ thái độ một còn một mất,*" "*không hề tự che giấu là kẻ thù bẩn thỉu của nhân dân*" (T.l.đ.d). Đúng là những từ ngữ và giọng văn đầy hận thù!

Tôi đang mải nghe anh Nguyễn Hữu Đang kể và thả những suy nghĩ của tôi trôi theo câu chuyện của anh, thì anh thanh niên đón tôi lúc sáng bước vào. Anh nói nhỏ với anh Nguyễn Hữu Đang cái gì đó rồi quay ra. Ngay sau đó, anh thanh niên lại vào, bê một mâm cơm đặt xuống giữa cái chiếu đôi trải dưới sàn nhà bằng gỗ. Thì ra đã hơn một giờ chiều. Hai chúng tôi đắm chìm vào câu chuyện hàng giờ. Thế giới của những người như các anh thật hấp dẫn. Nó ẩn chứa biết bao tư liệu bất ngờ của một thời kỳ đặc biệt của đất nước, của những con người, mà khi được chứng kiến càng nhiều, lại càng bị cuốn hút.

Bữa cơm của chúng tôi thật thanh đạm, thanh đạm nhất trong những bữa cơm tôi đã từng dùng trong chuyến tôi về thăm quê hương. Trước mặt ba chúng tôi có ba món: một đĩa khoảng hai lạng thịt ba chỉ thái mỏng, một đĩa rau muống luộc xanh rờn và một bát mắm tôm dầm ớt. Rau muống luộc mềm như bún, đánh dấm sấu chua là món ăn tuyệt hảo, dễ đưa cơm trong những ngày hè nóng bức. Nhưng tôi cũng nghe nói, rau muống luộc là món ăn "phân cấp", vì nó là món ăn "chủ lực" trong bữa ăn hàng ngày của đa số các gia đình bình dân ở Hà Nội. Bữa cơm mà có thêm một chút "tươi" như thịt nạc rang khô, cá rô rán dòn, hay tôm rang là sang rồi. Đấy là chuyện ngày xưa. Ngày nay - thời buổi "kinh tế thị trường được định hướng xã hội chủ nghĩa", người giàu nhiều lên - mà bữa ăn vẫn chỉ có rau muống thôi, thì có nghĩa là cuộc sống vẫn vất vả. Hình như, vì tôi là khách từ nước ngoài về, nên anh Nguyễn Hữu Đang "chiêu đãi" tôi món thịt ba chỉ chấm mắm tôm, chứ không phải "đặc sản" chả nhái, chả cóc được viên thành những viên đen xỉn, gắp ra từ những bát hương đậy bằng những viên gạch nung già, để tiếp cậu em Phùng Quán khi Phùng Quán về thôn Trà Vy thăm anh cách đây ba năm. Nghĩ đến đó, tôi bỗng thấy nghèn nghẹn trong cổ. Tôi cố trấn tĩnh, giấu kín cảm giác của mình vừa ăn, vừa trò chuyện vui vẻ với anh. Ở tuổi anh, người ta rất cần có người chăm sóc lúc đau ốm, ít ra cũng là có người nọ người kia cho đỡ cô quạnh. Nhưng anh, khi mái đầu đã bạc, mà vẫn không vợ, không con, không gia đình, một mình vò võ...

Cũng trong bản "Sơ yếu lý lịch" của anh có những dòng: "*Sau Đại hội VI Đảng Cộng sản, bắt đầu được sửa sai, phục hồi.*" "Kẻ thù nhơ bẩn của nhân dân" năm nào cũng lại được đảng dấm dúi dàn huề, không còn coi là kẻ thù nữa, nhưng như anh Nguyễn Hữu Đang nói: "*Dù sao thì thành kiến vẫn còn, phân biệt đối xử vẫn còn*". Tuy màn kịch do đảng đạo diễn vừa bi, vừa hài, đầy vô lý, oan ức, bất công kéo dài gần bốn mươi năm rồi cũng phải hạ màn. Nhưng khó mà biết được, trong thời gian đó, bao nhiêu màn diễn đầy thô bạo khác do đảng dàn dựng cho đến nay vẫn chưa được đưa ra ánh sáng, đặc biệt là vụ án "Xét lại - chống đảng" xảy ra sau đó ít lâu.

Chắc không quá đáng khi cho rằng, việc Đảng Cộng sản ở Việt Nam phạm những sai lầm nghiêm trọng là điều gần như tất yếu. Bởi vì tổ chức chính trị đó đã tích tụ đầy đủ những yếu tố khiến nó sa vào vũng bùn sai lầm. Đó là tư duy giáo điều, ấu trĩ, độc đoán, quan liêu, tự mãn, phiêu lưu, tráo trở và xa rời quần chúng. Những căn bệnh hiểm nghèo đó đã ăn sâu vào cơ thể đảng, không dễ chữa. Đảng có thể sửa sai lúc này, nhưng lúc khác lại phạm sai lầm nghiêm trọng hơn. Không thể không băn khoăn khi trong vòng hơn một thập kỷ, từ năm 1953 đến năm 1967, đảng đã phạm ba sai lầm lớn: cải cách ruộng đất với hàng vạn sinh linh bị chết oan uổng, vụ án "Nhân văn - Giai phẩm" đàn áp trí thức và văn nghệ sĩ và vụ án "Xét lại - chống đảng" với hàng trăm người bị tù tội, bỏ mạng mà không được xét xử phân minh. Đó là chưa kể tới những sai lầm về kinh tế, như chính sách cải tạo công thương nghiệp, hợp tác hóa nông nghiệp, nóng vội xây dựng công nghiệp nặng, chính sách cải tạo kinh tế trong những năm 1980 dẫn tới tổng khủng hoảng kéo dài... Lại còn những sai lầm trong lĩnh vực giáo dục, xã hội mà chung qui đều "di căn" từ những căn bệnh đã nói ở trên. Với một tổ

chức chính trị đầy rẫy sai lầm như thế, mặc dù có hào quang của những chiến thắng, cũng khó để cho người dân "định vị" chắc chắn lòng tin vào đảng. Nhiều người từ trong nước ra và cả những người mà tôi đã gặp gỡ ở trong nước đều lắc đầu buông câu: "Chả biết thế nào cả, bác ạ!" khi tôi hỏi họ về tương lai của đất nước. Dĩ nhiên, tôi tin lời họ là thành thật hơn những câu chữ trong nghị quyết hay trong báo chí của đảng.

Nguyễn Hữu Đang và nhiều nạn nhân của vụ án "Nhân văn - Giai phẩm" đã được "*trả lại quyền lợi theo chế độ hưu trí.*" Trong việc này, cũng có nhiều cái hài lẫn với cái bi. Anh Đang nói: "*Từ năm 1990, tôi đã được hưởng lương hưu "hạn chế", không đúng với chức vụ, không đúng với thâm niên và được gọi là "lương hưu theo mức ấn định", thực ra một thứ trợ cấp thôi.*" Cái được gọi là "lương hưu" đó, anh Hoàng Minh Chính đã gọi là khoản trợ cấp "vô nhân đạo." (9) Hiện nay anh Nguyễn Hữu Đang vẫn sống bằng khoản trợ cấp "vô nhân đạo" đó. Anh cũng vừa được cấp một gian nhà tàng tàng, khiến anh "phấn khởi" (chữ của anh) vì từ thuở bé đến giờ, anh chưa bao giờ có nhà.

Ở đời, có những cái không mua được bằng tiền. Tôi không phải là người ưa hữu danh, nhưng tôi nghĩ, sự thừa nhận thực sự của quần chúng, của bạn bè là cái không mua được bằng tiền và vì thế nó là vô giá. Anh Nguyễn Hữu Đang là người may mắn có được cái vô giá đó. Tháng 11 năm 1992, nhân dịp anh 80 tuổi chẵn, đông đảo anh chị em văn nghệ sĩ đã tổ chức lễ mừng thọ anh. Tôi cứ tưởng tượng, hẳn buổi lễ phải vui lắm. Nhưng người có tuổi thường sống với quá khứ, nên trong niềm vui của anh, chắc không khỏi lẫn cả những ngậm ngùi.

Với anh, một thời dông bão đã qua đi. Cũng như người lữ hành ở cuối đoạn đường đầy gập gềnh, chông gai, ý nguyện của anh là "*cầu bình yên trong cảnh thanh bần, tìm an ủi trong tình cảm của những người thân quen, hưởng thú vui trong thái độ sống để xem*" (anh nhấn mạnh). Như vậy, sự bình yên mà anh muốn chưa hẳn đã là sự bình yên buông trôi, phó mặc. Anh vẫn quan sát cuộc sống quanh anh, dù chỉ để xem. Anh đã viết dăm ba bài báo và cũng được đăng, theo anh vì những bài báo đó "*không có gì đụng chạm lắm.*" Nhưng chắc anh cũng thấy, cuộc sống ở trong nước bây giờ vẫn bùng nhùng với đủ thứ rối rắm, vẫn có những qui chụp dập theo "model" của những năm 1950, 1960, lạc hậu, ấu trĩ và vô lý.

Bóng nắng vàng lung linh ngoài cửa sổ lại nhắc tôi nhớ đến thời gian. Trời mùa đông mà chói nắng không kém mùa hè. Đã hơn bốn giờ chiều. Tôi đành chia tay Nguyễn Hữu Đang. Khi tiễn tôi ra cửa, bỗng chợt nhớ ra điều gì, anh vội nói tôi đợi anh một lát. Anh chạy lên gác rồi quay xuống ngay, tay cầm tấm ảnh anh chụp hồi trẻ, nước ảnh đã hết bóng, nhưng vẫn còn nét và chưa bị ố vàng, chứng tỏ tấm ảnh đã được cất giữ rất cẩn thận. Anh nói với tôi, đây là tấm ảnh duy nhất thời trẻ anh còn giữ được. Tấm ảnh quí thế mà anh lại tặng tôi, người mới quen anh lần đầu. Anh lật tấm ảnh, đặt lên nóc chiếc xe tắc xi, viết vội mấy hàng chữ cho tôi. Nhìn anh chăm chú viết, tay run run, nắng chiều chiếu xiên làm những nếp nhăn trên gương mặt khắc khổ của anh như hằn sâu thêm, lòng tôi bồi hồi. Hình như mắt tôi cay cay. Bóng hình người anh cả của tôi lại thoáng hiện trong tâm trí tôi. Tôi xin phép được chụp ảnh chung với anh. Anh thanh niên đón tôi ban sáng đang đứng bên cạnh lập tức được tôi "ủy nhiệm" làm phó nháy.

Không cuộc chia tay nào giống nhau. Tất cả những gì tôi biết về anh như ào ào xô đến khi chúng tôi nắm tay nhau, khiến cổ tôi một lần nữa như nghẹn lại, không nói nên lời. Tôi cảm thấy, hình như anh cũng có cảm xúc như vậy. Gương mặt anh như hơi biến dạng. Khóe môi như hơi trĩu xuống. Không biết đến bao giờ chúng tôi mới có dịp gặp lại nhau để nói với nhau những gì chúng tôi đã sống để xem.

Anh lái xe tắc xi đã nổ máy và có vẻ không muốn tăng ga. Chiếc xe từ từ lăn bánh. Tôi ngoái lại nhìn qua khuôn cửa sau của xe. Bóng anh Nguyễn Hữu Đang nhỏ dần, nhỏ dần. Mái tóc xóa trắng của anh khẽ lay trong nắng lóa.

***Chú thích** (của tác giả):*

(1) "Phùng Quán tìm thăm Nguyễn Hữu Đang" - "Diễn đàn Forum" (Pháp) số 25, tháng 12, 1993, tr.22.

(2) T.l.đ.đ.

(3) Trích bài thơ "Đời đời nhớ ông" của Tố Hữu, sáng tác tháng 5-1953.

(4) "Bệnh ấu trĩ tả khuynh" - Lenin, bản tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Moscow 1973, tr.46.

(5) "Con đường phản cách mạng của Nguyễn Hữu Đang," Hồng Vân, tạp chí "Văn nghệ" số 12, tháng 5 năm 1958, số đặc biệt thứ hai chống "Nhân văn - Giai phẩm", tr.45.

(6) Xin xem "Vụ án "Nhân văn - Giai phẩm" - một tội ác ghê tởm của tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam" - Trần Minh, Nguyễn Thị Xuân Hòa, Hoàng Trọng Nghĩa, "Thiện Chí" số 25, tháng 1 & 2-1995, tr.14.

(7) "Phùng Quán tìm thăm..." (T.l.đ.đ., trang)

(8) "Con đường..." (T.l.đ.d, tr.47).

(9) Xin xem phần "Người đội trưởng Quyết tử quân" của cùng tác giả.

(*) Trong bài thơ "Xuân 1961" của Tố Hữu, có câu "Chào 61-đỉnh cao muôn trượng" (Ghi chú của người ghi).

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

TỪ IRAQ TỚI IRAN: CHƯA THẤY ÁNH SÁNG CUỐI ĐƯỜNG HẦM

CỔ-LŨY

Ngày 11 tháng Ba vừa qua, một ngày sau buổi hội-họp gặp mặt giữa mười-bẩy đại-diện quốc-gia và các nhóm trong vùng liên-hệ đến cuộc chiến ở Iraq, giới báo-chí truyền-thông đều đưa ra tin-tức không mấy hứng-khởi về triển-vọng giải-quyết cuộc chiến Iraq và vấn-đề phát-triển nguyên-tử-năng ở Iran (Ba-Tư). Buổi hội-họp, được tổ-chức hơn một tuần lễ trước ngày đánh dấu năm thứ tư của cuộc chiến lật đổ chính-quyền Saddam Hussein, nhằm tìm ủng-hộ cho chính-quyền Iraq mới; cả thế-giới cũng chú-trọng xem Hoa-Kỳ và Ba-Tư có đưa ra những tín-hiệu tích-cực nào chăng. Sau cuộc họp đại-biểu các nước tham-dự tỏ ra lịch-sự, nhưng không hồ-hởi mấy với chính-quyền Nuri al-Maliki mới; họ cũng không đi đến quyết-định hẹn họp tiếp ở cấp ngoại-trưởng một ngày nào đó và cũng chỉ giữ những nhóm liên-lạc.

Mười-bẩy phái-đoàn tham-dự hội-họp gồm sáu nước hàng xóm với Iraq (Ba-Tư, Syria, Jordan, Kuwait, A-Rập Sao-Đi và Thổ-Nhĩ-Kỳ), năm thành-viên thường-trực trong Hội-đồng Bảo-an LHQ (Hoa-Kỳ, Trung-Hoa, Nga, Anh và Pháp) cùng các hội-viên trong Liên-đoàn A-Rập (Arab League) và Nghị-hội Hồi-giáo (Islamic Conference). Buổi họp được đánh dấu với một loạt hỏa-pháo nổ ngay trên đường trước tòa nhà hội-họp ngay sau giờ nghỉ ăn trưa; loạt hỏa-pháo tấn-công thứ nhì ào đến sáu tiếng đồng hồ sau đó, ngay khi trưởng phái-đoàn Ba-Tư đứng trên diễn-đàn tố-cáo chính-sách Mỹ ở Iraq.

Trong diễn-văn khai-mạc buổi họp, thủ-tướng Maliki không che-giấu nỗi bất-mãn của ông với tất cả các phái-đoàn tham-dự đã lôi Iraq vào trọng-tâm những bất-đồng và tranh-chấp của họ. Ông tuyên-bố, "Iraq không xía vào nội-bộ hay lãnh-thổ nước khác [và dùng] đây làm địa-bàn để tấn-công nước khác. Chúng tôi hy-vọng các nước khác cũng có thái-độ tương-tự." Ông cũng yêu-cầu các nước "ngừng chuyện tranh-giành ảnh-hưởng vào nội-bộ Iraq bằng cách thúc-đẩy một giáo-phái, sắc dân hay một đảng-phái nào đó." Phát-biểu của ông Maliki rõ ràng nhắm vào Hoa-Kỳ và Ba-Tư, cũng như Liên-đoàn A-Rập mới tuần trước tuyên-bố sẽ dùng diễn-đàn hội-họp để đòi-hỏi chính-quyền đa-số thuộc giáo-phái Shiite phải cho người thuộc giáo-phái thiểu-số Sunni vai-trò rộng-lớn hơn. Diễn-văn khai-mạc như báo trước những va-chạm gay-gắt suốt trong buổi họp sau đó.

Đại-sứ Zalmay Khalilzad ở Iraq, cũng là đại-biểu Mỹ ngồi tại một đầu bàn trong buổi họp, mở đầu diễn-văn bằng những chỉ-trích gián-tiếp Ba-Tư và Syria với nhận-xét những nước láng giềng với Iraq chỉ có thể được xem là đồng-minh nếu họ ngăn-chặn các người tham-chiến và vũ-khí đi vào Iraq "cũng như những ủng-hộ vũ-trang cho các đám dân-quân và những thành-phần phạm pháp khác," với ý ám-chỉ dân-quân Shiite và người nổi-dậy Sunni. Ngồi tại đầu bàn đối-diện ông Khalilzad, bộ-trưởng ngoại-giao Iraq ông Hoshyar Zebari mô-tả lời-lẽ trao-đổi giữa Hoa-Kỳ và Ba-Tư "rất linh-hoạt," lối nói ngoại-giao ngụ ý "rất gay gắt."

Ngồi bên trái ông Zebari là đại-biểu Ba-Tư, phó ngoại-trưởng Abbas Araghchi với phái-đoàn gồm mười người. Ông Araghchi tuyên-bố với báo-chí bước đầu tiên đi đến hòa-bình ở Iraq là loại-bỏ sự hiện-diện của các lực-lượng ngoại-bang. Ông nói sự hiện-diện của lực-lượng ngoại-bang đẩy mạnh bạo-hành ở Iraq vì sự hiện-diện này là lý-do để các nhóm chống-đối Hoa-Kỳ tấn-công bằng bạo-lực. Những bạo-hành này sau đó lại được Hoa-Kỳ dùng để làm lý-do cần phải ở lại Iraq. Ông kết-luận, "Ta thấy ngay

một lý-luận vòng vòng nguyên nhân và hệ-quả ác-nghiệt;" do đó, để có thể có hòa-bình và ổn-định ở Iraq "chúng ta cần một thời-khóa-biểu rút lui những lực-lượng ngoại-bang... Nếu Hoa-Kỳ có ý-hướng này, đường đi đã rộng mở."Đại-sứ Khalilzad nói nếu gập-gỡ cấp ngoại-trưởng kỳ tới thành hình, ngoại-trưởng Mỹ Condoleezza Rice sẽ tham-dự để nói chuyện với ngoại-trưởng Ba-Tư, nhưng cũng không cho thấy dấu hiệu đối-thoại song-phương sẽ xảy ra.

Ánh sáng cuối đường hầm vẫn chưa thấy lấp lo trên khung-cảnh ảm-đạm, tang-thương Iraq và nghị-trường sôi-động Mỹ.

CỔ-LŨY

Ngày 19 tháng Ba vừa qua, một ngày trước đúng bốn năm ngày Hao-Kỳ xua quân xâm chiếm Iraq với những lý do hoàn toàn sai lạc hoặc bịa đặt và không có thỏa thuận của Liên-Hiệp-Quốc, tổng thống George W. Bush đọc một diễn văn ngắn về cuộc chiến sa lầy và mất dần ủng hộ cả trong nước lẫn thế giới. Ông lập lại những gì đã nói trước đây mà phe đối lập Dân-chủ nay đã nắm lại thế đa số chủ động trong quốc hội xem là "chẳng có gì mới lạ."

I. THẤT-BẠI Ở IRAQ

A. Vết xe đổ

Tổng thống nhắc lại chuyện cũ, "Bốn năm sau khi chiến tranh bắt đầu, cuộc chiến rất là khó khăn, nhưng chúng ta có thể chiến thắng ở đây. Cuộc chiến có thể đi đến chiến thắng nếu chúng ta có can đảm và cương quyết đi đến cùng."

Lời tuyên bố không có gì mới lạ trên được tung ra trong bối cảnh tranh chấp gay gắt giữa chính quyền và nhánh lập pháp nay thuộc giới đối lập Dân-chủ và hai phần ba dân chúng Mỹ phản đối cuộc chiến. Nhánh lập pháp nay muốn—và có khả năng—quân bằng quyền hành giữa chính quyền (hành pháp) với lập pháp trong thời chiến. Hạ viện với đa số Dân-chủ rõ rệt muốn và cũng có khả năng thông qua đề nghị đặt điều kiện trên một trăm tỉ đô-la tổng thống xin cho cuộc chiến Iraq. Đề nghị này đòi chính quyền rút quân tham chiến ra khỏi Iraq năm tới, một thời khóa biểu ông Bush từng xem là bất lợi cho quân lực Mỹ tham chiến và có lợi cho quân nổi dậy ở Iraq.

Theo nhật báo *The New York Times*, nội dung diễn văn của tổng thống đáng chú ý ở điểm nó khác với những tuyên bố đầu cuộc chiến, khi ông còn lớn tiếng hô hào mục tiêu xiển dương dân chủ trên toàn vùng Tây-Nam-Á. Ông lập lại cảnh cáo, "Nếu lực lượng Hoa-Kỳ rút khỏi Baghdad trước khi nơi này ổn định hơn, bạo hành sẽ lan tràn khắp nước; cùng với thời gian bạo hành sẽ lan ra toàn vùng." Ông lý luận tiếp rằng quốc hội có trách nhiệm ủng hộ binh sĩ đang chiến đấu ở Iraq, và ông là người độc nhất với thẩm quyền quyết định cả chiến lược và thời khóa biểu gia tăng hay giảm bớt quân số. Nhưng đa số đối lập trong quốc hội, phản ánh tỉ số ủng hộ tổng thống quá thấp và mức độ bất bình vì số thương vong quá cao ở Iraq, dùng cơ hội này để tấn công hành pháp. Chủ tịch hạ viện Nancy Pelosi (Dân-chủ, California) nói, "Dân chúng Mỹ đã hoàn toàn mất niềm tin vào kế hoạch cho cuộc chiến không có mấy triển vọng chấm dứt ở Iraq. Dân chúng đã phủ quyết kế hoạch lụn bại này [qua bầu cử cuối năm ngoái], và nó sẽ bị quốc hội phủ quyết." Nghị-sĩ Harry Reid (Nevada), lãnh tụ đa số Dân-chủ thượng viện, tuyên bố, "Sau bốn năm thất bại chồng chất, giải pháp của tổng thống là tiếp tục lập lại những gì đã làm. Với ủng hộ từ phe thiểu số Cộng-hòa thượng viện [nỗ lực đánh bại nghị quyết rút quân năm 2008] tổng thống muốn đổ thêm binh sĩ Mỹ vào một cuộc nội chiến không biết bao giờ mới chấm dứt."

Vào đúng ngày bốn năm mở đầu cuộc chiến, chủ tịch Pelosi ráo riết vận động những nhân vật Dân-chủ với ảnh hưởng lớn trong và ngoài chính quyền ủng hộ dự luật 124 tỉ tài trợ chiến tranh Iraq với điều kiện rút quân Mỹ về nước trước mùa thu 2008, và có thể sớm hơn nữa nếu chính quyền Iraq không đạt được những kết quả tối thiểu về ổn định an ninh. Một số nhân vật Dân-chủ đại diện California với ảnh hưởng lớn như dân biểu Barbara Lee, Lynn Woolsey, Maxine Waters, và Dennis Kucinich (Ohio, từng nhiều lần ứng cử tổng thống) còn đi xa hơn nữa và đòi chấm dứt cuộc chiến ngay tức khắc.

B. "Quá ít, quá trễ"

Cũng theo tổng kết bốn năm của tờ *Times* tính đến tháng Ba năm nay số tấn công gây thương vong cho binh sĩ Mỹ, lực lượng an ninh và thường dân Iraq vẫn tiếp tục gia tăng ở mức trung bình gần một ngàn vụ mỗi tuần, với lực lượng Mỹ chịu mũi dùi chính và lực lượng an ninh cùng với thường dân Iraq chịu thương vong nhiều nhất. Mức nhu cầu điện khí gia tăng gấp

đôi, trong khi mức cung cấp hầu như không khác gì mấy thời điểm Hoa-Kỳ tấn công xâm chiếm Iraq bốn năm trước. Mức lạm phát trung bình là năm-mươi phần trăm và chỉ số giá cả tiêu thụ gia tăng hơn gấp đôi. Theo viện nghiên cứu thẩm quyền RAND ở California, đánh bom khủng bố, được định nghĩa như đánh bom "nhằm tạo ra một không khí lo sợ hoảng hốt," gia tăng đều đặn chứ không thuyên giảm. LHQ cho biết gần hai triệu người Iraq đã bỏ nước chạy sang các nước láng giềng lánh nạn; bốn triệu sáu người bỏ nhà cửa chạy loạn trong nước với dân số khoảng 24 triệu người. Đây là những con số trên giấy tờ ghi nhận được; con số thật còn lớn hơn gấp bội. Chuyên san y khoa Anh, tờ *The Lancet* hợp tác với hai viện đại học uy tín Mỹ Johns Hopkins và MIT (Massachusetts Institute of Technology) làm tổng kết và báo cáo đưa ra con số hơn sáu trăm ngàn người Iraq thương vong trong bốn năm qua vì chiến tranh và bạo hành.

GẶP GỠ Ở BAGHDAD: Bộ-trưởng ngoại-giao Iraq Hoshyar Zebari (trái) và thủ-tướng Iraq Nuri Maliki chào mừng đại-sứ Mỹ Zalmay Khalilzad. Ông Khalilzad kín-đáo chỉ-trích Ba-Tư trong diễn-văn mở đầu buổi gặp gỡ.

Những thay đổi nhân sự cao cấp Mỹ cả về mặt quân lẫn dân sự ở Iraq từ đầu năm cùng dự định đôn quân khoảng 21 ngàn binh lính nữa cho thủ đô Baghdad và thành phố al Fallujah chưa thấy đưa đến một kết quả khả quan nào. Tướng ba sao David Petraeus vừa được tăng thêm một sao với chuyến quân phái qua Iraq lần thứ ba trong chức vụ tổng chỉ huy lực lượng viễn chinh thay tướng George Casey, và được chính quyền thổi phồng lên như một người có thể làm phép mầu thay đổi lụn bại ở Iraq (xin xem *Chính-Trị Hoa-Kỳ: Năm Qua Và Tới*, Thế-Kỷ 21, tháng Ba 2007, cùng người viết), nhưng xem chừng không đưa ra điều gì mới lạ. Ông được xem như có thành tích "bình định" ở bắc Iraq trước đây, nhưng vùng này tương đối khá dễ bình định vì phần lớn cư dân địa phương là người Kurds, nhóm thiểu số được lợi nhất vì cuộc tấn công xâm chiếm bốn năm trước và luôn luôn là nhóm ủng hộ Hoa-Kỳ độc nhất toàn vùng (đa số dân tản cư lánh nạn trong nước đều dồn về vùng an toàn phía bắc, đến nỗi nay người Kurds đòi hỏi người di tản phải có "bảo trợ" của người địa phương mới được đến vùng này tạm trú hay định cư).

Trước khi trở lại Iraq lần thứ ba tướng Petraeus đã về nước để trông coi soạn thảo cẩm nang "mới" về chiến tranh chống nổi dậy cho lục quân và thủy quân lục chiến. Không có mấy tin tức rõ rệt về cẩm nang này, nhưng qua những tuyên bố rải rác của ông Petraeus người ta không thấy có gì mới mẻ lắm trong việc bình định với các kỹ thuật chiến tranh chính trị và tâm lý chiến kiểu "chống Cộng" đã áp dụng ở Phi-Luật-Tân thập niên 1950 và ở Việt-Nam sau đó. "Bình định" và "tâm lý chiến" hay "chiến tranh chính trị" hoặc "dân vận" thật khó áp dụng trong trường hợp một nước ngoại bang xa lạ bỗng dưng dùng quân lực siêu đẳng của mình dội bom đạn xâm chiếm đất nước nạn nhân với những lý do sai lạc và hoàn toàn bịa đặt. Thăm dò dư luận ở Iraq cho thấy đến 79 phần trăm dân chúng xem chuyện dùng vũ trang để tấn công lực lượng chiếm đóng Mỹ là "có thể chấp nhận được"("acceptable"). Chính quyền Bush khoảng ba năm trước đã thuê một nữ chuyên viên cao cấp về quảng cáo tiếp thị từ đại lộ Madison, Nữu Ước (nơi được xem là đầu não quảng cáo tiếp thị trên thế giới), vào cấp thứ trưởng tuyên truyền dân vận cho "chính nghĩa" của Hoa-Kỳ trong thế giới Hồi-giáo. Bà chuyên

viên này đã nghỉ việc không lâu sau đó và được thay thế bởi bà Karen Hughes, cố vấn tuyên truyền dân vận thân tín lâu đời của tổng thống Bush từ thời còn ở Texas. Cả hai bà đều thất bại trong một thời gian ngắn ngủi trong việc nâng cao "chính nghĩa" và cũng im lặng rút lui vào bóng tối.

Ông Ahmad Chalabi, tay chính trị lưu vong hoạt đầu nay đã "cháy tiêu" (từng là lá bài lớn ở Iraq của nguyên tổng trưởng Donald Rumsfeld, bộ quốc phòng, và phó tổng thống Dick Cheney, tòa Nhà Trắng), nhân kỷ niệm bốn năm cuộc chiến cũng đưa ra nhiều nhận xét đáng chú ý. Ông Chalabi nói về mặt quân sự cuộc chiến "giải phóng" lúc đầu là một thành công lớn, nhưng sau khi giải phóng biến thành "chiếm đóng" Hoa-Kỳ bị sa lầy bởi những nổi dậy không ngừng, lực lượng an ninh Iraq thiếu kỷ luật, gia tăng hiện diện quân số Mỹ và giới lãnh đạo Iraq chia rẽ vì tôn giáo và chủng tộc. Theo ông Hoa-Kỳ bắt đầu sa lầy với quyết định nắm quyền quản trị Iraq mà không để quyền này vào tay giới lãnh đạo đối lập lưu vong, như ông Chalabi chẳng hạn. Ông Rumsfeld có không vận Chalabi cùng sáu trăm lính thuộc "Lực-lượng Iraq Tự-do" mới tạo ra vào Iraq bốn tuần lễ sau đợt tấn công đầu tiên, nhưng có lẽ "giới lãnh đạo đối lập lưu vong" quá dính liền với Hoa-Kỳ và không có mấy ủng hộ của dân chúng trong nước nên kế hoạch "giật giây thực dân bản xứ/địa phương" cũ kỹ đã bị "chìm xuồng."

Ông Chalabi tuyên bố, "Hoa-Kỳ đã chuyển từ người giải phóng sang kẻ chiếm đóng." Và những sai lầm tiếp tục sau đó với "những khiếm khuyết" của quyền quản trị lâm thời Mỹ (thật sự là kế hoạch của bộ ngoại giao với ảnh hưởng cạnh tranh mạnh từ bộ quốc phòng) quá lỏng lẻo với tiền bạc chi thu, rồi đến tai họa chính quyền chuyển tiếp đặt để bởi Hoa-Kỳ (thật sự là "người của CIA," theo ông Chalabi). Hoa-Kỳ cũng đã dại dột không thu phục giáo sĩ Muqtada al-Sadr vào tiến trình chính trị để lãnh tụ Shiite này trở thành "anh hùng chống Mỹ" gay gắt với ủng hộ đáng kể của dân chúng Iraq. Về nhân sự tôn giáo, chủng tộc ở Iraq, những quyền lợi bè phái đã đi lên trên quyền lợi đất nước và từ đây tham nhũng, hối mại quyền thế lan tràn. Tệ hại hơn nữa là những bạo hành có người cầm quyền bảo trợ phía sau được dùng để giải quyết những tranh chấp, khác biệt chính trị giữa giáo phái Shiite đa số cao ngạo vì thắng thế và phe Sunni thiểu số hậm hực mất quyền lợi.

Ông Chalabi xem ra đã rất nhẹ nhàng với chính mình, một người thuộc giòng dõi đại địa chủ giầu có lâu đời đã bỏ nước ra đi từ thời còn trẻ với án lem nhem tiền ngân hàng, lưu vong từ Anh sang Hoa-Kỳ với liên hệ chặt chẽ với giới tân bảo thủ Mỹ cũng như ông Rumsfeld và phó tổng thống Cheney, và hy vọng một ngày nào sẽ đóng vai trò quan trọng ở Iraq. Từ khi được mang từ Mỹ qua Anh về Iraq ông đã là một trong những phó thủ tướng; ông đã nắm nhiều chức vụ trong chính quyền hoàn toàn do bổ nhiệm chứ không phải do dân chúng bầu ra với không mấy thành tích; rồi đẩ bị Hoa-Kỳ buộc tội lem nhem tiền bạc, liên hệ đáng nghi ngờ với Tehran, xuýt vào tù và hiện đang "ngồi chơi, xơi nước" ở thủ đô Baghdad. Trong kỳ bầu cử cuối năm 2005 liên danh không tôn giáo (tuy ông là người Shiite) của ông không lấy được ghế nào trong quốc hội và do đó hiện nay ông không có vai trò chính thức nào hết. Tuy nhiên, là người nhìn xa trông rộng (ông có bằng tiến sĩ toán học ở MIT) ông đang chú tâm vào những vấn đề xã hội và định cư dân chúng, hai lãnh vực hoạt động dễ thu hút tiền bạc quốc tế khi cuộc chiến Hoa-Kỳ bầy ra phải chấm dứt một cách nào đó.

Không một chút ăn năn về vai trò quá khứ của mình, ông tâm sự, "Nếu mọi sự tốt đẹp đã có hòa bình ở Iraq. Ngày nay Iraq đã có thể bơm ba triệu rưỡi thùng dầu thô. Đã có thể đủ điện khí mọi chỗ và kiến thiết khắp nơi." Chứ không phải lụn bại tương tàn vì bạo hành.

II. BA-TƯ VÀ HOA-KỲ: NHỮNG CƠ-HỘI BỎ LỠ

Hai đợt hỏa pháo nhắm vào tòa nhà hội họp ở Iraq giữa đại biểu mười-bẩy nước cũng xẩy ra cùng với vụ đánh bom bằng xe hơi cùng ngày Mười tháng Ba, trong khu nhà nghèo thuộc Sadr City phía đông bắc thủ đô Baghdad với khoảng hai triệu rưỡi cư dân Shiite trung thành với giáo sĩ Muqtada al-Sadr, lãnh tụ một hệ phái Shiite chống Mỹ kịch liệt từ bốn năm nay. Tuy vẫn giữ quyền kiểm soát Sadr City (đặt theo tên bố ông Muqtada, một đại giáo sĩ đã bị Saddam Hussein hạ sát trước đây, thay cho tên Saddam City), giáo sĩ Sadr đã rời bản doanh về vùng đa số Shiite phía nam Iraq từ lâu,và hiện nay cũng không có mặt tại miền nam. Nhiều người nghĩ rằng ông đã tạm lánh mặt qua Ba-Tư cũng như đã ra lệnh cho người ủng hộ không xuất đầu lộ

CẮT VIỆN-TRỢ CHO BA-TƯ: Chủ-tịch Cơ-quan Nguyên-tử-năng LHQ ông Mohamed ElBaradei (trái), đại-diện Trung-Hoa Tang Guoqiang và đại-sứ Slovenia Ernest Petric gặp nhau ở Vienna (Áo) với quyết định cắt 22 chương-trình viện-trợ kỹ-thuật cho Ba-Tư.

diện để tránh mũi dùi quân đội Mỹ và Iraq tiến vào Sadr City. Ông Sadr cũng đã biệt tung tích ở Ba-Tư, có thể là để từ hậu cứ an toàn này tiếp tục điều khiển dân quân Al Madhi ở cả bắc lẫn nam Iraq và ba-mươi nhân vật dân cử thuộc cùng hệ phái trong quốc hội (cánh tay chính trị của Sadr mà ông Maliki hoàn toàn lệ thuộc vào để giữ đa số trong quốc hội và có thể tiếp tục giữ quyền thủ tướng sau tổng tuyển cử cuối năm 2005).

Cơ hội đối thoại song phương giữa Ba-Tư và Hoa-Kỳ tháng Ba vừa qua nhằm giải quyết chiến trường Iraq, và nhất là mức gia tăng nguyên tử năng ở Ba-Tư dưới chính quyền mới Mahmoud Ahmadinejad, không phải là dịp liên hệ độc nhất giữa hai nước kể từ thập niên 1980 như nhiều người nghĩ. Giới học giả, chuyên viên ngoại giao và truyền thông đã ghi nhận những đi lại lâu năm và liên tục giữa hai bên.

A. Những qua lại không đi đến đâu

Ít nhất là mười năm gần đây viên chức Mỹ từng đi lại và gặp mặt trực tiếp viên chức Ba-Tư, thường qua trung gian của Liên Hiệp Quốc, sau khi Hoa-Kỳ và Ba-Tư chấm dứt liên hệ ngoại giao với vụ cách mạng ở Ba-Tư cầm giữ con tin Mỹ (nhân viên tòa đại sứ Mỹ) hơn bốn trăm ngày trong hai năm 1979 và 1980. Những hợp tác tưởng như tốt đẹp giữa đôi bên về A-Phú-Hãn (Afghanistan), Iraq và khủng bố Al Qaeda sau vụ tấn công Mười-một tháng Chín năm 2001 cũng không đi đến một kết quả khả quan nào, mà còn gây thêm những nghi ngờ và bực bội.

Trong thập niên 1980, chính quyền Cộng-hòa bảo thủ hai nhiệm kỳ Ronald Reagan quyết định lén lút bán vũ khí cho Ba-Tư (đang có chiến tranh tám năm đẫm máu với Iraq dưới quyền Saddam Hussein) vi phạm luật Bolland cấm Hoa-Kỳ bán vũ khí cho những nước thù nghịch. Chính quyền Reagan làm việc này với hai mục tiêu rõ rệt: thứ nhất, liên hệ gây cảm tình với Ba-Tư để chính quyền ở thủ đô Tehran dùng ảnh hưởng can thiệp giúp giải thoát con tin Mỹ ở Lebanon (thời nội chiến bốn năm phe phái và cũng là thời điểm Tehran ủng hộ tổ chức Hezbollah hoạt động ở đây); thứ hai, dùng tiền bán vũ khí bất hợp pháp này chuyển cho phiến quân "Contra" do CIA khởi xướng từ Honduras và El Salvador cũng như trong nước chống lại chính quyền hợp pháp nhưng tả phái Sandanistas ở Nicaragua. Hai hành động bất hợp pháp này bị báo chí truyền thông khui ra và nổ bùng thành xì-căng-đan "Iran-Contra" khiến tổng thống Reagan, người bảo thủ nổi tiếng vì gọi Nga Xô-viết bấy giờ là "Đế-quốc Ác-tà, *Evil*

Empire," gần bị giải nhiệm bởi quốc hội (một số nhân vật cao cấp trong nội các nhận tội, bị bãi chức và đi tù gồm cả đề đốc Pointdexter và trung tá Oliver North để "cứu" tổng thống, người trốn tội bằng cách nói không hề biết gì hai chuyện này).

Giữa thập niên 1990 chính quyền Dân-chủ hai nhiệm kỳ Bill Clinton khuyến khích Tehran chuyển vũ khí bất hợp pháp tới người Hồi-giáo ở Bosnia (Đông Âu) để chống lại đàn áp của hai kẻ nội thù khác tôn giáo và chủng tộc —dù Hoa-Kỳ đã hứa ủng hộ cấm vận mọi vũ trang đến vùng này của LHQ. Khuyến khích bất hợp pháp này bị phát giác năm 1996 và bị chỉ trích nặng nề, khiến Hoa-Thịnh-Đốn và Tehran không thể xáp gần nhau hơn, dù lúc đó có cơ hội khá thuận tiện với chính quyền Mohammad Khatami khá ôn hòa nắm quyền ở Ba-Tư. Cuối thập niên 1990 chính quyền Clinton mời Tehran "đối thoại ở mức độ thẩm quyền và vô điều kiện," nhưng Ba-Tư đòi Hoa-Thịnh-Đốn bỏ những cấm vận kinh tế áp đặt lên Tehran trước đã.

Sau những liên hệ trực tiếp giữa đôi bên không đi đến đâu, LHQ bước vào vai trò trung gian cho hai bên đi lại với nhau. Năm 1998, nhà ngoại giao LHQ Lakhdan Brahimi gốc Algerie lập một nhóm liên lạc gọi là nhóm "6 + 2" để để gặp gỡ ở Nữu-Ước nhằm giải quyết xung đột ở A-Phú-Hãn. Nhóm này gồm sáu nước láng giềng Trung-Hoa, Hồi-Quốc, Ba-Tư, Turkmenistan, Uzbekistan, Tajikistan cùng hai nước Nga và Hoa-Kỳ. Đây là lần đầu tiên giới ngoại giao Mỹ và Ba-Tư chính thứ dù kín đáo gặp mặt nhau trong một phòng hội nhỏ. Năm 2001, bắt đầu thời chính quyền George W. Bush, LHQ tạo một đàm trường mới cho Hoa-Kỳ và Ba-Tư gọi là Sáng-kiến Genève, gồm cả hai nước Ý và Đức. Ông Brahimi cho biết, "Đây chính ra là một hình thức để Ba-Tư và Hoa-Kỳ gặp gỡ nhau... Một thời gian sau tôi nhấn đôi bên không cần phải lôi kéo người Ý và Đức vào nữa. Khi chỉ còn tôi ngồi chung bàn gặp gỡ, tôi cũng khiếu từ và để đôi bên tự nhiên."

Sau vụ tấn công Mười-một tháng Chín 2001, Hoa-Thịnh-Đốn và Tehran có kẻ thù chung là người Hồi-giáo cực đoan Taliban ở A-Phú-Hãn: đối với Ba-Tư với đại đa số thuộc phái Shiite, người Taliban với đại đa số thuộc phái Sunni là một đe dọa lớn lao; đối với chính quyền Bush, Taliban là những người cưu mang bảo vệ kẻ thù số một Osama bin Laden. Trước cuộc tấn công xâm chiếm A-Phú-Hãn dẫn đầu bởi Hoa-Kỳ tháng Mười năm 2001 viên chức Mỹ và Ba-Tư điều hợp cộng tác giữa các xứ quân có ủng hộ của Ba-Tư với lực lượng tấn công của Hoa-Kỳ chống Taliban. Cả hai bên cũng hợp tác chính trị trong các gặp gỡ ở Đức tháng Mười-hai năm 2001 để thành lập chính phủ A-Phú-Hãn lâm thời. Đại sứ Ba-Tư ở LHQ, ông Javad Zarif "đã có những hành động quyết định" để giải quyết các khó khăn trong nỗ lực này, theo ông James Dobbins, sứ giả thuộc bộ ngoại giao Mỹ lúc bấy giờ. Tehran cho thấy rõ ý định đối thoại chiến lược trực tiếp với Hoa-Thịnh-Đốn ngay sau đó, nhưng ngoại trưởng Colin Powell đã tảng lờ chuyện này. Sáu tuần lễ sau, với tham vọng đi vào Iraq, tổng thống Bush bắt chước tổng thống Reagan lấy điểm với giới bảo thủ trong nước lại đặt Ba-Tư vào "trục ác-tà, *Evil Axis*" với Iraq và Bắc-Hàn. Sau những hợp tác và giúp đỡ Hoa-Thịnh-Đốn ở A-Phú-Hãn mà không được tưởng thưởng nào,Tehran rất ngạc nhiên và bất mãn vì lối đối xử của chính quyền Bush.

Các nhà ngoại giao Ba-Tư ở thủ đô Kabul, A-Phú-Hãn, tiếp tục gặp gỡ ông Zalmay Khalilzad, lúc đó còn là đại sứ Mỹ ở đây suốt một năm sau. Ông Khalilzad gốc người A-Phú-Hãn nói được tiếng Ba-Tư (người Ba-Tư tuy theo Hồi-giáo nhưng không thuộc văn hóa A-Rập; ngôn ngữ đa số là Farsi, chứ không phải A-Rập; hệ phái tôn giáo đại đa số là Shite không phải Sunni như khoảng hai-mươi nước A-Rập Hồi-giáo quanh vùng) mở rộng giao tế từ các vấn đề về A-Phú-Hãn đến những đề tài chiến lược lớn hơn. Nhà ngoại giao Algerie Brahimi cho biết, "Chắc chắn hai bên nói nhiều về Al Qaeda và Iraq. Nhưng tôi không rõ về các đề tài khác, như nối lại liên hệ ngoại giao giữa hai nước." Nhưng rõ rệt là Tehran mạnh dạn hơn: tháng Năm 2003, từ Tehran văn thư dài hai trang được xem là "đồ trình" để bình thường hóa liên hệ được gửi đến bộ ngoại giao Mỹ qua tay đại sứ Thụy-Sĩ ở Ba-Tư. Văn thư với sự thỏa thuận của giới lãnh đạo tôn giáo và chính trị cao cấp đề cập đến những khác biệt giữa hai nước, kể cả chương trình nguyên tử năng của Tehran. Ngoại trưởng Condoleezza Rice, lúc đó còn là cố vấn an ninh của tổng thống, nay nói không hề thấy văn thư này, và tổng thống Bush cũng chưa xác nhận điều này. Đại sứ Thụy-Sĩ bị Hoa-Thịnh-Đốn khiển trách là đi quá tầm vai trò của mình, nhưng một bản sao văn thư này đã được gửi đến tòa Nhà Trắng. Ở thời điểm này Hoa-Kỳ giữ vị trí tột đỉnh trong vùng: quân đội Mỹ chiếm đóng Iraq,

Ba-Tư chưa bắt đầu chương trình tinh luyện nguyên tử năng cũng như chưa ảnh hưởng can thiệp vào Iraq, và chính quyền ôn hòa Khatami vẫn còn ở thủ đô Tehran. Hoa-Thịnh-Đốn có nhiều điều kiện và cơ hội chặn đứng tham vọng nguyên tử của Tehran và thay đổi đường hướng ngoại giao với Tehran, nhưng kiêu ngạo ngút trời đã ngăn cản suy nghĩ và hành động hợp lý, ôn hòa.

B. Liên hệ chuyển sang thù nghịch

Tháng Tám năm 2005 lãnh tụ bảo thủ cực đoan và cũng là đô trưởng Tehran, ông Mahmoud Ahmadinejad lên nắm vai trò tổng thống mới ở Ba-Tư với sự ủng hộ của dân chúng và giới lãnh đạo tôn giáo tối cao ở Ba-Tư. Trên nền trời quốc tế, những sai lầm và thất bại của Hoa-Kỳ sau hai năm rưỡi ở Iraq đưa Ba-Tư đến địa vị tột đỉnh trong vùng Tây-Nam Á, với ảnh hưởng bao trùm lên Iraq, A-Phú-Hãn, Lebanon và xa hơn nữa. Với tư thế và thanh thế mới, cùng với số dầu hỏa dự trữ lớn lao và vị trí hàng thứ tư trong vùng về xuất cảng dầu, Tehran ngang nhiên xúc tiến chương trình nguyên tử hóa thách thức nghị quyết phản đối của Hội-đồng Bảo-an LHQ, gây âu lo về an ninh cho Do-Thái, và từ đây cũng có nghĩa là những âu lo cho Hoa-Kỳ. Ba-Tư cũng là nước Hồi-giáo Shiite lớn nhất thế giới và đang giương ngọn cờ lãnh đạo Shiite trong thế giới Hồi-giáo cả tỉ người mà đa số thuộc hệ phái Sunni, tất cả đều bất mãn với Do-Thái ở Palestine cũng như với Hoa-Thịnh-Đốn luôn luôn triệt để đứng sau lưng Do-Thái. Nhà phân tích chính trị A-Rập Abdel Khaleq Abdullah tuyên bố, "Một Iraq suy thoái đang đứng bên cạnh một nước Ba-Tư hùng mạnh. [Hoa-Kỳ đã tiêu diệt Hussein và Iraq, người và nước có thể ngăn chặn Ba-Tư, và] trong vùng không còn ai là đối thủ của Ba-Tư — trừ Hoa-Kỳ, một đối thủ từ bên ngoài. Đây khiến Ba-Tư xem mình là tối cao [trong vùng] và ai cũng thấy rõ điều này."

Trong nước, tổng thống Ahmadinejad (xuất thân từ một gia đình bình dân nghèo khó, và không bao giờ đeo cà-vạt) là người sùng đạo với sự ủng hộ của đa số dân chúng và tín nhiệm của Lãnh-tụ Tối-cao (Supreme Leader) đại giáo sĩ (Ayatollah) Ali Khamenei. Ayatollah Khamenei là người thừa kế của Ayatollah Ruhollah Khomeini, người từng lưu vong, lật đổ và chấm dứt triều đại Sa-hoàng (Shah) Pahlavi thế tục và tàn bạo (năm 1979) do CIA Mỹ đảo chính dựng lên và ủng hộ từ năm 1953. Ông Ahmadinejad cũng được sự ủng hộ nồng nhiệt và tích cực của Vệ-binh Cách-mạng (Revolutionary Guards) và dân quân Basji, những người tranh đấu trung kiên thời chống Sa-hoàng, chống Mỹ, và chống Saddam Hussein (lãnh tụ Hồi Sunni thiểu số đè nén tàn bạo người Shiite đa số ở Iraq —anh em với Shiite ở Ba-Tư) trong cuộc chiến tám năm (1980-1988). Trong cuộc chiến với Iraq ông Ahmadinejad từng là một biệt kích quân và phó thống đốc một tỉnh địa đầu ở tuổi trên dưới hai mươi. Ông không những là một lãnh tụ lớn trong cuộc Cách-mạng Hồi-giáo (Islamic Revolution) toàn cầu; ông còn là biểu hiện cho những ước mơ khao khát của dân chúng Ba-Tư và người Hồi-giáo với những tham vọng lớn lao và chính nghĩa vời vợi. Người Ba-Tư hầu như vẫn chưa quên chuyện Hoa-Kỳ dùng CIA và các tay sai bản xứ lật đổ chính quyền dân chủ quốc gia Mohammed Mossadegh năm 1953 (vì tổng thống Mossadegh đòi quyền quốc hữu hóa giành lại dầu hỏa cho Ba-Tư từ các đại công ty dầu hỏa Anh và Mỹ) và thay vào đây bằng triều đại Pahlavi. Một thiểu số người Ba-Tư trong nước và người lưu vong khá đông đảo ở Hoa-Kỳ cũng chống đối chính quyền Ahmadinejad và chế độ "thần quyền" (theocracy).

Theo đại sứ Ba-Tư Zarif, đầu năm 2006 Hoa-Thịnh-Đốn mời Tehran nói chuyện về Iraq; đại sứ Mỹ Khalilzad được phép sắp xếp những gặp mặt với các nhân vật Ba-Tư cùng cấp bực, nhưng rồi tòa Nhà Trắng lại thay đổi ý kiến. Ông Zarif nói, "Hoa-Kỳ đưa ra những trái bong bóng thử nghiệm; khi Tehran đáp ứng một cách tích cực, những qua lại bắt đầu, nhưng kết quả luôn luôn là tiêu cực." Một số nhà phân tích chính trị Mỹ nói Hoa-Thịnh-Đốn tiếp tục đưa ra những tín hiệu đầy mâu thuẫn. Ông Flynt Laveret, một nhà phân tích thuộc CIA và chuyên viên về "Trung Đông" thuộc bộ ngoại giao trước đây, và hiện nay là một thành viên viện nghiên cứu New American Foundation nói, "Hoa-Kỳ vừa đấm đá Ba-Tư trong Hội-đồng Bảo-an LHQ, đòi đặt những biện pháp phong tỏa nước này vừa cố yêu cầu Ba-Tư giúp đỡ ở Iraq. Ba-Tư chắc chắn không có lý do gì để giúp Hoa-Kỳ." Ông John Bolton, nguyên đại sứ Mỹ tại LHQ (có thể sẽ được thay thế bởi ông Khalilzad, hiện là đại sứ tại Iraq) và cũng là người cương quyết đòi "thay đổi chế độ" tại Ba-Tư, tuyên bố rằng quyền lợi đôi bên không mấy hòa hợp như thuở ban đầu ở A-Phú-Hãn. Ông nói, "Tôi không nghĩ rằng lúc này họ sẽ đóng một vai trò 'lợi ích' nào cho Hoa-Kỳ. Tôi không

tin chuyện này sẽ xẩy ra. Không có nghĩa là nếu chúng ta bật đèn xanh cho họ về chuyện phát triển nguyên tử năng họ sẽ ngưng chuyện xía vào Iraq."

Nguyên sứ giả bộ ngoại giao James Dobbins nói một bài học về Hoa-Kỳ hợp tác ở A-Phú-Hãn với Ba-Tư là Tehran có thể quyết định kết quả tốt hoặc xấu từ một hoàn cảnh nào đó. Ông tuyên bố, "Nếu chúng ta không nhận được giúp đỡ từ Tehran để ổn định tình trạng [Iraq chẳng hạn], chúng ta sẽ không có ổn định. Phân tích cho đến cùng, nước độc nhất có thể đưa đến hệ quả tốt hay xấu là Ba-Tư."

Hoa-Kỳ và LHQ có thể đưa ra những biện pháp phong tỏa, chế tài kinh tế như trừng phạt các công ty Ba-Tư có liên hệ đến nguyên tử năng cùng những phong tỏa, cấm vận tài chính rộng lớn hơn từ mặt bên ngoài. Những phong tỏa, cấm vận kinh tế xem ra không mấy hiệu quả dựa trên kinh nghiệm các biện pháp tương tự đối với Iraq dưới thời Saddam Hussein, ngay cả lúc mà hầu như cả thế giới lên án nhà độc tài tàn bạo này. Trường hợp Ba-Tư khác hẳn Iraq, và một mình Tehran hiện chiếm vị trí lãnh đạo có chính nghĩa trong thế giới Hồi-giáo, vì chính quyền Bush từ năm 2001 từng bị xem như, hay ngoài thực tế tỏ ra chống hoặc ít nhất cũng có ác cảm hay kỳ thị người Hồi-giáo nói chung. Tehran bây giờ cũng được ủng hộ của những "đồng minh" chiến lược như Venezuela (Nam Mỹ) với số dự trữ dầu hỏa lớn lao và tổng thống Hugo Chavez chống Mỹ kịch liệt (ông Ahmadinejad mới gặp mặt ông Chavez gần đây), những nước lớn thuộc Liên-đoàn Âu-châu (European Union) luôn luôn cần dầu hỏa, Ấn-Độ và nhất là Trung-Hoa hung hăng đi tìm nguồn dầu hỏa ở mọi nơi với mọi giá để đáp ứng với đà phát triển kỹ nghệ hóa nhảy vọt. Đây chưa kể Nhật-Bản với nhu cầu dầu hỏa hoàn toàn lệ thuộc vào bên ngoài, và Nga sẵn sàng ủng hộ nước nào "chống Mỹ" giống như tư thế thời Chiến-tranh Lạnh dài hơn bốn-mươi năm trước đây.

Hoa-Thịnh-Đốn cũng cố ngăn chặn ảnh hưởng của Tehran qua viện trợ và ủng hộ cho những nhóm "khủng bố" như Hezbollah với thế chính trị và cánh tay quân sự mạnh nhất ở Lebanon (xin xem bài *Lò Lửa "Trung-Đông" Lại Bùng Nổ,* Thế-Kỷ 21, tháng Chín 2006, cùng người viết), Hamas đang cầm quyền ở lãnh thổ Palestine cũng như chính quyền Shiite cùng các nhóm nổi dậy và dân quân chống Mỹ ở Iraq. Những hỗ trợ từ Hoa-Thịnh-Đốn cho những nước hoặc phe phái bị áp lực từ Tehran cho đến nay chưa đem đến kết quả rõ rệt mấy. Hơn nữa, vì tai tiếng và hành động đế quốc của chính quyền Bush nói riêng và của Hoa-Kỳ nói chung ở trong vùng —giống như kinh nghiệm ở nhiều nơi khác trước đây trong hậu bán thế kỷ vừa qua— những hỗ trợ từ Hoa-Thịnh-Đốn đều như con dao hai lưỡi hay "nụ hôn tử thần," vì những thế lực hay chính quyền nào có ủng hộ của Hoa-Thịnh-Đốn đều bị người địa phương xem là đáng nghi ngờ nếu không nói là cần phải phản đối (điều này cũng đúng với Mạc-Tư-Khoa thời còn đế quốc Nga Xô-viết hay hiện nay tại những cộng hòa đã tách khỏi đế quốc đầu thập niên 1990). Chính quyền Bush càng đe dọa, thách thức Tehran (ít nhất bề ngoài ông Bush phải làm chuyện này để gây lại vốn chính trị dựa trên "an ninh quốc gia"), chính quyền Ahmedinejad càng được ủng hộ của dân chúng Ba-Tư (cũng dựa trên vốn "an ninh quốc gia" hay "tự ái dân tộc") bình thường đã bất mãn nhiều với chính quyền vì những khó khăn chật vật trong đời sống kinh tế. Oái oăm thay, nhiều nhà quan sát chính trị nhận xét hai ông Bush và Ahmadinejad cần nhau hơn ai hết, ít nhất là trong giai đoạn này để bớt phần nào mức dân chúng bất mãn chống đối chính quyền!

C. Một mặt trận Ba Tư?

Về mặt quân sự, từ đầu năm chính quyền Bush đã cho di chuyển ít nhất hai nhóm hàng không mẫu hạm (gồm tầu mẹ lớn mang máy bay chiến đấu và bỏ bom, trực thăng tấn công, di chuyển và cấp cứu, với hàng chục tầu bè nhỏ và nhanh hơn để bảo vệ tầu mẹ cũng như súng đại bác và hỏa tiễn tấn công tầm xa) đến vùng vịnh Ba-Tư. Đồng thời đô đốc William Fallon, nguyên phi công hải quân trong thời chiến tranh Việt-Nam và từng chỉ huy hải lực Mỹ ở Đông Á và Thái-Bình-Dương được chuyển về làm chỉ huy trưởng bộ Chỉ-huy Trung-ương toàn cầu (CENTCom, trông coi hết vùng Tây-Nam Á) thay thế tướng bộ binh John Abizaid. Đây là thay đổi khá bất thường và các nhà quan sát chính trị nghĩ rằng chính quyền Bush thực sự muốn mở mặt trận trận địa chiến đánh vào Ba-Tư —như Hoa-Kỳ đã làm ở Kuwait, A-Phú-Hãn và Iraq trước đây với tướng chỉ huy bộ binh— để giải quyết chuyện Tehran phát triển nguyên tử năng và ảnh hưởng lớn lao vào Iraq cũng như toàn vùng bán nguyệt Shiite và Tây-Nam-Á. Tấn công toàn diện với ưu thế lực lượng phi pháo và bộ binh lớn lao, trang bị cơ khí tối tân siêu đẳng ("machinery,"

theo chữ của tướng hồi hưu Anh Rupert Smith) so với lực lượng địch thủ kém trang bị hẳn trong một chiến tranh chênh lệch "không cân đối/quân bằng" ("asymetrical," cũng chữ của tướng Smith) gần như một bảo đảm chiến thắng và thành công quân sự. Đây là điều chính quyền Bush cần và mong muốn hơn hết: về mặt chính trị ông Bush không còn mấy vốn liếng để mất nữa vì sa lầy và bất lực ở Iraq, một chiến thắng quân sự ở Ba-Tư sẽ giúp ông lấy lại vốn liếng dựa vào "an ninh quốc gia" như trong năm năm đầu ở tòa Nhà Trắng (ngay cả giới đối lập Dân-chủ đa số đang tấn công, chỉ trích mạnh mẽ chính quyền Bush hiện nay cũng đồng ý phải ra tay hành động ở Ba-Tư). Trở ngại chính: vì quân lực Mỹ đang bị sa lầy tại Iraq và cầm chân ở cả A-Phú-Hãn, những khó khăn về hậu cần (logistics) và nghi ngại, hờ hững của dân chúng Mỹ khiến chính quyền không thể mở một mặt trận khác nữa.

Cùng hai nhóm hàng không mẫu hạm và đô đốc Fallon chỉ huy toàn vùng, chính quyền Bush cũng có thể dùng ưu thế lực lượng phi pháo siêu đẳng từ nhóm hàng không mẫu hạm của mình (hoặc cùng phối hợp với phi pháo từ Do-Thái) tấn công Ba-Tư với nhiều triển vọng thành công. Nhưng đây cũng không phải là chuyện giản dị, và nó mang quá nhiều những bất trắc dễ làm chùn chân Hoa-Kỳ: không có gì bảo đảm rằng chương trình nguyên tử năng Ba-Tư sẽ bị tổn thương quá mức tạm thời. Phản ứng quân sự ngoài lãnh thổ Iran chắc chắn sẽ bao gồm những tấn công "cân đối/quân bằng" tới tấp và vũ bão với biệt kích Vệ-binh Cách-mạng cùng các nhóm dân quân Shiite và nổi dậy hiện có mặt tại đây nhắm vào lực lượng Mỹ ở Iraq, các nhóm Hezbollah và Hamas với hỏa tiễn do Ba-Tư cung cấp nhắm vào khắp nơi trên lãnh thổ Do-Thái nhỏ bé. Do-Thái sẽ phải nghĩ đến chuyện sử dụng vũ khí nguyên tử mà nhiều người xem Do-Thái đã có từ lâu.

Hệ thống phòng không mạnh mẽ của Tehran không dễ gì bị áp đảo như ở Iraq; hải lực Ba-Tư chưa đáng kể, nhưng Ba-Tư cũng có hàng trăm tầu nhỏ với vận tốc nhanh sẵn sàng tấn công cảm tử hải quân Mỹ hay tầu chở dầu trong eo biển Hormutz, ngăn chặn hai phần năm số dầu trên thế giới qua cửa ngõ này đến các nước kỹ nghệ hóa Tây phương và châu Á. Tehran cũng đã đe dọa trả đũa bằng tấn công khủng bố quyền lợi kinh tế Mỹ trên khắp thế giới, "hành động bất hợp pháp để chống lại những biện pháp bất hợp pháp," như lời Ayatollah Khamenei tuyên bố mới đây. Đây chưa kể dân chúng khoảng hơn hai-mươi nước Hồi-giáo quanh vùng không thể ngồi yên cho chính quyền Bush tấn công một nước anh em Hồi-giáo nữa —và nhất là cơ hội gạt bỏ những khác biệt cũng như sợ hãi— để đồng loạt đoàn kết đứng lên tấn công xóa bỏ nước Do-Thái khỏi địa dư chính trị Tây-Nam-Á, như họ đã âm thầm hoặc công khai mơ ước từ ngày Hoa-Kỳ, Anh và LHQ tạo cơ hội cho nước này lấy đất Palestine lập quốc từ năm 1948 (xin xem *Ngoại-Giao Chuyển Mình Ở Á-Châu*, Thế-Kỷ 21, tháng Tư 2006, cùng người viết).

Như thế, chính quyền Bush chỉ còn chọn lựa phong tỏa, cấm vận kinh tế để làm áp lực Tehran. Sau hai-mươi ngày điều đình ngắn ngủi trong tháng Ba, Hoa-Kỳ, Anh, Trung-Hoa, Pháp, Đức và Nga đi đến nghị quyết phong tỏa mà LHQ có lẽ sẽ chấp thuận —nhất là khi tổng thống Amadinejad lại xuất hiện tại trụ sở LHQ ở Nữu-Ước để đe dọa, la lối phản đối nghị quyết. Nghị quyết mới này lấy được hỗ trợ quốc tế, kể cả những đồng minh truyền thống của Tehran như Nga và Trung-Hoa, vì nó không cố triệt hạ toàn diện kinh tế Ba-Tư mà chỉ nhắm vào những nghiệp vụ và cá nhân trực tiếp góp phần vào chương trình nguyên tử năng và phi đạn như những cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, một ngân hàng lớn, bẩy nhân vật lãnh đạo trong Vệ-binh Cách-mạng cũng như những công ty kinh tài cho các hoạt động của Vệ-binh (giống như Vệ-binh Đỏ ở Trung-Hoa thời Mao-Trạch-Đông, Vệ-binh Cách-mạng Ba-Tư hoàn toàn tự tài trợ cho các hoạt động của mình bằng các hoạt động kinh tài trong nước và ngoài nước).

Ánh sáng cuối đường hầm từ Iraq qua Ba-Tư tới ổn định trong vùng xem ra vẫn còn quá xa xôi mịt mù.

Xin đón đọc từ ngòi bút độc-lập, tin-cậy đã quen thuộc với người đọc qua Thế-Kỷ 21 và nhật-báo Người-Việt từ thập-niên 1970:

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU:
NHỮNG VẤN-ĐỀ HÔM NAY VÀ SẮP TỚI

TUYỂN-TẬP I *
CỔ-LŨY

* Sẽ xuất-bản—như một lời hứa không nói ra với anh ĐNY.

Hiện Trạng và Triển Vọng Cải Tổ Hệ Thống Giao Thông Tại Việt-Nam

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Hệ thống giao thông là một phần quan trọng của hạ tầng cơ sở. Trong một thập niên vừa qua, Việt-Nam đã thực hiện được một số dự án cải tiến trong lãnh vực giao thông. Tuy nhiên hệ thống giao thông của Việt-Nam tương đối vẫn còn lạc hậu. Tối tân hóa cầu cống, đường sá, hải cảng, phi trường, đường hỏa xa, và thủy lộ là điều cần thiết để phát triển kinh tế.

Hệ thống giao thông tại Việt-Nam

Hệ thống giao thông hầu hết nằm trong tay nhà nước trong mọi lãnh vực từ tài trợ, xây cất, quản trị, bảo trì, sở hữu, và vận hành trực tiếp qua chính phủ trung ương và địa phương hoặc qua những công ty quốc doanh. Trong 10 năm qua, khu vực tư nhân đầu tư vào hệ thống giao thông chiếm một tỉ lệ khiêm nhường là 2% của tổng số ngân sách chi dùng vào hệ thống giao thông.

Về dịch vụ giao thông, nhà nước cũng bao thầu hầu hết mọi ngành như hỏa xa, chuyển vận hàng hoá trên bộ, trên các thủy lộ nội địa, hàng hải, và hàng không. Khu vực tư hoạt động giới hạn trong việc chuyển vận hành khách và hàng hóa cỡ nhỏ.

Khu vực tư hoạt động giới hạn trong việc chuyển vận hành khách và hàng hóa cỡ nhỏ.

Đường sá: Việt-Nam có khoảng 222,179 km đường trong đó 7.8% là đường quốc gia, 9.8% là đường tỉnh, phần còn lại là đường huyện và làng xã. Hiện nay Việt-Nam chỉ có một xa lộ duy nhất chạy dài 1,400 km từ bắc vào nam, phần lớn chỉ có hai lên (lane). Nói chung về cả nước hệ thống đường xá của Việt-Nam chỉ có 19% là tráng nhựa. Tỉ lệ này thấp so với đường cấp quốc gia là 83.5% và đường đô thị là 60.7%. Tỉ lệ đường quốc gia tráng nhựa ở Phi Luật Tân là 70% (2004), Thái Lan 98% (ASEAN Statistical Year Book 2004), Miến Điện 80% (ASEAN Statistical Year Book 2004). Một cuộc điều nghiên thực hiện tại 16 tỉnh cho thấy rằng chỉ có khoảng 34% đường sá ở cấp huyện là tốt hoặc tạm sử dụng được.

Trong những năm qua, Việt-Nam đã cải thiện một phần nào hệ thống đường sá. Số đường với bốn lên đã tăng từ 2% trong năm 1999 đến 4% trong năm 2002. Cùng trong khoảng thời gian đó, số đường với 2-3 lên đã gia tăng từ 36% lên đến 66%. Tuy nhiên khoảng 30% của 4,100 cầu không chịu được sự năng lớn và 20% số cầu này chật hẹp. Theo một nghiên cứu của Ngân Hàng Thế Giới, nhờ những cải thiện kể trên, xe chuyên chở hàng hóa trước đây chạy với tốc độ 40 km/giờ nay có thể chạy tới 50km/giờ. Xe hành khách cũng tăng tốc từ 50 km/giờ lên đến 60 km/giờ hay 70-80 km/giờ ở một số đường. Ngoài ra, số làng xã bị cô lập giảm từ trên 600 vào năm 1999 xuống còn 269 vào năm 2005.

Bảng 1: Hệ Thống Đường Xá Ở Việt-Nam

Loại đường	Tráng nhựa	Trải đá	Đất	tổng cộng	Tỉ lệ tráng nhựa
Quốc gia	14,441	600	2,254	17,295	83.5
Tỉnh	11,657	533	9,552	21,742	53.6
Huyện	9,106	2,077	33,830	45,013	20.2
Thành phố	4,041	68	2,543	6,652	60.7
Làng xã	2,922	52,446	76,087	131,455	2.2
Tổng cộng	42,167	55,724	124,266	222,157	19.0

Nguồn: Tổng Cục Quản Trị Đường Xá Việt-Nam, 2004.

Hệ thống hỏa xa: Việt-Nam có bảy đường xe lửa với tổng cộng chiều dài là 2,632 km. Tất cả đều là đường đơn, với 1,800 cây cầu (57,044 m), 39 đường hầm (11,513 m), và 281 trạm xe lửa. Hệ thống hỏa

xa Việt-Nam bao gồm hai công ty chuyên chở hành khách (Bắc và Nam), một công ty chuyên chở hàng hóa, và một cơ quan lo việc xây cất và bảo trì hạ tầng cơ sở của hệ thống hỏa xa.

Hệ thống hỏa xa Việt-Nam bao gồm hai công ty chuyên chở hành khách (Bắc và Nam), một công ty chuyên chở hàng hóa, và một cơ quan lo việc xây cất và bảo trì hạ tầng cơ sở của hệ thống hỏa xa.

Nói chung hệ thống hỏa xa của Việt-Nam khá lạc hậu. Máy móc liên lạc của hệ thống hỏa xa đã lỗi thời. Khoảng 40% các trạm xe lửa có trang bị hệ thống báo hiệu bán tự động. Phẩm chất của những đường sắt và cầu rất thấp. Nhiều đường không đúng với tiêu chuẩn hiện đại. Hậu quả là xe lửa chở hành khách chỉ chạy được với tốc độ trung bình là 40 km/giờ và xe chở hàng là 22 km/giờ.

Hiệu năng của hoả xa Việt-Nam thấp so với những nước Á châu khác. Tỉ trọng hàng năm chung cho hàng hóa và hành khách ở Việt-Nam là 2.3 triệu đơn vị / km, so với con số của Thái Lan là 3.2 triệu, Nam Dương 4.0 triệu và Trung Quốc 27.7 triệu. Tỉ lệ số hàng hoá và hành khách trên số nhân viên hỏa xa của Việt-Nam là 124 ngàn đơn vị / nhân viên. Con số này cũng rất thấp so với những nước Á châu khác.

Hàng hải: Việt-Nam có 80 hải cảng với cầu tầu tổng cộng dài 22,000 m để tầu cập bến và một diện tích 2.2 triệu thước vuông để dỡ hàng. Hai cảng lớn nhất của Việt-Nam là Sài Gòn và Hải Phòng ở sâu vào nội địa cách bờ biển lần lượt là 90 km và 30 km. Chỉ các tầu tương đối nhỏ mới sử dụng được hai cảng này.

Thủy lộ nội địa: Việt-Nam có 41,000 cây số thủy lộ thiên nhiên. Khoảng 20% của tổng số thủy lộ này được khai thác vào mục tiêu thương mại. Mặc dầu với vốn đầu tư rất giới hạn, nhưng thủy lộ rất hữu dụng trong việc chuyên chở than đá, gạo, cát, đá, sỏi, và những sản phẩm nặng với trị giá thấp. Tại hai vùng châu thổ sông Mekong và sông Hồng, thủy lộ là phương tiện chuyên chở người và hàng hóa thuận tiện và giúp cho sự phát triển kinh tế của hai khu vực này.

Chuyển vận trong khu vực thành thị: Các thành phố của Việt-Nam có khoảng 6,700 km đường, khoảng 3% tổng số đường xá tại Việt-Nam và trong số này chỉ có 60.7% là được trải nhựa. Do đó việc di chuyển trong các thành phố lớn ngày càng gặp trở ngại vì số xe gắn máy và xe hơi gia tăng. Phương tiện chuyên chở chính tại hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội là xe gắn máy. Phương tiện này chiếm 60-65% chuyến di chuyển trong thành phố so với con số của xe đạp là 25%, xe hơi 5%, và xe bus 7%.

Bảng 2: Hiệu Năng Của Hệ Thống Hoả Xa Việt-Nam So với Một Vài Nước Á Châu

	Đơn vị hành khách và hàng hóa / Km	Đơn vị hành khách và hàng hóa / nhân viên
Việt-Nam	2.3	124
Thái Lan	3.2	548
Nam Dương	4.0	610
Trung Quốc	27.7	1,061

Nguồn: International Union of Railways và World Bank.

Phương tiện chuyên chở công cộng rất là cần thiết để giảm nạn kẹt xe thường xuyên tại hai thành phố lớn nhất là Hà Nội và Sài Gòn. Tại Hà Nội, công ty quốc doanh Transerco và những doanh nghiệp phụ thuộc phụ trách quản trị dịch vụ xe bus. Tại Sài Gòn, có khoảng 30 công ty mà phần lớn thuộc tư nhân và nhỏ điều hành dịch vụ xe bus. Tại cả hai thành phố này, chính phủ địa phương giao quyền cho các công ty chạy xe bus theo một cách tùy tiện thay vì cho đấu thầu có thời hạn nhất định. Hơn thế, chính quyền của hai thành phố này bao cấp cả việc mua xe bus lẫn việc điều hành. Ngoài ra còn cần phải kể đến việc nhà nước bao cấp giá xăng dầu. Ngân sách bao cấp này lên đến khoảng 800 triệu Mỹ kim vào năm 2005. Với tất cả sự trợ giúp như thế, tại Hà Nội dịch vụ xe bus chỉ thu nhập đủ để trang trải 50% chi phí. Trong khi tại Sài Gòn, dịch vụ xe bus cũng không đem lại lợi nhuận một phần vì việc sắp xếp các đường bus thiếu tổ chức.

Gia tăng nhu cầu giao thông tại Việt-Nam

Theo số liệu của Tổng Cục Thống Kê Việt-Nam, nhu cầu về dịch vụ chuyên chở của Việt-Nam gia tăng khoảng 10% cả về hàng hoá lẫn hành khách, tức là nhanh hơn mức tăng trưởng của tổng sản phẩm nội địa trong thời gian 1999-2005. Về hàng hóa, hàng hải là phương tiện quan trọng nhất. Nó chiếm 76% số lượng hàng vận chuyển trong nước tính theo đơn vị tấn -

km vào 2005. Tỉ lệ này tương đối không đổi mặc dù số lượng hàng hóa qua những cảng của Việt-Nam đã gia tăng gần gấp đôi trong năm năm vừa qua, từ 56 triệu tấn vào năm 1998 lên đến 114 triệu tấn vào năm 2003.

Trong khi đó đường bộ chiếm vai trò quan trọng nhất trong việc vận chuyển hành khách với tỉ lệ 65% tính theo đơn vị hành khách - km vào năm 2005. Tỉ lệ này giảm từ 67% vào năm 1999 vì sự cạnh tranh của hàng không. Tuy phương tiện này mới mẻ, việc vận chuyển hành khách của hàng không đã tăng từ một tỉ lệ thấp là 14% vào năm 1999 lên đến 20% vào năm 2005. Về phương diện hàng hóa, hàng không vẫn ở một vị trí khiêm nhường dưới 0.5% trong những năm vừa qua.

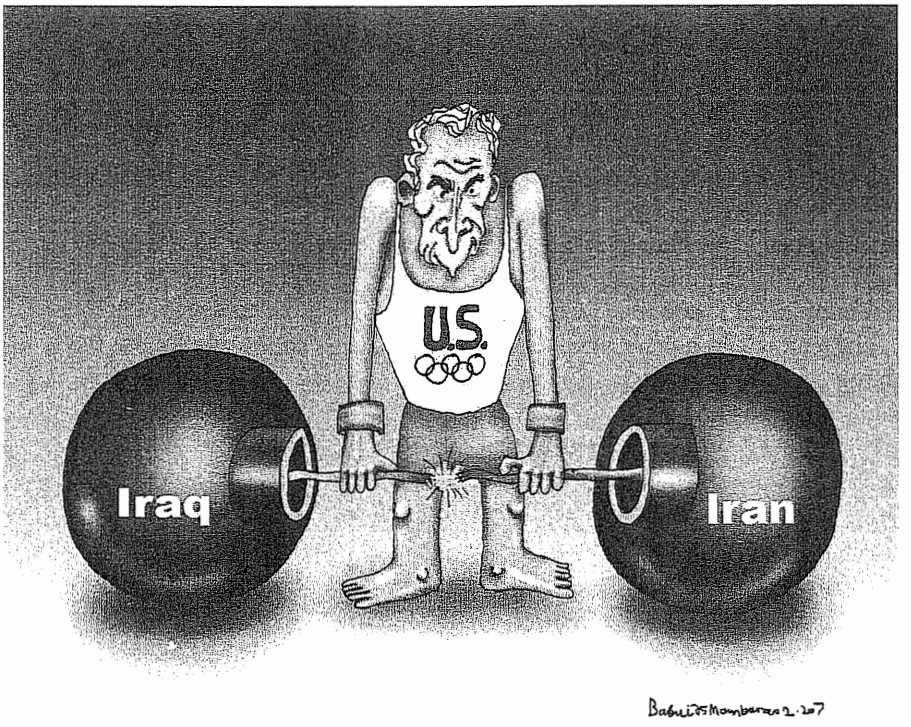

Hỏa xa và thủy lộ giữ một vai trò kém quan trọng về cả hai lãnh vực vận chuyển hàng hóa và hành khách nếu đem so sánh với đường bộ và hàng hải. Một trong những lý do là hai khu vực này thiếu vốn đầu tư.

Triển vọng cải tổ hệ thống giao thông tại Việt-Nam

Vào khoảng giữa năm 2006, Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ (American Chamber of Commerce) tại Việt-Nam đã đệ trình chính phủ Việt-Nam một khuyến cáo nhắm cải tổ hạ tầng cơ sở của Việt-Nam nói chung và ngành vận chuyển nói riêng. Những hạn chế về hạ tầng cơ sở, đặc biệt là giới hạn lấy hàng và dỡ hàng tại các hải cảng gây trở ngại cho việc đầu tư trực tiếp nước ngoài về mặt sản xuất và xuất khẩu.

Hiệp hội Doanh nghiệp Hoa Kỳ dự đoán rằng bắt đầu vào năm 2007, mức cầu sẽ vượt mức cung tại các cảng của Sài Gòn, nơi tiếp nhận 78% hàng hóa để trong thùng thiếc lớn so với con số của Hải Phòng là 19%. Trong khi đó dự án xây cất cảng Cái Mép, Vũng Tầu, ở miền Nam dự trù hoàn tất vào năm 2010 và việc cải tiến hải cảng Hải Phòng / Cái Lan đang bị chậm trễ. Ngoài ra hiện nay dự án Cái Mép mới chỉ mới có ngân khoản để chi phí cho hai trong năm trạm nhận hàng mà thôi.

Để hỗ trợ cho việc phát triển cảng Sài Gòn, một số dự án xây cầu và đường xá đang được tiến hành bao gồm cầu Thủ Thiêm (2007), đường hầm Thủ Thiêm (2008), cầu Phú Mỹ (cuối 2008), xa lộ Phú Mỹ (cuối 2008) và Xa lộ Saigon - Long Thành - Dầu Dây (chưa có ngày).

Một số dự án cải thiện hệ thống hỏa xa trong thời gian 2007-2010 với kinh phí 1.5 tỉ Mỹ kim bao gồm có việc nâng cấp đường Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Hải Phòng, Saigon - Nha Trang, và Hà Nội - Vinh. Trong khi đó một số đường mới được xây thêm như Saigon - Lộc Ninh, và Yên Viên - Phả Lại - Cái Lan.

Một số dự án dài hạn trong tương lai có tầm mức quan trọng bao gồm:

1. Xây cất một trạm nhận hàng tại Hải Phòng / Cái Lan để tiếp nhận những tầu biển lớn với ít nhất 1,500 TEU.

2. Xây thêm những trạm tiếp nhận nước sâu

ở miền Nam không kể hải cảng Cái Mép, Vũng Tầu.

3. Không cảng quốc tế Long Thành với kinh phí khoảng 8 tỉ Mỹ kim có khả năng tiếp nhận 100 triệu hành khách mỗi năm.

4. Những dự án hạ tầng cơ sở trên đất liền để yểm trợ việc tiếp nhận và dỡ hàng tại bến cảng.

5. Hiện đại hóa hệ thống hỏa xa và xây thêm những đường mới bao gồm việc xây cất hai đường xe lửa song song bắc nam Hà Nội - Saigon dài 1,600 km mới chạy khoảng 300 km / giờ để rút ngắn thời gian còn lại 1/3 tức là khoảng 10 giờ. Ngân phí khoảng 33 tỉ Mỹ Kim.

6. Tối tân hóa quốc lộ số 1 Hà Nội - Saigon dài trên 1,400 km thành một xa lộ 4-6 lên vào năm 2010.

7. Ưu tiên dành cho những dự án ở nông thôn và đặc biệt là ở miền núi xa xôi và các dự án chuyên chở công cộng ở các thành phố lớn.

Kế hoạch cải tiến hệ thống giao thông vận tải như trên đòi hỏi những số vốn khổng lồ và kỹ thuật cao. Do đó Việt-Nam cần phải thiết lập một chiến lược để đáp ứng với những thử thách này hầu đẩy mạnh việc phát triển kinh tế, tạo thêm việc làm và giảm tỉ lệ nghèo đói. Việt-Nam phải đối phó với một nan giải lớn lao là phải thỏa mãn nhu cầu về giao thông vận tải trong khi ngân sách quốc gia giới hạn. Thí dụ như dự án xây cất xa lộ Hà Nội – Sài Gòn chưa ấn định được nguồn tài trợ. Một phần có lẽ dự trù lấy từ lệ phí sử dụng, tăng thuế xăng dầu, ODA và đầu tư nước ngoài.

Một giải pháp đã được tất cả các quốc gia thi hành là cho phép khu vực tư nhân tham gia vào việc đầu tư vào ngành giao thông vận tải nói riêng và các lãnh vực hạ tầng cơ sở khác, kể cả về giáo dục và y tế. Muốn thu hút được tư nhân, nhà nước cần phải tạo điều kiện công bình và dễ dàng cho tư nhân bỏ vốn, trợ giúp kỹ thuật và quản trị. Về nguồn vốn, tư nhân có thể đóng góp trong hai lãnh vực: (1) Tư nhân hoá những tích sản hiện hữu của các công ty quốc doanh; (2) Bỏ vốn vào những dự án mới.

Cải tổ các doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt trong ngành xây cất hạ tầng cơ sở là nơi xẩy ra nhiều vụ tham nhũng, là cách gia tăng hiệu năng, giảm thiểu sự thua lỗ, mất mát và củng cố sự bền vững về mặt tài chánh của khu vực giao thông vận tải. Nợ của Bộ Giao Thông Vận Tải vừa qua được ước tính vào khoảng 19,500 tỉ đồng VN.

Những lợi ích Việt-Nam có thể đạt được từ chiến lược này là (1) Gia tăng hiệu năng của vốn đầu tư và việc vận hành các công ty sản xuất dịch vụ chuyên chở; (2) Thu hút được vốn của tư nhân, (3) Gia tăng thu nhập cho nhà nước; và (4) Khuyến khích đầu tư nước ngoài.

Kết luận

Giao thông đã đóng góp vào việc phát triển kinh tế của Việt-Nam trong một thập niên vừa qua. Khu vực này đã đóng góp trực tiếp vào việc xóa đói giảm nghèo một cách trực tiếp qua việc giúp người dân tiếp cận dễ dàng hơn với thị trường và các trung tâm giáo dục và y tế một cách gián tiếp qua việc phát triển kinh tế. Một công trình nghiên cứu Larsen, Phạm và Rama (2004) cho thấy rằng đầu tư 1% của tổng sản phẩm nội địa vào ngành giao thông sẽ làm giảm mức nghèo đói khoảng 0.5 — 1.0% và đầu tư 50 triệu Mỹ kim vào hệ thống giao thông tại 15 tỉnh nghèo nhất sẽ làm giảm mức nghèo đói được 6-7%.

Tuy nhiên, hệ thống giao thông, năng lượng và nói chung là hạ tầng cơ sở đang còn là những trở ngại to lớn mà Việt-Nam phải vượt qua trong giai đoạn đổi mới thật sự hiện nay. Những thử thách này ngày càng khó khăn hơn trước. Việt-Nam cần phải cổ phần hóa các công ty giao thông của nhà nước với hiệu năng thấp kém và tạo điều kiện cho tư nhân đầu tư và hoạt động trong lãnh vực giao thông. Nếu thành công trong việc cải tiến hệ thống giao thông và các lãnh vực cơ sở hạ tầng khác, Việt-Nam sẽ có cơ hội thu hẹp được khoảng cách thua kém những nước láng giềng.

01.03.2007

Tài liệu tham khảo:

1. AFP, "Vietnam Plans Hanoi Ho Chi Minh City Rapid Train," February 7, 2007.
2. Vietnam News Briefs, "Infrastructure: Vietnam Needs $1.5 Billion to Upgrade Railway Network," January 29, 2007.
3. World Bank, "Infrastructure Strategy: Cross-Sectoral Issues", Washington, DC: 2006
4. Adidas et al, "Concerns Over Vietnam's Infrastructure Development - Export Container Growth," September 06, 2006.
5. American Chamber of Commerce, "Physical Infrastructure, Vietnam Business Forum - AmCham Statement," Hanoi: June 5, 2006.
6. Larsen, Pham, and Rama, "The Impact of Infrastructure Development on Rural Poverty Reduction in Vietnam," World Bank: 2004.
7. World Bank, "Country Framework Report on Private Participation in Infrastructure," Washington, DC: November 1999.

Kết quả vụ án Libby

NGUYỄN ANH TUẤN

Sau khi thắng cuộc trong vụ bầu cử gay cấn và hồi hộp vào cuối năm 2004 để được tiếp tục ngồi lại ở Toà Bạch Ốc thêm một nhiệm kỳ bốn năm, TT Bush và phe Cộng Hoà thường tỏ lộ niềm tự hào to lớn trước thành quả đặc biệt này. Hầu hết các chuyên gia am tường thời cuộc cũng như các cuộc thăm dò dân ý lúc bấy giờ đều cho rằng uy tín của chính quyền Bush đã bị tụt giảm mạnh trong hồ sơ cuộc chiến Iraq, đặc biệt liên quan đến vụ tin tức tình báo sai lạc về kho vũ khí tàn sát quy mô của Iraq cũng như vụ tra tấn và hành hạ tù nhân tại nhà tù Abu Ghraib. Thế nhưng cuối cùng thì TT Bush cũng thắng lớn, cho dù với một tỉ lệ khít khao và gay cấn đến giờ chót. Điều này đã khiến cho ông và bộ tham mưu của mình có quyền kiêu hãnh trước thành quả này. Ông cựu tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld đã từng nói với các tướng lãnh tư lệnh trong Bộ Tổng Tham Mưu rằng cử tri Hoa Kỳ đã cất lên tiếng nói (tiếp tục tín nhiệm đường lối của chính quyền Bush) và do đó ông có quyền mạnh dạn tiếp tục con đường đã vạch ra, đừng hòng ai lên tiếng cản ngăn hay chỉ trích. Riêng TT Bush thì thích khoe về cái gọi là "vốn liếng chính trị" (*political spending*) mà ông đã thu lượm được sau cuộc bầu cử này.

Từ ngữ "vốn liếng chính trị" được hiểu là cái uy tín và sự ủng hộ của dân chúng Mỹ giành cho một chính trị gia hay một đảng phái. Trên canh bạc chính trị, người nào có vốn liếng chính trị nhiều thì có quyền chi tiêu rộng rãi mà không sợ "cháy túi", tức là mất tiêu sự ủng hộ của người dân. Nói một cách khác, họ có quyền cổ động cho nhiều chính sách táo bạo hay to lớn mà vẫn không sợ mất uy tín hay làm tiêu tan sự ủng hộ của dân chúng cho dù người dân có đồng thuận với những chính sách đó hay không. Trong trường hợp của TT Bush, ông đã thường khoe về cái "vốn liếng chính trị" to lớn này cũng như đã mạnh miệng tuyên bố rằng ông sẽ không ngần ngại phóng tay chi tiêu nó. Tức là dám động đến những đề tài nhức nhối mà hầu hết các chính trị gia đều tránh né như việc đề nghị cải tổ chính sách hưu bổng và thuế an sinh xã hội.

Trong bối cảnh tự hào về chiến thắng chính trị bầu cử đó, người ta dễ hiểu vì sao mà TT Bush và những phụ tá của ông có thể có những hành động hay lời nói xét ra có phần kiêu căng, tự mãn, và quan trọng hơn nữa, là không thèm đoái hoài gì đến những lời khuyên can hay những tiếng nói đối lập. Trong một cuộc nói chuyện với báo giới được tổ chức vài ngày trước khi bắt đầu nhiệm kỳ hai, có câu hỏi đã được nêu lên là tại sao không có một viên chức nào trong chính quyền Bush đã bị khiển trách về những sai lầm đã xảy ra. (Thông thường, trong bất kỳ một chính phủ nào, bao giờ cũng có những sai sót và một số những viên chức trách nhiệm đều phải nhận lãnh hậu quả bị giải nhiệm hay cách chức.) Nhưng lần này, TT Bush đã trả lời một cách rõ ràng, đầy tự tin: "*Chúng tôi cũng đã trải qua thời điểm thẩm định trách nhiệm đó chứ; và nó đã được gọi là cuộc bầu cử năm 2004.*" Ngụ ý câu trả lời này là chính phủ của ông không trốn tránh trách nhiệm trước quốc dân, và đã để cho cử tri đánh giá trước khi lựa chọn ứng viên cho nhiệm kỳ mới.

Thế nhưng chỉ hơn hai năm sau, cộng với sự thất bại nặng nề của đảng Cộng Hoà vào cuối năm 2006, gia tài chính trị của TT Bush đã hoàn toàn đảo ngược. Lần này, ông Bush phải đối phó với một thời điểm xét định trách nhiệm mới (*accountability moment*), với những kết quả vô cùng thảm hại, chứ không còn lạc quan như lúc trước. Không hẹn mà nên, những diễn tiến bất lợi đã dồn dập xảy đến cho ông, giống như những nghiệp chướng quả báo từ những nhân duyên đã gieo trồng chỉ mới mấy năm trước giờ đây bỗng hiện về. Chỉ riêng tình hình tồi tệ tại chiến trường Iraq không thôi cũng đã huỷ hoại thanh danh và uy tín của chính quyền Bush không những trên trường quốc tế mà ngay cả trong quốc nội, khi mà đa số các chính trị gia cũng như dân chúng Mỹ ngày nay đều không còn tin tưởng về một viễn tượng lạc quan hay êm đẹp. Nhưng trong những tuần qua, nhiều biến cố dồn dập xảy đến đem lại những lời kết án nặng nề cho đường lối và thành tích của TT Bush và bộ tham mưu. Đầu tiên là việc ông cựu phụ tá chính trị về an ninh

quốc phòng Lewis "Scooter" Libby bị kết tội trong vụ án liên quan đến việc tiết lộ danh tính một nhân viên CIA. Rồi tiếp đến là các vụ xì-căng-đan liên quan đến chính sách điều hành bê bối và thiếu trách nhiệm đối với các thương bệnh binh ở quân y viện Walter Reed, cùng với vụ lem nhem mờ ám trong quyết định giải nhiệm một số biện lý liên bang với lý do là không tuyệt đối trung thành với TT Bush hay ủng hộ triệt để phe Cộng Hoà. Tất cả những biến cố này bỗng dưng cống hiến cho báo giới và người dân Mỹ được dịp nhìn thấy rõ đường lối làm việc của một chính quyền, từ lâu đã bị mang tiếng là thiếu khả năng và mờ ám, đầy thủ đoạn.

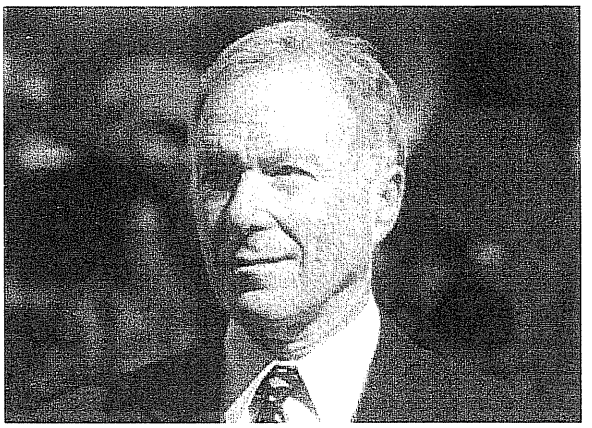
Lewis "Scooter" Lippy

Khách quan mà nói, những diễn biến tại Iraq trong thời gian qua đã hủy hoại uy tín và thanh danh của nhiều chính trị gia Cộng Hoà. Không cần phải đợi một khoảng cách thời gian để chờ đợi sự phán xét của lịch sử như lời của Thủ tướng Tony Blair đã nói về quyết định tấn công Iraq vào năm 2003, TT Bush và PTT Dick Cheney có lẽ sẽ được lịch sử đánh giá là những kiến trúc sư tồi tệ của một cuộc chiến có chọn lựa. Ông Donald Rumsfeld đầy cao ngạo cuối cùng cũng bị bay chức cùng lúc với nhiều lời bình phẩm đánh giá ông có lẽ là một vị tổng trưởng quốc phòng tồi tệ nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Ông Colin Powell, một cựu tướng lãnh tổng tham mưu trưởng có khả năng và được nhiều người quí trọng, cuối cùng đã phải ăn năn và hối tiếc cho hành động của mình, lúc làm Tổng Trưởng Ngoại Giao, đã không can đảm để đưa ra những lời can gián cần thiết để rồi sau cùng trở thành tòng phạm trong nội vụ, tiếp tay cho một cuộc chiến phi chính nghĩa và thất bại vì thiếu sửa soạn và kém tài điều hành.

Thế nhưng có lẽ không ai bị thiệt hại nặng nề cho bằng ông Libby. Vào năm 2003, ông Libby là chánh văn phòng của PTT Cheney, đồng thời cũng kiêm nhiệm chức vụ phụ tá tổng thống đặc trách an ninh quốc phòng. Ông Cheney không phải là một vị phó tổng thống như bình thường, tức là chỉ có hư danh nhưng không thực quyền như tất cả những người trót mang chức phận làm phó. Ông được coi như là một vị phó tổng thống có quyền hành bao trùm to lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Nhất là trong nhiệm kỳ đầu, ông được coi là người nắm giữ giềng mối, cố vấn và chỉ đạo cho TT Bush, một chính trị gia đầy may mắn nhưng được đánh giá là thiếu bản lãnh, còn non nớt kinh nghiệm trong nhiều lãnh vực. Không phải chỉ có trong các đoạn phim hài hước trên màn ảnh truyền hình như chương trình Saturday Night Live thường chế giễu ông Cheney như là một tay phù thủy đứng đằng sau hậu trường giật dây điều khiển ông Bush, mà nhiều người am tường thời sự cũng như đa số các nhà ngoại giao quốc tế thời đó đều tin rằng ông Cheney là người thực sự chủ động và lèo lái, với sự tiếp tay của ông Rumsfeld, tất cả các quyết định trọng đại trong nội các của Hoa Kỳ. Mà ông Libby lại có biệt danh là "ông Cheney của ông Cheney," tức là một vị phụ tá đầy quyền uy không thua gì sếp lớn. Do đó mà vai trò và uy quyền của ông Libby rất cao, cho dù ông không được biết tiếng nhiều cho bằng những viên chức khác như cố vấn chính trị Karl Rove.

Thế rồi xảy ra nhiều cuộc nói chuyện qua điện thoại với một số nhà báo được chọn lọc, và qua đó ông Libby tiết lộ danh tính của bà Valerie Plame, một viên chức tình báo chìm của CIA nhưng đồng thời cũng là vợ của cựu đại sứ Joseph Wilson, trớ trêu thay lại là một trong những người chỉ trích nặng nề nhất chính sách chủ chiến của chính quyền Bush. Trong bài diễn văn Thông điệp thường niên đọc vào đầu năm 2003, để khích động quần chúng và các vị dân cử ủng hộ cho giải pháp chiến tranh, TT Bush có thòng một câu dài 16 chữ tố cáo rằng chính quyền Iraq tìm cách mua chất *uranium* ở xứ Niger ở Phi Châu (với mục đích là để chế bom nguyên tử). Nhưng ông Wilson đã được CIA gửi sang Niger trong năm 2002 để điều tra nội vụ. Sau khi tìm hiểu kỹ lưỡng để biết rằng chuyện này không có thật, ông Wilson đã viết một bản báo cáo và nghĩ rằng chính quyền Bush phải nắm vững chi tiết. Và do đó khi nghe bài diễn văn này và những luận điệu

sau đó cổ động cho giải pháp tấn công Iraq, ông Wilson cho rằng chính quyền Bush đã không thành thật và cố ý dựng chuyện để biện minh cho quyết định khai chiến. Cuối cùng ông đã viết một bài góp ý trên tờ *New York Times* vào đầu tháng 7 năm 2003 để kể rõ sự thật, tạo nên một chấn động lớn vì đây là lời tố giác đầu tiên từ một cựu viên chức Hoa Kỳ về việc làm sai trái và dựng chuyện của chính quyền Bush.

Trước hậu quả bất lợi đó, PTT Cheney giận dữ như điên cuồng, bèn dồn mọi nỗ lực để tìm biện pháp trả đũa bằng cách tiết lộ cho một vài nhà báo thân thiện về tung tích của bà Valerie Plame và cho rằng chính bà này đã giới thiệu ông chồng của mình cho CIA để nhận công tác đi Niger. Ngụ ý của lối tiết lộ này là muốn cho mọi người hiểu rằng đây chỉ là một vụ công cán du lịch tại hải ngoại do có sự quen biết giới thiệu trong nội bộ chứ không phải là một nhiệm vụ quan trọng mà CIA giao phó. Như thế tức là sẽ làm "nhẹ thể" đi hình ảnh và uy tín ông Wilson, và từ đó người ta có thể sẽ bớt tin tưởng vào những lời kết luận trong bài viết của ông. Khi bài viết của nhà báo Robert Novak tiết lộ danh tính bà Plame được loan ra, cơ quan CIA bực mình vì một nhân viên chìm của mình bị tiết lộ tung tích, nên đã nhờ Bộ Tư Pháp điều tra để xem ai là thủ phạm, có thể đã phạm vào tội hình luật. Cơ quan cảnh sát liên bang FBI bắt đầu thẩm vấn nhiều viên chức cao cấp liên hệ trong nội vụ. Sau vài tháng điều tra, Bộ Tư Pháp, lúc bấy giờ dưới quyền của ông John Ashcroft, quyết định rút lui vì ngại bị mang tiếng là thiếu khách quan, có thể bao che (*conflict of interest*) và thay vào đó, bổ nhiệm một vị công tố độc lập, ông Patrick Fitzgerald, để tiếp tục cuộc điều tra.

Thoạt đầu, nhiều người nghĩ rằng hai viên chức cao cấp bị tình nghi nhất trong vụ tiết lộ danh tính bà Plame là các ông Karl Rove và Lewis Libby. Điều này gây tai tiếng và xấu hổ không ít cho chính quyền Bush, vì nó chứng tỏ một hành động nhỏ nhen và đê tiện, sẵn sàng tìm đủ cách để triệt hạ uy tín của những người dám lên tiếng chống đối đường lối của chính quyền, cho dù đó là một hành động phạm luật, chưa kể đến hậu quả có thể gây nguy hại cho an ninh của một nhân viên tình báo chìm. Nó cũng phá tan cái hình ảnh đạo đức, ngay thẳng mà chính quyền Bush thường rêu rao và tự đánh bóng để so sánh với chính phủ tiền nhiệm thiếu liêm sỉ của ông Clinton.

Trong tiến trình điều tra, sau này người ta mới biết rằng không phải chỉ có hai ông Rove và Libby tiết lộ tin tức mà còn có các viên chức cao cấp khác như Thứ trưởng Ngoại giao Richard Armitage và phát ngôn viên Bạch Cung Art Fleischer. Thế nhưng không có ai bị buộc tội cả vì tất cả đã chịu thành thật khai báo khi bị lấy khẩu cung. Chỉ riêng có ông Libby là đã khai gian, khiến cho cuộc điều tra bị kéo dài một cách sai lạc, và do đó cuối cùng vào tháng 10 năm 2005, công tố viên Fitzgerald đã quyết định truy tố ông Libby về năm tội danh gồm có nói dối, khai man hữu thệ và cản trở công lý.

Vào ngày 6 tháng Ba vừa qua, ông Libby đã bị kết án bốn trong năm tội danh kể trên, và phải ngồi chờ đến tháng Sáu này mới biết hình phạt thọ án ngồi bóc lịch tại nhà lao trong bao lâu. Tuy nhiên ông Theodore Wells, luật sư bào chữa cho ông, cho biết rằng sẽ nộp đơn xin một vụ xử án khác, một điều mà các chuyên gia pháp lý đều cho rằng khó có cơ may hiện thực, và nếu không được thì sẽ xin kháng cáo. Ngay cả nếu như việc kháng cáo không thành, phía ông Libby cũng còn niềm hy vọng chót vào TT Bush, người duy nhất có thẩm quyền ân xá. Thật ra tiền lệ này đã xảy ra nhiều lần như trường hợp TT Ford đã ân xá cho cựu TT Nixon, hoặc TT Bush Bố đã ân xá cho các viên chức cao cấp trong chính quyền Reagan dính líu đến vụ xì-căng-đan buôn bán vũ khí lậu cho Iran để lấy tiền tài trợ cho phiến quân Contra tại Nicaragua trong thập niên 80.

Phản ứng đầu tiên của vụ án này cũng dễ hiểu tuỳ theo quan điểm chính trị của mỗi người. Phe hữu thì tỏ ra bực mình giận dữ, như trường hợp của ban chủ biên tờ *Wall Street Journal*, cho rằng bản án này là "một trò hề công lý." Các bình luận gia bảo thủ như Charles Krauthammer thì lớn tiếng yêu cầu TT Bush nên ra lệnh ân xá ngay lập tức cho ông Libby. Họ cho rằng ông Libby không có phạm tội chính mà ông Fitzgerald đã tìm cách điều tra lúc ban đầu: bởi vì người tiết lộ tin tức bà Plame cho nhà báo Robert Novak viết bài đăng báo chính là Thứ trưởng ngoại giao Richard Armitage. Theo họ, nếu không buộc tội những người này thì tại sao lại chỉ nhắm một mình vào ông Libby?

Phe tả thì dĩ nhiên muốn biến vụ án Libby thành một hồ sơ để kết án toàn bộ chính quyền Bush. Nghị sĩ Harry Reid, thủ lãnh khối đa số trên Thượng Viện, cho rằng cuối cùng thì cũng phải có một kẻ nào đó đứng ra nhận lãnh trách nhiệm về "*một chiến dịch xào nấu tin tức tình*

báo cũng như triệt hạ những tiếng nói đối lập." Bà dân biểu Nancy Pelosi, chủ tịch Hạ Viện, thì nói rằng "*vụ án này đã vẽ lại một hình ảnh không mấy gì tốt đẹp về đường lối hoạt động trong nội tình của chính quyền Bush.*" Nghị sĩ Chuck Schumer của tiểu bang New York thì cho rằng ông Libby chỉ là một nạn nhân đứng ra đỡ đòn cho sếp của mình là PTT Cheney.

Những hệ luỵ của vụ án này xem chừng như có thể kéo dài lâu hơn nữa với những hậu quả nặng nề hơn. Trong bốn năm đầu dưới trào TT Bush, có lẽ ít có viên chức nào có ảnh hưởng và quyền uy to lớn như ông Libby. Như đã kể ở trên, ngoài hai chức vụ chính là chánh văn phòng và cố vấn an ninh quốc gia cho PTT Cheney, ông còn là phụ tá của tổng thống về an ninh quốc phòng. Thế nhưng ảnh hưởng quan trọng của ông Libby trong chính quyền không phải chỉ giới hạn trong những chức vụ kể trên. Từ lâu, ông Libby đã được coi như là một trong số những chính trị gia theo trường phái tân-bảo-thủ có nhiều quen biết, thế lực và ảnh hưởng. Cùng với những tên tuổi bảo thủ nổi tiếng khác như Cheney, Rumsfeld, Paul Wolfowitz, Jeb Bush và Norman Podhoretz, Bill Kristol, ông Libby là một trong số 25 thành viên sáng lập ký tên vào năm 1977 trong một văn bản chính trị có tên là *Project for a New American Century, PNAC* (Dự Án cho Một Thế Kỷ Hoa Kỳ Mới). Bản dự án PNAC này đã chủ trương chính sách tấn công Iraq từ lâu, trước khi biến cố 9/11 xảy ra và được dùng làm lý do để kích động quần chúng và biện minh cho giải pháp chủ chiến. Và trong nhiệm kỳ đầu của TT Bush, phe tân-bảo-thủ đã nắm gần như trọn quyền trong ngành hành pháp và đã lèo lái chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ qua một rẽ ngoặt táo bạo và nhiều rủi ro nhất từ trước tới nay.

Thế nhưng cuối cùng thì vụ án cũng đem lại một thông điệp mạnh mẽ và khá rõ ràng, nhất là gây chấn động mạnh trong cơ cấu hành pháp của Hoa Kỳ. Đó là nếu như một viên chức quyền uy và quan trọng như ông Libby có thể bị truy tố và kết án nhiều tội danh hình sự, thì bất cứ một viên chức nào khác trong chính quyền cũng có thể bị kết án nếu như có phạm tội. Điều này cho thấy là bất cứ một viên chức chính phủ nào cũng phải tuân theo tinh thần dân chủ pháp trị, cho dù các ông Bush và Cheney thường vẫn thích nghĩ rằng các ông có đặc quyền hành pháp (*executive privilege*), vượt lên trên mọi quy luật khác để hành sự vì đất nước đang trong thời chiến.

Hiện nay, về mặt chính trị, chính quyền Bush không có phương cách nào hữu hiệu để trả lời cho bản án này. Những tội danh liệt kê được coi là tội hình sự gia trọng (*felonies*), nhất là đối với các viên chức cao cấp trong chính quyền, không thể nào biện minh là không thông hiểu luật lệ. Khác với vụ án xét xử để truất quyền TT Clinton trước đây (về tội khai man hữu thệ trong vụ lem nhem tình dục với cô Monica Lewinsky), lần này những người ủng hộ ông Libby không thể nào biện minh rằng tội trạng của ông Libby thật ra không có gì là trầm trọng. Những bài viết của phe bảo thủ cực hữu bênh vực cho ông Libby khi cho rằng ông có thể đã không nói đúng sự thật vì vô ý hay quên lãng vì công việc đa đoan, lại càng chứng tỏ tính đạo đức giả của họ khi ta đọc lại những bài viết trước đây mà họ đã lớn tiếng xác định tính nghiêm trọng của tội nói dối để biện minh cho quyết định truy xét tội TT Clinton. Hơn nữa, nếu xét cho cùng thì những lời nói dối của ông Clinton liên quan đến việc tình dục (có thể khiến cho nhiều người xấu hổ về đạo đức của một vị tổng thống), trong khi những lời nói dối của ông Libby liên quan đến việc cổ động cho một cuộc chiến sai lầm và nguy hiểm (đã khiến cho hơn 3200 quân nhân Mỹ phải bỏ mạng tại chiến trường Iraq và ngân sách nước Mỹ tiêu hao hơn 500 tỷ Mỹ-kim).

Hơn nữa, những người bênh vực cho ông Libby cũng không thể nào quay ra lên án hay chỉ trích công tố viên Patrick Fitzgerald là một chính trị gia thuộc phe đối lập, giống như trường hợp của công tố viên Ken Starr (thuộc đảng Cộng Hoà) trong hồ sơ xét tội ông Clinton của phe Dân Chủ. Ông Fitzgerald là người theo đảng Cộng Hoà, được bổ nhiệm trong chức vụ này bởi Bộ Tư Pháp trong chính quyền Bush, và trong quá khứ cũng không có thành tích bè phái như trường hợp của ông Starr. Ngoài ra, việc ông Fitzgerald quyết định không truy tố nhiều viên chức cao cấp khác trong chính quyền Bush vốn cũng có dính líu trong việc tiết lộ danh tính bà Plame, như các ông Rove, Armitage, Fleischer, cho thấy là ông biết giữ chừng mực của một công tố viên, chỉ buộc tội khi thấy có đầy đủ bằng chứng. Trong trường hợp này, bằng chứng hiển nhiên là ông Libby đã nói dối, khai man hữu thệ để đánh lạc hướng cuộc điều tra trong khi những nhân vật khác đều thành thật khai báo sự thật khi bị điều tra.

Hơn nữa, cho dù phe hữu tiếp tục viết nhiều bài để đả kích hay tấn công ông Fitzgerald hòng làm nhẹ bớt đi hình ảnh phạm tội của ông Libby,

khách quan mà nói việc này đã không có hiệu lực để thuyết phục người nghe. Bởi vì cho dù có bị buộc tội bởi công tố viên Fitzgerald, quyết định kết tội ông Libby là phán quyết đồng thuận của một bồi thẩm đoàn độc lập, sau khi đã tranh luận và xem xét đủ mọi dữ kiện trong suốt một tuần lễ, và phần biện hộ cho ông Libby đã được thực hiện bởi một ê-kíp luật sư thành thạo, đắt giá và nổi tiếng nhất tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

Điều quan trọng đáng lưu ý hơn nữa là một số các hồ sơ tranh tụng pháp lý đang diễn ra và cơ nguy cáo buộc các viên chức cao cấp trong chính quyền, kể cả TT Bush, có thể đã có những hành động phạm pháp nghiêm trọng trong thời gian qua. Vào tháng Tám năm ngoái, một vị thẩm phán liên bang, bà Anna Diggs Taylor, đã ra phán quyết cho rằng chương trình nghe lén điện thoại mà không xin trát toà do chính quyền Bush thực hiện đã vi phạm vào Hiến pháp Hoa Kỳ cũng như thẩm quyền của toà FISA, ấn định việc nghe lén này là một tội phạm hình sự liên bang có thể bị xử phạt đến năm năm tù ở.

Cũng vào mùa Thu năm ngoái, Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ, trong vụ án tù nhân Hamdan kiện ông tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld, đã bác bỏ lập luận của chính quyền Bush và cho rằng việc bắt giữ các tù nhân và không đem ra xét xử đã vi phạm vào tinh thần của Công Ước Geneva. Khi xác định rằng Điều 3 của Công Ước này áp dụng cho mọi tù binh, và nếu ai không đối xử với tù binh theo đúng luật đó thì coi như có thể phạm vào "tội ác chiến tranh", TCPV mặc nhiên coi việc chính quyền Bush đã ra lệnh và nhúng tay vào những hành động có thể được xét là vi phạm vào đạo luật Tội Ác Chiến Tranh (*War Crimes Act*) của Hoa Kỳ. Vì thế cho nên điều này đã khiến cho Quốc Hội Mỹ, lúc bấy giờ còn dưới quyền đa số của phe Cộng Hoà, phải vội vã thông qua một đạo luật thiết lập các Uỷ Ban Quân Sự (*Military Commissions Act*) như là một hình thức toà án quân sự để xét xử các tù nhân Hồi-giáo đặc biệt này.

Ngoài những hồ sơ tranh tụng có thể chứng minh việc sai luật và phạm tội hình sự của các viên chức trong chính quyền Bush kể trên, một sự kiện quan trọng đáng để ý khác là việc Quốc Hội Mỹ giờ đây đã thuộc về phe Dân Chủ. Điều này cho phép các vị dân cử có rộng quyền mở các cuộc điều tra để tìm hiểu nội vụ, cũng như có thể tống đạt các thư mời, buộc các viên chức ra điều trần trước Quốc Hội. Từ đó thì những bí mật trong hậu trường dần dần có thể bị tiết lộ ra trước công chúng, và trong tiến trình này, thông thường những chính quyền nào thường làm việc kín đáo và bí mật chừng nào sẽ càng bị lộ ra nhiều sai trái và lỗi lầm chừng đó.

Trong lịch sử Hoa Kỳ, có nhiều lúc người ta nghĩ rằng có một vài lãnh tụ đầy uy quyền mà dường như luật pháp không với tới. Thế nhưng cuối cùng thì nguyên tắc dân chủ pháp trị vẫn luôn hiện thực ở quốc gia này và áp dụng cho bất cứ lãnh tụ hay một chính trị gia hoặc đảng phái nào. Vào cuối năm 1972, TT Nixon đã được tái đắc cử với một tỉ lệ đa số áp đảo to lớn nhất trong lịch sử, chứng tỏ một sự ủng hộ gần như tuyệt đối của cử tri Hoa Kỳ. Thế nhưng trong hai năm liền sau đó, ông Nixon đã phải chật vật chống đỡ mọi lời chỉ trích và đau lòng chứng kiến nhiều phụ tá thân cận của ông lần lượt bị kết tội và tống giam vào tù. Để rồi cuối cùng chính cá nhân ông phải nhận lãnh nỗi nhục nhã ê chề nhất khi phải quyết định từ chức vào năm 1974 để tránh khỏi bị Quốc Hội giải nhiệm, và sau đó còn phải nhờ vào lệnh ân xá của TT Ford để tránh khỏi vào nhà giam.

Chính quyền Bush được coi như là một trong những chính quyền ngạo mạn nhất trong lịch sử, không những đối với các quốc gia khác trên thế giới, mà đối với cả người dân trong nước. Biến cố 9/11 càng giúp cho chính quyền này có thêm một lý do vững chắc hơn nữa để kích động sự lo sợ của quần chúng, và từ đó vô tình để mặc cho chính quyền này thao túng chính trường, chà đạp nhiều quyền tự do căn bản truyền thống lâu đời tại quốc gia này. Những chiến thắng vào các cuộc bầu cử vào các năm 2002 và 2004 dường như càng củng cố thêm tinh thần tự mãn đó khiến cho họ nghĩ rằng mình không bị gò bó hay giới hạn trong chính sách điều hành đất nước.

Thế nhưng kết thúc của vụ án Libby cho thấy là tinh thần dân chủ pháp trị, may mắn thay, cuối cùng vẫn còn ngự trị trên quốc gia này. Rõ ràng là ông Libby đã nói dối, khai man hữu thệ và cản trở công lý khiến cho cuộc điều tra không được tiến hành tốt đẹp. Và những hành động phạm pháp ấy lại nằm trong một chiến dịch tiết lộ những tin tức bí mật cũng như tìm cách triệt hạ uy tín cá nhân của những tiếng nói độc lập, dám can đảm đưa ra những lời buộc tội việc chính quyền Bush đã dám bóp méo sự thật.

nguyenanhtuan@sbcglobal.net
Houston, Texas

1956, Việt Nam, Giai Phẩm, Nhân Văn

ĐẶNG TIẾN

Giai Phẩm và Nhân Văn là tên hai ấn phẩm khác nhau. *Giai Phẩm là* một tuyển tập thơ văn, phát hành đầu năm 1956 tại Hà Nội, ra được ba kỳ; *Nhân Văn* là một tạp chí không định kỳ, xuất bản cuối 1956, ra được 5 số. Nhiều người có tên trong tuyển tập trước hợp tác với tạp chí sau. Nhưng cụm từ *Nhân Văn Giai Phẩm* ta thường nghe, tự thân nó là một thành ngữ vô nghĩa.

Đảng quyền Hà nội, cuối năm 1956 đã gôm hai tên lại với nhau thành một bản án văn học và chính trị. Thời đó, «bọn,» «phần tử» Nhân Văn Giai Phẩm là một lời buộc tội nặng nề. Nhưng đồng thời ở Miền Nam - khoảng 1960 - và ở toàn quốc cùng với hải ngoại sau này, Nhân Văn Giai Phẩm, ngược lại, là một danh xưng cao đẹp, tượng trưng cho tầng lớp trí thức tài năng, sáng suốt, dũng cảm và bất khuất trước cường quyền và bạo lực.

Câu chuyện đã già nửa thế kỷ, cái gút văn học đã từ từ được tháo gỡ: các tác giả được khôi phục, được xuất bản tác phẩm, được giải thưởng. Trần Đức Thảo được giải thưởng Hồ Chí Minh từ 2000; đầu năm nay, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm được giải Nhà Nước. Phải chăng là «vụ án» văn học đã được xếp lại? Thế sao trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang mới đây, 10/2/2007, đại diện chính quyền, trong điếu văn còn nhắc lại «*sai lầm Nhân Văn Giai Phẩm*»? Phải chăng là thành ngữ Nhân văn Giai phẩm có nhiều nội hàm khác nhau?

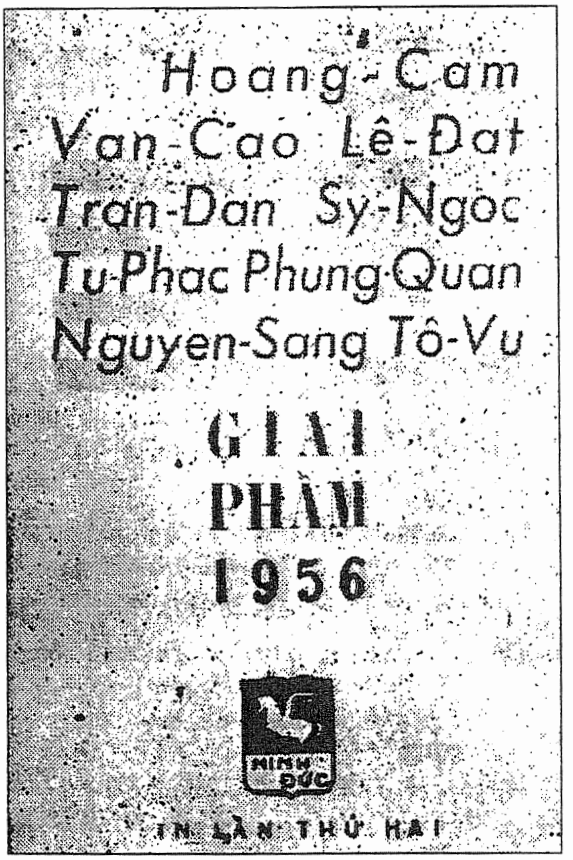

Bìa *Giai Phẩm Mùa Xuân* 1956.

*

Tôi khởi thảo bài này, đúng lúc báo mạng Talawas ngày 20-3 đăng bài nhà văn Nhật Tiến cùng một đề tài. Anh cũng mờ mờ nhân ảnh như tôi, nhưng dũng cảm hơn, và kết luận về việc Hoàng Cầm và Lê Đạt nhận giải thưởng: «*Phải chi các ông tuyên bố được rằng: sẵn sàng nhận giải với điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam minh bạch công nhận đã sai lầm trong công cuộc đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm.*»

Tôi cùng một suy nghĩ với anh, nhưng không dám ngay thẳng đòi hỏi như thế. Vì giá dụ lỡ như hai ông ấy, trong thâm tâm, không cho rằng Đảng sai lầm, thì sao?

Vì không hiểu rõ nội vụ, tôi thử đưa ra một «giả thuyết thao tác,» bắt đầu bằng một hình ảnh: các nhà văn trong hai đợt Giai Phẩm và Nhân Văn là nạn nhân của một hiện tượng đông đá (glaciation), từ nước hay tuyết đông đặc thành băng giá. Nôm na là: Giai Phẩm và Nhân Văn là một phong trào văn học tự phát năm 1956 nhưng gặp phải lúc Đảng Lao Động đang chuyển từ chính sách mềm dẻo sang một chế độ chuyên chế cứng rắn, từ 1957, để chuẩn bị thống nhất đất nước

bằng vũ lực. Nghĩa là, vừa phải trực diện với Mỹ và khối tư bản, vừa phải đối phó với đàn anh Liên Xô sau diễn văn Khrutsov, chủ trương Sửa sai, Xét lại và Chung sống hòa bình; và đàn anh Trung quốc chống hữu khuynh, chống xét lại và phát động chính sách Đại Nhảy Vọt.

1956, năm bản lề cho Liên bang Xô Viết và các Đảng Cộng sản toàn thế giới (1), sử gia Pierre Brocheux đã viết như thế để mở đầu cho chương, rất uyên bác, ông dành cho Nhân Văn - Giai Phẩm. Toàn thế giới căng thẳng như vậy, Việt Nam còn có nghịch cảnh riêng, nhức nhối hơn: dự án thống nhất đất nước dự tính vào tháng 7-1956 theo hiệp định Genève đã không thành. Chính quyền Hà Nội quản lý miền Bắc cầm chừng trong hai năm 1955-1956 về mặt chính trị, xã hội, văn hóa lẫn kinh tế, đến thời điểm nào đó, phải dứt khoát. Thậm chí Lưu Thiếu Kỳ, trước đại hội trung ương Đảng Cộng sản Trung quốc, ngày 25-3-1963, còn cho rằng «*Hồ Chí Minh xưa nay vẫn là tay hữu khuynh (...) Sau chiến cuộc (1954) hắn vẫn còn chần chờ, không chọn chế độ tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa. Chính chúng ta (Trung quốc) phải quyết định cho hắn.*» (2) Ngày 12-11-1954, Phạm Văn Đồng hỏi Jean Sainteny: «*Ai bảo các anh chúng tôi là chế độ Cộng sản?*» (3).

Brocheux còn viết: «*Cùng một giai đoạn này, Trung quốc và Bắc Việt Nam thiết lập chế độ Sta-li-niêng, độc tài đảng trị, tập thể hóa nông thôn, áp dụng phương pháp toàn trị để tiêu diệt đối kháng, đàn áp mọi lệch lạc trí thức và văn nghệ, phát triển kinh tế theo kế hoạch nhà nước.* ***Sự trùng hợp về niên biểu giữa các biến cố xảy ra cùng năm 1956 hiển nhiên đến độ chúng ta khó bề phủ nhận quan hệ nhân quả, hiệu ứng ảnh hưởng, dây chuyền và phản động lực,*** *dù Hồ Chí Minh hay Võ Nguyên Giáp có giảm bớt hay phủ nhận. Trả lời ký giả Tibor Mende hỏi tự nhiên: khi sửa sai việc cải cách ruộng đất «Việt Nam có tham dự vào cuộc xáo trộn trong thế giới Cộng sản không?» Hồ và Giáp trả lời lấp lửng: chỉ có những yếu tố địa phương quyết định đường lối*» (Sđd, tr. 231). Như vậy, trong «các yếu tố địa phương,» đặc biệt của Việt Nam, phải nói quyết tâm thống nhất đất nước là quan trọng hàng đầu.

Brocheux là sử gia ngoại quốc, lại không phải là dân văn nghệ, có thể khách quan hơn chúng ta, người chìm trong cuộc, dễ chủ quan.

Thời gian này có giáo sư Pháp Gérard Tongas, sinh sống tại Hà Nội (1953-1959) và viết sách dày cộm tựa đề dài dòng *Tôi đã sống trong Địa ngục Cộng sản Bắc Việt Nam và đã chọn Tự do.*

Ông nhận định: «Chế độ Cộng sản chỉ mới được thiết lập tại Miền Bắc Việt Nam từ tháng chạp 1956» (4). Ông nói thì chúng ta phải tin, vì một người ngoại quốc, trong một tác phẩm chống cộng thẳng thừng như vậy không có lý do gì biện hộ cho Việt Minh và Cộng sản. Ông dành khoảng 15 trang cho phong trào Nhân văn - Giai phẩm (tr 329-343). Theo ông, thì từ tháng 2-1957, báo cáo của Đại Hội Văn Nghệ toàn Quốc lần thứ 2 tại Hà Nội đã vạch đường lối để cộng sản hóa Miền Bắc và chuẩn bị thống nhất với Miền Nam, rồi xích hóa luôn phía bên kia vĩ tuyến (tr. 334).

Ông còn mách, trong năm 1956, khoảng tháng 10-11 (thời điểm báo Nhân văn) có một luồng gió thông thoáng thổi qua Hà Nội: Đức cha Trịnh Như Khuê, Tổng giám mục, được tự do đi lại và đã thừa cơ hội thăm các họ đạo. Đến cuối năm 1958, các tu sĩ người nước ngoài mới dần dần bị trục xuất vì «hoạt động chính trị phản động chống chế độ» (Sđd, tr. 431, 423).

Về 1956 «năm bản lề,» sử gia Brocheux tường trình rất căn cơ, lý luận khúc triết. Ông nhắc lại báo cáo ngày 24-2-1956 của Khrutsov, cuộc nổi dậy tại Poznan, Ba Lan tháng 6-1956, phát biểu của Chu Ân Lai bênh vực Ba Lan — xâm phạm độc quyền quốc tế của Liên Xô — cuộc nổi dậy của Budapest ngày 23-10-1956 bị Hồng quân đàn áp, và Mao Trạch Đông, có lẽ e sợ truyền nhiễm, đã ủng hộ Liên Xô. Sau đó là chính sách Trăm Hoa Đua Nở, 1956 ở Trung Quốc, có lẽ để giải quyết những khó khăn nội bộ. Và ông dè dặt: *tiếc rằng chúng ta không biết rõ rệt ảnh hưởng tại Việt Nam của báo cáo Khrutsov mà phái đoàn đại biểu đã mang về* (sđd tr. 230).

Thì nay ta có lời giải đáp của Tố Hữu, do Đặng Phong trích dẫn (5):

«Bản báo cáo của Khrutsov ở Đại Hội XX đã gây thêm khó khăn cho Đảng ta và giúp cho bọn phản động ở Miền Bắc thừa cơ gây rối loạn trong xã hội. Chúng đả kích chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi xét lại vai trò lãnh đạo của Đảng, thậm chí đòi lật đổ chính quyền Cách mạng !

Lợi dụng sự bất lực của cơ quan quản lý, chúng xuất bản báo Nhân văn, các tập Giai Phẩm, tập hợp một số bất mãn và bọn thù địch giấu mặt. Nguy hiểm nhất là bọn gián điệp đội lốt «học giả» nước ngoài đứng đằng sau bày

mưu kế... Một số ít anh em văn nghệ trí thức vốn có những quan điểm lệch lạc, dao động trước tình hình khó khăn trong nước và trên thế giới, cũng ngây thơ chạy theo chúng... Báo Nhân Văn và các tập Giai Phẩm được lưu hành nhiều nơi, kể cả đưa vào Nam và ra nước ngoài.» (6)

Lời lẽ Tố Hữu cần được giải thích:

Báo cáo Khrutsov lúc đó không nhiều người biết. Trong nhóm Giai Phẩm và Nhân Văn, Lê Đạt không biết, Nguyễn Hữu Đang có biết (7). Nhưng đối với đảng quyền, rõ ràng là trầm trọng.

Những rối loạn trong xã hội nói trên đã xảy ra tại các vùng công giáo Nghệ An, Nam Định, vài nơi đồng bào miền núi, tại nông thôn có nơi phản ứng lại việc Cải cách rộng đất. Trường Chinh thừa nhận những điều này trong báo cáo 13-3-1958, và cho rằng do cơ hội diễn văn Khrutsov (8).

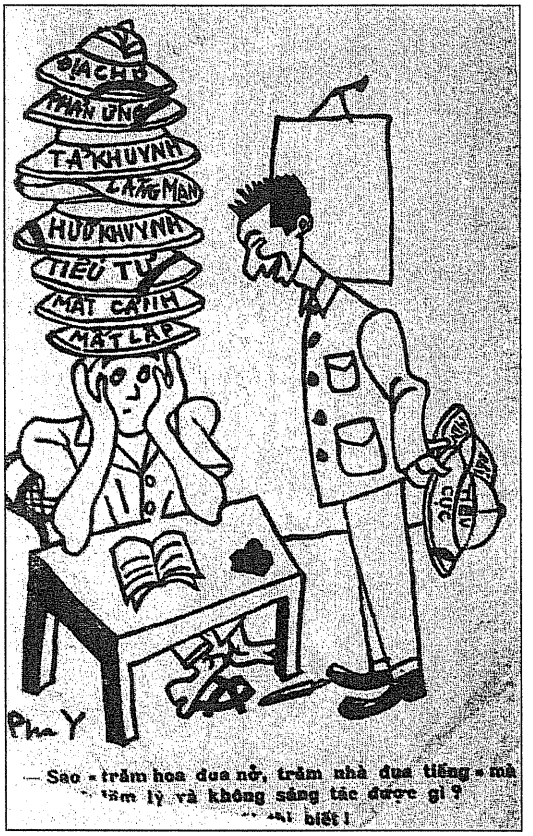

Bức hí họa Chụp Mũ của Bùi Xuân Phái

Còn «*gián điệp đội lốt học giả*,» ám chỉ Maurice Durand, giám đốc trường Viễn Đông Bác Cổ, bị trục xuất thời đó. Phải chăng vì ông đã «cho mượn» báo France Observateur và Les Temps Modernes trình bày tình hình thế giới. Trong những người được đọc các báo này, có Trần Đức Thảo. Nhưng rõ ràng là đảng quyền đã dao động trước các cuộc nổi dậy ở Ba Lan, Hunggari và nhất là trước chính sách Xét lại, Sống chung hòa bình mà Khrutsov mới đưa ra.

Trong báo cáo 13-3-1958 nói trên, Trường Chinh đã lên án báo Nhân Văn «đề xướng những tư tưởng của Chủ nghĩa xét lại» là phá hoại chế độ trên bốn diện: chính trị, kinh tế, văn hóa và ngoại giao.

«*Về chính sách ngoại giao và quốc tế* (nhóm Nhân Văn) *đề nghị đứng trung lập và nhận viện trợ của hai phe; đòi xét lại vai trò lãnh đạo của Liên Xô trong phe ta và cho rằng giai cấp công nhân không lãnh đạo thì cách mạng thuộc địa vẫn có thể thắng lợi được.*» (9)

Lời buộc tội nghiêm trọng như vậy, nhắm vào ai? Không lẽ chỉ quy chụp một nhóm lèo tèo dăm ba nhà văn nhà thơ lớ ngớ quy tụ chung quanh báo Nhân Văn? Muốn «đề xướng» một chính sách nội trị và ngoại giao lớn lao như vậy, phải là một chính đảng lớn, hoặc có thẩm quyền phát ngôn, hoặc đang cầm quyền, muốn đề suất chính sách mới.

Ngày nay, chúng ta tiếp xúc dễ dàng với Hoàng Cầm, Lê Đạt, và biết rằng các ông ấy có hiểu biết «chính sách ngoại giao và quốc tế» là cái mô tê ất giáp gì đâu!

Lê Đạt tâm sự: «*Lúc đó phải nói thật là chúng tôi chưa suy nghĩ gì sâu xa lắm đâu. Lúc đó tôi còn quá trẻ, mới 26,27 tuổi, tôi chỉ nghĩ rằng anh em bây giờ trong điều kiện hòa bình thì phải chống lại vấn đề kiểm duyệt, nó khắt khe quá, và hai là chống thứ văn nghệ độc tôn, thực hiện tự do sáng tác... Nếu nói đến một cái ảnh hưởng gì đó của Nga, thì không phải là ảnh hưởng của phong trào nào của Nga, mà là ảnh hưởng một nhà thơ Nga mà tôi rất yêu mến, đó là Maiakovski. Như thế không thể gọi là ảnh hưởng phong trào này kia được. Hoàng Cầm, nhất là Văn Cao cũng chả ảnh hưởng gì của Maia cả, lại có cả anh Nguyễn Sáng và Sỹ Ngọc là những người của hội họa. Cho nên anh em là vui với nhau để chứng tỏ rằng những người nghệ sĩ, những người sáng tác có quyền sáng tác một cách tự do.*» (trả lời Thụy Khuê, Hợp Lưu, số 81 đã dẫn, tr. 34-35). Không có bằng cớ gì chứng tỏ các ông ấy muốn thành lập những câu lạc bộ Pê-tô-phi như ở Hung-ga-ry 1956.

Khi xảy ra vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, nghe đâu Hồ Chí Minh có nói: không nên dùng dao mổ trâu để mổ gà. Sử gia Georges Boudarel,

một chuyên gia đáng tin cậy về Nhân Văn Giai Phẩm, đã sống tại Hà Nội thời gian này, mách Brocheux: trên báo Nhân Dân ngày 16-9-1958, dưới bút danh Trần Lực, Hồ Chí Minh có lên án nhà văn nữ Trung quốc Đinh Linh theo đà vụ án Trăm Hoa Đua Nở chống hữu khuynh của Bắc Kinh giữa năm 1957.

Sử gia Brocheux đâm ra băn khoăn: «*Hồ Chí Minh trích dẫn một tiểu thuyết gia nữ Trung Quốc mà không nhắc tên một tác giả Việt Nam nào, thậm chí cả tên Nhân Văn, đưa chúng tôi đến thắc mắc: liệu ông có thật sự tán thành đợt đàn áp trí thức phản kháng?*» (10)

Quan điểm chúng tôi: báo Giai Phẩm-Nhân Văn, những truyện, thơ, chính luận, chính kiến xuất hiện trên đó, trong năm 1956 chỉ là cái cớ, cơ hội cho những phe phái cầm quyền tranh chấp và răn đe nhau. Báo cáo Trường Chinh, 13-3-1958, đưa ra những lời lên án nặng nề và trầm trọng không thể chỉ nhắm vào đám nhà thơ cỡ Trần Dần, Phùng Quán. Còn Thụy An thì nghĩa lý gì? Trường Chinh và phe cánh ông, mà Tố Hữu là cái loa ồn ào nhất, nhắm vào cái gì khác, và ai đó khác. Cái gì khác thì ta có thể suy đoán ra. Còn ai khác là ai với ai? Quyền lực cao cấp nhất là cấp bực nào trong guồng máy?

Mười năm sau, sự kiện tiếp theo là vụ án «Xét lại chống Đảng» 1967, sẽ hé thêm một ít tia sáng, nhưng cũng không nhiều. Nói như vậy là phần nào đó giải mã cho vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, giải oan cho những anh em làm văn nghệ có bài đăng trên hai tờ báo: họ là những con dê tế thần trên bàn thờ quyền lực. Bi thảm hơn, có khi, có người chỉ là con giun, cái kiến dưới gót sắt của một vài quan chức cơ hội — những thợ câu luôn luôn có mặt ở những khúc quành nước đục.

*

Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm là phông cảnh cho một cuộc tranh chấp quyền lực trong nội bộ đảng Lao Động Việt Nam vào khoảng 1957, giai đoạn quá độ từ nền hành chánh tạm thời hòa hoãn, đến một chế độ chuyên chính toàn trị: đây là một tiền đề có cơ sở lịch sử và duy lý.

Nhưng hệ luận của nó, mà chúng tôi muốn đề suất, là quá trình chuyên chế hóa này gắn liền với quyết định võ trang thống nhất đất nước, đánh vào Miền Nam, thì khó chứng minh hơn.

Trên giấy trắng mực đen, chế độ chuyên chính Miền Bắc được xác định trên cơ sở Đại Hội Đảng lần thứ 3, tháng 9-1960. Đại hội được dự trù vào năm 1958, so với dự kiến cuối năm 1956. Vụ việc Nhân Văn Giai Phẩm rơi đúng boong vào thời điểm này: đối với Lê Đạt, Hoàng Cầm, và các bạn, là một tình cờ (contingence) nhưng với người cầm quyền là một quy luật (nécessité). Người biết và sử dụng được quy luật — tạm gọi là biện chứng — thì thăng quyền tiến chức, như Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi; người biết, nhưng chỉ né tránh thì tồn tại như Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng; hay xa lánh như Nguyên Hồng. Người không biết, đành phải sa hầm sẩy hố, như Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang.

Bài này chỉ khoanh vùng nghị luận: đảng quyền, hay một bộ phận quyền lực Hà Nội đã quyết định đánh vào văn nghệ, cùng một lúc, hay trước khi đánh xuống Miền Nam. Một mặt trận nhỏ để chuẩn bị tư tưởng cho trận tuyến lớn, dài hơi, phát xuất từ một chế độ thuần nhất, toàn trị và đảng trị. Những chuyến xe tăng sẵn sàng chuyển bánh, bắt đầu trên những trang giấy Giai Phẩm và Nhân Văn.

Bên trong thời điểm trùng hợp, thì hai mặt trận, một nhỏ một lớn, có quan hệ hữu cơ: không thể đánh vào Miền Nam mà vẫn tôn trọng những báo Giai Phẩm và Nhân Văn phía sau lưng — với những đòi hỏi tự do, dân chủ, và... quyền biểu tình! Đây không những là việc thực tế hiển nhiên, mà còn là việc chọn lựa cơ chế chính trị, hệ luận của Hiệp định Genève. Có Tổng tuyển cử 1956, thì dù ít dù nhiều, phải thực thi dân chủ, và cũng là cơ hội để uyển chuyển cơ chế chính trị. Không có Tổng tuyển cử thì đành chọn con đường khác.

Theo văn kiện chính thức Đảng, lệnh võ trang giải phóng Miền Nam được ban hành từ Hội nghị Trung ương lần thứ 15, vào tháng 1-1959. Nhưng ý định và quyết tâm phải có trước đó.

Có thể là có từ lâu, nhưng thành hình cụ thể có lẽ vào 1957, khi Lê Duẩn từ Nam Bộ ra Hà Nội, dần dà nắm quyền lãnh đạo. Có lẽ vì dự án Tổng tuyển cử không thành, nên bang giao Việt Pháp trở nên gay gắt: trường Viễn Đông Bác Cổ, tên tiếng Pháp là trường Pháp quốc Viễn Đông (Ecole Francaise d'Extrême Orient) bị đóng cửa; giám đốc, chuyên gia về văn hóa, văn học Việt Nam là Maurice Durand bị trục xuất vì cái tội mà Tố Hữu gọi là «gián điệp đội lốt học giả nước ngoài.»

Tô Hoài được học tập và được «phổ biến»:

«Vấn đề phức tạp cả trong nhiều tầng lớp xã hội, không phải mấy truyện ngắn, mấy bài thơ là tất cả. Trong những anh em ấy không phải ai cũng biết tác động nhuốm màu chính trị lan truyền trong hoạt động Đảng xã hội Pháp cũ. SFIO... Lại ông Đuy-răng 'con,' tay chơi đồ cổ có hạng, nói tiếng Việt như ta... Những người nước ngoài vi phạm an ninh đất nước đã bị trục xuất.» (11)

(Sao lại xen chuyện SFIO (12), Đảng xã hội Pháp, vào đây? Có quan hệ gì đến hai chính đảng Dân chủ và Xã hội lúc đó?)

Gọi là «Đuy-răng con» để phân biệt với Gustave Durand «bố» giáo sư Hán học tại Hà Nội (13). Cũng trong giữa năm 1957 này, Jean Sainteny, Tổng Đại diện Cộng hòa Pháp, thân thiết với Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng, được «mời khéo» không trở lại Hà Nội, theo một nguồn tin riêng của Gerard Tongas (sđd, tr. 206); sau đó là các nam nữ tu sĩ nước ngoài phải ra đi.

Trong nhật ký ngày 3-14 tháng 3-1958, nhật ký riêng, không phải bản kiểm thảo, Trần Dần viết «*bọn gián điệp vẫn liên lạc với Sainteny, là Thụy An.*» (14) Cũng như Tô Hoài, Trần Dần chỉ «*nghe phổ biến*» và nói lại vậy thôi. Cho đến nay chưa ai đưa ra tư liệu gì chứng tỏ Durand và Thụy An là gián điệp — mà chuyện ấy cũng khó tin.

*

Phong trào Giai phẩm và Nhân Văn khởi thủy từ tháng 3-1955, khi hai nhà thơ Trần Dần, Lê Đạt đầu têu phê phán tập thơ *Việt Bắc* của Tố Hữu, và được nhiều người tán thành. Tập thơ ê a hoài cựu, dòng thơ lục bát không có gì mới, nội dung vân vê kỷ niệm không lấy gì làm sâu sắc. Nhưng rồi tập thơ lại được giải nhất đầu năm 1956.

Gia đình - Tranh của Bùi Xuân Phái trong Giai Phẩm

Khi đánh vào Tố Hữu - Việt Bắc, nhóm phản kháng không dè là đụng phải một đối tượng khác, đụng phải Tố Hữu - *Ta đi Tới*. Ông Tố Hữu trước hồi cố: *mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng*; ông Tố Hữu sau nhìn về tương lai, phía Nam — *ta đi tới, trên đường ta bước tiếp*, trong một bài thơ có lẽ là tác phẩm được học tập, truyền tụng sâu rộng nhất thời đó.

Đường ta rộng thênh thang tám thước
Đường Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên
Đường qua Tây Bắc, đường lên Điện Biên
Đường Cách mạng dài theo kháng chiến
(...)
Ai đi Nam Bộ
Tiền Giang, Hậu Giang
Ai vô thành phố
Hồ chí Minh
Rực rỡ tên vàng
(...)
Ta đi tới, trên đường ta bước tiếp
Rắn như thép, vững như đồng
Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp
Cao như núi, dài như sông
Chí ta lớn như biển Đông trước mặt
Ta đi tới không thể gì chia cắt
Mục Nam Quan đến bãi Cà Mau...

Có cái gì báo hiệu chiến dịch mùa xuân 1975, đã bắt đầu ào ạt từ mùa xuân 1972?

Ta đi tới, láy đi lặp lại, là nhịp bước, điệp khúc quân hành, một leitmotiv?

Phê phán Tố Hữu, chủ yếu về nghệ thuật, Trần Dần cao hứng đã có những lời rất nặng "*Cái nhìn Tố Hữu thật nhỏ bé quá. Nhìn vấn đề gì, vấn đề ấy thu hẹp lại. Yêu ai, người ấy nhỏ đi.*" (15) Bài viết tháng 5-1955, vô hình trung đã đụng chạm đến một chính sách còn đang ở thế tiềm năng, qua cá nhân Tố Hữu?

Bài *Ta đi Tới* được sáng tác ngay sau Hiệp định Genève, vào tháng 8-1954. Ngay lúc đó, hội nghị Xứ Ủy Nam Bộ do Lê Duẩn, bí thư Xứ Ủy, triệu tập tháng 10-1954, đã kết luận :

Có hai khả năng phát triển: có thể Mỹ Diệm buộc phải thi hành Hiệp định Genève và cũng có thể Mỹ Diệm không thi hành. Cách mạng Miền Nam cần phải có kế hoạch đối phó với cả hai tình huống trên. (16)

Sau 1956, bước sang 1957, chính quyền Miền Bắc đã cạn kiệt mọi kế hoạch thương thảo, chỉ còn một chọn lựa là vũ lực. Nhưng chần chờ và chuẩn bị, phải đợi đến giữa 1959 mới mở đường Trường Sơn 559. Hạ hồi, thì lịch sử sẽ hùng

hồn phân giải— bằng xe tăng và đại pháo.

Cần nói : Tố Hữu không thể là nhân vật chủ chốt trong kế hoạch võ trang giải phóng Miền Nam. Bài *Ta đi tới* không phải là cương lĩnh; nó có thể biểu hiện một ý nguyện bị chèn ép, một ẩn ức theo nghĩa phơ-rớt; hoặc là một khát vọng dự phóng; hay một thị lực tiên tri. Trong việc đàn áp Nhân Văn-Giai Phẩm ông đã đọc ba tham luận dữ dội, đại cà sa. Dĩ nhiên đây là việc làm của Tuyên Huấn. Nhưng lời lẽ hằn học, nhỏ nhen, chì chiết và chi tiết làm ta băn khoăn: phải chăng bản thân ông bị xúc phạm. Vì những phê phán tập thơ *Việt Bắc*? Vì báo cáo Khrutsov, việc hạ bệ Stalin? Cơn hoảng hốt sợ mất quyền chức? Ân oán giang hồ?

Hay là bên ngoài nhiệm vụ tuyên huấn, bên ngoài những lý do nói trên, ông phát ngôn thay cho những "phần tử" cứng rắn trong guồng máy? Và những "phần tử" này sẽ dần dần nắm trọn quyền bính khi quyết định tiến chiếm Miền Nam? Vụ án Nhân Văn — Giai Phẩm thì ta đã biết, nhưng đằng sau, hay bên cạnh câu chuyện văn chương, còn có gì khác? Có cuộc tranh giành ảnh hưởng, tranh chấp quyền hành trong nội bộ Đảng Lao Động hay không, và vụ án chỉ là một triệu chứng biểu hiện?

Trả lời kiểu nào đi nữa, thì cũng cần ghi nhận: sự kiện Nhân Văn — Giai Phẩm đã xảy ra ở giai đoạn cực kỳ tế nhị trong nội bộ Đảng Lao động Việt Nam, trước nhiệm vụ bức bách là thống nhất đất nước, gặp phải cơn dao động và hoang mang, mà báo cáo Khrutsov 1956 đã bất ngờ gây ra cho toàn thế giới cộng sản.

Phong trào Giai Phẩm — Nhân Văn, nếu chỉ xem như là câu chuyện văn học, thì có nhiều tình tiết ta không hiểu rõ, về mặt nội dung lẫn nội vụ, và diễn biến trồi sụt trong ba năm 1956-1957-1958, án lệnh đầu năm 1960. Rồi hậu trình kéo dài hơn nửa thế kỷ, nay vẫn chưa chấm dứt, thăng trầm theo thái độ hư hư thực thực của chính quyền, ở nhiều giai đoạn và cấp bực khác nhau. Vậy Nhân Văn — Giai Phẩm là cái gì? Nếu là "vụ án" thì nó không phải là văn học, nếu là văn học thì không có gì đáng trở thành "vụ án."

Giả thuyết chúng tôi đề xuất: Nhân văn — Giai Phẩm là mặt nổi của một tảng băng mà phần chìm khuất quan trọng hơn nhiều: là sự tranh chấp quyền lực nội bộ của Đảng Lao Động với những răn đe, chuẩn bị, che chắn, áp đặt chiến thuật và chiến lược, trong một thời điểm cực kỳ khó khăn và tế nhị.

Những khó khăn nội trị do Hiệp định Genève và dự án tổng tuyển cử 1956 không thành, chồng chéo lên trên khó khăn đối ngoại do Báo cáo 2-1956 của Khrutsov và mối bất hòa trầm trọng trong khối Nga-Hoa. Chưa kể đến các cuộc nổi dậy tại Ba lan và Hung ga ry, hậu quả Cải cách ruộng đất, và nhiều yếu tố khác mà chúng ta không biết hết.

Nhưng quan trọng hàng đầu, theo chúng tôi, là dự án võ trang giải phóng Miền Nam đang thành hình.

Vì là giả thuyết, bài này không có kết luận.

Orléans, ngày 24-3-2007

Chú thích

(1) Brocheux (Pierre), Hồ Chí Minh, *tr.230, nxb Biographie Payot, 2003, Paris.*

(2) Brocheux, Sđd, tr. 245, trích dẫn Yang Kuisong trong Mao Zedong and the war in Indochina, *tham luận hội thảo tại Hồng Kông, 11-12 tháng 1/2000.*

(3) Devillers P, Lacouture J: Le Vietnam de la Guerre francaise à la Guerre américaine, *tr.377, nxb Le Seuil, 1969, Paris.*

(4) Gérard Tongas, J'ai vécu dans l'Enfer Communiste au Nord Vietnam et j'ai choisi la Liberté, *tr.193, nxb Les Nouvelles Editions Debresse, 460 trang, 1960, Paris.*

(5) Đặng Phong, Lịch sử Kinh tế Việt Nam, *tập II, tr. 97, nxb Khoa Học Xã Hội, 1200 trang, 2005, Hà Nội.*

(6) Tố Hữu, Nhớ lại một thời, *tr. 321-322 ; nxb Chính trị Quốc gia, 2000, Hà Nội, trích theo Đặng Phong, tr. 97.*

(7) Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang trả lời phỏng vấn, Hợp Lưu, *tạp chí, số 81, tháng 2/3-2005, tr.34 và 77, California.*

(8) Trường Chinh, báo cáo trước Mặt Trận Tổ Quốc ngày 13-3-1958.

(9) Trường Chinh, như trên ; trích theo Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước Tòa Án dư luận, *tr.368, nxb Sự thật, Hà Nội, 1959.*

(10) Brocheux, sđd, tr. 234

(11) Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai, *tr. 117, nxb Hội Nhà Văn, 1992, Hà Nội*

(12) SFIO = Section Francaise de l'Internationale Ouvrière (1905-1969), Phân bộ Pháp của Quốc tế Lao động.

(13) Maurice Durand (1914-1966), sinh tại Hà Nội, mẹ Việt, là một học giả uyên thâm, đã viết: Kiến thức Việt Nam *(Connaissances du Vietnam ,1954),* Chinh Phụ Ngâm, *1953,* Phan Trần, *1962,* Cảm từ (Impressifs) trong tiếng Việt, *1961,* Lên đồng, *1959,* Chùa Một Cột, *1949,* Tranh tượng dân gian Việt Nam, *1969, v v . Gần đây, Hà Nội có xuất bản công trình* Thế giới Truyện Nôm, l'Univers des Truyện Nôm *của ông, nxb Văn Hóa, 1998. Đinh Gia Khánh đã viết tựa đại cà sa , hết lời ca ngợi . Ông ấy thôi làm gián điệp?*

(14) Trần Dần, Ghi *1954-1960, tr 240, nxb tdmemoire, 450 trang, 2001, Paris.*

(15) Trần Dần, Ghi, *sđ d, tr.144.*

(16) Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, *tập II, tr.80, nxb Chính trị Quốc Gia, 1955, Hà Nội.*

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm và Giải Thưởng Nhà Nước:

Nhìn dưới góc người đọc

NHẬT TIẾN

Tôi được biết tới bốn chữ Nhân Văn Giai Phẩm ngay từ cuối thập niên 50, khi Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa cho phát hành cuốn Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc (Sài Gòn- 1959) của học giả Hoàng Văn Chí, người cũng là Trưởng ban biên tập của Mặt trận này. Kể từ năm 1954, sau hơn bốn năm bị hoàn toàn xa lìa mọi thứ tin tức của miền Bắc, tác phẩm kể trên đã được hầu hết giới văn nghệ ở miền Nam đón nhận nồng nhiệt, hầu như ai cũng đọc, ai cũng có thể ghi gói một đôi điều có thể kể lại về biến cố văn học này. Hơn thế nữa, nhiều đoạn thơ, văn của văn nghệ sĩ miền Bắc tham gia phong trào này cũng đã được giới văn nghệ trẻ chúng tôi thời đó truyền tụng, nhắc nhở, và trong lòng mỗi người không khỏi dấy lên nỗi niềm ngậm ngùi, xót xa, có khi cả căm giận. Xin nhắc lại đây vài đoạn như những kỷ niệm sâu đậm của thế hệ chúng tôi vì mỗi khi tụ họp nhau bàn tán chuyện văn nghệ, đề tài Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm thường hay được nhắc tới:

Làm sao cũng chẳng làm sao
Dẫu có thế nào cũng chẳng
làm chi,
Làm chi cũng chẳng làm chi
Dẫu có "việc gì" cũng chẳng
làm sao
(Phan Khôi)

(Vào thời Nhân Văn Giai Phẩm bị đàn áp, các văn nghệ sĩ mỗi sáng ra cứ hỏi nhau: "tao có **việc** gì không?" hiểu theo nghĩa "tao có **bị** gì không?")

Những kiếp người sống lâu trăm tuổi
Y như một cái bình vôi
Càng sống càng tồi
Càng sống càng bé lại
(Lê Đạt)

Tôi ở phố Sinh Từ
Những ngày ấy bao nhiêu
thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên mầu cờ đỏ
(Trần Dần)

Người làm xiếc đi dây rất khó
Nhưng chưa khó bằng làm nhà văn
Đi trọn đời trên con đường chân thật
Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu
Tôi cũng muốn làm nhà văn
chân thật
chân thật trọn đời
Đường mật công danh không
làm ngọt được lưỡi tôi
Sét nổ trên đầu không xô tôi ngã
Bút giấy tôi ai cướp giật đi
Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá
(Phùng Quán)

..v..v....

Dưới mắt tôi, và có thể là với hầu hết anh chị em văn nghệ sĩ miền Nam ở thời điểm đầu thập niên 60, thì những tên tuổi Phan Khôi, Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt, Hoàng Cầm... đều là những người cầm bút hào hùng, dũng cảm, khi võ khí trong tay họ chỉ có tâm huyết và ngòi bút mà dám đứng lên đương đầu với cả một guồng máy đang ra sức tiến hành một chế độ toàn trị mệnh danh là "chuyên chính vô sản."

Mấy chữ "chuyên chính vô sản" vào thời điểm ấy chưa gây đủ trong đầu óc tôi một ấn tượng sâu sắc nào. Nhưng kể từ sau năm1975, khi có dịp tham gia sinh hoạt đời sống xã hội ở miền Nam, tôi mới thấy thấm thía những đoạn thơ văn mà mình đã có dịp đọc từ mười lăm năm trước đó. Thí dụ:

Giết, giết nữa, bàn tay
không phút nghỉ

Cho ruộng đồng lúa tốt,
thuế mau xong
Cho Đảng bền lâu, cùng
rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin
bất diệt..
(Tố Hữu)

Anh em ơi ! Quyết chung lòng
Đấu tranh tiêu diệt tàn hung, tử thù
Địa hào, đối lập ra tro
Lưng chừng phản động
đến giờ tan xương
Thắp đuốc cho sáng khắp đường
Thắp đuốc cho sáng đình làng
đêm nay
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống,
đọa đầy chết thôi.
(Xuân Diệu)

Đánh giá nội dung những bài thơ kiểu này, thật không có từ ngữ nào khác hơn là "sắt máu." Cho nên, khi dũng cảm đứng lên giữa khung cảnh sặc mùi sắt máu như thế, những văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân văn Giai Phẩm không thể không được coi là những anh hùng.

Rồi thời gian trôi qua hàng nhiều thập kỷ. Chế độ toàn trị ở VN cũng đã có nhiều thay đổi. Trong khung cảnh cả nước rũ bỏ thời kỳ bao cấp u mê, rị mọ để tiến vào nền kinh tế thị trường có định hướng XHCN, thì dư âm của phong trào NVGP cứ ngày một mờ nhạt đi và tội ác do những tên tuổi như Trường Chinh, Tố Hữu, Xuân Diệu v.v... từng gây đau khổ, khốn cùng cho biết bao nhiêu gia đình văn nghệ sĩ mặc nhiên coi như xí xóa.

Hoàng Cầm và Phùng Quán

Và những con người vì tự do cầm bút như Phan Khôi, Phùng Cung, Trần Dần, Phùng Quán, gần đây nhất là Nguyễn Hữu Đang thì cứ theo nhau qua đời trong âm thầm, lặng lẽ.

Tình trạng như thế, nếu cứ kéo dài thì vẫn phải kể là Đảng CSVN còn mắc với riêng văn nghệ sĩ miền Bắc và những độc giả của họ một món nợ. Đó là món nợ tinh thần, thâm sâu và oan nghiệt vì đã vùi giập và triệt tiêu biết bao nhiêu tài hoa văn chương của đất nước.

Món nợ ấy ai đứng ra đòi, bao giờ đòi và đòi cách nào thì theo sự nổi trôi của vận nước, nó chỉ được mặc nhiên coi như xếp chung vào cùng danh sách những món nợ tinh thần khác, còn to lớn hơn, oan nghiệt hơn, liên hệ đến nhiều tầng lớp khác nhau của con người hơn.

*

Bất chợt, ngày 13 tháng Hai năm 2007 vừa qua, Chủ tịch Nhà nước Nguyễn Minh Triết ra quyết định: tặng "*Giải Thưởng Nhà Nước cho các tác giả có tác phẩm hay công trình văn học nghệ thuật giá trị cao, góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.*"

Bốn người thuộc nhóm Nhân Văn Giai Phẩm (NVGP) nằm trong danh sách được giải là Trần Dần, Phùng Quán, Lê Đạt và Hoàng Cầm. Hai ông Trần Dần và Phùng Quán thì đã mất, còn lại hai ông kia thì đều tỏ ra hoan hỉ nhận giải, trị giá một bằng khen và 60 triệu đồng tiền Việt.

Theo nguồn tin ngoài hành lang thì việc quyết định trao giải cho bốn người kể trên là một quyết định đơn phương của Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết. Ông không thông qua sự bàn thảo của Bộ Chính trị và văn bản Quyết định Trao giải là một văn bản riêng biệt, tách rời. Điều này đúng hay sai, kể ra cũng khó kiểm chứng mà cũng chẳng cần thiết phải kiểm chứng vì đó là chuyện nội bộ của giới lãnh đạo ở VN hiện nay. Vấn đề đáng nói là khi đem so sánh thái độ của giới cầm quyền đối với phong trào NVGP trong những giai đoạn khác nhau kể từ trước tới nay, thì ta thấy việc trao giải thưởng bây giờ là một bước tiến hơn hẳn.

Tiến hơn hẳn là vì "cấp độ ứng xử" đối với những nhân sự liên hệ tới NVGP đã ngày một được tha thứ hơn, bao dung hơn và nay thì sự bao dung đã lên tới đỉnh điểm. Tiến trình thay đổi này có thể liệt kê đại khái như sau: "Trước tiên là đàn áp dữ dội, bắt bớ, tù đầy, cho đi lao động cải tạo - sau đó cho

về nhưng không cho cầm bút trở lại - rồi tới mức trả lại hộ tịch Hội viên Hội Nhà Văn, cung cấp công ăn việc làm hay cho lãnh lương hưu - và nay thì tới việc trao "Giải Nhà Nước" cho bốn nhân vật tiêu biểu của phong trào này."

Tuy nhiên nhìn lại những giai đoạn trong tiến trình kể trên, thì kể từ lúc giới lãnh đạo quyết định thả cho các đương sự được trở về từ những nông trường lao động hay các nhà tù, cho đến khi tuyên bố trao giải, biến cố NVGP mặc nhiên bị nhấn chìm, không ai được phép công khai nhắc tới dẫu rằng nó đã mang theo nhiều cuộc đời tan nát, nhiều dấu ấn bôi nhọ, sỉ nhục mà giấy trắng mực đen vẫn còn đó.

Nhưng lịch sử là một tập hợp của nhiều dữ kiện đã xẩy ra trong quá khứ. Nó đâu có phải mảnh giấy vô tri sẵn sàng để bị đem ra vo tròn, bóp méo.

Khi nhận tin được giải, nhà thơ Lê Đạt đã tiết lộ với phóng viên VNN rằng ông Đỗ Chu (một thành viên của Hội Đồng Giải Thưởng Chuyên Ngành Văn Học) có phát biểu rằng: "*Có thể cho đây là lời xin lỗi của anh em đối với các anh.*"

Có thực rằng việc trao giải này đã là một lời xin lỗi?

Điều này hoàn toàn không minh bạch vì nội dung của bản công bố trao giải không hề nhắc tới mấy chữ Nhân Văn Giai Phẩm. Thậm chí trong tang lễ nhà văn hóa Nguyễn Hữu Đang (10-2-2007), giữa lúc thân nhân, bạn bè đau thương tiễn biệt người quá cố đến nơi an nghỉ cuối cùng, thì đại diện của cơ quan Văn hóa Nhà nước vẫn còn nói trước linh cữu rằng:"... *mặc dù anh đã mắc phải sai lầm....*"

Một hành động của đại diện cơ quan Văn hóa Nhà nước trong một đám tang như thế không những biểu lộ sự "thù dai" mà còn mang tính chất "vô văn hóa."

*

Thế thì ý nghĩa của việc trao giải là "***Chúng tôi xin lỗi các anh***" hay là "***Chúng tôi tha thứ lỗi lầm của các anh?***"

Câu trả lời tùy theo quan điểm của mỗi cá nhân, nhưng những người đã nhắm mắt lìa đời, vốn từng mang khẩu khí như: "*Đường mật công danh không làm ngọt được lưỡi tôi, sét nổ trên đầu không xô tôi ngã. Bút giấy tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ dùng dao viết văn lên đá*" thì việc trao giải này có làm cho họ được ngậm cười nơi chín suối chăng?

Đó là ta chưa mở rộng thêm vấn đề "*người cầm bút đối xử với chính người cầm bút,*" ngoài sự đối xử của giới lãnh đạo với phong trào NVGP.

Nhờ nỗ lực bền bỉ của nhóm chủ trương mạng lưới toàn cầu *talawas*, mà hầu như toàn bộ hồ sơ về Nhân Văn Giai Phẩm đã được phơi bầy ra ánh sáng. Người đọc vì thế có cơ hội nhìn sâu vào đủ mọi khía cạnh của vấn đề, trong đó một phần không thể bỏ qua là những bài viết của chính giới cầm bút đã ùa lên tố cáo, vu khống, mạt sát đồng nghiệp của mình. Xin tạm trích vài đoạn:

"*Cũng như những loại vi trùng kinh niên quen chống đỡ với các loại thuốc sát hại chúng, bệnh cá nhân vô chính phủ trong con người Lê Đạt ngày càng tinh vi, "khôn ngoan", luôn tìm cách lẩn tránh hoặc ngụy trang dưới hình thức này hay hình thức nọ để lừa phỉnh mọi người. Dán một cái nhãn hiệu "yêu thương nhân dân, yêu thương giai cấp", thơ văn của Lê Đạt đã bộc lộ rõ rệt tư tưởng của một kẻ khinh quần chúng, muốn tỏ ra mình tài giỏi, có khả năng lãnh đạo quần chúng mà không được Đảng tin dùng.*" Xuân Hoàng

"*Sự giảng dạy của Trần-Đức-Thảo giống như một thứ thuốc phiện, nó làm giảm sút, thậm chí tiêu diệt nhuệ khí, nhiệt tình và lòng tin của nhiều sinh viên, phát triển cái 'chất' hoài nghi trong con người cũ của một số sinh viên.*" Khắc Thành

"*Trần Dần đã nấp dưới chiêu bài 'chống công thức,' 'đi tìm cái mới' chỉ huy cái bào thai Nhân văn-Giai phẩm trong quân đội, kéo bè kéo cánh đả kích lãnh đạo và tụ tập nhau đề ra cái gọi là 'chính sách về văn nghệ trong quân đội,' công khai và trắng trợn đòi 'văn nghệ phải độc lập với chính trị,' 'trả quyền lãnh đạo văn nghệ cho văn nghệ sĩ'.*" Huy Vân

"*Bọn thù địch của chế độ giật quả mìn phá hoại đầy hơi xú uế: Nhân văn số 1 ra đời, Dần khi đó vẫn còn ở bộ đội, gian ngoan lúc đầu còn làm ra vẻ đứng ngoài. Nhưng chính Dần đã thông qua bài 'Con người Trần Dần' của Hoàng Cầm viết. Báo ra bị quần chúng phản đối. Biết khó khăn, trước số 2 Nhân văn, Dần bảo Lê Đạt bằng một câu rất phản động: 'Nhảy vào đi! Mày làm như Các Mác với Ba-lê công xã ấy (!) Biết là thất bại, cũng vào mà giảm bớt thất bại đi!' Nhân văn ra số 3, Dần cùng vợ mang báo đi bán, coi như một 'nghĩa cử.' Lúc này, thấy không cần ném đá giấu tay nữa, Dần ra mặt hoạt động, nhảy đến họp Nhân văn, nhảy đến nhà in chữa bài. Quần chúng ngày càng phẫn nộ. Biết Nhân văn sắp phải đóng cửa, Dần chủ trương 'đánh vớt vài đòn.' Dần ném vào số 4 bài "Không có lý gì không tán thành trăm hoa đua nở" đòi Đảng phải để cho bọn Dần được tự do đưa ra quần chúng những sáng tác chống Đảng, chống chế độ, chống nhân*

dân. Và Dần ném vào số 6 giẫy chết một bản dịch về hội họa Ba Lan nhằm nói 'Đảng lãnh đạo nghệ thuật là đưa đến bế tắc nghệ thuật'." Hữu Mai

"Phan Khôi ăn lương thân sĩ, cơm rượu ngày hai bữa, làm 'thơ luân lưu' chửi Đảng, chửi chế độ. Trần Dần, Hoàng Cầm, Lê Đạt cuộn khúc trong các tổ chức văn học, rèn một loạt "dao hai lưỡi", nung nấu chí phục thù, khiêu khích, chia rẽ, đánh kéo những phần tử yếu bóng vía. Trong tình hình nghiêm trọng ấy, đáng nhẽ chúng ta phải nêu khẩu hiệu: 'Quét sạch tư tưởng thù địch của nhóm Nhân văn-Giai phẩm' thì có người lại kêu gọi: 'Sáng tác trước hết, sáng tác trên hết, lấy sáng tác mà đấu sáng tác.' Đảng nói: 'Cách mạng vô sản phải do Liên Xô đứng đầu, lãnh đạo.' Họ nói: 'Sùng bái, đầu óc nô lệ, ta theo con đường của ta.' Nhưng khi giai cấp tư sản phát ngôn: phải chiếu cố tư sản, phải để các xu hướng nghệ thuật tự do phát triển, không nên quá tin ở Liên Xô, thì nhất nhất họ đều khen: - đúng, hay, phải, ý kiến độc đáo! - Thế nghĩa là gì? Đảng là một tập thể sáng suốt nhất bảo họ, họ không nghe, nhưng khi bọn tư sản là giai cấp phản động, thối nát (trên lý luận họ cũng biết như thế) bảo họ những điều rất nghịch tai thì họ tin ngay lập tức, không hoài nghi một chút nào. Chẳng qua cái tâm của họ vẫn là cái tâm tư sản." Nguyễn Khải

"Một đồng chí văn nghệ sĩ Nam Bộ đã kể lại cho chúng tôi nghe câu chuyện sau đây. Một hôm, bọn Mỹ-Diệm đem báo Nhân văn ra dán ở một đầu phố Sài Gòn nhằm dụng ý để cho đồng bào miền Nam đọc, 'biết tình hình Việt cộng ở miền Bắc đen tối như thế nào!' Một chị đứng đọc hồi lâu rồi không giữ nổi căm giận, chị giơ tay xé tan tờ Nhân văn trước mặt chị. Một phát súng của một tên lính Mỹ-Diệm lập tức xuyên qua lưng chị, và chị đã gục xuống. Máu từ ngực chị đã thấm đỏ những trang báo Nhân văn. Đồng chí kể xong, nói: 'Tội ác ấy, đồng bào miền Nam không bao giờ quên được'!"

Từ Bích Hoàng

(ngưng trích)

Có thể nói, vào thời điểm ấy đã có cả một trận bão các bài viết mạ lỵ, vu khống, xuyên tạc, tố giác với công an mật vụ... nhắm vào những ngòi bút của NVGP. Giấy trắng mực đen còn đó. Độc giả theo dõi diễn tiến của phong trào này vì thế đã được nhồi nhét đủ thứ luận điệu, nhiều khi quái đản như đã trích ở trên.

Thế mà cả một đội ngũ những kẻ cầm bút su thời như thế, hỏi có ai ngỏ lấy một lời ăn năn, tạ lỗi về những điều mình đã viết, ngoại trừ nhà văn Bửu Tiến tại Đại Hội 4 Nhà Văn VN (1990) họp tại Hà Nội đã can đảm công khai nói lên sự ông đã đánh lầm vào nhóm NVGP, để bây giờ mối ân hận vẫn đeo đẳng theo ông dù có mang xuống tuyền dài cũng chưa chắc gì nguôi.

Như vậy, vấn đề của NVGP chẳng những đòi hỏi giới lãnh đạo CSVN một lời xin lỗi công khai, minh bạch mà ngay đến cả những ai đã từng mạ lỵ, vu khống NVGP hiện nay vẫn còn đang sống thì cũng nên bầy tỏ thái độ của mình. Sự im lặng sau ngần ấy năm đằng đẵng vừa có thể khiến lương tâm các vị không dễ gì thanh thản mà hẳn còn bôi một vết nhơ lên sự nghiệp cầm bút của mỗi người. Xin nhớ cho rằng không ai có thể bôi xóa được lịch sử, nhất là trong lãnh vực văn chương.

Nói tóm lại, theo tôi, trong cương vị một người đọc vốn từng theo dõi những diễn tiến của phong trào NVGP, thì việc trao "Giải Nhà nước" cho một nhóm nhỏ của họ không thể là một công việc đơn giản, khi làm xong là ai nấy có thể hùa nhau xí xóa được hết.

Khi có tin mình được trao giải, hai ông Lê Đạt và Hoàng Cầm đã hoan hỉ chấp nhận. Đó là sự tự do chọn lựa của các ông. Ông Lê Đạt cho rằng *"đây là cử chỉ đẹp, cho dù là muộn, nhưng muộn còn hơn không."*

Còn ông Hoàng Cầm thì trả lời với phóng viên báo An Ninh Thủ Đô rằng :*"Tôi buồn thương cho hai bạn Trần Dần và Phùng Quán mất đã lâu không được biết là mình **được xem xét lại**. Các anh mất đi mà vẫn buồn vì **có cái oan chưa giải**. Tôi thấy mình may mắn vì trời cho sống đến bây giờ và lại được trao cái giải thưởng này."*

Như thế, vốn mang cái tâm trạng "***cái oan được giải***", ta có thể hiểu được tại sao các ông ấy vui mừng khi có tin mình được trao giải.

Nhưng với riêng tôi, ở cương vị là độc giả của các ông từ hơn nửa thế kỷ đã qua, tôi lại thấy tiếc cho hai ông về một điều:

"Cho đến cuối đời, các ông có một dịp ngàn vàng để nói thay cho nhiều người bị bách hại, vốn ngày xưa đã có cùng chí hướng với các ông về cuộc đấu tranh cho tự do cầm bút. Phải chi các ông tuyên bố được rằng: **"Sẵn sàng nhận Giải với điều kiện Đảng CSVN minh bạch công nhận đã sai lầm trong công cuộc đàn áp phong trào Nhân Văn Giai Phẩm."**

Nói được như thế, tên tuổi của các ông lại thêm một lần nữa chói sáng trong lòng độc giả và bộ mặt của Nhân Văn Giai Phẩm cũng không bị cái Giải ấy làm cho lu mờ đi!

California ngày 4-3-200

Bài học lịch sử "Nhân văn" và "Xét lại"

(Suy nghĩ nhân việc một số "Nhân văn"
được nhận Giải thưởng Nhà nước)

TIÊU DAO BẢO CỰ

Việc bốn tác giả: Hoàng Cầm, Lê Đạt, Phùng Quán và Trần Dần được nhận Giải thưởng Nhà nước (sẽ trao vào đầu tháng 3/07) là một bước tiến mới và chứng tỏ thiện ý của nhà nước trong cách đối xử với những người đã tham gia phong trào Nhân văn-Giai phẩm (NVGP), kể từ năm 1988, sau khi họ được khôi phục hội tịch Hội Nhà văn và sống, làm việc bình thường như những nhà văn khác. Tuy nhiên sự việc này diễn ra quá chậm, quá muộn và chưa đáp ứng được đòi hỏi của công luận và yêu cầu của tình thế.

Nguyễn Sáng, chân dung Trần Dần,
***Nhân Văn* số 1, 20-9-56.**

Vụ án Nhân văn—Giai phẩm chấn động xã hội mang lại nhiều tai hoạ, tai tiếng và tranh cãi là một vụ như thế nào chưa hề được xem xét lại sau gần nửa thế kỷ. Đây không phải là một vụ hoàn toàn đã qua, đã mất mà vẫn còn là một vấn nạn lịch sử và hệ quả của nó vẫn còn tồn tại, nhức nhối trong đời sống văn học và xã hội hiện tại.

Mới đây, trong đám tang của ông Nguyễn Hữu Đang, một nhân vật chủ chốt của nhóm và bị đày đoạ nhiều nhất, dù được một vài cơ quan nhà nước tham gia ban lễ tang nhưng trong điếu văn bên cạnh việc ca ngợi những thành tích của ông vẫn có câu nhắc đến việc tham gia nhóm NVGP là một khuyết điểm.

Việc những tác giả của nhóm NVGP lần này được trao giải cũng chỉ căn cứ vào một số tác phẩm cụ thể của họ được nêu lên chứ không phải toàn bộ tác phẩm và chắc chắn là không phải những tác phẩm đã từng đăng trên NVGP. (Hoàng Cầm với các tập thơ Bên kia sông Đuống, Lá diêu bông, 99 tình khúc; Trần Dần với các tác phẩm Bài thơ Việt Bắc, Cổng tỉnh, Người người lớp lớp; Phùng Quán với Vượt Côn Đảo, Tuổi thơ dữ dội, Tiếng hát trên địa ngục Côn Đảo; Lê Đạt với Bóng chữ, Ngó lời, Hèn đại nhân.) Điều oái ăm là một số những tác phẩm của họ được người đọc ngưỡng mộ nhất không phải là những tác phẩm đó, mà là những tác phẩm đã từng đăng trên các tờ báo "tội lỗi" năm xưa. Có phải nhắc đến Phùng Quán là người ta nghĩ ngay đến "Lời mẹ dặn" và Trần Dần gắn liền với hai câu thơ "Tôi bước đi không thấy phố không thấy nhà / Chỉ thấy mưa sa trên mầu cờ đỏ"?

Lê Đạt trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang
(hình Nguyễn Đình Toán - Hà Nội)

Hoàng Cầm và Lê Đạt, hai người còn sống đã trên 80 tuổi được giải thưởng, khi được báo chí phỏng vấn đã bày tỏ là "vui" và cảm ơn nhà nước vì đã có "cử chỉ đẹp tuy hơi muộn." (Phát biểu được đăng tải trên báo Tuổi trẻ số chủ nhật 25-2-07.) Tuy nhiên có lẽ niềm an ủi và hạnh phúc lớn nhất của họ chính là sự thừa nhận của người đọc, của nhân dân đã từ lâu chứ không phải của nhà nước. Hữu Loan, người duy nhất trong nhóm NVGP trước đây không chịu những hình thức kiểm điểm, cải tạo mà bỏ về quê thổ đá kiếm sống và sau này không làm đơn xin khôi phục hội tịch Hội Nhà văn, lần này cũng được đề cử nhận giải nhưng không được chấp thuận. Cách đây khá lâu, một công ty đã mua bản quyền bài thơ "Mầu tím hoa sim" của ông với giá một trăm triệu đồng và có người đã đánh giá đây là bài thơ tình hay nhất thế kỷ. Bài thơ đã từng bị cấm đoán nhưng nó vẫn được phổ biến không ngừng trong 50 năm qua, nhất là qua phổ nhạc, hàng triệu người đã nghe, đã hát và yêu thích. Vậy thì việc trao giải thưởng của nhà nước lần này chỉ là chạy rất sau thực tế, bị thực tế vượt qua và hơn nữa còn chứng tỏ một sự trì trệ rất đáng lo ngại.

Ở Việt Nam, có hai từ rất đẹp đã bị những vụ án chính trị làm hoen ố. Đó là từ "nhân văn" và "xét lại." Đã có một thời gian dài hai từ này bị hiểu như là cái gì xấu xa, phản trắc, phản động, chống lại Đảng Cộng sản, chống lại tổ quốc. Ai bị quy là "bọn nhân văn", "bọn xét lại" hay có liên quan, dây mơ rễ má với "bọn" này thì chỉ có nước bị đi tù, cải tạo, trù dập hay không ngóc đầu lên nổi. Nhưng "nhân văn" chính là phẩm chất cao quý nhất của một nền văn hoá và chính trị, "xét lại" là động lực phát triển của khoa học và cũng của chính trị. Khi hô hào xây dựng một xã hội "công bằng và văn minh" thì đó chính là "nhân văn" và "đổi mới" có khác gì "xét lại." Như thế không phải Đảng và nhà nước không hiểu rõ giá trị của hai từ này, nhưng Đảng và nhà nước không cho ai "nhân văn" và "xét lại," nếu việc này đe doạ đến sự độc quyền lãnh đạo của mình. Đây là một mâu thuẫn lớn đã gây ra bi kịch và sự "tụt hậu" của Việt Nam trong thời hiện đại nói chung và trên hai lãnh vực văn hoá, chính trị nói riêng.

Qua vụ NVGP, vói các tài liệu liên quan mới được công bố lại trên talawas, ta thấy những nhà văn, nhà báo đã trở thành công an, mật vụ, chỉ điểm và trở mặt nói xấu, quy chụp, đưa bạn bè, đồng nghiệp vào chỗ tù đày, thân bại danh liệt như thế nào. Những người cần có nhân cách nhất lại vì vụ "nhân văn" trở thành những người mất nhân cách tệ hại nhất. Mà các tác phẩm đăng trên NVGP có gì khác hơn là đòi tự do tư tưởng, tự do sáng tác, chống quan liêu, chống tham ô lãng phí và không ít tác phẩm khẳng định sự ủng hộ đối với Đảng để diệt trừ những tệ nạn xấu xa làm hại đến nhân dân, đến đất nước và cả đến Đảng khi Đảng đã nắm được quyền lực.

Không dừng lại ở đó, sau vụ NVGP, tất cả nhà văn khi sáng tác đều chịu hai cái vòng "kim cô," một ở bên ngoài do chính sách kiểm duyệt của nhà nước khi biên tập, cho đăng báo, xuất bản, một ở bên trong đầu từng nhà văn khi luôn luôn nghĩ mình phải sáng tác như thế nào để khỏi phạm vào những điều cấm kỵ có thể đưa mình đến chỗ thân bại danh liệt. Vậy là có tác phẩm "phải đạo," "đồng phục." Nhiều người đã băn khoăn tại sao Việt Nam không có tác phẩm lớn đạt tầm nhân loại khi hoàn cảnh Việt Nam là một hiện thực lớn vô cùng phong phú và văn nghệ sĩ Việt Nam không thiếu tài năng. Phải chăng tình hình trên đây đã là một câu trả lời hiển nhiên. Làm sao có tác phẩm lớn khi nhà văn không có tự do sáng tạo?

Không phải nói chuyện quá khứ, ngay trong hiện tại, sau "đổi mới," Việt Nam vẫn không có được những tác giả với những tác phẩm lớn như Mạc Ngôn, Giả Bình Ao... của Trung Quốc mà khi đọc ta phải cúi đầu bái phục. Một thí dụ khác, Yveline Féray, nhà văn nữ người Pháp đã bỏ ra mười năm để nghiên cứu và viết tác

phẩm *Vạn xuân* (nguyên tác Dix mille printemps do Nguyễn Khắc Dương dịch, Văn Học xuất bản, 1997), tác phẩm viết về Nguyễn Trãi và thời đại của ông cách đây gần 600 năm. Đọc xong *Vạn xuân* ta vừa ngưỡng mộ vừa xấu hổ. Làm sao một người nước ngoài có thể làm được như thế mà ta thì không? Ngoài tài năng, nhà văn cần có tự do và một số điều kiện nhất định mới có thể viết nên tác phẩm lớn. Ai nói tự do sáng tác chỉ là việc riêng của nhà văn, không liên quan gì đến nhà nước, xã hội là điều không thực tế, trừ một số trường hợp hết sức cá biệt.

Vấn đề không dừng ở đó mà còn mở ra khía cạnh lớn lao hơn nhiều: lương tâm và trách nhiệm của nhà văn đối với xã hội và đất nước. Nhà văn sáng tác theo yêu cầu chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những tác phẩm được gọi là văn học cách mạng đã góp phần thúc đẩy toàn dân xông lên trong trận chiến. Và rồi kết quả như thế nào? Đến một lúc nào đó nhà văn phản tỉnh và tự hỏi như Chế Lan Viên trong một số bài thơ di cảo như "Bánh vẽ," "Trừ đi" và nhất là bài "Ai? Tôi?"

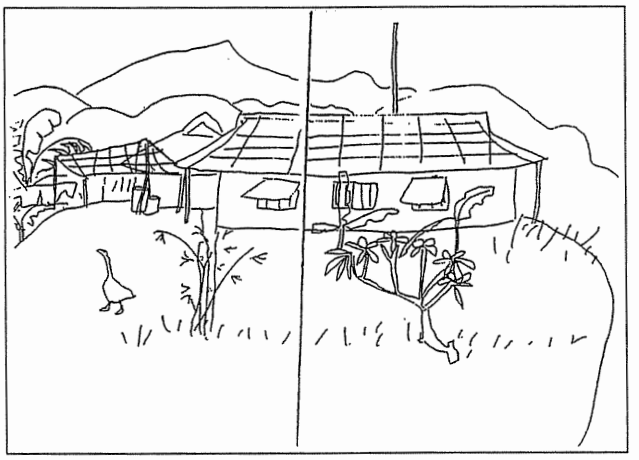

Bức họa của Trần Dần (1958)

Ai?
Tôi?
Mậu Thân 2000 người xuống đồng bằng.
Chỉ một đêm, còn sống có 30.
Ai chịu trách nhiệm về cái chết của 2000 người đó?
Tôi!
Tôi, người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình trong mọi lúc xung phong
Một trong 30 người kia ở mặt trận về sau 10 năm
Ngồi bán quán bên đường nuôi đàn con nhỏ
Quán treo huân chương đầy, mọi cỡ
Chả huân chương nào nuôi được người lính cũ!
Ai chịu trách nhiệm vậy?
Lại chính là tôi!
Người lính cần một câu thơ giải đáp về đời
Tôi ú ớ.
Người ấy nhắc những câu thơ tôi làm người ấy xung phong
Mà tôi xấu hổ
Tôi chưa có câu thơ nào hôm nay
Giúp người ấy nuôi đàn con nhỏ...
Giữa buồn tủi chua cay vẫn có thể cười.
(Chế Lan Viên.
1987. *Di cảo)*

Đó phải chăng là góp phần gây ra thảm kịch? Và bao nhiêu nhà văn đã có tự vấn dù muộn màng như Chế Lan Viên?

Ấy thế mà cho đến hôm nay, năm nào nghị quyết về văn hoá tư tưởng của Đảng cũng nhấn mạnh đến việc "chỉ đạo báo chí, xuất bản, văn hoá—văn nghệ." Chỉ đạo như thế nào? Để lại sản sinh ra những tác phẩm và hoạt động "phải đạo, đồng phục"? Pháp luật để làm gì? Cứ trái pháp luật là cấm, không trái pháp luật thì tự do làm, cần gì ai chỉ đạo. (Chưa kể ngay các văn bản và quy định của pháp luật, nếu ngược lại với quyền lợi của nhân dân, tước đoạt tự do dân chủ như cấm báo chí tư nhân, cũng cần được xem xét lại và sửa chữa.) Tác giả của những tác phẩm lớn trên thế giới từ xưa đến nay, mang tính nhân văn sâu sắc, ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại đâu cần được ai chỉ đạo.

Những câu hỏi về nguyên nhân và ý nghĩa của hai cuộc chiến tranh vừa qua, nhất là cuộc "chiến tranh chống Mỹ xâm lược" không được Đảng và nhà nước đặt lại hay chấp nhận đối thoại. Dù lịch sử đã đi qua nhưng với cái giá máu xương và hận thù quá đắt cho việc thống nhất đất nước, người ta vẫn có quyền đặt lại vấn đề cuộc chiến tranh đó có cần thiết hay không. Nếu chủ trương "xét lại" với xu hướng chống chiến tranh, chung sống hoà bình những năm đầu thập kỷ 60 được nghiên cứu và tiếp thu, biết đâu Việt Nam sẽ tránh được cuộc chiến

này và "bọn xét lại—chống Đảng" sẽ có thể là cứu tinh của dân tộc. Chủ trương xét lại ở Liên Xô với Khrushchev đã vạch trần sự tàn ác của chủ nghĩa cộng sản thời Stalin, làm tiền đề cho công cuộc "cải tổ" sau này thời Gorbachev, Yeltsin, góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô và trên toàn thế giới. Phải chăng những người cộng sản chân chính sẽ không đau buồn khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ, vì chính chủ nghĩa cộng sản, chế độ cộng sản như đã thấy, với đấu tranh giai cấp và chuyên chính vô sản khốc liệt đã mang lại tai hoạ và tội ác cho con người, đồng thời làm hoen ố lý tưởng cộng sản cao đẹp - theo nghĩa chống bất công áp bức - đã làm nức lòng hàng triệu triệu người trên thế giới trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản man dã?

Chính vì chống "xét lại" nên cho đến nay Đảng Cộng sản vẫn cương quyết giữ vững độc quyền lãnh đạo, không chịu từ bỏ điều 4 hiến pháp.

Sau 1975 với hậu quả của chiến tranh và các chính sách sai lầm, Việt Nam đã rơi xuống tình trạng cô lập, nghèo đói cùng cực. Sau "đổi mới," tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế khá ngoạn mục và từng bước hội nhập vào thế giới nhưng thành quả đạt được vẫn còn xa so với ước vọng và tiềm năng của dân tộc hay so với các nước láng giềng trong khu vực. Có bao giờ Đảng tự hỏi mình còn thực sự ngang tầm với nhiệm vụ lịch sử nữa không, có thể tạo được đại đoàn kết dân tộc để lãnh đạo đất nước vươn lên xứng tầm trong thời đại mới hay không?

Nếu gạt qua một bên những hận thù do cuộc chiến để lại, có lẽ rất ít người dân Việt Nam nào chống lại Đảng Cộng sản nếu Đảng chịu sửa sai, thực sự làm được điều tốt đẹp cho dân cho nước. Tiếc thay Đảng Cộng sản chưa làm được như vậy khi guồng máy cầm quyền tham nhũng quá nặng nề đến vô phương cứu chữa, chênh lệch giàu nghèo và áp bức bất công ngày càng nghiêm trọng, văn hoá xã hội suy đồi, xuống dốc thê thảm. Vậy thì Đảng Cộng sản có lý do gì để độc quyền lãnh đạo khi thành quả do mình lãnh đạo ngược lại với lý tưởng mình đề ra và độc quyền lãnh đạo chỉ có nghĩa là độc quyền hưởng lợi như thực tế cho thấy? Ngay cả khi Đảng Cộng sản hay bất cứ đảng nào có đủ khả năng để lãnh đạo đất nước thì khái niệm độc quyền, độc tài cũng là một khái niệm xấu xa, nguy hiểm nhất cho một dân tộc. Lịch sử, đất nước biến động không ngừng thì chỉ có những ai đủ tài năng và trí tuệ, được nhân dân lựa chọn mới đủ thẩm quyền và tín nhiệm để nắm vai trò lãnh đạo. Không có dân chủ thì mọi lý giải, biện minh của bộ máy độc tài toàn trị đều là dối trá và áp đặt. Có lý do gì chính đáng để không chia sẻ quyền lãnh đạo cho những người tài năng khác của dân tộc?

Như thế, trong hai lãnh vực văn hoá và chính trị, chính vì thiếu "nhân văn" và chống "xét lại" nên Đảng Cộng sản đã phạm phải những sai lầm lịch sử. Cả trong kinh tế cũng vậy. "Kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là gì? Kinh tế thị trường đã là xu hướng tất yếu của thời đại, còn định hướng xã hội chủ nghĩa nếu được hiểu và làm đúng như là điều tiết của nhà nước để tạo ra công bằng xã hội, mang lại điều kiện và cơ hội thăng tiến cho tầng lớp nghèo khổ thì thật đáng hoan nghênh. Tuy nhiên thực tế cho thấy nhà nước không làm được điều đó và "định hướng xã hội chủ nghĩa" chỉ có nghĩa là do Đảng Cộng sản độc quyền lãnh đạo để bảo vệ quyền lợi của quan chức trong guồng máy đã trở thành "tư bản đỏ." Làm sao người dân có thể tin tưởng khi lời nói không đi đôi với việc làm, thực tiễn trái với nội dung đường lối chính sách đầy dẫy những lời hay ý đẹp?

Đảng Cộng sản đang ở trong thế mạnh của người cầm quyền nhưng đó không phải là điều vững chắc và lâu dài nếu không được toàn thể nhân dân ủng hộ. Quá khứ đã qua có những điều không thể thay đổi nhưng ta vẫn có thể sửa chữa cho hiện tại và tương lai. Hoà giải hoà hợp và đại đoàn kết dân tộc chính là đường lối đúng đắn nhất cho bất cứ ai có thực tâm muốn phụng sự đất nước. Xác định nội dung, phương thức của đường lối này là điều không đơn giản đối với Đảng Cộng sản cũng như các thành phần khác của dân tộc. Tuy nhiên điều không thể thiếu là bài học lịch sử về "nhân văn" và "xét lại."

Một điều ngẫu nhiên lạ lùng khi tên gọi của hai vụ án chính trị với hai từ then chốt đã trở thành vấn đề trung tâm của một giai đoạn lịch sử. Với những gì đã xảy ra, chỉ có dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, chấp nhận đối thoại, từ bỏ định kiến giáo điều và thực tâm vì đất nước, Đảng Cộng sản mới có thể tiếp tục có vai trò xứng đáng trong tương lai của đất nước.

Đà Lạt đầu tháng 3/2007

NGÔ NHÂN DỤNG

Lao động Việt Nam vẫn tranh đấu

Trong vòng hơn một năm qua xẩy ra những cuộc đình công lớn của người lao động ở Việt Nam khiến báo chí quốc tế phải chú ý mà những tờ báo do đảng Cộng Sản kiểm soát cũng không thể im lặng che giấu, phải loan tin vấn tắt. Tại sao?

Xin mời quý vị nghe câu chuyện sau đây. Một người tôi quen về chơi Sài Gòn, mang theo cậu con trai đã qua Mỹ được 15 năm. Một buổi tối cậu con nói với mẹ sẽ rủ bạn bè đi ăn uống, giải trí một bữa, để đáp lại tình quý mến các các bạn học cũ. Bà mẹ biết con là sinh viên chưa có tiền riêng, đưa cho con 300 đô la Mỹ, dặn con hãy tiêu dè sẻn. Vì tiền ở đây quý lắm, còn dư đồng nào sẽ đem giúp họ hàng bà con. Sáng hôm sau người mẹ hỏi con đêm qua tiêu hết bao nhiêu. Cậu sinh viên ngượng ngùng trả lại mẹ 300 đô la, vì cậu không dùng đến. Chi phí du hí đêm hôm trước lớn quá, cậu không trả nổi. Một người bạn cũ đãi tất cả nhóm, móc túi chi số tiền trên một ngàn mỹ kim!

Trong câu chuyện trên chúng ta thấy tại Sài Gòn có những người giầu có như thế nào, và họ tiêu pha để phô trương một cách thoải mái ra sao. Một thanh niên chi hàng ngàn đô la thết đãi bạn bè, để chứng tỏ mình bảnh. Như vậy thì gia đình, cha mẹ cậu ta kiếm được bao nhiêu tiền? Mức chênh lệch giầu nghèo diễn ra quá lộ liễu trong một nước mà lợi tức bình quân mỗi người dân chưa tới 700 đô la một năm, những người lao động không thể nào không muốn tranh đấu đòi thêm quyền lợi.

Một yếu tố thứ hai khiến những người nghèo nhất nước phải bất mãn là giá cả tăng nhanh trong khi đồng lương không theo kịp. Một lý do khiến giá cả tăng nhanh là số tiền lưu hành trong nước tăng lên nhiều, trong đó có cả những món tiền do "Việt kiều" đem theo hoặc gửi về đầu tư hoặc tặng quà thân nhân. Trong một nước mà số hàng hóa tăng lên chậm hơn tổng số tiền lưu hành thì giá cả phải tăng. Những món hàng không thể xuất cảng (non-tradable goods) lên nhanh hơn vì những thứ hàng có thể xuất cảng phải theo giá cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Khi các thanh niên đi du hí, họ tiêu thụ những thứ dịch vụ "không xuất cảng được" như tiệm ăn, âm nhạc, sàn nhẩy, và các dịch vụ khác của phụ nữ, giá nào họ cũng trả. Nhiều người tiêu tiền thoải mái, thế nào giá chẳng tăng lên.

Lạm phát là một thứ "thuế đánh trên người nghèo"

Khi giá sinh hoạt tăng 8 phần trăm một năm mà đồng lương của bạn không tăng, tức là khả năng tiêu thụ của bạn bị giảm. Bạn không mua được số hàng hóa nhiều bằng năm ngoái; không khác gì bạn phải đóng thuế mất 8% số lương. Năm ngoái, hơn 40 ngàn công nhân Việt Nam ở vùng chung quanh Sài Gòn đã đình công bất chấp luật lệ của nhà nước cộng sản. Sau khi các công nhân tranh đấu, đảng Cộng Sản mới chịu tăng số lương tối thiểu cho những người lao động làm cho các xí nghiệp nước ngoài lên mức cao hơn thành 45 đô la tới 55 đô la một tháng– dưới 2 đô la một ngày, mà công nhân làm cho các xí nghiệp trong nước lãnh thấp hơn.

Trước khi xẩy ra các cuộc đình công trên, đảng Cộng Sản giữ nguyên mức lương tối thiểu không tăng suốt trong sáu năm. Trong những năm trước đó lạm phát ở Việt Nam rất cao. Thống kê chính thức cho biết năm 2004 lạm phát 7.7%, năm sau 8.3%. Năm 2006 lạm phát mới xuống dưới 7% (trong khi ở các nước chung quanh chỉ có 5%). Nếu tính trung bình lạm phát 7.5% một năm thì trong sáu năm giá sinh hoạt đã tăng lên hơn gấp rưỡi. Nghĩa là đồng lương của bạn mang về chỉ còn hai phần ba giá trị, bạn bị cắt lương mất một phần ba. Cho nên người lao động không thể nào không tranh đấu đòi tăng lương. Trong năm qua, nhiều xí nghiệp ngoại quốc đã tăng lương cho công nhân khoảng 25,000 đồng, chừng một đô la rưỡi, nếu tính trên lương 50 đô la thì chỉ có 3%. Trong khi đó giá sinh hoạt vẫn tăng với tỷ lệ 7%, đồng lương tăng cũng không đuổi theo kịp tốc độ giá cả.

Từ Thứ Sáu đến Thứ Hai tuần lễ cuối tháng Hai, 740 công nhân đã đình công ở cơ xưởng của hãng Peaktop của Hương Cảng, Trung Quốc, sau khi ban giám đốc không chịu tăng

lương theo đòi hỏi của họ. All Super Garment của Đài Loan với số công nhân tương tự cũng đình công. Từ tháng Giêng năm nay, có 16 cuộc đình công tức thời và ngắn hạn của trên 15,000 công nhân trong tỉnh Đồng Nai, riêng ngày Thứ Hai có trên 4,000 người tham dự. Tỉnh Đồng Nai có 450 xí nghiệp do người ngoại quốc làm chủ một phần hay toàn thể, sử dụng 280,000 công nhân Việt Nam. Công ty Asia Garment của Singapore đã phải chịu tăng lương 7%, tăng 50,000 đồng Việt Nam mỗi tháng, tức hơn 3 đô la, các công nhân mới chịu trở lại làm việc. Công ty Harranda của Nhật Bản cũng chịu thua trước các công nhân tranh đấu.

Làm việc gấp rưỡi không được trả lương phụ trội

Nhưng người lao động nước ta không phải chỉ bị bóc lột vì đồng lương thấp kém. Nhiều nỗi khổ cực khác không được tính thành tiền, nằm trong điều kiện làm việc. Tại công ty All Super, nhiều công nhân bị bắt buộc phải làm thêm giờ mà không được trả lương phụ trội như luật lệ quy định. Công nhân phải làm thêm cả ngàn giờ một năm, tức là mỗi tuần làm thêm đến 20 giờ, gấp rưỡi số giờ luật định. Công ty này, khi họ có hợp đồng may cho các nhãn hiệu trang phục quốc tế cần gấp, họ bắt công nhân không được nghỉ ngày Chủ Nhật và bỏ luôn cả ngày lễ. Thường những hợp đồng làm gấp bao giờ các công ty cung cấp cũng được trả giá cao hơn, nhưng các công nhân không được hưởng chút nào.

Điều kiện làm việc gắt gao đến độ tàn nhẫn là một lý do chính, bên cạnh đồng lương quá thấp, gây nên nỗi bất mãn của công nhân. Năm ngoái, công nhân trong hãng làm đồ chơi bằng plastic Key-Hinge của Hương Cảng đã đình công làm rung động toàn quốc, nhờ thế nhiều người có dịp than thở với báo chí. Báo Lao Động kể rằng các công nhân hãng này bị bắt buộc phải làm ít nhất 12 giờ một ngày mà không được trả lương phụ trội, nếu không chấp nhận sẽ bị đuổi. Trong cơ xưởng của Key-Hinge ở Đà Nẵng, mỗi công nhân chỉ được dùng phòng đi tiểu một ngày hai lần, và họ hạn chế trong đó chỉ có một cái ly để uống nước cho tất cả mọi người. Công nhân không được cáo ốm nghỉ ở nhà, và khi có nhầm lẫn thì bị phạt, đền tiền cho công ty. Key-Hinge là công ty Hương Cảng chuyên cung cấp những món đồ chơi nho nhỏ bằng plastic cho hãng McDonald bán hamburger khắp thế giới. McDonald thường dùng những đồ chơi này để dụ dỗ tặng cho trẻ em khi cha mẹ dẫn tới ăn, gọi là Happy Meals. Đồng lương mỗi ngày của công nhân ở đây không đủ để ăn một bữa Happy Meals!

Công nhân Key-Hinge đã nói với nhà báo trong nước: Họ đối sử với chúng tôi như đối với súc vật! Một công ty làm đồ chơi khác, Danu Vina ở trong vùng Sài Gòn, trả lương công nhân dưới 2 đô la một ngày, họ chuyên làm những thú vật nhồi bông, thường bán ở cửa hàng Hallmark, Disneyland, và cả trong những quán cà phê Starbucks. Năm ngoái công nhân Danu cũng đình công cả tuần lễ. Xin quý vị độc giả Nhật báo Người Việt ở khắp thế giới lưu ý, mỗi khi quý vị mua những món đồ chơi ở các cửa hàng trên, hay khi bước vào ăn ở quán McDonald, hãy nghĩ tới các đồng bào của chúng ta đang đổ mồ hôi và nước mắt để các công ty Trung Quốc, Đài Loan cung cấp những món đồ chơi rẻ tiền cho các cửa hàng này kiếm lợi.

Mức sống của người lao động Việt Nam, ngay cả những người may mắn nhất kiếm được việc làm trong các công ty ngoại quốc, đã bị thụt lùi trong khi lạm phát tăng lên cùng với sự phát triển kinh tế. Đó là một nguyên nhân kinh tế chính khiến giới lao động phải đứng lên tranh đấu.

Công đoàn của đảng bất lực

Những nguyện vọng của người lao động ở Việt Nam rất chính đáng. Người ta muốn nâng cao mức sống, muốn được kính trọng như những con người chứ không phải như súc vật. Nhưng tại sao các công nhân lại không nhờ các "đại biểu trung thành" tranh đấu cho họ? Chính vì cán bộ công đoàn của đảng Cộng Sản hoàn toàn bất lực, dù có thiện chí cũng chịu bất lực, không thể đại diện cho quyền lợi các công nhân. Chúng tôi không vơ đũa cả nắm, vẫn tin rằng có nhiều cán bộ công đoàn cũng thiết tha muốn cùng anh chị em công nhân biểu tình đòi tăng lương, đòi các chủ nhân phải coi họ như những con người.

Đảng Cộng Sản Việt Nam, và tổ chức công đoàn của họ hoàn toàn không bảo đảm được đời sống cho những người lao động, để mặc cho chủ nhân tư bản bóc lột. Có thể tin rằng nhiều cán bộ công đoàn của đảng cũng có thiện chí. Nhưng họ không có quyền quyết định, mỗi cuộc tranh đấu với chủ nhân đều phải trình báo rồi chờ lệnh của cấp ủy. Các cán bộ cấp trên

thì phải theo lệnh của đảng Cộng Sản ưu đãi các công ty ngoại quốc để thu hút vốn đầu tư. Trong số những vốn đầu tư đó, có bao nhiêu tiền lọt vô túi các ông lớn, để con cái họ tiêu pha thoải mái. Cho nên hiện nay tất cả các cuộc đình công lớn và nhiều ngày ở nước ta đều bất hợp pháp. Cán bộ công đoàn ngoảnh mặt đi để yên cho các công nhân tự động đứng lên tranh đấu. Rồi họ chờ cho các bí thư tỉnh, bí thư huyện hay cấp cao hơn điều đình với các nhà tư bản chủ nhân. Giới lãnh đạo của công đoàn ở Việt Nam đã chịu số phận "công chức nhà nước" như vậy từ khi có chế độ cộng sản đến giờ.

Khi đảng Cộng Sản đã tự nhận họ là "đại biểu tiền phong của giai cấp vô sản" rồi, thì họ đâu chấp nhận cho các người lao động được chống lại họ nữa. Những người được điều qua làm công tác công đoàn cũng phải nhận lệnh của đảng, làm việc theo chỉ thị từ trên xuống. Cho nên các tổ chức công đoàn của đảng Cộng Sản đã bị "thư lại hóa," biến thành một guồng máy chuyển giấy tờ, giống như cái quốc hội của họ cũng chỉ làm nhiệm vụ "kính chuyển." Vì vậy, trong lúc các công nhân ở Sài Gòn, Đồng Nai, Đà Nẵng bị bóc lột phải làm việc 12 giờ một ngày, thì các cán bộ công đoàn vẫn ngồi đó, chẳng làm được gì cả. Năm 1930, Hồ Chí Minh họp các đảng cộng sản ở nước ta lại để thống nhất, ông ta đã đưa ra một "Chương trình vắn tắt" trong đó có một điều là tranh đấu cho các công nhân chỉ làm việc mỗi ngày tối đa tám giờ! Bây giờ con cháu, phe đảng của ông hoàn toàn quên những điều đó. Vì họ đang tự biến thành một giai cấp tư bản đỏ, chia lợi lộc cùng các nhà tư bản quốc tế. Các công nhân phẫn uất vì bị bóc lột và đối sử nhục nhã, nhưng không thể trông cậy vào các công đoàn của đảng được. Họ chỉ có cách là đình công bất hợp pháp. Đình công bất hợp pháp là một "hành vi cấu thành tội phạm." Bất hợp pháp, nhưng đảng cũng không làm gì được. Vì làm sao truy tố cả ngàn người một lúc, rồi hết ngàn người này lại có ngàn người khác?

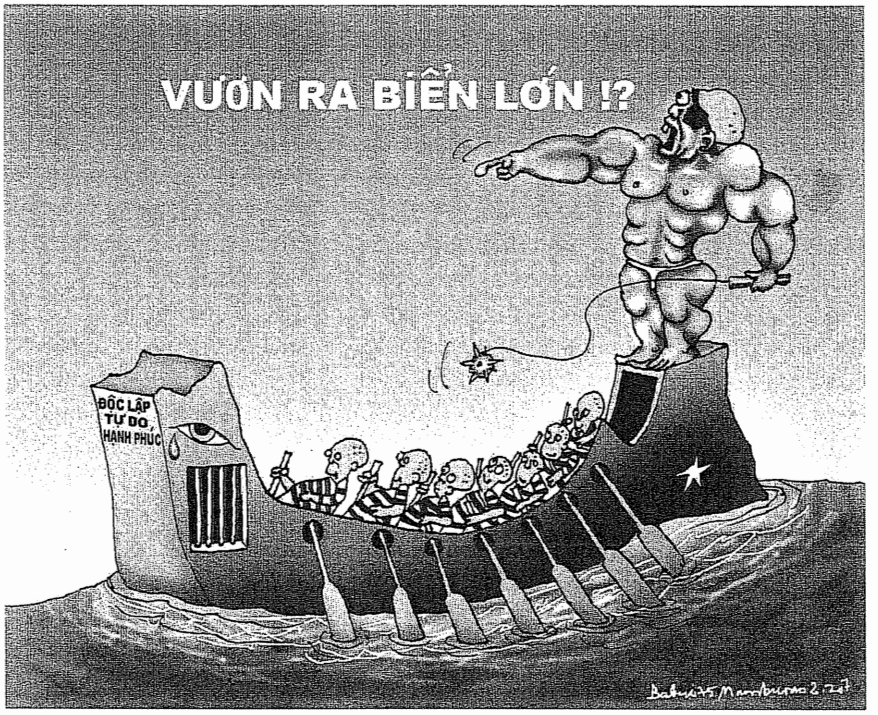

Hậu quả nguy hiểm cho việc phát triển kinh tế

Nhưng cơ chế, luật lệ ở nước ta đặt ra để bảo vệ quyền lợi đảng chứ không phải vì quyền lợi công nhân. Khiến cho các cuộc tranh đấu phải diễn ra ngoài vòng luật lệ, tất cả các cuộc đình công gần đây đều bất hợp pháp. Hiện tượng này có một hậu quả nguy hiểm cho việc phát triển kinh tế. Người ta chấp nhận trong xã hội có một tình trạng sống "bên ngoài luật pháp," hoặc "không còn luật pháp nữa." Xã hội không có luật pháp là tạo thêm những điều bất trắc, rủi ro cho các xí nghiệp muốn đầu tư. Một môi trường kinh doanh như vậy là không lành mạnh, chỉ những người tham nhũng mới muốn nuôi dưỡng tình trạng đó. Trong thập niên 1970, 80, tại các nước bắt đầu phát triển cao như Hàn quốc, Đài Loan, Hương Cảng cũng xảy ra rất nhiều cuộc đình công đòi tăng lương và cải thiện điều kiện làm việc. Vì khi nền kinh tế đang ở một thời kỳ chuyển tiếp, thế nào cũng có những xung đột quyền lợi giữa tư bản và lao động,

như Karl Marx đã phân tích từ 150 năm trước đây. Nhưng tại các quốc gia Á Đông trên, khi các công nhân muốn tranh đấu, họ có các công đoàn đại diện chính thức. Đó là những công đoàn độc lập đối với chủ nhân cũng như độc lập với nhà nước. Các cuộc đình công tranh đấu của giới lao động các nước đó diễn ra trong vòng luật pháp. Chính quyền chỉ đóng vai trọng tài thi hành luật pháp, đứng giữa tư bản và lao động.

Các người bỏ vốn làm ăn lo ngại nhất là sự rủi ro khi bắt đầu kinh doanh. Trước khi bỏ vốn, người ta đã tính trước chi phí lao động, trong đó có tiên đoán cả những tranh chấp lao động không thể tránh được. Trong chi phí đó có tiền thuê mướn luật sư khi cần tranh cãi quyền lợi với các công nhân. Khi một nước có luật lệ rõ ràng và thi hành nghiêm chỉnh thì người ta dù biết sẽ có tranh chấp lao động họ cũng ước tính được những tranh chấp đó sẽ diễn ra theo luật lệ nào và chiều hướng giải quyết ra sao, có thể tính trước được các chi phí phải chịu. Họ được tham dự một cuộc giao đấu có luật lệ. Còn ở một nước mà các cuộc đình công đều bất hợp pháp, hết năm này sang năm khác, người bỏ vốn sẽ không hiểu nổi "luật giao đấu," *rules of the game*, ở xứ đó nó như thế nào. Có lẽ điều duy nhất họ biết được là phải hối lộ, nhưng cũng không biết chắc giá cả là bao nhiêu. Khi mọi việc bình thường thì giá rẻ, khi có công nhân tranh đấu thì giá cao hơn. Mỗi cấp ủy lại có giá khác nhau. Đó là một thứ rủi ro lớn. Các nhà tư bản có thể chịu trả công nhân một số lương cao hơn nếu họ tránh được mối rủi ro đó. Ở Việt Nam, đảng Cộng Sản hầu như cố tình tạo ra tình trạng không thi hành luật pháp để cho các cán bộ hưởng lợi. Họ cũng không thể thi hành luật được, vì tất cả các thứ luật lao động của họ không phải để bảo vệ công nhân mà chỉ để bảo vệ đảng, cứ đòi thi hành luật thì có ngày các công nhân sẽ nổi dậy!

Khi kinh doanh người ta muốn giảm bớt rủi ro và tiết giảm chi phí. Chi phí ở nước ta thì cao hơn vì cơ chế cửa quyền tham nhũng; rủi ro cũng cao hơn vì phải kinh doanh trong một khung cảnh phi luật lệ. Rủi ro lớn hơn, chi phí cao hơn, đó cũng là những lý do khiến các nhà tư bản không nâng cao mức sống của công nhân. Người ta sẽ ngần ngại trước khi đầu tư, kinh tế Việt Nam sẽ phát triển chậm hơn.

Chỉ khi nào luật lao động thay đổi thực sự bảo vệ công nhân, khi nào mọi người Việt Nam được tự do lập hội, các công nhân được tư do lập công đoàn độc lập, khi đó những mối rủi ro này mới bớt. Hiện nay Tổng Công đoàn của đảng Cộng Sản chỉ là một thứ họ đem trùm lên đầu người lao động. Nên giải tán cái công đoàn của đảng đi. Hàng trăm ngàn cán bộ công đoàn sẽ được tự do tìm những việc làm lương thiện hơn, nhiều người năng nổ có thể kinh doanh, nhiều người vẫn thiết tha với quyền lợi lao động sẽ tham gia các công đoàn độc lập. Như vậy chẳng hơn là dùng họ trùm lên đầu các công nhân hay sao?

Cần những công đoàn độc lập

Từ lúc phong trào cộng sản lan ra trên thế giới từ thế kỷ trước, nhiều người đã tham gia vì họ muốn bảo vệ quyền lợi của giới lao động. Phần lớn những người đi tiên phong là giới thanh niên trí thức chứ không thuộc giai cấp lao động, ở Nga, ở Đức, Anh, Pháp cũng như ở Việt Nam. Ông Trần Phú vốn là con nhà quan ở Quảng Ngãi, cụ thân sinh đã tự sát vì phản đối chính sách thuế má của triều đình Huế. Các ông Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Cừ đều là con nhà Nho, không thể gọi là giai cấp lao động. Thân sinh ông Phạm Văn Đồng làm quan to trong triều đình. Cụ sinh ra bà Nguyễn Thị Minh Khai cũng làm sếp ga, sếp của những người lao động. Trong những năm giữa hai thập niên 1920 và 1930 ở Việt Nam, những người tranh đấu quyết liệt nhất cho giới lao động gồm cả những người Cộng sản Đệ Tam và Đệ Tứ quốc tế. Những người như Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch đã đi vận động thành lập các nghiệp đoàn ngay tại thành phố Sài Gòn và tổ chức các cuộc đình công; trong khi Hồ Chí Minh còn ở nước ngoài. Hồ Chí Minh theo đúng chỉ thị của Stalin, giành độc quyền lãnh đạo lao động cho Cộng Sản Đệ Tam, mà những người có thể cạnh tranh với Đệ Tam trong việc thu hút giới lao động là những người Đệ Tứ. Năm 1945 khi cướp được chính quyền, Hồ Chí Minh đã ra lệnh giết các lãnh tụ cộng sản Đệ Tứ, những chiến sĩ thiết tha tranh đấu cho lao động.

Khi các đảng Cộng Sản cầm quyền ở bất cứ nước nào, thì họ chiếm độc quyền, đóng vai chủ nhân tất cả tài sản trong xã hội; đất đai, cơ xưởng đều được quốc hữu hóa. Thế là chính những người đã Đệ Tam từng nói họ là đại biểu của các công nhân, đã biến thành những người chỉ làm việc sai bảo người lao động. Ở địa vị chủ nhân tất cả các phương tiện sản xuất, họ

cũng bóc lột người lao động như các chủ nhân khác. Những ông Mai Văn Dâu (hạn ngạch xuất cảng), Bùi Tiến Dũng (PMU 18) đều là những đảng viên trung kiên, đảng viên tiên tiến cả đấy chứ? Chính tình trạng độc quyền cai trị đã biến những đảng viên này thành những con hạm lớn.

Trong phong trào cộng sản, nhiều người tham gia vì họ muốn bảo vệ quyền lợi của giới lao động. Phần lớn những người đi tiên phong là giới thanh niên trí thức, ở Nga, ở Đức, Anh, Pháp cũng như ở Việt Nam. Trong những năm giữa hai thập niên 1920 và 1930 ở Việt Nam, những người tranh đấu quyết liệt nhất cho giới lao động gồm cả những người Cộng sản Đệ Tam và Đệ Tứ quốc tế. Những người như Tạ Thu Thâu, Trần Văn Thạch đã đi vận động thành lập các nghiệp đoàn ngay tại thành phố Sài Gòn và tổ chức các cuộc đình công; trong khi những người như Hồ Chí Minh chỉ ngồi ở nước ngoài nhận tiền trợ cấp của Stalin để mở các khóa huấn luyện tại Quảng Đông, Quảng Tây. Hồ Chí Minh theo đúng chỉ thị của Stalin, dành độc quyền lãnh đạo cho Đệ Tam, mà những người đáng sợ nhất có thể cạnh tranh với Đệ Tam là những người Đệ Tứ. Năm 1945 khi cướp được chính quyền, Hồ Chí Minh đã ra lệnh giết hết cộng sản Đệ Tứ, vì biết đó là những chiến sĩ thiết tha tranh đấu cho lao động và nền độc lập dân tộc.

Năm ngoái, khi một Công đoàn Độc lập ra đời ở Việt Nam và một Ủy ban Bảo vệ Người Lao động Việt Nam thành hình ở Ba Lan, người ta tự hỏi những tổ chức này sẽ làm được gì cho giới lao động trong nước. Những cuộc đình công trong hai năm qua cho thấy có rất nhiều việc cần làm, phải làm. Cần có những người quyết tâm tranh đấu cho toàn thể giới lao động chứ không phải chỉ tranh đấu trong từng cơ xưởng một như hiện nay. Họ phải dần dần liên kết và tổ chức giúp người lao động trong cả nước thì mới đủ sức mạnh. Nhu cầu tranh đấu của người lao động Việt Nam rất lớn. Hiện nay những người tích cực nhất trong Công đoàn Độc lập ở Việt Nam như Luật sư Nguyễn Văn Đài, bà Lê Thị Công Nhân, vân vân, đã bị chính quyền cộng sản bắt giữ bất hợp pháp. Nhưng chúng ta tin rằng phong trào lao động càng lớn thêm sẽ tự nhiên tạo ra những nhà tranh đấu và những người lãnh đạo, giống như thời 1930. Đến lúc chính các đảng viên cộng sản ở Việt Nam phải tỉnh ngộ, đứng về phía các công nhân, hợp tác với những người tranh đấu đòi dân chủ, tự do. Phải đòi cho bằng được quyền thành lập những công đoàn độc lập. Phải thay đổi luật lao động để bảo vệ công nhân chứ không phải để bảo vệ các lãnh tụ tham nhũng!

Trò hề bầu cử

Trong một cuộc phỏng vấn của VietnamNet, bà Nguyễn Thị Anh Nhân, một đại biểu quốc

hội Hà Nội sắp mãn nhiệm, được nhà báo hỏi trước kia bà là một doanh nhân thế bà có ý định ứng cử vào quốc hội hay không. Bà Anh Nhân, làm việc cho công ty bán rượu bia Carlsberg, trả lời rất thành thật: "Vào quốc hội là do cơ cấu, do chọn lựa thế nào đó chứ đâu có quyền quyết định."

Phải khen ngợi tính thật thà của bà Nguyễn Thị Anh Nhân. "Đâu có quyền quyết định!" Một đại biểu quốc hội mà thú nhận chính mình không có "quyền quyết định" việc mình ứng cử làm đại biểu cho nhân dân hay không! Trên thế giới ít có quốc hội nào vui như vậy.

Nhưng còn hai chữ "Cơ Cấu" nghĩa là gì? Chắc là một danh từ. Người ta thường nói tới cơ cấu tổ chức, cơ cấu thị trường, cơ cấu xã hội, vân vân. Bà Nguyễn Thị Anh Nhân nhận xét rằng "Cơ Cấu thường xa rời thực tế," nghe như một danh từ. Nhưng không, bà lại nói tiếp, là có nhiều người làm đại biểu quốc hội dù "không hiểu biết gì nhiều về các vấn đề làm luật thì lại được cơ cấu." Được cơ cấu? Tức là trong ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa bây giờ, hai chữ "Cơ Cấu" dùng như một động từ.

Bà Anh Nhân kể có lần sau khi phát biểu tại một hội nghị, "Có đồng chí ở thành ủy (Hà Nội) hỏi: "Sao chị không tham gia quốc hội?" Thế là sau đó bà được ông ấy "cơ cấu" cho vào quốc hội! Nghe có vui không! Một hậu quả của tình trạng "cơ cấu" này là nhiều đại biểu quốc hội không bao giờ nói câu nào cả. Những người, như bà Anh Nhân bầy tỏ, thành tâm muốn làm việc giúp cho dân thật, thì thú nhận, "Cái đau đớn nhất của người đại biểu quốc hội là khi người ta (tức là dân, không phải là mấy ông cơ cấu) trông chờ mà mình không giải quyết được gì." Bà giải thích, công việc chính của quốc hội như thế này: "đại biểu quốc hội cũng chỉ biết kính chuyển và kính gửi mà thôi!"

Nhưng mà họ "cơ cấu" cái quốc hội sắp tới như thế nào? Đọc những bản tin về cách họ làm việc "cơ cấu" cái quốc hội mới thấy nên dịch ra cho người ngoại quốc ta đọc, cam đoan đọc không nhịn cười được. Có một quốc gia dân chủ nào mà mấy tháng trước ngày dân bỏ phiếu người ta phải bàn xem trong quốc hội sắp đến có bao nhiêu người thuộc loại gì hay không? Giống như ở Hollywood những nhà sản xuất, ông đạo diễn, bà viết chuyện phim bàn nhau xem sẽ mướn đào, kép nào đóng cuốn phim họ sắp làm. Ông Nguyễn Phú Trọng được Bộ Chính trị đảng cử làm chủ tịch quốc hội, nghĩa là làm xếp sòng gánh hát. Cho nên ông đã "ký gửi Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc việc điều chỉnh ... về cơ cấu thành phần, số lượng đại biểu quốc hội được bầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương và địa phương." Đó là nguyên văn lời ông Trương Quang Được, phó chủ tịch hội đồng bầu cử nói với nhà báo. Tức là trước khi chọn tài tử, người ta muốn biết chắc phải chọn theo chỉ thị, bao nhiêu người thuộc guồng máy đảng, bao nhiêu người trong guồng máy nhà nước, mỗi địa phương bao nhiêu, vân vân. Đạo diễn kỹ lưỡng như vậy thì mấy người gọi là "đại biểu" đó họ đại diện cho ai?

Cái gọi là Mặt trận Tổ quốc đóng vai "giới thiệu" người ra ứng cử; nhưng ông Trần Ngọc Nhẫn một trưởng ban thế giới Mặt trận này cho biết "Đảng đoàn" của cái Ủy ban trung ương Mặt trận đó "vừa có hướng dẫn về việc lựa chọn giới thiệu người ứng cử đại biểu quốc hội." Tức là mấy ông bà đại biểu bù nhìn phải được mấy ông Mặt trận giới thiệu, mà chính những ông mặt trận cũng là bù nhìn nốt, vì phải được mấy ông đảng ủy "hướng dẫn," bảo phải cơ cấu những thứ người nào!

Cho nên mới có chuyện Mặt trận "kiến nghị" xin tăng số đại biểu quốc hội không phải là đảng viên cộng sản từ 10 phần trăm lên 20 phần trăm! "Kiến nghị" cũng là một chữ dùng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dịch ra tiếng Việt mình có nghĩa là "làm đơn xin." Con số 20 phần trăm người ngoài đảng cộng sản nghe có vẻ rộng rãi hơn, nhưng trong số đó họ sẽ dành riêng một số ghế cho các ông cha, ông sư được nhà nước chỉ định, những người mà có "được cơ cấu" vào quốc hội chắc cũng không hại gì cho nhà nước cộng sản!

Đảng Cộng Sản Việt Nam coi toàn dân là một lũ trẻ con, Đảng phải đóng vai vú em chọn trước các ứng cử viên, rồi hướng dẫn cho con dân chơi trò chơi "dân chủ!" Vú em bảo trong quốc hội phải có bao nhiêu thành phần thuộc Trung ương đảng, bao nhiêu người làm việc trong nhà nước, phần còn lại chia cho các đơn vị của Mặt trận Tổ quốc do đảng lãnh đạo, sau cùng thí cho những đứa ngoài đảng được 10% là thương sót con dân lắm rồi! Con nít không nên đòi bàn chuyện người lớn! Ngay cái gọi là Mặt trận Tổ quốc, năm nay được cấp trên cho tăng thêm ba người, thành 34 đại biểu; họ đang xin tăng lên thành 36, chưa biết thượng cấp có

chấp thuận hay không! Đọc một bản tin như vậy, thấy gọi đó là bầu cử quốc hội, thật không thể nhịn cười được!

Được phép tranh cử như thế nào?

Nhưng sau cùng các ứng cử viên cũng phải đóng trò "tranh cử," phải họp báo, tập họp các cử tri mà trình bầy chủ trương của mình chứ? Các ứng cử viên có được tự do gặp các cử tri không? Đảng và nhà nước chọn từng ứng cử viên rồi, có tin tưởng cho họ đi vận động hay không? Nếu có hai người tranh nhau một ghế, họ có dịp tranh luận trước mặt cử tri hay không? Trước hết, ông Trương Quang Được khẳng định: "Ứng viên không cần tranh luận, chỉ báo cáo là dân biết nói thật hay không." Thế thì các cử tri Việt Nam tài thánh! Thánh hơn dân Mỹ! Mỗi lần bầu tổng thống, người Mỹ phải tổ chức ba cuộc tranh luận truyền hình cho các ứng cử viên cãi nhau. Sau mỗi cuộc tranh luận, người ta lại đi thăm dò coi ông nào được dân khen, ông nào bị chê. Dân Việt chỉ cần nghe "báo cáo" thôi là biết ai "nói thật hay không!" Nhưng nói thật về cái gì? Tên thật, nghề nghiệp thật, địa chỉ thật hay tài sản có thật? Người ta chọn đại biểu quốc hội là chọn người có quyết tâm, có chương trình kinh bang tế thế hiệu quả, chứ đâu phải chỉ coi ai nói thật, ai nói dối về những thứ đó? Nói như vậy mà nghe được, có tức cười hay không?

Còn việc tiếp xúc với cử tri, ông Trương Quang Được nói, "Mặt trận Tổ quốc sẽ hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để các ứng cử viên bình đẳng trong việc tiếp xúc với cử tri để vận động bầu cử. Ứng viên có nhu cầu xin mời cứ đăng ký bới MTTQ nơi mình cư ngụ!" Tại sao lại cần mấy cái ông bà Mặt trận giúp? Bộ các ứng cử viên ngu đến nỗi không tự mình tìm lấy cử tri, các cử tri dốt quá không tự họp nhau lại mời ứng cử viên đến nói được hay sao? Đặt điều kiện phải "đăng ký" với Mặt trận tức là lại lập ra một cái hàng rào để nhốt các ứng cử viên trong đó, như nhốt gà trong chuồng vậy! Thân phận làm ứng cử viên như vậy mà không thấy xấu hổ sao được?

Bà con mình ở trong nước chắc không có thời giờ đọc những tin tức khôi hài trên. Hoặc họ đã nghe nhiều chuyện khôi hài hơn, nghe quen rồi, không cười được nữa. Nhưng điều thê thảm là 80 triệu người dân cứ phải coi tấn tuồng hài hước nhạt nhẽo đó mãi, lại phải gọi đó là sinh hoạt dân chủ! Đảng Cộng Sản chỉ có ba, bốn triệu đảng viên, trong một nước 84 triệu người, nhưng đảng nhất định chiếm 80% đến 90% các ghế trong quốc hội, thí cho người ngoài được mấy chục ghế. Thế mà các ông các bà trong đảng vẫn còn phải bàn nhau coi cho chúng nó 10% hay cho 10% số ghế, làm như ban ân ơn huệ lớn lao cho cả nước vậy! Cả nước cứ chịu như vậy mãi hay sao?

Có những người dân Việt Nam không chịu nổi cái trò hề bầu cử này. Cho nên mới có những người kêu gọi đồng bào tẩy chay cuộc bầu cử dân chủ giả hiệu. Phải vạch ra cho tất cả đồng bào biết đây là dân chủ giả hiệu. Nhóm người đã hô hào tẩy chay bầu cử là nhóm 8406, trong đó có ông linh mục Nguyễn Văn Lý, cùng với các ông Đỗ Nam Hải, Trần Anh Kim, ở ba miền Trung, Nam, Bắc. Ông cha Lý đã bị quản thúc tại gia. Lúc đầu ông bị vây không cho ra khỏi tòa tổng giám mục địa phận Huế, nhưng chắc thấy phái đoàn Vatican sắp qua Hà Nội, cho công an vây tòa tổng giám mục thì chướng quá, nên ông được di chuyển đi nơi khác.

Con số những người dám công khai chống trò hề bầu cử còn nhỏ lắm. Nhưng những người chán ngán cái trò hề nhạt nhẽo này thì rất nhiều. Bà con mình biết rằng chỉ có dân chủ thực sự nếu mọi người dân được ứng cử chứ không phải "đảng cử dân bầu." Muốn dân chủ thực sự thì người ta phải có quyền tự do thành lập đảng chính trị để trình bầy nhiều đường lối phát triển đất nước khác nhau cho dân lựa chọn. Các đảng chính trị phải có cơ hội đồng đều khi trình bầy chủ trương của mình cho dân nghe. Báo chí phải được tự do loan tin về các hoạt động đảng phái, về các ý kiến khác biệt, được tự do nhận xét, phê phán các ứng cử viên, để dân lựa chọn. Trong thời Pháp thuộc, ở miền Nam các cuộc bầu cử còn tự do, hoạt động, và công bằng hơn thời cộng sản bây giờ. Những ông Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu từng viết báo, đi diễn thuyết, chính quyền thực dân cũng không cản được. Nếu không có những quyền tự do hội họp, tự do ngôn luận thì không bao giờ có dân chủ. Phải chấm dứt cái trò hề này. Ông Trần Ngọc Thành, ở Ba Lan, một cựu đảng viên cộng sản nay đang tranh đấu cho người lao động ở Việt Nam, mới nêu lên mấy con số. Ở nước láng giềng Cam Bốt trong kỳ bầu cử có tới 20,000 ứng cử viên, do hàng chục đảng chính trị đưa ra tranh cử. Nước Việt Nam chắc dân trí còn thấp hơn nước Cam Pu Chia nhiều lắm, cho nên 84 triệu người dân vẫn phải chịu chế độ vú em săn sóc!

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

BIỂN

Con người rất thích gần biển. Đi tắm biển bao giờ cũng là một điều thích thú. Lần đầu tiên tôi được biết mùi tắm biển là ở bãi biển Vũng Tàu. Xe qua Bà Rịa, ngửi thấy mùi biển đã hồi hộp. Nhìn thấy biển như nhìn thấy hạnh phúc. Đi tắm biển lần đầu là ở Vũng Tàu, nhưng nghe nói tới cái thú tắm biển thì từ trước. Tận Đồ Sơn. Đó là khi đọc "Trống Mái" của Khái Hưng. Đồ Sơn chỉ là niềm mong ước. Đặt chân tới Đồ Sơn thì chẳng bao giờ. Khá tiếc! Nhưng sau này thì không thấy tiếc nữa. *Chưa đi chưa biết Đồ Sơn / Đi rồi mới thấy chẳng hơn đồ nhà.* Vậy thì còn tiếc nuối gì nữa!

Khi phải kiếm sống, tôi có dịp thân mật với Vũng Tàu. Tuần nào cũng phải xuống Vũng tàu bốn ngày. Những lúc nhàn rỗi tôi thường cùng vài người bạn ra thuê ghế nằm trên bãi cát ngắm biển. Cứ nhìn mông ra những đợt sóng xanh rì đều đặn vỗ vào bờ cát trong đầu cũng nghĩ ra được khối chuyện. Chuyện lớn nhất là chuyện thân phận con người trước mênh mông biển cả. Cái hạt cát nhỏ bé thấy được tầm vóc của mình trước thiên nhiên. *Ta cúi xuống mênh mông là biển động / Nhặt vỏ sò xem trăng mọc trên tay.* Hai câu thơ tôi đọc được bằng thư họa trên một vạt áo dài gặp ở Đà Lạt trong lần về thăm năm 2002 chẳng biết của ai (chắc hẳn phải là của một thiền sư!) nối được con người với biển cả.

Những khi chập chờn trước biển, trong tôi vẫn lảng vảng ý nghĩ về con người. Biển và người hình như có sự thân thuộc. Chẳng vậy mà có giống người cá! Nửa trên cạn nửa dưới nước. Nhiều người nói làm gì có loại người lai căng như vậy. Đó là sản phẩm tưởng tượng của những thủy thủ lâu ngày thèm bóng người nữ. Nếu đó là tưởng tượng của những người đi biển thì tội nghiệp cho họ quá. Người đẹp không có chân (khoan nói đến chân dài hay chân ngắn!) và không có kẽ chân thì còn ra cái chi chi!

Loại người nửa trên cạn nửa dưới nước này hiển hiện trong bức tượng "Nàng Tiên Cá" lừng danh thế giới của nhà điêu khắc Edward Ericsen được đặt trên những hòn đá chồng tại bờ biển Copenhagen, Đan Mạch. Du khách tới Đan Mạch thì bắt buộc phải tới coi để cảm thông với những thủy thủ. Đầu tháng 3 năm nay, bức tượng bị những người không biết vì ác ý hay nghịch ngợm xịt sơn hồng thành một bức tượng màu hồng tươi thay vì màu cố hữu là màu đá. Màu hồng là màu... không giới tính. Chẳng lẽ những kẻ nghịch ngợm đã thấy cái thân dưới của người cá không ra ngô ra khoai gì cả nên cho tượng cái màu... không ông không bà này cho đúng chỉ số!

Những người thượng đàn bà hạ đàn... cá như vậy là món ăn tinh thần của các người đi biển. Cá chính hiệu mới là mối lợi vật chất của thủy thủ. Đó là lý do khiến họ bỏ đất để lênh đênh trên biển. Lênh đênh trên biển chẳng phải chỉ có những con tàu mà còn có những... cái chai. Đây là một trò chơi thú vị của những người đi tắm biển. Thôi thì tôi cũng... xưng tội ra ở đây cho rồi. Khi đi tắm biển Vũng Tàu, tôi có bỏ một số thông điệp vào chai rồi thả xuống biển với hy vọng một người nào đó nhặt được và trả lời lại. Bãi Trước, Bãi Sau, Ô Quắn lẫn Bãi Dứa đều có nhận được những chiếc chai nghịch ngợm và phiêu lưu của tôi. Rồi cũng chờ mong. Chẳng có một cái chai nào phiêu lưu cho đẹp lòng người gửi. Không một hồi âm nhưng đã có những niềm vui.

Có thể tôi là một người không may mắn. Từ cổ chí kim có thiếu gì những cái chai thông minh hơn những cái chai của tôi nhiều. Một nhóm thiếu niên 86 người có quốc tịch Ecuador và Peru lênh đênh trên biển đã ba ngày trên một chiếc tàu chật cứng và hư máy. Họ tuyệt vọng không biết làm sao hơn là thả một cái chai có ghi thông điệp cầu cứu xuống biển. Một dân thuyền chài đã nhặt được chiếc chai này và đưa cho một nhân viên làm việc tại khu đảo bảo tồn thiên nhiên Coco, cách bờ biển nước Costa Rica 600 cây số. Nhân viên này là người duy nhất trên đảo. Ông cấp báo cho chính quyền trên đất liền và họ đã cứu được những người trên tàu mà họ nghi là những người được một tổ chức đưa đi vượt biên trái phép và bị bỏ lại khi tàu gặp nạn. Biển cũng biết ra tay nghĩa hiệp!

Cậu bé Christopher Wattam, 11 tuổi, trong một cuộc đi biển chơi đã thả chai để... chơi. Cậu viết một bức thư như thế này: " Người tìm được chai này thân mến, Coquitlam là một thành

phố ở gần Vancouver. Nếu bạn không biết Vancouver ở đâu thì bạn dở về địa lý. Tôi ở Canada. Bạn có thể nghĩ đó là bờ phía đông Thái Bình Dương nhưng chúng tôi thì cho rằng chúng tôi ở bờ phía tây và đó là chỗ Vancouver tọa lạc." Cậu Christopher muốn người nhặt được chiếc chai này, mà cậu đoán là sẽ ngụ ở bên Á Châu, sẽ viết thư cho cậu. Và cậu đề ngày ở dưới: ngày 9 tháng 5 năm 1995. Mãi 11 năm sau, năm 2006, trong một cuộc đi chơi biển ở bãi biển *Sunset Beach*, ở tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ, cô Mary Graham mới nhặt được cái chai bị mắc kẹt trong một đống bùi nhùi nằm vướng trên một sợi dây chăng đánh dấu giới hạn được phép tắm. Cô thú vị khi thấy lá thư nằm trong chai. Cô kể câu chuyện cho phóng viên báo *Daily Astorian*. Tòa báo vội điện thoại về Coquitlam. Bố mẹ cậu Christopher vẫn còn ở đó, nhưng cậu thanh niên nay đã 22 tuổi này thì đang đi thực tập ở Úc Châu. Cậu đã đi nhanh hơn chiếc chai. Cậu đang ở bờ phía đông Thái Bình Dương trong khi chiếc chai chỉ xuôi nam từ Canada tới Hoa Kỳ!

Chiếc chai... lười biếng không biết cưỡi sóng biển của cậu Christopher thua xa chiếc chai của viên thuyền trưởng Harvey Benneth. Vị thuyền trưởng 55 tuổi này không cầu cứu chi cả mà chỉ thả chơi năm cái chai khi tàu đang ở gần Long Island, tiểu bang New York vào tháng 8 năm 2006. Chỉ vài tháng sau ông nhận được một bức thư gửi từ Anh. Ông xúc động mở lá thư. Vui đâu chẳng thấy chỉ thấy bị mắng! " Tôi vừa nhặt được cái chai trong khi đang đi dạo trên bờ biển Poole Harbour. Bạn nghĩ là bạn muốn thử tốc độ của dòng nước biển nhưng tôi thì có một tên khác cho việc làm của bạn: xả rác! Dân Mỹ các bạn chỉ vui khi vấy dơ được một nơi nào đó!" Dưới bức thư có ký tên đàng hoàng: Henry Biggelsworth, ngụ tại Bournemouth, Dorset County.

Thiếu gì người làm ô nhiễm biển, biển có nói gì đâu. Ông thuyền trưởng Harvey Benneth chỉ mới thả có mấy cái chai đã bị xỉ vả. Số kể cũng là xui! Biển bao la nên biển rộng lòng. Biển sẵn lòng đón nhận những đời người muốn trở về với biển. Có nhiều lý do mà những người giã biệt cõi đời này muốn thân xác nằm trong lòng biển. Như bà thím tôi khi chết đã nhắn nhủ con cháu hãy hỏa thiêu thân xác và khi có đứa con nào đi vượt biên thì mang tro tàn rải ra biển để bà... vượt biên muộn cho thân xác thoát khỏi một chế độ bà không muốn chung sống. Như những người muốn tránh cái ngột ngạt trong lòng đất tối tăm chật hẹp. Như những người muốn lánh xa loài người trên mặt đất. Hay như những người chỉ thích... tắm biển đời đời kiếp kiếp! Bà mẹ của khoa học gia nổi tiếng James Gray thì muốn hài cốt của mình được rải trên Thái Bình Dương và trôi theo dòng nước luân lưu của biển cả. Ông Gray là người đã viết các chương trình điện toán cho hệ thống rút tiền ATM của các ngân hàng và hệ thống bán vé máy bay trên *internet* của các hãng hàng không, hai lợi ích này hầu như tất cả chúng ta đều đang thụ hưởng. Ông làm việc cho Microsoft và năm 1998 và đã được giải thưởng "AM Turing Award," một thứ Nobel của ngành *computer*. Mẹ ông mất vào năm ngoái, thọ 97 tuổi. Ông rất thương mẹ, muốn giữ tro cốt của mẹ ở nhà để được gần mẹ nhưng ông cũng là đứa con hiếu thảo nên không muốn làm trái ý mẹ. Một sáng Chủ nhật cuối tháng giêng năm nay, ông đưa mẹ ra biển. Ông không nói gì với vợ con, ôm bình tro cốt lên chiếc tàu riêng của ông mang tên *Tenacious* mà ông vẫn thường dùng để ra chơi ngoài biển. Khi ra tới độ xa không còn nhìn thấy đất liền, ông dùng điện thoại di động gọi con gái. Cô đi vắng, chỉ còn con rể ông ở nhà. Ông nói chuyện qua quít rồi cúp. Từ đó, không có tin tức gì của ông. Vợ ông tổ chức cuộc tìm kiếm không kết quả. Hàng ngàn người tiếp tay. Website "*Search for Jim*" ra đời thúc đẩy thêm cuộc kiếm tìm hầu như vô vọng. NASA vào cuộc với loại máy bay thám thính trang bị máy chụp hình đặc biệt có thể chụp được các vật khác thường nằm dưới lòng đại dương. Vậy mà vẫn không thấy bóng dáng nhà khoa học ngoài sáu chục tuổi còn rất khỏe mạnh này. Ông gặp tai nạn hay chủ động đi theo mẹ dưới lòng biển cả, chỉ có biển mới biết được!

Người ta thường ví von lòng biển như lòng mẹ thương con. Nếu là lòng biển Thái Bình thì nhất! Nghe êm ả xiết bao. Nhà thơ Xuân Quỳnh lại nhìn biển như một người tình. Một người tình dịu dàng với tình nhân là một con thuyền.

Những đêm trăng hiền từ
Biển như cô gái nhỏ
Thầm thì gửi tâm tư
Quanh mạn thuyền sóng vỗ.
Cũng có khi vô cớ
Biển ào ạt xô thuyền
(Vì tình yêu muôn thuở
Có bao giờ đứng yên?)
Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mang nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu.
Những ngày không gặp nhau

Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau — rạn vỡ
Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió!

Biển không tình là biển sóng gió. Lúc đó biển như một ác mộng. Ác mộng đó con dân nước Việt đã nếm đủ đắng cay. Chuyện vượt biên là chuyện dài. Chuyện dài của nhọc nhằn, tủi nhục, đói khát, tuyệt vọng và chết chóc! Mỗi con tàu, mỗi chuyến đi là một phiêu lưu. Phiêu lưu chạm bờ tử sinh! Trên nửa triệu con người Việt Nam đã nhào ra biển để chạy trốn một chế độ chính trị không giống ai. Gần nửa con số này đã vĩnh viễn nằm trong tay biển cả. Tôi có trong tay cuốn "*Chuyện Kể Hành Trình Biển Đông*" xuất bản năm 2003. Đây mới chỉ là cuốn 1. 46 tác giả kể lại 46 cuộc vượt biên. Đọc mà thấy rợn người. Chuyện vượt biển nhắc lại chỉ thêm đau lòng. Tôi chỉ xin nhắc lại một chuyện lạ lùng nhất. Chuyện sanh trên biển được tác giả Vy Vy Trần kể lại trong bài "Đứa Con Của Biển." Con thuyền dài 17 thước, rộng 3 thước, máy 6 bloc, chở 350 nhân mạng bị chết máy, lật nghiêng 90 độ hất người rụng xuống biển như sung! Chỉ còn một số nhỏ người bám vào được những thùng phuy, mảnh ván là còn nổi trên mặt biển. "*Người chồng quay qua thiếu niên giọng nói thất thanh qua tiếng sóng: 'Vợ tôi sắp sanh... nhờ cậu săn sóc giùm...' Thiếu phụ hai tay bám vào thành bè, cố ngước mặt lên khỏi mặt nước thở, thỉnh thoảng nàng rên nho nhỏ... Thiếu niên và một thanh niên nữa giúp đẩy thiếu phụ sắp sanh lên bè. Nàng nằm đó nhưng nửa người chìm dưới nước lạnh căm. Bỗng thiếu phụ nhỏm dậy và la to: 'Chắc sắp đến giờ sanh rồi.' Nàng tiếp tục rên khe khẽ. Sau một vài phút rên, thiếu phụ lại nằm xuống, ngâm bụng bầu dưới nước lạnh buốt, rồi la to: 'Nó ra rồi! Nó ra rồi!' Quýnh quá, thiếu niên kêu hai cô gái lớn qua phụ. Một cô khóc òa lên. Một cô vừa mếu máo vừa đưa tay xuống nước, sờ phải đầu hài nhi, òa lên khóc. Người chồng, một tay bám vào bè, một tay ôm chặt đứa con trai 3 tuổi, nói với thiếu niên: 'Chắc số cháu không sống được đâu, thôi để nó chết!' Lúc đó là nửa đêm, trận bão đang ở thời điểm tàn phá dữ dội nhất. Tất cả đều kiệt sức, mạng sống như sợi chỉ treo mành... Thiếu niên đánh liều dùng hai chân bơi để giữ thế thăng bằng, hai tay thò xuống nước, đụng phải đầu hài nhi. Cái đầu nhỏ thó đã ra ngoài, nhưng còn vướng cái vai. Bỗng sản phụ rên lớn lên một tiếng, hài nhi đã lọt ra gần hết, chỉ còn hai bàn chân. Thiếu niên đánh bạo từ từ kéo hài nhi ra luôn. Hài nhi ra ngoài cùng với nhau bầy nhầy. Em lúng túng, không biết làm gì hơn là ôm cả hài nhi lẫn đống nhau bầy nhầy lên khỏi mặt nước. Người mẹ nhoài người lấy cây kéo cũ lúc nào cũng buộc ngang thắt lưng. Bà nhờ em cắt cuống rốn hài nhi. Vì sóng quá lớn, lúng túng mãi em mới cắt được cuống rốn và để dài chừng một gang tay như lời thiếu phụ căn dặn.' Cậu nhớ giữ chặt cuống rốn, kẻo gió cháu chết mất.' Sau một hồi lâu sản phụ mới tìm thấy cuộn chỉ đen lẫn trong cạp quần nhét giữa hai cái phao. Lúc đó người chồng một tay ôm con trai 3 tuổi và bám vào bè, một tay cột rốn phụ với thiếu niên."* Nửa giờ sau, hài nhi mới khóc được tiếng khóc đầu đời giữa tiếng sóng gào thét và những đợt sóng biển đổ ụp lên đoàn người khốn nạn. Số người đến được bến bờ tự do là 14 người trên tổng số 350 người lúc ra đi. Con số thứ 15 là đứa bé trai, con của biển cả!

Nhà văn Mai Thảo cũng là một thuyền nhân sau khi bị săn đuổi bén gót trong nước. Con thuyền đưa ông đi cũng bị biển hành hạ, cướp mất nhiều nhân mạng. Ông kể lại cuộc hành trình giữa biển khơi trong bài thơ "*Hỏi Mình Giữa Biển.*"

Những tuyến đất đã rụng khuất những chân trời trí nhớ
Những tuyến trời bay nghiêng hình
Từng sợi tóc bay nghiêng
Những sợi tóc thả bóng tóc trôi theo từng tuyến biển
Tôi hỏi tôi trên mỗi tuyến hồn mình
Bảy đêm bảy ngày hỏi mình giữa biển
Bảy ngày bảy đêm giữa biển hỏi mình.

Giữa biển hỏi mình, Mai Thảo còn có đồng bạn. Chia nhau hiểm nguy, chia nhau đói khát, chia nhau chết chóc, chia nhau hy vọng, con người còn có hơi ấm của con người sưởi lẫn nhau. Một mình trên biển mới là sự cô đơn tận cùng của thân phận hạt cát trong đại dương. Cái thân phận tột cùng cô đơn đó, một anh bạn tôi đã trải qua. Anh một mình ra đi từ Lăng Cô trên một con thuyền không máy, chỉ có một lá buồm tự làm lấy. Sau thời gian một tháng chín ngày anh đã tới được Hương Cảng. Một mình trên biển với sóng to gió lớn, hiểm nguy chực chờ, anh đã từng sống trong nỗi cô đơn tột cùng. Tôi đã ngồi nói chuyện với người vượt biển cô đơn nhất để ghi lại câu chuyện của anh trong truyện ngắn "*Trên Nỗi Nhọc Nhằn.*" "*Trời đất đang dần dần đen kịt lại. Bóng đêm như một chiếc bao bố chụp kín Ngọc. Anh rùng mình nhớ lại cảm giác ứ nghẹt hồi anh lên sáu khi đang*

ngồi chơi trong góc sân vào lúc trời nhá nhem tối bị bà chị tinh nghịch úp chụp chiếc bao gạo cũ lên người. Mùi ẩm mốc rít kịt, những hạt bụi ồ ạt chui vào mũi và nỗi sợ hãi ùa tới như một bàn tay thô lỗ bóp nghẹt ngực làm anh bàng hoàng tưởng mình đang cô đơn trong cõ hậu sự của bà ngoại nằm câm nín hãi hùng ở một góc tối trong nhà. Bây giờ mình anh cô đơn giữa biển cả tối tăm, cảm giác của thời thơ ấu đã bùng dậy làm anh hoảng hốt. Anh thấy như ngộp thở giữa bao la trùng điệp của biển. Anh thu người lại trong nỗi cô quạnh tuyệt đối. Mình anh nhỏ bé chìm ngập trong cái vô cùng của đại dương. Bốn bề như những cánh tay rét mướt dồn ép anh vào nỗi sợ hãi của con người nguyên thủy co quắp giữa vũ trụ mênh mông. Đầu óc anh thiếp đi bàng bạc nỗi trống vắng tột cùng. Không gian như trốn chạy, thời gian như mất hút, chỉ có cái hỗn mang quay cuồng quanh một sinh vật trơ khấc trần trụi trong tăm tối. Anh thèm đến tận ruột gan một hơi thở, một tiếng nói, một bóng hình đồng loại."

Biển mở lối đưa con người đi trốn cái ác tâm của loài người. Biển nâng con người lên, nhận chìm con người xuống trong sức mạnh vũ bão của thiên nhiên. Biển dậy cho ta bài học thân phận của con người. Nếu đó là thân phận lưu lạc thì biển cũng lại sẽ sẵn sàng nhận mang xác của con người lưu vong về với đất tổ. Như nhà thơ Du Tử Lê đã nhắn nhủ: khi tôi chết hãy đem tôi ra biển.

khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
đời lưu vong không cả một ngôi mồ
vùi đất lạ thịt xương e khó rã
hồn không đi sao trở lại quê nhà

khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
nước ngược dòng sẽ đẩy xác trôi đi
bên kia biển là quê hương tôi đó
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì

Biển và người. Như một nhân duyên. Con người như bị ràng buộc vào với biển. Có người bảo con người xưa vốn từ biển lên đất. Cứ thử hỏi người cá khắc biết!

03/2007

PHỞƠƠ

Trong đầu tôi vẫn còn văng vẳng tiếng rao phở. Âm chót được kéo dài như một âm đuôi nhắc khéo tới cái mùi bất hủ của một món ăn đã nhích quá công dụng của một món ăn. Phở càng ngày càng... chễm chệ. Chắc có nhiều bạn trẻ hồ nghi về một tiếng rao phở. Phở đâu có hạ mình đi rong ngoài phố phường như những thứ lục tục tầm thường khác. Phở ngày nay không còn là thứ... ma cà bông vất vưởng ngoài đường xá. Nó yên vị trong các cửa tiệm. Dù sang hay hèn cũng là một cửa tiệm.

Thời thơ ấu của tôi ngoài Hà Nội phở vất vả hơn. Nó không có tới bốn cái bánh xe để di chuyển một cách đường hoàng cốt cách mà kĩu kịt trên bờ vai của bác hàng phở. Hai đầu gánh của một gánh phở như không cân bằng nhau. Một bên là nồi nước phở được đặt trên một lò có những khúc củi lớn hồng rực lửa than. Một bên là một chiếc bàn có ngăn chứa đầy đủ từ bát, đũa, thìa đến những ô bánh phở, những mảnh thịt và những thứ gia vị khác cho ra một tô phở. Tác giả Nguyễn Văn Lục, trong bài viết: "*Cuộc Sống Ở Một Nơi Nào Khác*" sau chuyến về thăm Hà Nội trong dịp Tết Đinh Hợi 2007 vừa qua, đã... ôn cố: "*Tôi còn nhớ những hàng phở gánh sớm đông, khói toả ra nghi ngút, mùi phở thơm đến sặc mũi trên đường phố cửa Bắc, xế con đường đôi, nay là đường Hoàng Diệu. Một bên gánh là tủ kính để bánh phở và đĩa thịt thái tươm tất. Bên kia nồi nước phở nghi ngút khói. Khó quên được mùi phở, thơm ơi là thơm, sao mà nó thèm thuồng đến chảy nước dãi ra được.*" Và tiếng rao. Tiếng rao vang lên trong cái lành lạnh của trời đất, cái hoang vắng của đêm đen, uốn lượn trên những hàng cây tán lá, len lén chui qua từng cánh cửa, đánh thức cơn thèm phở của người dân đất ngàn năm văn vật.

Phở Hà Nội mới đích thị là phở... tông truyền. Ít nhất có một người đã xác tín như vậy. Đó là ông Đoàn Tiểu Long. Trong bài "Phở" trên trang lưới Talawas, ông đã... hiên ngang: "*Có thể khẳng định ngay: chỉ có phở nấu theo kiểu Bắc, hay chính xác hơn nữa là theo kiểu Hà Nội, mới đáng gọi là phở. Các hiệu phở ở đất Sài Gòn muốn bán được, cứ là phải treo biển 'phở Hà Nội.' Và cùng là phở Hà Nội, thì chỉ có phở ở Hà Nội là ngon nhất, không đâu sánh bằng.*"

Tại sao vậy? Vẫn theo người đệ tử chân truyền của phở này thì nhờ ở thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Nói chuyện phở mà nghe như bàn về binh pháp Tôn Tử! Thiên thời là cái không khí xứ Bắc, dù là cái se lạnh của mùa thu hay cái buốt giá của mùa đông, phở vẫn cứ đằm thắm với đất trời. "*À phải rồi, chính là nhờ cái khí lạnh đã làm khói từ nồi nước dùng, từ bát phở đang bốc hơi nghi ngút kia quện lại, lơ lửng mãi trong không trung cho người thèm ăn tha hồ hít hà mà chảy nước miếng.*"

Địa lợi là vì nguồn nước thiêng của thành Thăng Long, thứ nước ngọt lự khiến các cô gái Hà Thành da trắng răng xinh, nấu làm nước

phở nó mới ra phở; nhờ thứ rau húng láng chỉ thơm khi trỗi dậy từ đất ngàn năm văn vật. *"Để ý đi: nếu chỉ cho hành hoa và rau mùi thái nhỏ vào bát phở, ta sẽ không thấy hương thơm gì đặc biệt đâu. Nhưng nếu thay rau mùi bằng rau húng Láng kia, bát phở sẽ thơm ngát, hương thơm của chất tinh dầu quý báu trong lá rau xinh xinh đó."*

Nhân hòa là cái khó tính và bảo thủ trong việc ăn uống của người Hà Nội. *"Người ta vẫn chịu khó xếp hàng, chen chúc nhau trong một cái quán chật chội, bẩn thỉu, với những chiếc bàn gỗ cũ kỹ, thấp lè tè, để ăn một bát phở ngon... Người miền Nam vốn quen ngồi bàn cao, rộng rãi... ra đây không hiểu được điều này. Họ hết sức ngạc nhiên (và khoái chí nữa) thấy các cô gái Hà thành xinh như mộng, mặc váy ngắn, ngồi bên chiếc bàn gỗ cáu bẩn thấp lè tè, còn thấp hơn cả đầu gối các cô, mà mê mải húp từng thìa phở làm má và môi hồng rực lên, chẳng buồn để ý đến sự hớ hênh của mình."*

Ông Đoàn Tiểu Long là người có lòng với phở nhưng anh Lê Phú Cường, hiện cư ngụ tại Úc, là người đồng đạo với tôi, đạo Phở. Thấy tôi viết hai bài về phở, anh ngửi thấy ngay cái tâm của tôi đối với phở, anh liên lạc với tôi bằng điện thư. Với anh, phở là nhất. Không gì có thể hơn phở. Đụng tới phở là đụng tới... thánh tích. Chơi xấu với phở là chuyện không thể chấp nhận được. Một ngày cuối năm 2006, tôi nhận được *e-mail* của Cường: *"Chú Song Thao ơi, hôm qua lên mạng cháu thấy bài PHO của chú trên Tuổi Trẻ Online. Họ không ghi tên tác giả gì cả, chỉ nói là trích từ mạng. Cháu gửi thư yêu cầu họ và cho họ biết tên của tác giả và website của chú nữa."* Đụng tới phở là mệt với Cường. Những bài Phiếm của tôi bị chôm lia lịa trên báo mạng và báo in, cả trong nước lẫn ngoài nước, tới mức tôi bị chai đi, không có phản ứng. Nhưng với Cường, với những bài liên quan tới phở, đó không phải là chuyện giỡn! Chàng thanh niên tự nhận là tín đồ của phở không muốn ai xúc phạm tới sự minh bạch của những bài... phở đức tụng. Bởi vì anh đã... liều mình với phở. Anh bỏ ra ba năm nghiên cứu về phở để làm một cái gì đó cho món ăn đã được anh tôn lên hàng... tôn giáo này. Cái gì đó là một cuộc triển lãm 10 ngày về phở, lấy tô phở làm hình ảnh ẩn dụ để qua phở, giới thiệu đến công chúng Úc và thế hệ trẻ người Úc gốc Việt về văn hóa và lịch sử đất nước Việt Nam. Vì sao anh mặn với phở đến như vậy? *"Cuối năm 2002, tôi biết tin bếp trưởng người Pháp Didier Corlou giới thiệu về gánh phở Việt Nam tại hội thảo 'Phở - Di Sản Của Việt Nam' ở Hà Nội. Lúc đó, câu hỏi lớn nhất trong đầu tôi là tại sao người nước ngoài làm được, còn mình thì không?"* Lúc đó Cường đang làm việc tại Trung Tâm Nghệ Thuật Casular Powerhouse (*Casula Powerhouse Arts Center*) tại tiểu bang New South Wales của Úc. Anh đưa ý định đẩy mùi phở này ra phe phẩy trước mũi cấp chỉ huy. Họ bật đèn xanh cho anh. Thế là anh về Việt Nam thu thập tài liệu. Anh sống chết với phở với ý định "gánh" phở đi khắp thế giới. *"Không phải yêu đơn thuần, mà nói chính xác là tôi đã trở thành tín đồ phở mất rồi! Tôi vẫn luôn tự hỏi người Việt Nam chúng ta có thể phát triển một 'phở đạo' như người Nhật từng có với 'trà đạo' hay không? Chỉ riêng cách thưởng thức phở là cả một nghệ thuật mà những kẻ ngoại đạo cần tìm hiểu."* Tháng 6 năm 2006, cuộc triển lãm về "Đạo Phở" đã thành công vượt bực. Mặc những cơn mưa rả rích, mặc cái lạnh tháng sáu, trên 400 người đã tới với phở, đúng hơn với một tấm lòng với phở. Say phở, đài truyền hình Úc SBS lập tức đề nghị Cường hợp tác làm một bộ phim về phở. Kịch bản do Cường và cô Joanna Savill, phóng viên ẩm thực của SBS, viết chung. Ngoài bộ phim này, Lê Phú Cường còn ráo riết chuẩn bị cho một cuộc triển lãm qui mô hơn mang tên "*Phở goes Global*," phở tới toàn cầu! Xuất phát từ Úc vào cuối năm 2007, Cường sẽ gánh phở đi khắp thế giới, với sự tiếp tay của các nghệ sĩ người Nhật Bản, Đại Hàn, Đức, Mỹ, Pháp... Bạn nào có lòng với phở muốn ghé vai chung sức với Cường hoặc muốn cùng Cường hít mùi phở, có thể liên lạc với Cường qua địa chỉ: cuong@casulapowerhouse.com .Gánh phở sẽ mang theo một cuốn phim, một vở kịch mang tên "*Phở, Feast For All Senses*," một chợ phở, một buổi thảo luận văn hóa và một cuốn sách về phở.

Cuốn sách bìa trắng nổi bật dòng chữ "*I Love Phở*" mà chữ "*love*" được cách điệu bằng một trái tim đỏ chót đã làm tôi sửng sốt khi nhận được. Tôi có thói quen mỗi sáng đón chờ ông đưa thư mang đến những niềm vui từ bạn bè khắp năm châu bốn bể. Sáng hôm đó, cuốn sách dày 60 trang vuông vức mỗi bề 21 phân, in trên giấy láng bóng, màu sắc như một cuốn sách thuộc loại đẹp của ngoại quốc, đã làm tôi sung sướng biết bao. Bài viết, tranh ảnh, thơ văn sực lên chỉ một mùi phở. Tất cả được viết bằng Anh ngữ trừ hai trang thơ của Đinh Linh và Phan Nhiên Hạo.

Trong tích Hy Lạp, Narcissus

Nhìn xuống nước, thấy mặt đẹp trai
Của chính hắn. Hắn tự mê hắn
Cho đến chết cũng không chừa.
Nhìn xuống nước, tôi không thấy gì
Ngoài tái, nạm, gầu, gân, sách.
(Đinh Linh)

Gánh phở của Cường chưa ra khỏi nước Úc nhưng phở đã nhanh chân nhảy nhót khắp nơi. Ở đâu có bước chân người Việt đặt tới là ở đó có phở. Mà ở đâu có phở là có tín đồ của phở. Rặt một thứ tín đồ ngoan đạo hành lễ lia chia!

Xưa, săn thú bằng cung, người ta
Cần khéo léo, kiên nhẫn và can đảm.
Săn thú to, họ phải đi cả đàn, có khi mất cả tuần.
Nếu về tay không, họ còn bị vợ xài xể.
Nay, người ta săn tái, nạm, gầu, gân, sách,
Bằng muỗng và hai que mủ.
(Đinh Linh)

Đi săn phở phải bắt đầu từ nơi chôn nhau cắt rốn của phở. Phở ngon thường phát xuất từ những gánh phở dung dị, hơi tuệch toạng, xuề xòa, thân mật. Đó là phở của những Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân. Con người ngày nay vệ sinh khác xưa nên phở cũng dồi phấn thoa son sạch sẽ. Theo ký giả Văn Lang của báo Người Việt, California thì tại Sài Gòn có hai loại phở: phở đời cũ và phở đời mới. Thường thì mới bao giờ cũng hơn cũ. Cứ hỏi các ông xem có ông nào không gật đầu đồng ý như vậy không! Nhưng với phở thì hình như có biệt lệ. Dân ghiền phở lại cứ thích... bổn cũ soạn lại hơn. Nghĩ tới phở là nghĩ tới Pasteur. Cái tên Pasteur được biết tới nhờ những công trình khoa học nhiều hơn hay nhờ phở nhiều hơn? Không ai khẳng định được nhưng tôi nghĩ là ông Pasteur có cái may mắn được ăn theo phở. Trên thế giới này có bao nhiêu tiệm phở mang tên Pasteur, tôi quả không biết. Nhưng tại Montreal của tôi vẫn có ông Pasteur ngồi trên tấm bảng của một tiệm phở. Một anh bạn ngoại quốc thắc mắc với tôi: bộ ông Pasteur có dính líu với phở hay sao mà người ta lấy tên ông ấy đặt cho tiệm phở? Trong những công trình khoa học lớn lao của Louis Pasteur quả nhiên chẳng có công trình nào dành cho phở. Vậy mà ông nổi tiếng vì phở!

Louis Pasteur sinh 1822. Ông bảo phòng thí nghiệm
Là đền thờ cho tương lai. Ở đấy, nhân loại sẽ tiến bộ,
Cải tiến và tăng cường. Ông chết 1895, trước khi
Được cải tiến và tăng cường bởi phở Pasteur.
Cuộc đời quả thật oái oăm.
Được tên trên bát nhưng không ăn lời.
(Đinh Linh)

Những tiệm phở trên đường Pasteur là phở đời cũ. Phở đời mới là phở... Tổng Thống 2000. Tiệm nằm bên hông chợ Bến Thành mang tên đi vào thế kỷ mới: Phở 2000. Khi Tổng Thống Hoa Kỳ Bill Clinton tới tiệm phở này đánh một hơi hai tô phở thì tiệm bỗng trở thành phở... quý tộc. Bảng hiệu có thêm hàng chữ: "*Phở for the President.*" Và giá phở được nâng lên cho xứng đáng với cái ghế đã được Tổng Thống Hoa Kỳ ghé bàn tọa vào. Phở số 2000, từ hai năm nay, bị cạnh tranh bởi hệ thống phở có con số nhỏ hơn: Phở 24. Con số 24 là một... tuyên ngôn của tiệm phở thuộc loại sang này: 24 loại gia vị, 24 tiếng đồng hồ ninh xương, giá 24 ngàn. Ông Đoàn Tiểu Long chép miệng tiếc rẻ: "*Giá mà các cô phục vụ mặc váy ngắn 24 phân nữa thì tốt quá!*" Cuộc chiến giữa những con số vừa có một anh... chân dài chen chân vào với một tiệm duy nhất trên đường Hai Bà Trưng, đối diện với nhà thờ Tân Định: Phở Đà Điểu! Tiệm này có hai cái gây... ấn tượng: đưa thịt đà điểu vào phở và chơi bảnh hơn anh 24 ngàn bằng cái giá 27 ngàn một tô thường và 37 ngàn cho tô đặc biệt. Tô đặc biệt khác tô thường vì có thêm gân đà điểu! Bạn và tôi, chúng ta chắc chưa có dịp đi ăn phở đà điểu. Ông ký giả Huy Thọ của báo Tuổi Trẻ thì ăn rồi. Ông ấy kể như thế này: "*Vừa ăn tôi vừa ngắm nhìn khung cảnh xung quanh và hài lòng khi thấy bàn ghế sạch đẹp, thậm chí khá sang trọng... Trên bàn ăn là những chiếc đĩa men bóng loáng của gốm sứ Minh Long. Bát phở được bưng lên trông khá ngon mắt với những lát thịt nâu thẫm của đà điểu. Thơm. Quả tình là rất thơm. Ngọt, nhưng không phải vị của bột nêm. Có mùi phở nồng nàn nhưng không lộ liễu vị gừng nướng để tẩy mùi thịt. Tôi an tâm chén sạch một tô to đùng. Nhưng phở đà điểu có gì khác với phở bò, nhất là miếng thịt chín có màu na ná nhau? Có. Đó chính là cái mùi vị là lạ của lát thịt không thể lẫn với bò hay trâu; nhất là những miếng gân bé bằng đầu đũa, nhai sần sật, không quá dai và không quá mềm.*"

Phở nguyên thủy là phở bốn chân. Ông Nguyễn Tuân chỉ cấp bằng cho mỗi thứ phở này. Khi phở hạ cố xuống tới hai chân là phở gà thì phở lại rẽ qua một hướng khác. Hóa ra cái loại gia cầm nhỏ xíu cũng làm ra chuyện

được. Có những người chỉ mê có phở gà. Nhất là gà trống thiến. Phở gà trống thiến đã nâng đỡ được cô mầm non Yến Vỹ trở thành ca sĩ được giới thanh niên suýt soa một thời. Phở gà trứng non lại nâng đỡ được kiến thức về sử nước nhà của dân chơi Sài Gòn. Từ màn khói bốc lên thơm ngào ngạt mùi lá chanh, ông vua Hiền Vương mới nằm trong bộ nhớ của dân chúng. Con gà nhỏ xíu đã làm được chuyện ngoạn mục như vậy thì đà điểu, to xác hơn gà nhiều, chắc cũng làm nên đại sự. Chúng ta chịu khó chờ hồi sau phân giải!

Phở đà điểu chỉ mới xuất hiện tại Sài Gòn nhưng phở bò phở gà thì đã la cà khắp thế giới. Tìm ở bất cứ một thành phố nào trên thế giới, dù nhỏ hay lớn, mà có bóng dáng người Việt là có phở. Nó là hiện thân của Việt Nam dưới mắt người ngoại quốc. Nó phổ biến và tiếng tăm đến nỗi mọi thứ màu da đều phải thử. Mà đã thử thì dứt không ra. Ăn phở, đó là một sự thiết yếu.

Tôi ăn khuôn mặt này
Vì nó ngon như phở, món làm cho chúng ta nổi tiếng khắp thế giới.
Tôi sống phía Bắc Los Angeles
Phải chịu khó đi xa mới ăn được quê hương
Từ đây đến Little Saigon cách hai giờ lái xe, đến Sài Gòn cách mười tám giờ máy bay phản lực
Đến Hà Nội là nơi xa nhất
Từ đây đến tôi mất ba mươi mấy năm

Ăn đi, cho thêm ớt vào và tương, những gièm pha khác nữa. Gia vị
của phiêu lưu, lưu đày.
Làm thế nào để trở thành một kẻ lưu vong chuyên nghiệp?
Ăn đi. Nhìn hai bàn tay trên bàn. Đã từng
sờ mó vào sự mất mát nguồn gốc, quen thuộc như chạm ngực người đàn bà.

Tôi là một người lưu vong thèm ăn phở
Tôi không làm bộ
Và tôi ghét các đệ tử của Derrida, những kẻ bày trò chống lại sự thiết yếu.
(Phan Nhiên Hạo)

Tôi ghi nhận được hai sự kiện mới xảy ra gần đây liên quan đến sự thiết yếu của phở. Một ở Việt Nam, và một ở Mỹ. Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam đã công bố một cuộc điều tra về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, nói nôm na là sắp hạng các tỉnh về khả năng đầu tư. Cái vui của cuộc điều tra này là người ta đã dùng đơn vị là... tô phở để sắp hạng. Thí dụ như tỉnh Long An tăng được 9 điểm có nghĩa là thu nhập bình quân theo đầu người của tỉnh này sẽ tăng thêm 94 tô phở cho một người trong một năm! Tại thành phố Seattle và Tacoma thuộc tiểu bang Washington, dân buôn lậu cần sa đã dùng tiếng lóng gọi cần sa là phở để đánh lừa cảnh sát. Cảnh sát tương kế tựu kế đặt tên cho chiến dịch lùng bắt nhóm này là chiến dịch "*This Bud Phở You.*" *Phở* chỉ cần sa theo tiếng lóng của chính các tay buôn lậu, *Bud* có nghĩa là mầm lá, búp hoa, ý nói là dập tắt được nhóm này từ trong trứng nước!

Phở đi vào đời sống sâu đến như thế. Chưa hết! Phở còn cứu được cuộc sống nữa. Ngày trước, ở Việt Nam, gia đình bên vợ tôi nuôi một cô giúp việc. Mỗi khi đau, cô ấy chỉ xin được ăn một tô phở là lành bệnh ngay tức thì. Quả thật như vậy. Chẳng cần biết là bệnh gì, cứ đánh một tô phở là trăm lần như một, bệnh lui quân ngay lập tức! Cái lối lấy phở làm thuốc đó hóa ra còn xảy ra với ông Bác sĩ Nguyễn Văn Mẫn. Quý vị còn nhớ ông bác sĩ này không? Đó là ông Thị trưởng Đà Nẵng thời biến động miền Trung đấy. Sang bên Pháp, ông bị bệnh tim nặng. Bạn ông, Kỹ sư Võ Long Triều, trong hồi ký đang được đăng hàng tuần trên báo Người Việt, đã kể lại: "*Anh đau tim trầm trọng, không ăn uống hơn một tháng, chỉ sống dai dẳng bằng nước thuốc chuyền vào máu, cho đến khi các giáo sư thượng thặng bó tay, khuyên gia đình đem ông về nhà lo việc mai táng. Tôi vào nhà thương thăm, anh tỏ vẻ cảm động nói: 'Ít ra trước khi chết tao cũng gặp được mặt mày.' Gia đình đưa Mẫn về nhà, tôi phụ giúp lo việc hậu sự cho anh. Mẫn bảo với vợ rằng anh thèm phở quá, trước khi chết muốn ăn một tô phở thật ngon. Gia đình thỏa mãn yêu cầu. Ăn vào thấy khỏe, dù bác sĩ cấm và anh cũng biết là ăn vào có thể chết ngay. Ngày hôm sau anh lại đòi một tô phở nữa, gia đình cũng chìu ý. Mẫn thấy người khỏe lại hẳn, nhưng vì là bác sĩ, nên anh biết rõ đó là việc không nên, do đó Mẫn ngưng ăn phở ngay và tự giới hạn chuyện ăn uống tối đa cho đến khi bình phục khá nhiều, anh trở lại bệnh viện tái khám. Bác sĩ và Giáo sư Y khoa đã từng chữa bệnh cho anh ngạc nhiên không biết vì sao? Không thể tìm hiểu lý do nào đã làm cho anh lành bệnh?*"

Phở đã đi vào huyền thoại! Cứ để nó thong dong!

03/2007
Website: www.songthao.com

Cây Xương Rồng Nguyễn Hữu Đang

NGUYỄN-ĐẶNG BẮC NINH

Anh có thật xương rồng
Hay xương người nghĩa khí
Ngã xuống rồi hóa thân?
Phùng Quán

Tôi đi làm về, mở e-mail, thấy nhà thơ Trần Mộng Tú báo tin: *Anh chị có biết cụ Nguyễn Hữu Đang mất rồi không?* Chị biết là chúng tôi có mối giao tình muộn màng nhưng khá đậm đà với ông già đặc biệt này. Tôi nói cũng vừa biết nhưng chưa rõ chi tiết, vì thời gian sau này khi biết cụ Đang đã có đời sống ổn định, chúng tôi thỉnh thoảng chỉ gửi lời hỏi thăm qua chị Bội Trâm, vợ anh Phùng Quán. Lần sau cùng gặp lại, cách đây đã mấy năm, cụ hẹn sẽ gửi một số tài liệu cho chúng tôi mà rồi cũng không thấy. Tôi chợt nghĩ: Hay là cụ có gửi nhưng vì lý do nào đó thư của cụ đã không tới được chúng tôi?

Năm 1994, chúng tôi chọn đúng mùa Cốm Vòng để về thăm lại Hà Nội sau nhiều năm sống ở hải ngoại. Chúng tôi dẫn theo cô út, vì cháu còn đang đi học không vướng bận gia đình hay công việc làm như các anh chị nó.

Cũng vào thời gian đó chúng tôi tình cờ đọc được bài báo cũ của Phùng Quán viết chuyện về thăm Nguyễn Hữu Đang, một bậc đàn anh trong nhóm Nhân Văn mà Phùng Quán vẫn ngưỡng mộ và cùng chung chí hướng xây dựng một xã hội lý tưởng. Sau đó họ đã theo nhau sa vào mấy chục năm tù đày điêu đứng. Riêng tôi, dù đã theo dõi vụ án Nhân Văn từ hồi còn ít tuổi, vì vào những năm giữa thập niên 1950, báo chí miền Nam đã luôn luôn nhắc đến vụ này, tôi không chú ý nhiều đến nhân vật Nguyễn Hữu Đang mà lại thuộc lòng những lời thơ khẳng khái của Phùng Quán:

Yêu ai cứ bảo là yêu
Ghét ai cứ bảo là ghét
Dù ai ngon ngọt nuông chiều
Cũng không nói yêu thành ghét
Dù ai cầm dao dọa giết
Cũng không nói ghét thành yêu...

Ngoài ra tôi được biết những tên tuổi khác trong nhóm như Phan Khôi ,Trần Dần, Phùng Cung, Hoàng Cầm... là do những thơ văn của họ được phổ biến. Trong trí tưởng tôi, họ như những nhân vật trong huyền thoại hay trong truyện cổ tích.

Như nhiều người, khi đọc bài "Tìm Thăm Nguyễn Hữu Đang" của Phùng Quán, chúng tôi rất xúc động. Chồng tôi thì liên tưởng đến những nhân vật trong truyện kiếm hiệp, Nguyễn Hữu Đang như một Lệnh Hồ Xung bị đầy xuống hắc lao dưới lòng đất, chân tay cùm kẹp đêm ngày, sống mà như chết trong bóng tối mịt mùng, bao năm mới thoát ra khỏi để lại nhìn thấy ánh mặt trời. Cụ Đang càng đáng phục là dù phải sống trong tình huống cơ cực đến tột cùng mà phong cách ngôn từ của cụ vẫn an nhiên như một bậc vương giả trí thức "*Anh lôi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thủng đáy, đặt lên miệng xô tấm ván gỗ: Đây là bàn ăn, anh giới thiệu và vần tiếp ra hai cái vại muối dưa sứt miệng. Còn đây là ghế ngồi... vừa vững chãi lại vừa mát. Chú thử ngồi mà xem, có khác gì ngồi trên đôn sứ đời Minh?*"

Thức ăn của cụ thì toàn là cóc, nhái. Và cô đơn đến độ phải đeo lục lạc vào thắt lưng để nghe tiếng kêu long coong mà thấy đỡ đơn độc. Nhưng mối ưu tư nhất của ông già này là làm sao lúc chết không làm phiền đến ai "*Ở đây, nơi quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ nằm để chết... Đấy dưới chân bụi tre có một chỗ trũng, phủ đầy lá tre rụng... tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó trước khi nhắm mắt xuôi tay.*"

Viết đến đây, tôi rùng mình, nhớ lại câu thơ của Tô Thùy Yên:

Sống ở trên đời ghê gớm quá
Mà ta sống được có kỳ không?

Suy nghĩ mãi là nên mang món quà gì biếu ông cụ? Chưa quen biết, không dám mạo muội biếu tiền vì sợ xúc phạm, mà ở Việt Nam cho tới những năm đó có tiền chưa chắc đã có vật dụng tốt để mua. Đọc lại cảnh sống của cụ, chúng tôi quyết định đem về một cái túi ngủ (sleeping bag), có lẽ là đắc dụng, tuy nó chiếm hết một phần tư chiếc va li lớn.

Ra khỏi phi trường Nội Bài, sau khi đã lo xong thủ tục, ba vợ chồng con cái chúng tôi bước ngay

vào bầu không khí nóng và ẩm của Hà Nội. Trong số họ hàng bà con ra đón, đi đầu thấy có một ông già cao lớn tóc trắng mặc áo sơ-mi đỏ xậm, ông anh họ của chúng tôi vội giới thiệu đây là nhà thơ Hoàng Cầm. Dù vẫn biết sẽ về gặp nhà thơ vì ông là người cùng quê vừa là bạn học với những anh chị lớn tuổi trong họ nhưng chúng tôi ngạc nhiên không ngờ ông lại cất công ra tận phi trường đón chúng tôi.

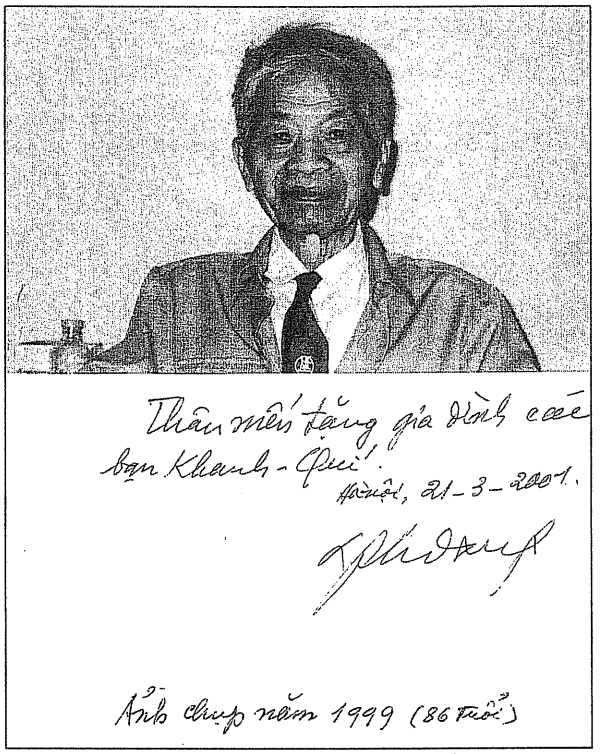

Hình Nguyễn Công Khanh

Sau buổi tối hàn huyên và sắp đặt chương trình tại khách sạn, ngày hôm sau chúng tôi cùng mấy người trong họ và cả nhà thơ Hoàng Cầm về thăm quê cũ và viếng mộ cha tôi ở Gia Lâm, Bắc Ninh. Xong việc, người em họ lớn tuổi hẹn ngày đưa chúng tôi đến gặp cụ Đang tại nhà Phùng Quán vì cụ gần như thường xuyên ở đó. Tôi không ngờ Phùng Quán vẫn còn sống và chị Quán lại là em của hai bà giáo bạn chị tôi. Trái đất thật là nhỏ.

Bữa đó là ngày 9 tháng 9 năm 1994, một ngày Hà Nội có liễu rủ mượt mà, nắng thu trải ánh vàng dịu trên mặt hồ Tây gợn sóng. Khu tập thể trường Chu Văn An trông hoang dã, cây cối um-tùm. Căn nhà của Phùng Quán nhìn ra mặt hồ thoáng mát. Phía sau anh nhặt nhạnh gỗ và tranh xây một căn gác để tiếp các bạn, anh đặt tên là "Chòi Ngó Sóng."

Bước chân vào cổng, chúng tôi gặp ngay một ông trông chưa có vẻ già lắm, mặc sơ mi cộc tay màu xanh, tóc cũng hớt ngắn, dáng vẻ dẫn dỏi nhanh nhẹn. Tôi cúi đầu chào "Thưa... chắc đây là ông Phùng Quán?" Hưng, người em họ tôi cười "Không, đây là bác Đang." Tôi sửng sốt nghĩ thầm: Trời đất, tính ra năm nay cụ đã ngoài 80 mà sao trông cụ trẻ thế này?

Đi theo cụ, qua một cái bể non bộ có những bông hoa súng vươn trên mặt nước và qua lối đi rải rác mấy chậu lan, chúng tôi tới gian có bàn nước là chỗ tiếp khách, chị Bội Trâm, vợ anh Quán tươi cười ra đón. Trông chị nhỏ nhắn, phong thái lịch thiệp mà cương nghị, rõ ra một người đã qua nhiều thử thách trong đời. Một ông già cao gầy, mặc bộ bà ba trắng ngà, tóc búi củ hành sau gáy, râu tóc muối nhiều hơn tiêu, nước da màu đồng, đang ngồi trên ghế tràng kỷ; thấy chúng tôi ông vội xỏ chân vào dép đứng lên chào. Đây mới thật là nhà thơ Phùng Quán. Năm đó anh mới có 63 tuổi, mà tôi tưởng anh già hơn nhiều. Và anh vẫn còn sống. Thế mới lạ. Sau này chị Trâm nói chuyện, chính Quyên con gái anh chị học ở đại học Hà Nội, thầy giáo nhắc đến nhóm Nhân Văn và nói là Phùng Quán đã chết rồi, mấy người bạn nhìn cháu cười, Quyên phải nói "Thưa thầy, bố con vẫn còn sống." Trách gì người ở xa ngàn dặm như chúng tôi.

Sau khi đã nhận anh em thứ bậc do tình quen biết giữa hai gia đình từ nhiều năm,

nhà tôi nhắc đến bài viết về cụ Đang của anh Quán đã là động lực khiến chúng tôi đến thăm ngày hôm nay, chị Trâm nói anh chị có người quen ở Canada là anh Đỗ Quí Toàn cũng thích bài ấy lắm và chị Toàn có về thăm anh chị. Chồng tôi trả lời có biết anh Toàn cùng ở Chu Văn An ngày xưa, và ở hải ngoại anh Toàn viết rất nhiều. Anh chị cũng tặng chúng tôi cuốn Trăng Hoàng Cung có bài anh Toàn giới thiệu.

Anh Quán lấy ra một xấp hình cho chúng tôi xem buổi lễ thọ cụ Đang năm ngoái khi cụ 80 tuổi, gọi là "Lễ Mừng Sống Dai." Bữa đó anh tặng cụ Đang một chậu xương rồng và đọc bài thơ:

Cây chi cây lạ lùng
Không cành cũng không lá
Chỉ toàn thân với thân
Mà thân thì dựng ngược
Như gậy gộc nghĩa quân
Toàn những góc với cạnh
Lại tua tủa gai chông

Nhựa độc hơn bọ nẹt
Gai buốt nhọn hơn gươm
Người nghèo đem luộc kỹ
Ăn lại lành thay cơm
Mọc lên từ cát lửa
Hồn vẫn xanh mát trong
Che chở người lương thiện
Trộm cướp đều ngại ngùng
Cây như một biểu tượng
Đời gọi cây xương rồng
Xương rồng ơi, xương rồng
Anh có thật xương rồng
Hay xương người nghĩa khí
Ngã xuống rồi hóa thân?

Cụ Đang hào hứng nói thêm:

- Hôm đó có đủ mặt anh em, cũng đến một trăm người: Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Cung, họa sĩ Hoàng Lập Ngôn, Hữu Mai chủ tịch Hội Nhà Văn... Hôm đó là không bàn, không ghế, thịt heo quay cứ chặt ra lót lá chuối. Có lạc rang và một thùng rượu lớn, ai muốn cứ việc đến múc, tôi chỉ mời mỗi người một chén đầu tiên.

Chị Trâm giải thích:

- Chúng tôi nghĩ nếu cụ Đang còn ở mãi nông thôn, không ai biết đến, nên báo chí cứ bảo là cụ chết rồi. Anh em bàn định là phải làm cho cụ Đang "sống dậy." Nhưng phải cẩn thận vì mình vẫn là đối tượng đang bị theo dõi. Hôm đó mọi người ngồi hết cả từ trong nhà ra tới bên ngoài. Có anh Phùng Cung nói lời chúc mừng đầu tiên, cụ Đang phát biểu rồi tới anh Quán. Nhưng nói gì xong là đánh máy, in ra rồi phát cho mọi người để sau này không ai xuyên tạc được là mình nói đến chính trị.

Anh Quán cười, nhấm một ngụm nước trà:

- Nói thật với chị, tính tôi vẫn lười, nhưng hôm nay biết thế nào anh chị cũng đến, tôi

phải đi đón anh Đang. Tôi đạp xe sang nhà Phùng Cung bảo thằng cháu "Mày đi với chú đèo cụ Đang giúp chú một quãng," vì cũng mệt mà xa lắm.

Chị Quán đỡ lời:

- Nhà cụ Đang tận Nghĩa Đô. Cụ ở trên căn hộ lầu năm, nhưng nhờ trời qua bao nhiêu gian khổ mà cụ vẫn còn được như vậy. Cụ có tiếng là khỏe.

Cụ Đang cười hồn nhiên:

- Bình thường thì tôi có bốn cái khỏe: Ăn khoẻ, ngủ khỏe, nói khỏe và đạp xe khoẻ.

Ăn thì tôi phải ăn hết ba lạng gạo mới đủ no, ngủ thì tôi ngủ tám tiếng, nói thì hội trường đông đến 500 người, micro tôi gạt ra một bên, chỉ nói tiếng không cũng đủ nghe rồi. Còn đi xe đạp thì mỗi ngày tôi đạp 50, 60 cây số giữa trời nắng chang chang là thường. Nhưng bây giờ cũng bắt đầu thấy mệt, vác cái xe đạp lên lầu năm cũng đã thấy nặng lắm.

Nhà tôi hỏi:

- Thưa cụ, bây giờ cụ đang viết gì?

- Tôi cũng muốn tranh thủ cái thời gian này để viết, nhưng mà cũng rất tiếc là từ nay cho đến lúc chết cũng chẳng còn bao lâu, không hiểu có viết được nhiều không, nhưng còn viết được ngày nào thì cứ viết, còn nước còn tát. Khi mình còn ở trong nhà tù thì không nghĩ là triển vọng nó thế nào cả, vì không biết lúc nào được thả về, không biết lúc nào sống, lúc nào chết, nên chỉ cố thích ứng với trại giam mà thôi. ...Vì cái chỗ tôi bị giam giữ không giống như những nơi giam giữ khác... Ở nơi đó nguyên tắc đã đến là không về, bất kể án phạt của anh là bao nhiêu, chung thân, 10 năm hay 20 năm cũng vậy. Khi người ta đưa đến đấy là ngầm cái ý là không về, cứ ở đó vĩnh viễn, cho nên tôi đã không nghĩ ngợi gì... Tới giờ này được thả ra và ngồi viết cũng có vấn đề là mình phải nắm được tình hình xã hội, phải có một lượng thông tin cho đủ nhiều. Ba mươi lăm năm nay, tôi sống cách ly với xã hội, đủ biết là sự lạc hậu về tinh thần rất lớn: Người ta đọc đến hàng ngàn cuốn sách, mình chưa đọc cuốn nào. Người ta đọc đến hàng vạn bài báo mình chưa đọc bài nào. Người ta dự đến hàng trăm buổi họp mình chưa dự một buổi nào. Thế là lạc hậu lắm. Lạc hậu về số lượng thông tin như thế thì rất khó khăn, vì khi viết ra không biết người ta đã viết chưa, có trái ngược không, có trùng hợp không, hay có khi lại còn bị lôi thôi. Ếch ngồi đáy giếng viết ra, dù những chuyện riêng tư, cũng sợ không ăn khớp với trình độ chung của người đọc và cái nhu cầu chung của xã hội, nên tôi càng thấy khó..."

Sau khi ngồi nghe anh Quán vừa uống trà, hút thuốc lào vừa đọc những bài thơ đắc ý của anh, chúng tôi được mời lên Chòi Ngó Sóng để ngắm cảnh Hồ Tây về chiều và xem những bút tích cuả các văn hữu đề tặng. Thấy cụ Đang còn có vẻ muốn nói một điều gì, anh Quán nhìn ông bạn như chờ đợi.

Cụ Đang cất tiếng:

- Thường thì sự cảm động làm người ta trở nên vụng về lúng túng... Lúng túng trong ngôn ngữ, trong cử chỉ. Nhân đây tôi cũng nói đến một chi tiết vui, là tôi có để ý đến chị (Tôi kêu thầm: Chết rồi, chuyện gì đây?) ... là đi đã lâu mà về trông vẫn còn trẻ trung thế này (?). Mà theo ý riêng của tôi, ở nước ngoài đã lâu, thường là phải Âu hóa

trong tinh thần, Âu hóa về ngoại hình. Do cứ nghĩ như thế về tuyệt đại đa số các bà con ta ở nước ngoài về, tự nhiên tôi để ý đến mái tóc của chị.

Đáng lẽ ra, hợp lý ra là phải uốn cho giống người ta, cho hòa hợp với những người xung quanh, chứ trông khác người ta không có lợi, nhưng sao mái tóc của chị lại như thế này? Tôi muốn hỏi tại sao lắm, nhưng tôi hỏi mà xin chị đừng trả lời. Vì không có câu trả lời thì tôi mới có toàn quyền suy diễn theo ý tôi.

Tôi chợt nghĩ một lúc nào đó, tôi sẽ viết một bài, vì thơ tôi không biết làm, về buổi gặp gỡ anh chị và cháu ngày hôm nay và về mái tóc của chị. Và chị cứ để tôi cái quyền nghĩ mái tóc của chị mang một ý nghĩa là lúc nào cũng mang tổ quốc quê hương trên đầu. Có thể là không đúng nhưng chị cứ cho tôi cái quyền đó.

Nghe cụ nói, anh Quán đưa mắt tò mò nhìn lại tôi và chị Trâm nói thêm mấy câu đùa vui phụ họa. Vợ chồng tôi chỉ nhìn nhau cười và cám ơn cụ.

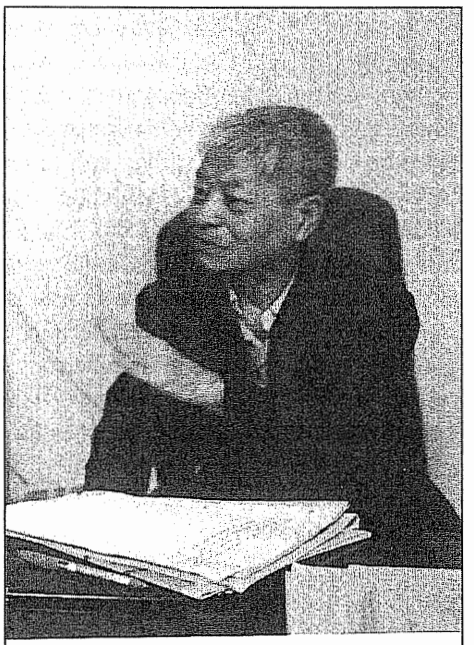

Nguyễn Hữu Đang 3- 2001, 88 tuổi

Hình Nguyễn Công Khanh

Ngày hôm sau gặp ở nhà hàng, với một số người trong họ hàng chúng tôi và có cả Hoàng Cầm, Phùng Quán, cụ ký tặng chúng tôi bài viết "Bộ Vòng Sơ-men," hồi ký về mối tình duy nhất trong đời cụ:

Mùa hè năm 1946, trong khung cảnh Hà Nội nhộn nhịp tưng bừng, chàng trai hào hoa, đầy quyền lực Nguyễn Hữu Đang tình cờ được gặp một cô gái tuyệt sắc tên Huyền Nhiên là em họ của một người bạn. Dù đang hăng say hoạt động chống Pháp với nhiều trách nhiệm quan trọng, chàng đã để lòng rung động về sắc đẹp và trí thông minh của cô. Hai người đã đi đến hứa hẹn và thể hiện là chàng đã trân trọng tặng Huyền Nhiên một bộ vòng sơ-men bằng bạc (một bộ vòng đeo tay các cô gái trẻ thời trước rất ưa thích gồm có bảy chiếc vòng thanh mảnh, tượng trưng cho bảy ngày trong tuần, nên gọi là vòng semaine).

Nhưng khi đó chiến tranh đến hồi sôi động, quân Pháp đã đánh đến Hải Phòng, dân Hà Nội phải tản cư. Và chàng trai thời chiến lao vào bóng tối hoạt động. Sau chín năm xa cách vì ly loạn và tiếp theo đó là vụ án Nhân Văn, gần 35 năm tù đày với 15 năm biệt giam, chàng trai ngày xưa giờ đã trở thành một cụ già khó nghèo đơn độc.

Khi cụ đã bị đưa về an trí ở Trà Vy, Thái Bình, cụ nhận được tin người xưa, goá chồng đã lâu, mới từ trần trong một bệnh viện. Trước khi lìa đời bà nhờ tháo bỏ chiếc nhẫn và chuỗi hạt để lại cho gia đình, bà chỉ xin đeo vào tay cho bà bộ vòng sơ-men mà bà vẫn giữ trên tủ thờ để theo bà xuống mộ phần.

Trở lại Hoa Kỳ, chúng tôi nhận được thư anh Phùng Quán ngày 5-11-94, có đoạn:

"..Anh ngồi bên cửa sổ nhìn ra Hồ Tây đầy sương mù và cạnh anh là anh Đang đang ngủ say, đắp chiếc chăn 'hồ cừu' vợ chồng em tặng. Anh bỗng nhớ câu thơ của Nguyễn Du *'Gió lạnh cả thế gian thổi thốc vào một người đơn độc.'* Với tấm lòng và công trình của hai em và cháu đã ngăn bớt làn gió lạnh đó... Cụ Đang hết lời khen ngợi *'cái chăn đắp ấm mà không đè nặng lên ngực như chăn bông.'* Thế cũng bõ cái công mang từ nửa vòng trái đất của hai vợ chồng em..."

Trong nhóm bạn hữu quen thuộc, nhiều người đã đọc về cụ Đang, rất cảm phục một người có lý tưởng lại nghị lực kiên cường, họ đã chung góp cùng chúng tôi gửi về làm quà biếu cụ.

Ít lâu sau chúng tôi lại nhận được tin cụ qua anh Quán, ba tuần lễ trước khi anh mất:

Hồ Tây, 29/12/94

"Hai em khuyên anh bỏ rượu nhưng rượu nó bỏ anh vì từ khi anh bệnh, rượu thấy anh mất phong độ của một bậc ẩm giả. Nhờ em nhắn với Mai Kim Ngọc đã nhận được đầy đủ sách báo gửi tặng, và anh đã hồi âm. Mọi việc anh ủy thác cho MKN, muốn giải quyết thế nào tùy Minh (BS Vũ Đình Minh, là nhà văn Mai Kim Ngọc).

Cụ Đang đã được cấp một căn hộ 35 m2 ở khu Trung Ương, hưởng lương hưu Thứ Trưởng. Cụ rất vui, đang sửa soạn về nhà mới."

Tết Bính Tý, 1996, lại nhận được lá thư dài kín bốn trang giấy của cụ:

"Hà Nội ngày 22-2-96

... "Hoàn cảnh của tôi thì đã được cải thiện từng bước: Tháng 5-95 tôi đã được phân phối nhà ở loại trung bình , diện tích ... như thế là tương đối dễ chịu... Nếu rồi ra người ta trả lại đầy đủ quyền lợi chính đáng của tôi (cấp bậc Bộ Trưởng và thâm niên cách mạng từ năm 1930) ...Nhưng khả năng ấy còn xa...

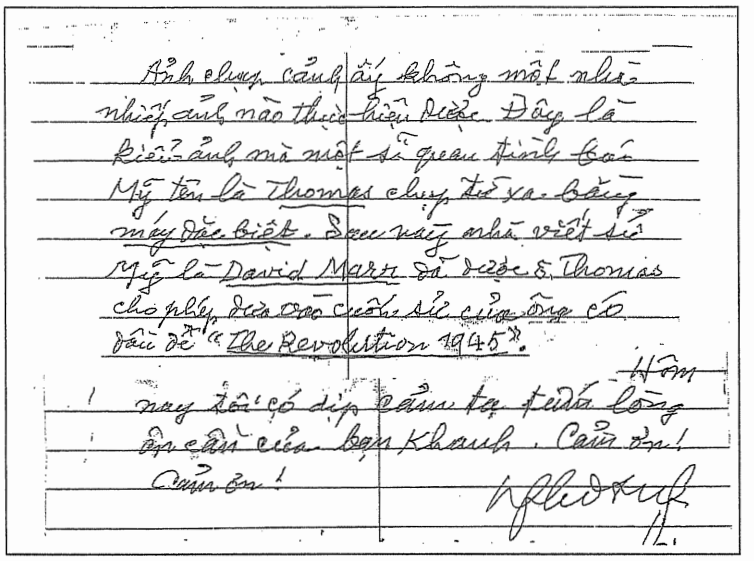

Một đoạn thư của Nguyễn Hữu Đang gửi gia đình tác giả

Theo sự mong muốn thiết tha của tôi, mà cũng là sự mong muốn của bạn bè và những người chuộng sự thật về lịch sử, tôi đang cố gắng bố trí sinh hoạt hàng ngày sao cho hợp lý để có nhiều thì giờ tập trung viết hồi ký...

Hai bạn ạ,

Tôi có chút hạnh phúc là sức khoẻ tốt... Ngoài ra, cuộc sống cuối đời của tôi còn tình yêu thương của những bạn tốt như hai bạn. Dù xa nhau nửa vòng trái đất, các bạn vẫn nghĩ đến tôi... Xin chúc các bạn sống lâu hơn tôi và thành công trong mọi mong muốn, chủ trương, hành động. Xiết chặt tay,

Nguyễn Hữu Đang"

Những lời lẽ trong thư của cụ luôn làm chúng tôi cảm động và áy náy vì nghĩ mình đã làm được gì cho một người như cụ Đang mà được cụ coi như người thân và giãi bày tâm sự. Phải chăng chúng tôi đã đến đúng thời, đúng chỗ, khi mà những người trong nhóm Nhân Văn vừa được tạm "cởi trói," họ còn đang dè dặt hít thở bầu không khí tự do thì chúng tôi đem thêm đến làn gió mát từ bên ngoài về?

*

Cuối mùa thu năm 2001, cả gia đình chúng tôi hẹn nhau cùng về gặp ở Hà Nội và chúng tôi sẽ đưa các con đi dọc từ Bắc xuống Nam để thăm lại quê hương xứ sở.

Tới Hà Nội, chúng tôi đến thăm chị Bội Trâm và cụ Đang ở quán ăn Vọng Ba Lâu, hậu thân của "Chòi Ngó Sóng" ngày xưa. Quán này do chị Trâm chung với một cô giáo bạn mở ra làm phương tiện sinh sống. Cháu cụ Đang sẽ đưa cụ bằng xe ôm tới gặp chúng tôi.

Khu tập thể trường Chu Văn An cạnh Hồ Tây không còn đìu hiu lau lách như ngày nào, thay vào đó là cảnh hàng quán đông đúc, taxi chạy tới chạy lui nườm nượp.

Khu nhà cũ không còn nhận ra. Buổi tối đèn mắc như sao, nhưng tôi chỉ nhớ nhà hàng

có cầu thang lên khá rộng rãi. Chúng tôi chọn ngồi ở một bàn dưới nhà sát bờ hồ.

Đâu còn Phùng Quán, đâu còn "Chòi Ngó Sóng" với những bài thơ đề trên vách mà một chiều thu năm xưa tôi hỏi "Hoàng Hạc Lâu của anh phải không?"

Tối nay chỉ có gia đình tôi ngồi với cụ Đang vì chị Trâm còn phải bận rộn trông nhà hàng. Tính ra cụ đã 88 tuổi, trông sắc diện cụ đã khác năm xưa nhiều. Lưng cụ còng hơn khiến cụ trông như nhỏ đi, tóc cụ đã bạc hết, tai cụ đã không còn nghe được nữa. Điều này chúng tôi biết từ ít lâu nay và đã sửa soạn giấy tờ để bút đàm. Nhưng khi đọc những hàng chữ viết còn cứng cáp rất đẹp và lời văn sắc gọn, tôi thấy cụ vẫn rất minh mẫn và chưa mất cái tính chất dí dỏm trong cảm nghĩ.

Tôi viết:

- Xin kính chào cụ. Mừng cụ an mạnh. Xin cám ơn cụ đã hỏi thăm chúng tôi khi bà An về thăm (bà An là Hoa Thu, tác giả kịch thơ Viễn Khách).

Cụ viết trả lời:

- Tôi vẫn nhớ buổi gặp bà An, bà mặc áo dài

Việt Nam may bằng gấm quí, hoa rất đẹp.

Ít khi tôi được tiếp một vị khách sang trọng và ân cần đến thế. *(Ký: Nguyễn Hữu Đang)*

Tôi lại viết tiếp:

- Thưa cụ, bà An có chiếu phim cụ rất vui và khoẻ mạnh. Cụ mua được máy nghe chưa ạ?

- Tôi chưa có máy nghe vì ông bạn mà tôi gửi tiền và nhờ tìm mua còn mắc bận nhiều việc quá kể cả việc xây ngôi nhà bốn tầng ở phố Hàng... Vả lại bệnh điếc của tôi đã dịu đi làm cho tôi tin tưởng ở cái triển vọng tai trở lại bình thường. Cũng là ỷ lại vào cái số phận tốt như ông bà và cháu Thuấn Anh mong muốn (*Ký: Nguyễn Hữu Đang*)

Chồng tôi viết:

- Thưa cụ, cụ cũng nên xúc tiến sớm để có máy nghe, để được bình thường...

Hôm nay chúng tôi và các cháu có vào thăm Viện Bảo Tàng và có thấy hình cụ...

Cụ trả lời:

- Ảnh chụp ấy không có nhà nhiếp ảnh nào chụp được. Đây là do một sĩ quan tình báo Mỹ tên Thomas chụp từ xa bằng máy đặc biệt. Sau này nhà viết sử Mỹ là David Marr đã đưa vào cuốn sử của ông "The Revolution 1945." Nếu tôi nhớ đúng thì hồi trước chính ông đã chụp photocopy gửi cho tôi chương ấy. Hôm nay tôi có dịp cảm tạ tấm lòng ân cần của bạn. Cảm ơn! Cảm ơn! *(Ký: Nguyễn Hữu Đang)*

Nhà tôi lại viết:

- Cụ còn nhớ nhiều quá. Lúc tôi đọc cuốn sử, thấy họ nhắc đến tên cụ nhiều lần nên mới in ra gửi cụ. Hôm nay nếu cụ không nhắc lại thì tôi cũng quên rồi. Nghe nói cụ có viết hồi ký, cụ đã viết xong chưa?

- Đã bắt đầu. Cách nay ba hôm, người ta đem đến cho tôi một triệu đồng đề nghị tôi viết và tôi đã nhận lời.

Sau mỗi câu đàm thoại, cụ lại ký tên rất trang trọng. Tôi thầm nghĩ chắc cụ vẫn quen hành xử như hồi còn làm Thứ Trưởng bộ Thông Tin và Tuyên Truyền cách nay hơn nửa thế kỷ? Hay cụ tưởng đang phải "làm việc" với quản giáo? Tôi không biết giả thuyết nào đúng.

Đưa cụ về bằng taxi, trời tối, xóm nhỏ chỗ nào cũng giống chỗ nào. Người ta

ngồi la liệt ở hàng quán vỉa hè. Cụ cũng không rõ lối vào. Dĩ nhiên là chúng tôi cũng chịu thua. Sau anh taxi phải theo cùng vào xóm hỏi thăm, có vài người nhận ra và dẫn chúng tôi về đến căn hộ của cụ bây giờ nằm trên tầng ba. Sức khoẻ bây giờ đã khác xưa, cụ không còn đạp xe được nữa, nói gì 50, 60 cây số mỗi ngày hay vác xe đạp lên tận lầu năm. Đi đâu là phải có người chở cụ đi. Hèn chi cụ không nhớ đường về nhà.

Chung lối lên cầu thang là một căn hộ khác, không thấy ai, nhưng có tiếng chó sủa oăng-oẳng sau lần cửa đóng. Trong căn phòng cụ ở, nhiều vật dụng lặt vặt cùng sách vở hình ảnh bầy rải rác trên mấy chiếc bàn nhỏ trong phòng. Tôi nhìn thấy có hình cụ với Phạm Duy, có chữ ký của nhạc sĩ dưới lời đề tặng "Yêu Anh," hình chụp chung với Hoàng Phủ Ngọc Tường với câu "Người Dựng Nóc Nhà" và nhiều tài liệu khác. Tôi chú ý đến bức hình khá lớn treo trên tường gần cửa ra vào. Hình một người đàn bà đẹp, tuổi trung niên vấn tóc trần, nét mặt hiền dịu. Tôi khẽ hỏi cụ: "Đây có phải là bà Huyền Nhiên mà cụ viết trong truyện?" Không cần đọc chữ, nhưng cụ hiểu tôi hỏi gì, cụ gật đầu " Phải, hôm qua là ngày giỗ bà ấy. Năm nào các con bà cũng đến đón tôi đến dự đám giỗ của bà."

Tôi nhìn quanh. Một cụ già dù nay đã được phục hồi lương bổng, nhưng ở một mình hiu quạnh giữa một thành phố đông người, thấy cũng buồn. Nhưng sao cũng còn hơn nhiều so với cảnh sống trong những mảnh đời trước của cụ.

Quay ra cửa tôi còn nghe thấy cụ nói chuyện với nhà tôi, hẹn sẽ gửi cho anh giấy tờ hình ảnh gì đó. Tôi chào cụ, cúi đầu đi xuống cầu thang, lòng thầm nghĩ cụ đã già quá rồi, chắc gì đã có lần gặp lại?

Hôm nay được tin cụ đã qua đời với tuổi 94. Sống một đời cơ cực, nhưng cụ đã ra đi trong sự tiếc thương, quí trọng của mọi người dành cho một bậc hào kiệt (chữ của Phùng Quán).

Nhớ buổi tối năm 1994 khi ra khỏi tiệm ăn, cụ lại nhắc: "Tôi sẽ viết về mái tóc của bà, tôi sẽ đặt tên là Mái Tóc Quê Hương." Tôi cũng chỉ biết mỉm cười vâng dạ... vì không biết nói gì. Đời sống bận rộn, ngày nọ tiếp ngày kia, năm lại năm qua nơi xứ người, tôi đã không còn nhớ nhiều chi-tiết của những lần gặp mặt xưa kia, nếu không nhờ vào những cuốn băng thâu hình, thâu tiếng cùng những bút tích của cụ.

Giở lại những kỷ vật ngày nào, nghe lại Phùng Quán, Hoàng Cầm đọc thơ, nghe tiếng nói sang sảng của cụ Đang, tôi có cảm tưởng họ như những nhân vật trong cuốn truyện cổ tích hồi tôi còn nhỏ, trong một thời điểm nào đó đã hiện ra, chia sẻ với chúng tôi một khoảng thời gian thật ngắn ngủi và nay họ lại quay trở về những trang sách huyền thoại, cổ tích của tôi.

Springbrook, tháng 3-2007

Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng Lễ đài Tuyên ngôn độc lập

PHÙNG QUÁN

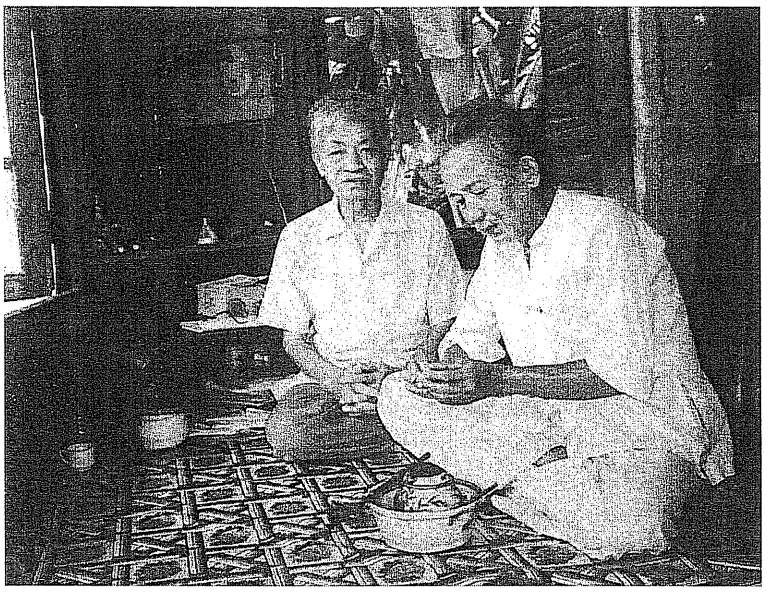

Nguyễn Hữu Đang và Phùng Quán trên Chòi Ngó Sóng 9-9-1994

LTS: Ông Nguyễn Hữu Đang sinh năm 1912 và vừa từ trần vào ngày 7 tháng 2 năm 2007, tại Việt Nam, hưởng thọ 94 tuổi. Tuy không để lại một tác phẩm nào nhưng những đóng góp lớn lao trong lãnh vực văn hoá, và tư cách bất khuất trước cường quyền của ông sẽ mãi mãi được người Việt biết ơn và ghi nhớ. Chúng tôi cho đăng lại bài viết "Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng Lễ đài Tuyên ngôn Độc lập" của Phùng Quán để độc giả có dịp biết thêm về số phận của một sĩ phu Việt Nam trong thời đại nhiễu nhương. Bài viết này được đăng tải lần đầu tiên trích ở Diễn Đàn Forum (số 25 tháng 12 năm 1993).

Thế Kỷ 21

Tôi là người viết văn nhưng lại đặc biệt say mê nghệ thuật kiến trúc. Đầu năm 1990, Đại hội kiến trúc sư toàn quốc, tôi có gửi một bức điện 300 chữ, chào mừng Đại hội. Mở đầu bức điện văn, tôi viết: "Nếu đất nước xây dựng một Đền đài Nghệ thuật, tôi xin được làm thủ từ. Ngày Lễ hội, tôi xin được trải chiếu để văn nghệ sĩ ngồi. Chiếu một tôi dành riêng cho các kiến trúc sư. Vì các anh chị là những người trước tiên đem lại vinh quang, niềm tự hào hoặc ô nhục cho xứ sở, bằng chính các tác phẩm kiến trúc của mình..." (Ở nhà tôi, ngoài hình ảnh) [1] Kim tự tháp, Vạn lí trường thành, Đền Ăngco, Chùa Vàng Miến Điện, Cố cung, Tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn... tôi có chừng vài chục tấm hình cắt ra từ các báo như Nhân Dân, Quân Đội, Lao Động, Hà Nội Mới... chụp cảnh Lễ đài Độc lập với tổng thể vườn hoa Ba Đình trong ngày Mồng hai tháng Chín năm Một nghìn chín trăm bốn lăm. Mỗi lần ngắm nhìn cái công trình kiến trúc mỏng mảnh được xây dựng bằng gỗ, ván, đinh, vải; được thiết kế và thi công trong vòng 48 giờ - nếu chậm lại một giờ là hỏng - rồi sau đó biến mất khỏi mặt đất như một lâu đài trong cổ tích, cặp mắt mờ đục của người lính già tôi bao giờ cũng cay lệ. Lòng tôi dâng trào biết bao niềm cảm xúc và suy tưởng miên man... về Tổ quốc và Nhân dân, về Cách mạng và Khởi nghĩa, về máu xương của lớp lớp anh hùng hào kiệt đã thấm đẫm giang sơn kể từ khi trên mặt đất xứ sở Việt Nam xuất hiện công trình kiến trúc mỏng manh này. Nó biến khỏi mặt đất, nhưng tầm vóc, hình dáng cùng với tổng

thể kiến trúc của nó, đã tạc khắc đời đời vào kí ức của cả dân tộc...

Ba Đình nắng thu vàng rực rỡ, một biển người vừa bước từ đêm dài trăm năm nô lệ ra bình minh Độc lập Tự do, cờ hoa trong tay và câu hát trên môi... Người Hiệp sĩ vĩ đại của Nhân dân và hai triệu người chết đói, bước vào tuổi năm mươi lăm, râu đen, mắt sáng, lễ phục kaki... đứng trên lễ đài, mở đầu bản "Tuyên ngôn Độc lập" bất hủ: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng..."

Ai có thể tái tạo công trình kiến trúc Lễ đài Độc lập cùng với tổng thể kì vĩ đó? Không một ai! Kể cả thánh thần... Theo ngu ý của tôi, Lễ đài Độc lập là cái cột mốc giữa đêm dài trăm năm nô lệ và bình minh của Độc lập Tự do của cả dân tộc. Kể từ khi trên mặt cỏ nắng Ba Đình mọc lên cái cột mốc này, số phận của cả dân tộc đã thay đổi, và số phận nhỏ bé, hèn mọn của cả thằng tôi cũng đã thay đổi. Từ một đứa trẻ chăn trâu mù chữ tôi đã trở thành một nhà văn... Cũng từ cái mốc kiến trúc mỏng manh này, cả dân tộc đã xuất phát, bước vào cuộc trường chinh sáng láng nhất, lâu dài nhất và dữ dội nhất của thế kỉ, với gánh nặng lịch sử trên vai: "Ta vì ta ba chục triệu người/ Cũng vì ba ngàn triệu trên đời" [2].

Ngắm nhìn một công trình kiến trúc như vậy, những người lính già dãi dầu chiến trận chúng tôi, làm sao không ứa lệ tự hào?

*

Vậy ai là tác giả cụ thể công trình kiến trúc Lễ đài Độc lập? Từ mấy chục năm nay, tôi luôn bị thôi thúc bởi niềm mong ước tìm hiểu cho ra. Nhưng cái khó bó cái khôn, và trong điều kiện và hoàn cảnh trắc trở của đời mình, tôi không sao thực hiện nổi niềm mong ước đó.

Thế rồi cách đây ba năm, tôi được một người bạn tặng tôi những tư liệu có liên quan đến sự kiện lịch sử mồng 2 tháng 9.1945 anh vừa tìm thấy trong Thư viện Quốc gia, Thư viện Bảo tàng Lịch sử, Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt nam, và kho Lưu trữ Quốc gia. Trong số những bản sao chụp, có mấy tư liệu tôi đặc biệt chú ý:

Thư của Bộ tuyên truyền có tiêu đề VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ đề ngày 31.8.1945 gửi Thị trưởng Hà Nội, về việc tổ chức Ngày Độc lập (Đây là bản chính được đánh máy bằng giấy than đen trên giấy trắng, khổ rộng 130 mm X 210 mm, đóng dấu tròn với dòng chữ "Ngày Độc lập" và C.P.C.H.D.C. vòng quanh con dấu, một ngôi sao năm cánh ở giữa, nổi lên dòng chữ BAN TỔ CHỨC). Nội dung thư:

- Kính gửi ông Thị trưởng Hà Nội,

Bộ Tuyên truyền của Chính phủ Lâm thời sẽ tổ chức ngày 2.9.1945 một "Ngày Độc lập."

Muốn cho ngày ấy có một tính cách thiêng liêng, Ban tổ chức chúng tôi yêu cầu Ngài hạ lệnh cho các chùa chiền, nhà thờ cho mở cửa, quét tước sạch sẽ và đốt trầm hương suốt ngày hôm ấy để mừng Ngày Độc lập.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang"

Một thư khác của Ban Tổ chức "Ngày Độc lập" thuộc Bộ Thông tin và Tuyên truyền, đề ngày 31.8.1945.

Hình thức và con dấu như trên. Nội dung thư:

- Kính gửi ông Thị trưởng Hà Nội,

Nhân "Ngày Độc lập", chúng tôi yêu cầu Ngài cho treo cờ ở vườn hoa Ba Đình và hai bên những phố lân cận. Còn về lễ chào Quốc kỳ, chúng tôi nhờ Ngài cho sửa soạn cho chúng tôi một chiếc cột cao 12 thước tây đủ cả giây và bánh xe (poulie); sẽ có chỉ thị về chỗ dựng cột cho phu toà Thị chính.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang"

Một thư khác, hình thức, tiêu đề và con dấu giống hai bức thư trên, với nội dung:

- Kính gửi ông Thị trưởng Hà Nội,

Muốn cho Ngày Độc lập tổ chức vào ngày 2.9.1945 tới đây được hoàn hảo, chúng tôi yêu cầu Ngài thông báo ngay cho các Phố trưởng để các ông ấy báo tin cho các nhà trong khu vực mình biết rằng Cụ nào trong nam giới hay nữ giới muốn đi dự lễ ấy sẽ đến họp ở Hội quán Khai trí hồi 13 giờ trước khi đi lên vườn hoa sau Sở tài chính.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang"

Sau khi đọc kỹ những tư liệu trên, tôi suy luận: ông Nguyễn Hữu Đang là Trưởng ban tổ chức Ngày Độc lập, vậy chắc ông phải biết ai là tác giả công trình kiến trúc Lễ đài. Cần phải tìm gặp ông để hỏi cho ra.

*

Anh Nguyễn Hữu Đang thì tôi được biết mặt từ mấy chục năm trước, nhưng rất ít khi được chuyện trò với anh. Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sướng mê người, đầu không khiến mà chân cứ rụt về tư thế đứng nghiêm,

Hai bà Phùng Quán và Phùng Cung "thay mặt chồng chít khăn tang" viếng Nguyễn Hữu Đang.
(Hình Nguyễn Đình Toán - Hà Nội)

như ngày còn làm trinh sát mỗi lần được Chính uỷ Sư đoàn hỏi chuyện. Tôi nghĩ bụng: Tôi là cái thá gì mà được một người như Nguyễn Hữu Đang hỏi chuyện? Nguyễn Hữu Đang, người tham gia hoạt động cách mạng từ khi tôi chưa đẻ; nhà hoạt động báo chí công khai của Đảng cùng thời với Trường Chinh, Trần Huy Liệu; một trong những người tổ chức và lãnh đạo chủ chốt của Hội Truyền bá Quốc ngữ cùng thời với Phan Thanh, cụ Nguyễn Văn Tố. Một trong những người sáng lập và tổ chức Hội Văn hoá Cứu quốc cùng với Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi. Và cuối cùng là Trưởng ban Tổ chức ngày Đại lễ của Đất nước: 2-9-1945.

Cách đây khoảng mười lăm năm, anh từ cao nguyên Hà Giang trở về, tá túc tại quê nhà. Hàng năm vào dịp giáp Tết, lại thấy anh đáo lên Hà Nội trên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô (cũ). Anh mang đến cho mấy bạn cũ mỗi người một cân gạo nếp. Một lần tôi cũng được anh cho một cân. Tôi cảm động và ngạc nhiên hỏi anh: "Anh kiếm đâu ra gạo nếp mà cho chúng em thế?" Anh cười: "Mình sống ở nông thôn cũng phong lưu ra phết. Không những có gạo nếp biếu bạn, lại còn có cả thóc và rơm cho nông dân vay." - "Hiện nay anh đang làm gì ở dưới đó?" "Mình nghiên cứu Lão Trang và dịch lại cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên xô qua bản tiếng Pháp. Đối chiếu thấy bản dịch đã in sai nhiều quá" [3].

Hai năm trở lại đây không thấy anh lên Hà Nội nữa. Mấy anh em quen cũ chúng tôi hỏi nhau: "Không biết anh Đang có gặp chuyện gì trắc trở dưới đó không?"

Nỗi lo lắng này thường xuyên ám ảnh tôi. Nhân thể tôi muốn tìm hiểu về công trình Lễ đài Độc lập, năm đó tôi nhất quyết phải về thăm anh, mặc dầu đã gần giáp Tết. Tôi nói khó với vợ: "Em bớt cho anh một phần lương hưu tháng này; lấy tiền tàu xe, ăn đường, về Thái Bình tìm thăm anh Đang..." "Nhưng tết nhất đến nơi rồi, chờ ra giêng anh đi có được không?" "Anh bỗng nhiên thấy nóng ruột quá... đợi đến ra giêng e chậm mất. Anh Đang đã gần cái tuổi tám mươi, mà lại một thân một mình..." "Anh có biết địa chỉ của anh Đang không?" "Anh chỉ biết anh ấy ở Thái Bình, địa chỉ cụ thể thì không biết" "Cả cái tỉnh Thái Bình rộng mênh mông với hơn hai triệu dân, không có địa chỉ cụ thể làm sao anh tìm được?" "Trời đất! Một người như anh Nguyễn Hữu Đang thì anh tin rằng về dưới đó hỏi đứa con nít nó cũng biết." Vợ tôi đành trao cho tôi nửa số tiền lương hưu tháng cuối năm vừa lĩnh, với vẻ mặt nhẫn nhịn của người vợ phải trao cả một nửa sản nghiệp cho chồng tiêu hoang vào một việc

không đâu! Tôi vội nhét mấy tờ giấy bạc vào túi, nhảy lên xe đạp, cắm đầu đạp thẳng ra ga vì sợ vợ thay đổi ý kiến.

Vừa đi tàu, vừa ô-tô, xe đạp... sáng 26 Tết, tôi có mặt tại thị xã Thái Bình. Để đỡ bớt thì giờ tìm kiếm, tôi hỏi đường đến Sở văn hoá và Hội văn nghệ tỉnh, hỏi địa chỉ của anh. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy nhiều anh chị em cán bộ ở hai cơ quan này không biết Nguyễn Hữu Đang là ai. Có vài người biết nhưng lại rất lơ mơ: "Hình như ông ta ở Quỳnh Phụ, Kiến Xương hay Tiền Hải gì đó..." Ở Hội văn nghệ tỉnh, tôi làm quen với một nhà thơ trẻ. Khi biết rõ ý định của tôi, anh hăng hái nói: "Cháu sẽ đưa chú ra cái quán thịt chó nổi tiếng, ở đó thường có mấy anh cán bộ về hưu, chắc sẽ hỏi ra." Đến quán thịt chó, tôi đành móc số tiền còm cõi trong túi, gọi một đĩa thịt chó luộc và hai chén rượu cho phải phép. Đợi chừng nửa tiếng, có một người đứng tuổi để chiếc xe cúp trước cửa, đi vào quán. Nhà thơ trẻ bật dậy nói với tôi: "Ông này ở cơ quan an ninh tỉnh, hỏi chắc biết." Tôi vội níu tay anh lại, dặn nhỏ: "Cậu đừng giới thiệu mình là ai, sẽ rách việc." "Biết rồi, biết rồi, chú không phải dặn." Anh bạn trẻ đi đến gặp anh ta, nói cái gì đó, và chỉ tay về phía tôi. Anh cán bộ an ninh tươi cười bắt tay tôi, ngồi đối diện và niềm nở hỏi: "Xin lỗi cụ, năm nay cụ hưởng thọ bao nhiêu tuổi ạ?" Tôi đoán chắc anh ta thấy tôi ăn vận nhếch nhác — áo quần bà ba nâu, chân dép lốp — râu tóc bạc trắng, nên hỏi vậy. Tôi liền nói phứa lên: "Cám ơn đồng chí — tôi cười — cũng thất thập cổ lai hi [4] rồi đồng chí ạ." "Trước cụ công tác ở đâu ạ?" "Tôi làm thường trực cho một cơ quan thương nghiệp trên Hà Nội... về hưu đã gần chục năm rồi." "Cụ là thế nào với ông Nguyễn Hữu Đang ạ?" "Tôi có quen biết gì ông ta đâu. Thậm chí cũng chưa biết mặt. Chẳng là ở tổ hưu của tôi có một cụ nghe đâu hồi bí mật cùng hoạt động với ông ta. Biết tin tôi về thăm đứa cháu họ công tác giáo viên ở Quỳnh Côi, ông cụ gửi tôi mười ngàn bạc để biếu ông ấy, mà giao hẹn phải đưa tận tay. Tôi tưởng ông ấy ở thị xã, hỏi loanh quanh mãi không ai biết..." Anh cán bộ cười: "Ông ấy đâu có ở thị xã. Hiện ông ấy đang ở thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương... cách đây gần hai chục cây số. Ngược gió này mà cụ đạp xe về đó cũng vất vả đấy..." Thấy tôi chăm chú lắng nghe, anh cán bộ trở nên cởi mở: "Nói để cụ biết, trước kia cái ông Đang ấy cũng là người hoạt động cách mạng có tên tuổi... Nhưng rồi ông ta giở chứng, làm báo làm văn chống đối Đảng và Nhà nước, bị xử phạt 15 năm tù ngồi, đưa lên giam trên trại tù Hà Giang. Mãn hạn tù, ông ta xin về cư trú tại quê quán. Tuy vậy (cách đây mấy năm ông Đang này tự tiện đi) sang Nam Định không có giấy đi đường, đến nhà một đối tượng mà công an đang theo dõi. Công an hai tỉnh liền phối hợp, hỏi giấy tờ đi đường của ông ta, rồi bắt giam giữ bốn tháng ở nhà lao hai tỉnh để cảnh cáo, và tổ chức khám nhà. Sau đó thả cho về..." Tôi tỏ ý sợ hãi gãi đầu gãi tai: "Chà... biết rắc rối thế này thì tôi chẳng gặp ông ấy nữa... đem tiền về trả lại thôi..." Anh cán bộ xuê xoa: "Không sao đâu cụ ạ, chính sách của ta bây giờ là đổi mới tư duy. Nghe đâu trên cũng đang sửa soạn cho ông ấy được hưởng lương hưu. Nếu cụ muốn về thăm ông ấy, cứ việc về. Tôi sẽ chỉ đường cho cụ." Anh cán bộ chấm ngón tay vào li rượu, vẽ lên mặt bàn, chỉ vẽ cho tôi rất cặn kẽ con đường từ thị xã về chỗ anh Đang tá túc. Tôi đứng lên rối rít cảm ơn anh...

*

Con đường đá mười mấy cây số chi chít ổ gà. Gió cuối đông buốt như kim châm táp thẳng vào mặt. Nhưng vừa đạp xe tôi vừa nghĩ ngợi miên man về sự thăng trầm của những kiếp người tình nguyện dấn thân vì nghĩa lớn, nên con đường cũng như bớt xa... Đến chỗ ngã ba rẽ vào trường phổ thông cấp I, II xã Vũ Công — Nơi anh Đang tá túc — tôi vào cái quán bên đường uống li rượu cho ấm bụng. Ông cụ chủ quán khi biết tôi từ Hà Nội về tìm thăm anh Đang, rót rượu tràn li và nói: "Ông ấy thỉnh thoảng vẫn ngang qua đấy, tôi đều mời vào uống nước. Ông ấy tằn tiện khét tiếng cái xã Vũ Công này. Mới cách đây dăm hôm, ông ấy đèo sau xe cái rổ tre ràng buộc rất kỹ. Ông ấy kể với tôi tối qua bắt được con rắn gì dữ lắm, phun phè phè bò vào nhà mình. Định làm thịt ăn nhưng tiếc, chở lên chợ bán cho một tay buôn rắn độc, kiếm lấy mấy nghìn mua mấy lạng mỡ lá..." Tôi bật phì cười: "Ông ấy bây giờ lại thêm cái tài bắt rắn độc, mà mất công đạp xe mini những mười mấy cây số để đổi lấy mấy lạng mỡ lá... Vui thật! Tôi có người bạn làm thơ tên là Tuân Nguyễn, chết lâu rồi, làm câu thơ nghe thật vô nghĩa, nhưng cứ bất chợt hiện ra trong trí nhớ tôi: Cuộc đời vui quá không buồn được!" Ông chủ quán rót thêm li rượu nữa, giọng

Phùng Quán và vợ, bà Vũ Thị Bội Trâm

hào hiệp: "Li này tôi đãi cụ!... Mà khổ, ông ấy có bán được đâu. Chiều tối ông ấy đạp xe về phàn nàn: nó không chịu mua, nó bảo loại rắn này không nằm trong bộ tam xà!" Tôi cười ngất.

Anh Đang ở gian đầu hồi cái nhà bếp của khu tập thể giáo viên, trước mặt là ao cá Bác Hồ của xã. Đứng bên kia bờ ao, một cô giáo chỉ cho tôi: "Bác ấy đang ngồi ở bậc cầu ao kia kìa! Đang cọ rửa cái gì mà chăm chú thế không biết..." Tôi dắt xe đạp qua sân trường, vòng ra sát sau lưng anh. Anh đang dùng nắm rơm cọ rửa những viên gạch vỡ đôi, xếp thành chồng cao cạnh chỗ ngồi. Tôi đứng lặng nhìn anh. Đầu anh đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thủng be bét, quần lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm vòng hai dây cao su đen nom như vòng cùm sắt; chắc hẳn để nhét hai ống quần vào đó chống rét, lưng anh không hình chữ C viết nghiêng... Tôi chợt nhớ cách đây rất lâu, tôi được nghe những người cùng thời với anh kể. Hồi Mặt trận Bình dân, Nguyễn Hữu Đang là cán bộ Đảng được cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như công tử loại một của Hà thành, thất cà vạt đỏ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện, tuyên truyền cách mạng... Mỗi lần cách mạng cần tiền để hoạt động, Nguyễn Hữu Đang có thể đến bất kì một nhà tư sản Hà Nội nào giàu có, vay vàng, tiền. Mà những người này trao vàng, tiền cho anh đều không đòi hỏi một thứ giấy tờ gì, vì họ tin sâu sắc rằng trao vàng, tiền cho anh là trao tận tay cho cách mạng... Và bây giờ, anh ngồi đó, gần tám chục tuổi, không vợ, không con, không cửa không nhà, lưng khòng chữ C viết nghiêng, tỉ mỉ cọ rửa những viên gạch vỡ - chẳng hiểu để làm gì — như người bõ già trong truyện -Hương cuội" của Nguyễn Tuân cọ rửa những viên cuội trắng để tẩm kẹo mạch nha vào dịp tất niên... Miên man nghĩ như vậy và tôi bật phì cười... "Anh Đang!", tôi nghẹn ngào gọi. Anh quay lại, chớp chớp mắt, răng vàng sỉn, cùn mòn gần nửa vì năm tháng... "Phùng Quán! Chú về đây từ lúc nào thế?" Hai anh em chúng tôi ôm chặt nhau giữa bậc cầu ao. Và cả hai gương mặt già nua phút chốc đẫm lệ...

*

Cái chái bếp căn hộ độc thân của anh rộng chỉ khoảng 5 mét vuông, chật kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, treo vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như giẻ lau bát, áo may-ô thủng nát, quần lao động vá víu. Cạp quần đeo lủng lẳng một chùm lục lạc làm bằng vỏ hộp dầu cao Sao vàng xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi nhỏ. Đụng vào, chùm lục lạc rung lên leng keng, nghe rất vui tai. Sau đó tôi được anh giải thích tác dụng của chùm lục lạc: Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, anh thường bị cánh thanh niên đi xe đạp, xe máy phóng ẩu đâm sầm vào, làm anh ngã trẹo tay, sầy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc, treo mõ vào cổ trâu — trâu gõ mõ, chó leo thang — anh Đang chế chùm lục lạc đeo vào cạp quần, báo hiệu có người để họ tránh xe. Tác dụng thứ hai, quan trọng không kém... Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong coong ngang thắt lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ cô độc. Chính giữa gian chái kê cái tủ gỗ tạp nhỏ, hai cánh mọt ruỗng không khép kín được, khoá một chiếc khoá lớn như khoá nhà kho. Trên nóc tủ, xếp một chồng mũ cối, mũ vải, mũ lá mà ở Hà Nội người ta thường quẳng vào các đống rác. Cạnh tủ là một cái giường cá nhân, bốn chân giường được thống cố thêm bốn chồng gạch. Trên giường một đống chăn bông trần rách thủng, và một xấp quần áo cũ làm gối... Sát chân giường kê chiếc bàn xiêu vẹo chỉ có hai chân, hai chân kia được thay bằng hai sợi dây thép buộc treo vào tường. Anh nói, giọng Lão Trang: "Một cái bàn bốn chân là một con vật. Khi nó chỉ còn hai chân nó là một con người." Trên mặt bàn xếp kín

các chai lọ, vỏ đồ hộp, vài con dao làm bằng mẩu thép vụn. Anh chỉ vào vài cái "hòm" được xếp bằng những viên gạch vỡ, như thuyết minh viên giới thiệu hiện vật trong bảo tàng nghệ thuật: "Nó là loại gạch nung rất già, gần đạt tới tiêu chuẩn của sành sứ cổ, sức nặng và độ bền của nó làm cho các loại chuột, mối, dán phải vị nể." Bây giờ tôi mới hiểu anh cọ rửa những viên gạch vỡ để làm gì. Dưới gầm bàn là mấy chục đôi dép cao su hư nát, đứt quai, được bó thành từng bó, hai cái vại muối dưa rạn nứt, sứt miệng, một đống bản lề cửa, sắt vụn, đinh còng queo, mẩu dây thép han rỉ... Tất cả những đồ lề đó, phủ lên một lớp bụi tro... Lúc tôi bước vào, gian buồng mờ mịt khói. Anh giải thích: "Giờ này các cô giáo nấu ăn. Bếp tập thể ở sát bên kia tường. Tôi đã trộn rơm với bùn trát những khe hở sát mái, nhưng khói vẫn cứ lọt sang — anh cười - Chịu khói một chút nhưng cũng có cái lợi. Thỉnh thoảng lại được ngửi mùi xào nấu lẫn với khói, cái mũi được bồi dưỡng. Trong việc dở nào cũng có việc hay, và ngược lại." "Để em đạp xe ra chợ mua cái gì về ăn." "Thôi khỏi cần. Chú về chơi hôm nay là rất gặp may. Sáng nay tôi vừa chế biến được một mẻ thức ăn ngon vô địch. Chú nếm rồi sẽ biết. Cơm cũng có sẵn rồi. Tôi mới nấu lúc sáng, ủ vào lồng ủ rơm, còn nóng nguyên. À, tôi lại có cả rượu cho chú, rượu cam hẳn hoi, quà của Hội Nhà văn gửi biếu vào dịp Tết năm ngoái... Tôi chỉ mới mời mấy thầy giáo mấy chén, còn đủ cho chú say sưa suốt mấy ngày ở chơi". Anh xăng xái lấy chùm chìa khoá buộc chung với chùm lục lạc, mở khoá tủ tìm chai rượu. Tôi liếc nhìn vào mấy ngăn tủ. Những xấp quần áo cũ nát để lẫn với những chồng báo, giấy má, sách... ố vàng. Ngăn dưới cùng để rất nhiều chai lọ, vỏ đồ hộp, vỏ lon bia, và nhiều chồng các loại bao thuốc lá. Anh lúi húi tìm một lúc khá lâu mới lôi ra được chai rượu cam còn già nửa: "Đây rồi! Bây giờ già hoá ra lẩm cẩm. Để chỗ này lại tìm sang chỗ kia". Tôi cười, nói: "Nhìn anh, em cứ tưởng là một nhà quí tộc Nga thời Sa Hoàng, tự tay tìm chọn loại rượu quí cất giữ một trăm năm trong hầm rượu, để đãi khách quí". Tôi chỉ những chồng vỏ bao thuốc lá, hỏi: "Anh chơi sưu tập vỏ bao thuốc lá à? Thế mà vợ em ở nhà khi em hút xong, cô ấy phải dọn nhặt đem đốt." Anh kêu lên: "Thế có tiếc không! Lần này chú về trên đó nhớ dặn cô, có vỏ bao thuốc là ngoại cứ cất giữ cho anh Đang, càng nhiều càng tốt. Nó là hàng đối lưu của tôi đấy..." "Hàng đối lưu?", tôi ngạc nhiên hỏi. "Để tôi dọn cơm cho ăn rồi tôi giảng cho chú nghe thế nào là hàng đối lưu. Tôi xem ra chú mù tịt về môn kinh tế chính trị học." Tôi ngắm nhìn căn hộ độc thân đầy khói của anh, hỏi: "Hơn mười lăm năm qua anh vẫn sống ở gian buồng này à?" "Ngày tôi mới về xã, tôi sống ở trại lợn của Hợp tác xã. Chẳng là cán bộ xã cũng thông cảm hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên đề nghị tôi ra đó trông coi giúp như nhân viên thường trực của trại. Ở đó một thời gian. Nhà kho cũng thoáng mát, tôi có thể ăn ở, đọc sách, viết lách kết hợp với trông coi trại. Mỗi mùa hợp tác xã trả công điểm mấy chục cân thóc, mấy chục cân rơm làm chất đốt. Số thóc, rơm này tôi không phải dùng đến, trong mấy năm tiết kiệm được hai ba tạ thóc, hai trăm sáu chục cân rơm cho bà con vay. Ngoài ra, vào dịp tết, Hợp tác xã bồi dưỡng thêm ít thóc nếp, đem lên Hà Nội biếu các chú... Khi bắt tay vào việc dịch thuật lại cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, tiếng lợn kêu âm ĩ quá làm tôi mất tập trung tư tưởng, nên phải xin thôi công việc trông coi trại, chuyển về đây để được yên tĩnh hơn."

Anh lôi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thủng đáy, đặt lên miệng xô tấm gỗ dán. "Đây là bàn ăn — anh giới thiệu và vần tiếp ra hai cái vại muối dưa sứt miệng — Còn đây là ghế ngồi. Bà con nông dân mình nghèo mà phí phạm thế đấy. Hai cái vại còn tốt như thế này mà đem quẳng bụi tre... Tôi nhặt về, cọ rửa sạch sẽ, lật đít lên, làm thành cái ghế ngồi vừa vững chãi lại vừa mát. Chú ngồi thử mà xem, có khác gì ngồi trên đôn sứ đời Minh?" Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đậy viên gạch vỡ gắp ra năm sáu viên gì đó tròn tròn, đen xỉn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào một đĩa, giới thiệu thực đơn: "Đĩa này là chả cóc, đĩa này là chả nhái. Nhờ ăn thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khoẻ, còn khoẻ hơn cả chú." Anh nhấc trong cái rổ phủ đầy rơm để ở góc nhà, xoong cơm đã ăn mất một góc mà anh giới thiệu vẫn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo rất đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc. "Ba năm trở lại đây, tôi phải ăn cơm nhão, nếu ăn cơm khô thì bị nghẹn. Tôi nấu cơm với nước vo gạo nên rất bổ. Chẳng là các cô giáo thường bỏ phí nước vo gạo. Tôi đưa cho các cô cái chậu, dặn đổ nước vo gạo vào đấy cho tôi, để tôi chắt ra nấu lẫn với cơm. Tinh tuý của gạo nằm trong nước

vo, bỏ đi thật phí phạm." "Nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng được thường xuyên thế?", tôi hỏi. "Ấy chỗ này mới là bí quyết. Phải huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, nhất là các loại vỏ bao đẹp. Mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi đều nhặt nhạnh về, đổi cho các cháu lấy cóc, nhái. Cũng đề ra tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số [5] đổi ba con cóc hoặc năm con nhái. Các loại khác hai cóc, ba nhái. Bởi vậy tôi mới nói là hàng đối lưu, chú hiểu chưa. Mỗi tháng tôi chỉ cần ba bốn chục cái vỏ bao là thừa chất đạm, mà là loại đạm cao cấp... Hôm nào chú về tôi gửi biếu cô, chú Cung [6], mỗi nhà mấy viên nếm thử. Cô chú ăn thịt cóc của tôi rồi sẽ thấy các thứ thịt khác đều nhạt hoét!"

Nguyễn Hữu Đang 1994

Anh rót rượu, chọn gắp viên chả cóc, nhái bỏ vào bát cho tôi, ân cần, âu yếm, trang trọng, làm tôi ứa nước mắt. Anh hỏi: "Chú đi đâu mà lại lặn lội về tận đây, vào lúc tết nhất sắp đến nơi?" "Em về đây chỉ một mục đích là thăm anh. Hơn hai năm nay không thấy anh lên Hà Nội, chúng em rất lo. Không biết anh ốm đau gì, liệu anh có còn sống không? Về đây thấy anh vẫn khoẻ mạnh, em rất mừng... Anh là nhân chứng của một quá khứ hào hùng của đất nước. Nếu anh chết đi, tàn lụi như cỏ cây, không nhắn gửi gì lại cho các thế hệ sinh sau, theo em là một tổn thất không gì bù đắp được..." Tôi lấy đưa anh xem số tài liệu liên quan đến ngày Đại lễ mồng 2 tháng 9 năm 1945, vừa sao chụp: " Em suy luận ra anh là Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập như trong tư liệu hiện còn giữ được. Em muốn được tận tai nghe anh kể lại những kỉ niệm, những hồi ức mà anh cho là sâu sắc nhất... mà nếu anh không dùng đến thì cho em xin."

Anh im lặng rất lâu, dùng đũa tém lại những mảnh vụn thịt cóc, nhái trong đĩa, gắp bỏ vào bát mình những mảnh khác rớt xuống mâm ván. Anh chăm chú nhìn vào cái đĩa đã tém gọn, như đang gắng đọc những hồi ức in lại trong lớp men sành... Anh chợt nói, mắt vẫn không rời cái đĩa:

"Thấm thoắt thế mà đã bốn mươi bảy năm trôi qua... Tôi còn nhớ như in ngày hôm đó là ngày 28 tháng 8... Tại sao tôi nhớ, vì đó là thời khắc lịch sử phải được tính từng phút một... Năm đó tôi bước vào tuổi băm ba. Chính phủ cách mạng lâm thời họp tại Bắc Bộ phủ, để quyết định ngày lễ ra mắt quốc dân đồng bào... Hôm đó, tôi có việc cần phải giải quyết gấp, nên đến nơi thì phiên họp vừa giải tán. Vừa bước lên mấy bậc thềm thì thấy cụ Nguyễn Văn Tố từ trong phòng họp đi ra. Cụ mừng rỡ chụp lấy tay tôi, nói: "Anh vào ngay đi, cụ Hồ đang đợi anh trong đó." Tôi theo cụ Tố vào phòng họp. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp mặt ông Cụ. Ông Cụ ngồi ở ghế tựa, mặc bộ quần áo chàm, tay chống lên ba toong. Cụ Tố kéo tôi lại trước mặt Cụ, giới thiệu: "Thưa Cụ, đây là ông Nguyễn Hữu Đang, người mà phiên họp quyết định cử làm Trưởng ban Tổ chức ngày lễ." Cụ Hồ nhìn tôi một lúc với cặp mắt rất sáng, cặp mắt mà về sau này nhân dân cả nước đồn rằng có bốn con ngươi — như muốn cân nhắc, đánh giá người mà Cụ quyết định giao trọng trách. Cụ hỏi tôi với giọng Nghệ pha, rất giống giọng cụ Phan Bội Châu mà có lần tôi đã được nghe: "Chính phủ lâm thời quyết định làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào vào ngày mồng hai tháng chín. Chú có đảm đương được việc tổ chức buổi lễ không?" Tôi tính rất nhanh trong đầu: tháng 8 có 31 ngày, như vậy là chỉ còn bốn ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong từng phút. Hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua... để tổ chức được một ngày đại lễ như vậy, trong khi mình chỉ có hai bàn tay trắng. Tôi nói với Cụ Hồ: "Thưa Cụ, việc cụ giao là quá khó vì gấp quá rồi." Cụ Hồ nói ngay: "Có khó thì mới giao cho chú chứ!" Anh Đang ngẩng phắt lên nhìn tôi. Vẻ già nua cùng quẫn trên con người anh như được trút bỏ hết. Dáng dấp oai phong, khí phách của người chiến sĩ cách mạng luôn luôn đứng ở hàng xung kích lại hiện nguyên hình.

"Như chú biết đấy - giọng anh vụt trở nên sang sảng — tôi là một nhà tuyên truyền, động viên thiên hạ, chuyên nghiệp. Thế mà lần này tôi lại bị ông cụ động viên một cách tài tình, bằng một lời thật ngắn gọn, giản dị! Nghe ông Cụ nói vậy lúc đó tôi thấy trong con người mình bừng bừng khí thế, muốn lập nên được những kì tích, những chiến công thật vang dội... Tôi nói với ông Cụ: "Thưa Cụ, Cụ đã nói như vậy con xin nhận nhiệm vụ. Con xin hứa sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành trọng trách." Cụ Hồ đứng lên, bắt tay tôi, dáng bộ, gương mặt nom rất vui vẻ, bằng lòng: "Thế thì chú trở về bắt tay ngay vào việc đi. Đến sáng ngày kia, chú đến đây báo cáo với tôi công việc được tiến hành như thế nào." Tôi chào Cụ, ra về, lòng rạo rực lâng lâng... Nhưng khi vừa bước xuống hết những bậc thềm rộng thênh thang của Bắc Bộ phủ, tôi chợt nghĩ ra một điều. Tôi liền quay trở lại phòng họp. Cụ Hồ vẫn còn đứng đó. Cụ hỏi ngay: "Chú còn cần gì nữa?" "Thưa Cụ, để hoàn thành trọng trách, xin Cụ trao cho con một quyền..." "Quyền gì, chú cứ nói đi!" "Thưa Cụ, quyền được huy động tất cả những gì cần thiết cho buổi lễ, về người cũng như về của..." "Được, tôi trao cho chú cái quyền đó. Nếu ai hỏi huy động theo lệnh của ai, cho phép chú được trả lời: Theo lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh!"

Công việc đầu tiên là tôi thảo một thông cáo ngắn gọn — anh gắp thêm mấy viên chả cóc trong bát hương, bỏ ra đĩa rồi kể tiếp - Nội dung như sau: ngày 2 tháng 9 năm 1945. Chính phủ cách mạng lâm thời sẽ làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào, tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình. Đồng bào nào có nhiệt tâm, muốn đóng góp sức, góp của vào việc tổ chức ngày lễ lịch sử trọng đại này, xin mời đến Hội quán Trí Tri phố Hàng Quạt gặp Ban tổ chức. Thông cáo được gửi ngay đến tất cả các báo hàng ngày, yêu cầu đăng lên trang nhất, với hàng tít thật lớn chạy hết trang báo. Sáng hôm sau, đồng bào tập hợp trong ngoài chật kín Hội quán. Người ghi tên vào các công tác, người góp tiền, góp vàng, góp vải vóc, gỗ ván. Nhiều người từ chối không lấy giấy biên nhận: "Biết bao anh hùng, liệt nữ đóng góp cho nền độc lập của dân tộc, đâu có lấy giấy biên nhận," họ nói vậy. Tôi mời mọi người dự cuộc họp chớp nhoáng, và đưa ra ý kiến: Việc cần thiết trước tiên là phải dựng một lễ đài Độc lập thật đẹp, thật lớn, thật uy nghi, xứng đáng với ngày lịch sử trọng đại này, tại trung tâm vườn hoa Ba Đình để Chính phủ cách mạng lâm thời đứng lên ra mắt. Vậy đồng bào nào hiện có mặt tại đây có thể đảm nhiệm trọng trách đó? Một người trạc ngoài ba mươi, ăn mặc lối nghệ sĩ, đeo kính trắng, bước ra nói: "Tôi là hoạ sĩ Lê Văn Đệ. Tôi xin tình nguyện nhận việc dựng lễ đài. Trưa nay tôi sẽ mang bản phác thảo lễ đài đến ban tổ chức xem xét." Tôi bắt tay hoạ sĩ, nói: "Tôi được biết tên tuổi anh từ lâu và cũng nhiều lần được xem tranh của anh. Tôi xin thay mặt Ban tổ chức hoan nghênh nhiệt tâm đóng góp của anh. Nhưng Lễ đài Độc lập là một công trình kiến trúc, tuy dựng gấp rút, tạm thời, nhưng phải đạt những tiêu chuẩn không thể thiếu của nó như sự vững chắc, sự hài hoà công trình với tổng thể... Nói ví dụ nếu như không vững chắc, mấy chục con người đứng lên, nó đổ sụp xuống thì ngày lễ coi như thất bại. Bởi vậy cần một kiến trúc sư phối hợp với anh." Một người trẻ tuổi ăn vận chỉnh tề, từ trong đám đông bước ra, tự giới thiệu: "Tôi là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh [7], cùng hoạt động trong Hội Văn hoá Cứu quốc với anh Phạm Văn Khoa. Hôm qua tôi được anh Khoa cho biết ý đồ của Ban tổ chức, tôi đã vẽ xong bản đề án thiết kế lễ đài." Anh Quỳnh trải cuộn giấy can cầm sẵn trên tay lên mặt bàn. Đó chính là toàn cảnh lễ đài Độc Lập mà sau này chú được nhìn thấy in hình trên báo chí. Bản vẽ thật đẹp, thật chi tiết, tỉ mỉ... Lễ đài với tổng thể vườn hoa Ba Đình, vị trí dựng lễ đài, chiều cao, chiều rộng, mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc lễ đài, độ lớn các xà gỗ, tổng diện tích mặt ván ốp lát v.v... Sau khi nghe anh Quỳnh thuyết trình, tôi xem xét, cân nhắc rồi đặt bút kí duyệt bản thiết kế, đóng dấu Ban tổ chức. Tôi nói với anh Lê Văn Đệ và anh Ngô Huy Quỳnh: "Ban tổ chức quyết định giao việc này cho hai anh. Các anh cần gì, chúng tôi sẽ lo chạy đầy đủ. Hiện nay chúng tôi có một kho ba ngàn thước len đỏ [8], cần dùng bao nhiêu các anh cứ lấy dùng. Lễ đài phải được dựng xong trong vòng 48 giờ đồng hồ. Đúng 5 giờ sáng ngày mồng 2 tháng 9, tôi sẽ đến nghiệm thu. Chúc các anh hoàn thành nhiệm vụ."

Sáng ngày 31 tháng 8, tôi đến Bắc Bộ phủ gặp Cụ Hồ như Cụ đã chỉ thị. Sau khi nghe tôi báo cáo ngắn gọn, đầy đủ về tất cả mọi việc có liên quan tới ngày lễ, Cụ nói giọng hết sức nghiêm trang: "Chú phải nhớ ngày Mồng hai tháng Chín tới sẽ là một ngày lịch sử. Đó là ngày khép lại cuộc Cách mạng tháng Tám, và

ngày khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà."

*

"Ông Đang ơi! Ông Đang ơi!", tiếng con nít gọi nheo nhéo ngoài cửa, ngắt ngang câu chuyện của anh. Tôi nhìn ra, thấy hai chú bé chạc chín, mười tuổi, mỗi chú cầm một cành tre, đầu cành tre thõng thượt một con rắn nước, mình nhỏ bằng chuôi dao, đầu bị đập dập còn rỉ máu tươi: "Ông có đổi rắn nước không ạ?" Anh Đang bỏ đũa bước ra cửa, xem xét cẩn thận hai con rắn nước, rồi hỏi: "Các cháu định đổi như thế nào?" "Ông cho cháu mỗi con hai cái vỏ bao ba số." "Các chú đừng có giở thói bắt chẹt," giọng nói và dáng bộ của anh đã chuyển sang giọng của dịch vụ đổi chác, "Mỗi con rắn này chỉ giá trị bằng hai con cóc. Nhưng thôi, thì ông cũng đành chịu thiệt vậy, mỗi con một vỏ bao ba số, các chú có đổi thì đổi, không đổi thì thôi." Hai chú bé ngần ngừ một lúc, rồi nói: "Chúng cháu đổi ạ." Anh quay vào mở khoá tủ, chọn lấy ra hai cái vỏ bao ba số, đưa cho mỗi chú một chiếc, và cầm lấy hai con rắn. Hai chú bé cũng xem xét hai cái vỏ bao cẩn thận không kém ông Đang xem xét hai con rắn. Một chú nói: "Ông đổi cho cháu cái vỏ bao khác, cái này bên trong không có tờ giấy vàng." Anh cầm lấy cái vỏ bao xem lại, cười: "Được, ông sẽ đổi cho vỏ bao khác. Sau này chú mà làm cán bộ thu mua thì Nhà nước sẽ không phải chịu thua thiệt."

Anh cầm hai con rắn bỏ vào cái rổ con ở góc nhà, mặt tươi hẳn lên, như người buôn bán vừa vớ được món hời: "Thịt rắn còn bổ hơn thịt nhái. Tối mai tôi sẽ đãi chú món rắn om riềng mẻ. Ăn vào chú sẽ khoẻ, bơi qua sông không cần phà Tần Đệ."

*

Tôi ở lại chơi với anh Đang ba ngày, thuê một anh phó nháy ở xã trên xuống chụp mấy pô ảnh làm kỉ niệm. Bữa cơm tiễn tôi, anh có vẻ buồn. Vừa dùng đũa tém tém mấy khúc rắn om mặn chát nổi muối trong đĩa, anh vừa nói: "Hiện nay tôi đang cố gắng hoàn thành thiên hồi ký thuật lại tất cả những gì có liên quan đến thế sự, kể từ khi tôi bước chân vào con đường hoạt động cách mạng cho đến những năm tháng gần đây... Trong hồi ký, tơi sẽ đề cập đến những việc mà từ trước đến nay tôi chưa hề tiết lộ với ai. Ví dụ như bản thảo "Tuyên ngôn Độc lập" Cụ Hồ viết... còn hay mất, nếu còn thì bây giờ đang ở đâu. Hoặc cụ định sửa hai câu trong bản "Tuyên ngôn," nhưng không kịp vì bản chính đã đưa in mất rồi. Là Trưởng ban Tổ chức ngày lễ, tôi phải phụ trách việc in ấn những tài liệu có liên quan đến vận mệnh đất nước này, nhưng ... như chú biết đấy, hiện nay trong Bảo tàng Hồ Chí Minh cũng như Bảo tàng Lịch sử, không có bản thảo "Tuyên ngôn Độc lập" ... Tôi sợ sẽ làm không kịp mất, gần tám chục tuổi đầu rồi còn gì, mà lại không có điều kiện làm việc, ban đêm coi như chịu chết,

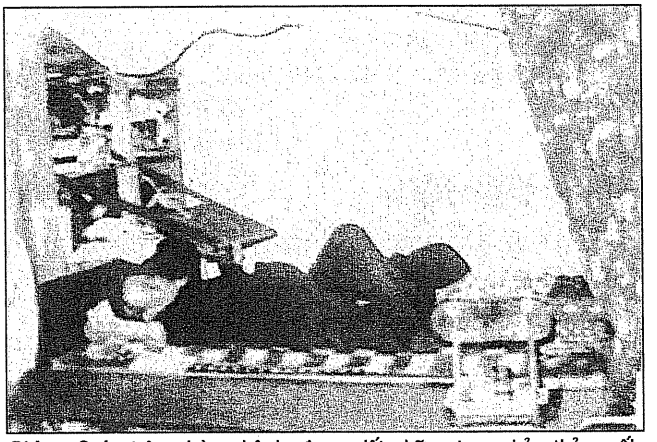

Phùng Quán trên giường bệnh, đang viết những trang bản thảo cuối cùng (1-1995)

đèn đóm tù mù, đúng là đóm thật"... Anh im lặng một lúc lâu, rồi ngẩng lên nhìn tôi, hỏi tiếp: "Chú có biết điều lo lắng nhất của tôi hiện nay là gì không?", không đợi tôi đoán, anh nói luôn: "Tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì tôi ở nhờ nhà ai chẳng được, ở đây cũng như ở trên Hà Nội... Nhưng lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột rà máu mủ lại nằm chết trong nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền đến nhà trường, các thầy các cô, các cháú học sinh... Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà Nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết... Chú ra đây tôi chỉ cho, đứng ở đây cũng nhìn thấy..."

Tôi theo anh ra đứng trên cái trụ xi măng cầu ao cá. Gió mùa đông bắc lạnh thấu xương thổi thốc vào mặt hai anh em. Anh chỉ tay về phía một bụi tre gần cuối xóm, đơn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vã trong gió buốt. "Đấy, dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trũng

nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người tôi... Tôi sẽ nằm đó chết để khỏi phải phiền ai... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó, trước khi nhắm mắt xuôi tay..."

Trở vào nhà, cả người tôi nổi gai, ớn lạnh, chắc là bị cảm... Tôi dốc hết rượu ra bát uống ực một hơi chống lạnh. Rượu vào lời ra, tôi cất giọng ngâm to mấy câu thơ của Phùng Cung gửi tôi mang về tặng anh:

Mặt ra giông chớp
Rạc mái phong lưu
Gót nhọc men về thung cũ
Quỳ dưới chân quê
Trăm sự cúi đầu
Xin quê rộng lượng
Chút thổ phần bò xéo cuối thôn!

Phùng Quán
(Tháng 12.1992)

PHẦN VIẾT THÊM

Nấn ná mãi, sáng 27 Tết tôi phải rời thôn Trà Vy trở về Hà Nội. Đạp xe ngược gió trên con đường đất sống trâu dọc bờ sông Máng, tơi bỗng thấy lạnh kinh khủng. Hai ba lần, tôi ngoái lại nhìn làn khói mỏng trên cái chái bếp, bên dưới làn khói đó là một bậc hào kiệt của đất nước đang ngồi trầm tư vì thế sự giữa một đống giẻ rách dép lốp đứt quai, đinh cong queo, chai lọ bụi bám đầy, những cái vỏ lon bia, những mẩu sắt han rỉ chẳng biết để làm gì. Hai mắt tôi tự nhiên cay lệ. Tôi chỉ muốn quay xe lại với anh nhưng sợ anh mắng. Từ chiều hôm qua, anh giục tôi suốt: «Sáng mai chú phải về. Tết nhất đến nơi. Chú không thể để cô ấy cúng tất niên một mình như cảnh nhà những người góa bụa cơ đơn...»

Đăm đăm nhìn anh, tôi tự hỏi: «Trên thế gian này, không còn ai cô đơn hơn anh?» Tôi khẩn khoản: «Anh cùng về Hà Nội với em, ăn Tết cùng với nhà em, anh Cung có vui hơn không?» – "Chú cứ về trước đi, chậm lắm sáng mồng hai Tết, tôi sẽ có mặt ở nhà chú hoặc ở nhà chú Cung.» – «Nhưng anh còn vướng víu gì ở đây mà không về cùng với em được?» « – Chuyến này lên Hà Nội tôi sẽ ở lại. Tôi muốn tìm gặp lại anh em thời Truyền bá quốc ngữ xem ai còn ai mất, liên hệ với những anh em hiện đang sống ở nước ngoài như Hoàng Xuân Hãn. Ông ta có công lớn lắm đấy. Ông được Hội giao soạn thảo học chữ quốc ngữ theo lối mới, làm sao cho dễ học, dễ thuộc, dễ nhớ và ông đã soạn thảo rất thành công. Tài tình nhất là ông đã vần vè hóa được cách nhận diện các chữ cái:

i tờ giống móc cả hai
i ngắn có chấm tờ dài có ngang
hoặc:
o tròn như quả trứng gà
ơ thì đội mũ, ơ là thêm râu

Tôi ngạc nhiên: "Hồi còn giữ trâu ở làng quê, em học truyền bá quốc ngữ cũng thuộc lòng những câu vần vè đó. Nhưng em thật không ngờ tác giả của nó lại là nhà toán học nổi danh Hoàng Xuân Hãn." "– Đó chính là tấm lòng thương nước, thương dân của người trí thức chân chính." Anh nói thêm: "Tấm lòng của họ đối với nước, với dân trong suốt như thuỷ tinh, không gợn chút bọt đặc quyền đặc lợi. Lần này lên Hà Nội, tôi có một mục đích là tổ chức một cuộc gặp gỡ những người trước đây tham gia Hội Truyền bá quốc ngữ. Chúng tôi sẽ ôn lại hồi ức và viết hồi ký. Mà muốn làm như vậy thì phải có

(Bài viết đến đây thì dừng vì Phùng Quán bệnh nặng không còn sức để viết tiếp.) *

(*) Bài viết trên được Phùng Quán viết xong tháng 12.1992, đến tháng 1.1995, trong lúc nằm trên giường bệnh, chưa hài lòng với những gì đã viết, Phùng Quán viết thêm bằng bút chì trong tư thế nằm ngửa viết lên giấy đặt dưới tấm ván treo úp xuống trước mặt ở đầu giường. Đây chính là những dòng cuối cùng của Phùng Quán. Di cảo do bà Vũ Thị Bội Trâm, vợ nhà văn Phùng Quán cung cấp. (Phần viết thêm này lấy từ cuốn Phùng Quán, ***Ba phút sự thật***, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 2006).

Chú thích

[1] Chú thích của Diễn Đàn: Bản in này căn cứ vào bản sao ảnh bản thảo 19 trang viết tay của Phùng Quán, Một vài trang chụp thiếu một hai dòng chót. Chúng tôi phải ghi (...mất một dòng...), hoặc khôi phục đoạn câu bị mất đi, nhưng vẫn để trong ngoặc. Xin bạn đọc và tác giả lượng thứ.

[2] Chú thích của tác giả: Thơ Tố Hữu

[3] Chú thích của Diễn Đàn: Đây là cuốn viết lại lịch sử do Stalin chủ biên. Bản dịch ở đây ắt là bản dịch do Nhà xuất bản Sự thật Hà Nội ấn hành, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dịch cuốn này ở hang Pắc bó. Không rõ hai bản dịch này có phải là một hay không.

[4] Chú thích của Diễn Đàn: Bảy mươi tuổi xưa nay hiếm, thơ Đỗ Phủ, Cụ Hồ đã trích dẫn câu này trong Di chúc 1969.

[5] Chú thích của Diễn Đàn: Thuốc lá nhãn hiệu 555

[6] Chú thích của Diễn Đàn: Phùng Cung, nhà văn.

[7] Ghi chú của tác giả: Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh sau này có thời làm thứ trưởng Bộ xây dựng. Hoạ sĩ Lê Văn Đệ (theo tạp chí Bách Khoa Sài Gòn 1963) sang La Mã, được phong hoạ sư, được chính Giáo hoàng Pie XI giao cho trang hoàng điện Vatican.

[8] Chú thích của Diễn đàn: Số len này lấy được ngày 19.8.1945, khi tấn công chiếm Trại lính khố đỏ ở phố Hàng Bài.

CÓ PHẢI NGƯỜI MỸ ĐÃ QUAY NHỮNG THƯỚC PHIM VỀ NGÀY LỄ ĐỘC LẬP Ở HÀ NỘI NGÀY 2-9-1945?

ĐẶNG NHẬT MINH

Cách đây 17 năm, khi đang còn làm tổng thư ký Hội Điện ảnh kiêm TBT tạp chí "Nghệ thuật Điện ảnh," tôi có đăng trên tạp chí số 6-1990 một bài viết của nhà báo Trung Sơn với tựa đề "Ai là người ghi hình phim ngày Tết Độc lập 2-9-1945?"

Trong bài viết của mình, nhà báo Trung Sơn đã kể lại câu chuyện sau: Năm 1974, đạo diễn Phạm Kỳ Nam làm phim "Những ngày Bác Hồ ở Tây Âu." Trong khi đang quay ở Paris thì một hôm, đạo diễn nhận được một cú điện thoại gọi đến khách sạn. Đầu giây nói đằng kia là một người Pháp cho biết ông muốn gặp đạo diễn để trao lại một món quà chắc sẽ rất có ích cho việc làm phim của ông. Không lâu sau, đạo diễn Phạm Kỳ Nam gặp được người gọi điện thoại đó và món quà người ấy trao là những hộp phim 16 ly đã cũ, nhưng được đóng gói cẩn thận. Người trao món quà đó còn nói thêm: "Đây là quà tặng của một người bạn của Việt Nam và tôi chỉ là người chuyển lại mà thôi." Trở về khách sạn, đạo diễn Phạm Kỳ Nam nóng lòng giở ngay những thước phim đó ra xem và sững sờ ngạc nhiên khi thấy đó là những hình ảnh ghi lại lễ Tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình sáng ngày 2-9-1945. Người bạn giấu tên đó là ai? Tác giả của những thước phim này là ai? Đó là những câu hỏi được đặt ra trong đoạn cuối bài viết của nhà báo Trung Sơn.

Nhận thấy đây là một vấn đề của lịch sử cần làm sáng tỏ, ít ra cũng là để ghi công và bầy tỏ lòng biết ơn đối với người đã quay và tặng lại cho chúng ta những thước phim vô giá trên, tôi bàn với anh em trong tòa soạn liên hệ với một vài nhân vật có liên quan đến sự kiện trọng đại đó để mời viết bài, mong tìm lời giải đáp cho những câu hỏi được đặt ra trong bài viết của nhà báo Trung Sơn.

Người đầu tiên tôi nghĩ đến là ông Nguyễn Hữu Đang, trưởng ban Tổ chức ngày lễ Tuyên bố Độc lập ở quảng trường Ba Đình ngày 2-9-1945. Là người trong cuộc, chắc chắn ông có thể cung cấp những thông tin chính xác về sự việc trên. Tôi bèn nhờ nhà văn Phùng Quán, một đồng hương và bạn vong niên của tôi giúp liên hệ với ông Đang. Anh Quán sốt sắng nhận lời ngay. Tôi nhờ anh chuyển đến ông Đang số tạp chí có bài viết của nhà báo Trung Sơn với lời mời ông viết bài. Không lâu sau, anh Quán đem đến tòa soạn bài viết tay của ông Đang có tên là "Những điều còn bí ẩn quanh việc quay bộ phim Ngày Độc lập 2-9-1945," ký tên Nguyễn Hữu Đang.

Vào đầu bài viết, ông Đang nói ngay:

"Xin thú thật ngay rằng tôi chưa biết đích xác ai là người đã quay bộ phim đó. Tôi chỉ có thể đoán theo hai khả năng mà cũng chưa dám nghiêng hẳn về phía nào: Một là hiệu Hương Ký quay. Hai là phái đoàn Patty quay."

Rồi ông mô tả không khí của những ngày có một không hai ấy như sau:

"Xin các bạn hình dung sự khẩn trương, tất bật của chúng tôi trong thời gian vẻn vẹn bốn ngày (từ 28-8 đến 1-9) để chuẩn bị xong một buổi lễ quy mô toàn quốc mà trọng tâm là cuộc mít-tinh lớn, ban đầu dự kiến sẽ thu hút hai phần ba dân số nội ngoại thành. Cả nhân viên chuyên môn, tiền, dụng cụ, vật liệu đều hầu như bắt đầu bằng con số không.

... Về phần chụp ảnh, ông Vũ Văn Lai, nhà nhiếp ảnh nghiệp dư trẻ tuổi đã sốt sắng nhận nhiệm vụ đi liên lạc các bạn đồng nghiệp, mời bằng được hiệu Hương Ký, một hiệu ảnh bậc đàn anh, chẳng những mời chụp ảnh mà còn mời quay phim, hơn nữa yêu cầu Hương Ký quay phim là chính. Chúng tôi sẵn sàng nhận những điều kiện dù là nặng mà Hương Ký có thể đưa ra. Vì theo chúng tôi biết- bấy giờ ở Hà Nội, ngoài Hãng Indochine Film (của người Pháp) không hoạt động được, Hương Ký là cơ sở kinh doanh nghề ảnh duy nhất có máy quay phim.Cũng may Hương Ký không lợi dụng độc quyền để bắt bí chúng tôi. Chủ hiệu Hương Ký đã trên sáu mươi tuổi nhưng còn tráng kiện,

vốn có tay nghề vững. Ông nhận lời làm, nói cho đúng là ông sẽ chỉ đạo con hay thợ trực tiếp làm."

Và thế là hai người của Hương Ký, một chụp ảnh, một quay phim đã được ông Đang cấp giấy phép hoạt động thoải mái trong khu vực mít-tinh với điều kiện không được đến sát lễ đài, phải ở ngoài hai vòng bảo vệ vì đó là quy định chung. Ông Đang kể tiếp:

"Độ một tuần lễ sau Ngày Độc Lập, không thấy Hương Ký cho biết kết quả quay phim, tôi đến hỏi thì được trả lời là không quay được vì máy trục trặc. Một sự thất bại dường như hoàn toàn do khách quan, không ai chịu trách nhiệm! Tôi bình tĩnh chấp nhận sự rủi ro. Nhưng chỉ ít ngày sau quân Tầu Tưởng đưa bọn Vũ Hồng Khanh về và âm mưu cướp chính quyền, lật đổ thì ông chủ Hương Ký liền theo Quốc dân Đảng chống lại Việt Minh. Lập tức tôi nghi ngờ ông ta đã không thật lòng, đã không quay phim rồi đổ lỗi cho cái máy - nó không biết cãi.

Lễ Đài Độc Lập 2-9-1945 (Hình A. Thomas)

... Từ đó, suốt ba mươi năm, mỗi khi nhớ đến ngày Độc Lập, tôi cảm thấy vấn vương ân hận. Ân hận và băn khoăn tự hỏi: Hương Ký có quay phim không? Có quay mà hỏng thật hay quay được mà giữ lại không trao cho chúng tôi?"

Đó là khả năng thứ nhất. Và đây là khả năng thứ hai theo ông Đang:

"Khả năng này chỉ mới xuất hiện trong đầu tôi khi đọc trên một tờ báo, đoạn hồi ký của tướng Patty (đã về hưu) nguyên trưởng phái đoàn Mỹ đến Hà Nội dưới danh nghĩa Đồng minh liền sau Tổng khởi nghĩa của ta thắng lợi. Ông tường thuật cuộc mít tinh khổng lồ ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình với những chi tiết hết sức đúng, có cả một chi tiết từ trước tới nay sách, báo ta chưa nhắc đến lần nào. Sự mô tả chính xác chứng tỏ ông và một số nhân viên của ông đã chứng kiến buổi lễ, đã đi lại trong khu vực mít-tinh để như ông kể "chụp ảnh và quay phim." Thật bất ngờ đối với tôi, kẻ mang nặng trên vai trách nhiệm điều hành buổi lễ và kiểm soát cuộc mít-tinh mà không biết có những hoạt động của người ngoại quốc ngay trước mắt mình. Bấy lâu, từ khi những thước phim tài liệu lịch sử Ngày Độc lập được đưa về nước, giá có ai đoán là nó có thể do phái đoàn Patty quay thì tôi bác bỏ ngay. Bởi lẽ hôm ấy, theo đề nghị của chúng tôi để đảm bảo an ninh, thành phố ra lệnh giới nghiêm gần như thiết quân luật: từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Ngoài hàng ngũ những người đi dự mít-tinh có chỉ huy và bảo vệ chặt chẽ, tuyệt đối không người nào hay xe cộ nào được đi trên đường phố (kể cả vỉa hè), cố nhiên quân đội, công an, cứu hoả và cấp cứu bệnh viện được ở ngoài lệnh cấm. Người Mỹ - mà quần chúng dễ lẫn với người Pháp - lại càng không thể ra khỏi nhà: nếu họ muốn đến chỗ mít-tinh nhất định họ phải được Ban tổ chức đồng ý và hướng dẫn. Còn chụp ảnh và quay phim, lẽ nào trong cuộc mít-tinh cực lớn mà không lộn xộn như vậy lại không có ai nhìn thấy?

Bấy lâu tôi đã chủ quan, suy xét một chiều, một mặt chỉ biết mình mà không biết người, nên không thể hình dung khả năng thứ hai. Ngày nay có bằng chứng cụ thể tôi cố tìm xem cái gì đã giúp phái đoàn Patty hoạt động được. Và tôi nhớ ra hồi ấy, mỗi khi ra đường, người Mỹ bao giờ cũng đeo bên cánh tay trái, chỗ gần bắp vai, một mảnh biểu trưng cờ Mỹ (Ecusson) to bằng nửa bàn tay. Chính miếng biểu trưng ấy là cái "bùa hộ mệnh" giúp họ chẳng những có thể đi lại tương đối tự do trong thành phố, ra ngoại ô và về các địa phương nữa, mà còn được nhân dân tỏ thiện cảm, tiếp dãi thân mật và giúp đỡ nếu cần. Cũng dễ hiểu thôi. Hồi đó ta đang tranh thủ sự ủng hộ của Đồng minh. Quan hệ Việt - Mỹ đang hữu nghị hơn bao giờ hết."

Vậy là những người Mỹ trong phái bộ của

Patty, với cái "bùa hộ mệnh" như ông Đang nói, đã đi lại thoải mái trên quảng trường Ba Đình hôm ấy để quay phim, chụp ảnh mà không bị ai cản trở.

Đọc xong bài viết của ông Đang tôi rất cảm kích. Tuy ông chưa khẳng định được ai là người đã quay những thước phim trên nhưng những giả thiết, phỏng đoán của ông cùng những chi tiết xung quanh việc tổ chức ngày lễ Độc Lập là những sử liệu vô cùng quý giá. Tôi quyết định cho đăng ngay trong số tạp chí "Nghệ thuật Điện ảnh" tháng 8-1990 không sửa một chữ nào. Khi báo ra, tôi gửi qua nhà văn Phùng Quán tặng ông Nguyễn Hữu Đang số tạp chí có bài viết của ông cùng số tiền nhuận bút. Một thời gian sau, gặp lại tôi, anh Phùng Quán nói: *"Các cậu có biết các cậu đã làm một việc có ý nghĩa như thế nào không?* Khi mình đem tạp chí và tiền nhuận bút đến đưa cho anh Đang, anh ấy vui mừng không thể tả được. Đây là bài báo đầu tiên của anh được đăng sau khi ra tù, cậu có biết không?" (ông Đang bị đi tù 15 năm vì vụ Nhân văn - Giai phẩm).

Hồ Chí Minh, Allison K. Thomas và Võ Nguyên Giáp

Bốn tháng sau, chúng tôi nhận được một bài viết nữa của ông Nguyễn Hữu Đang gửi tới với tựa đề "Phim Tết... Ngày xưa..." kể lại chuyện chiếu phim Tết năm 1934 ở Hà Nội. Theo ông kể, hồi đó ngày Tết mà đi xem chiếu bóng được coi là một thú vui thanh lịch mới mẻ. Chúng tôi đã đăng bài đó trong số Tết Tân Mùi (1991). Không biết sau đó, ông Đang có viết bài báo nào đăng ở đâu nữa không, hay đó là hai bài cuối cùng của ông viết cho đến khi qua đời cách đây không lâu (*)?

Trở lại hai khả năng mà ông Đang đã nêu trong bài báo. Một khả năng là những người trong phái đoàn của Patty đã quay (khả năng này rất có thể là hiện thực vì ai cũng biết ở Côn Minh ngày đó có một đơn vị tình báo OSS của Mỹ tiền thân của CIA. Đơn vị này ắt được trang bị đầy đủ những phương tiện quay phim, chụp ảnh hiện đại nhất lúc bấy giờ). Nghe đâu không lâu trước khi qua đời, ông Patty có trở lại thăm Việt Nam. Giá dịp ấy có ai hỏi ông một câu xem có phải người trong phái bộ của ông đã quay phim ở quảng trường Ba Đình trong ngày 2-9-1945 không? Nếu câu trả lời là "có" thì ta có thể loại ông Hương Ký sang một bên và tin rằng ông không quay hoặc có quay mà máy bị trục trặc. Nếu câu trả lời là "không" thì những thước phim trên ắt do người của ông Hương Ký quay. Nếu đúng như vậy ta có thể đặt tiếp một câu hỏi: *"Tại sao ông Hương Ký lại nói dối với ông Đang rằng không quay được vì máy hỏng?* Và tại sao mãi đến 29 năm sau con cháu ông mới trao lại những thước phim đó một cách gián tiếp và bí ẩn như vậy?"

Dầu sao tôi vẫn nghiêng về giả thuyết cho rằng những người trong phái đoàn của tướng Patty đã quay những thước phim lịch sử trên. Bằng con mắt của người trong nghề điện ảnh, tôi nhận ra trong những thước phim ấy tính nghề nghiệp cao của người cầm máy quay. Những toàn cảnh lia biển người trên quảng trường Ba Đình, hình ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh trên lễ đài, những chân dung nam nữ, những đặc tả bước chân người rầm rập đi trong hàng quân, những tà áo dài của các thiếu nữ Hà Nội bay phất phới, v.v... thật xúc động và ấn tượng. Tôi không tin rằng người của ông Hương Ký có thể lấy được những khuôn hình như vậy. Nhưng đó cũng chỉ là phỏng đoán.

Tôi hoàn toàn đồng tình với lời cuối trong bài viết của ông Nguyễn Hữu Đang: *"Xác minh được ai đã quay cuốn phim tài liệu lịch sử 'Ngày Độc Lập' mà chúng ta đang có, phải dựa trên cơ sở một cuộc điều tra công phu mà tôi cho là không khó khăn lắm. Đầu mối không còn bí ẩn và không xa quá tầm tay."*

Không có cái gì tự nhiên mà có trên đời này và một cuộc điều tra công phu như ông Đang nói là việc cần phải làm để xác minh chủ nhân của những thước phim từ lâu đã trở nên thân thuộc với các thế hệ người Việt Nam mà không ai hay biết chúng xuất xứ từ đâu.

(*) Theo những tư liệu đang có, sau năm 1991, ít nhất Nguyễn Hữu Đang có đăng bài "Bộ vòng xơ men" trên báo "Lao Động" đầu tháng 12-1993.

(Đạo diễn Đặng Nhật Minh, từ Hà Nội)

Những Người Nhân Văn Cuối Cùng

NGUYỄN CÔNG KHANH

Báo *An Ninh Thủ Đô* số ngày 28 tháng 2 năm 2007 đăng bài phỏng vấn thi sĩ Hoàng Cầm với lời tòa soạn nguyên văn như sau: "*Giải thưởng về văn học nghệ thuật năm 2007 vừa được công bố, trong đó có bốn nhà thơ: Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán. Dư luận đánh giá cao việc trao giải thưởng cho nhóm tác giả trên bởi đó được coi như một thái độ ứng xử, một cách nhìn mới, một tư duy mới, một lời xin lỗi cùng các tác giả...*"

Lời công bố này xảy ra cùng lúc cụ Nguyễn Hữu Đang qua đời. Họ là những nhà thơ, nhà văn, nhà báo trong phong trào Nhân Văn đã nói lên tiếng nói đòi hỏi tự do sáng tác trong thập niên 50 tại miền Bắc, mà cụ Đang được coi như người đứng đầu của nhóm này. Họ là những người chịu nhiều gian khổ trong mười năm kháng chiến chống Pháp cho đến khi thành công. Có người đã tham gia phong trào Việt Minh khi còn trong bóng tối. Theo Phùng Quán, lúc đầu phong trào Nhân Văn có cả đến trăm người tham dự, khi bị đàn áp thì hầu hết bỏ cuộc, còn lại một nhóm nhỏ trước khi tan rã.

Cho đến nay, Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung, Nguyễn Hữu Đang đã mất, chỉ còn lại Hoàng Cầm và Lê Đạt.

Chúng tôi có dịp về nước, gặp và trở nên thân tình với ba trong sáu người nói trên là Phùng Quán, Hoàng Cầm và Nguyễn Hữu Đang. Mỗi khi về thăm lại Hà Nội, nơi tôi sinh trưởng, gặp lại họ hàng, người quen, tôi có nhận xét không ai hỏi chúng tôi trước đây làm gì ở miền Nam cũng như hiện nay sống ra làm sao ở Mỹ. Chúng tôi cũng không bao giờ hỏi họ đã làm gì và sống như thế nào trong bốn, năm chục năm qua. Về điều này nhiều người cũng có cùng nhận xét như chúng tôi.

Những nhà văn nhà thơ thuộc nhóm Nhân Văn và chúng tôi gặp gỡ nhau trong tình người và tình quê hương. Họ không những đọc thơ cho chúng tôi nghe, mà còn muốn thơ của họ được ghi âm mang ra hải ngoại. Họ vui vẻ tặng chúng tôi những tác phẩm của họ, tặng cả những bản sao đăng trên báo với những lời ký tặng thật chân tình. Sau này họ còn nhiều lần trao đổi thư từ với chúng tôi. Họ nhiệt thành nói đến hoài bão của những ngày cuối đời được cầm bút viết lại để bù vào mấy chục năm không được viết. Nguyễn Hữu Đang, Hoàng Cầm lúc đó đều đang viết hồi ký, không hiểu lúc nào họ viết xong và lúc nào có thể in thành sách được. Riêng Phùng Quán đã khởi viết từ lâu một tiểu thuyết trường thiên, mà tập đầu là "Tuổi Thơ Dữ Dội," dầy 800 trang, kể lại đoạn đời của một chú bé 13 tuổi làm lính trinh sát cho trung đoàn Trần Cao Vân tại Thừa Thiên trong thời kỳ chống Pháp. Cuốn sách này đã được quay thành phim, dài 155 phút. Sau đó, Phùng Quán viết cho chúng tôi: "*Sách không bìa đặt chút nào hết. Lươm và Mừng, hai nhân vật trong đó chính là một phần đời của anh. Anh cũng đang định viết tiếp. Thật ra là viết lại, vì cách đây 15 năm anh đã viết xong cả bốn tập Chiến Tranh và Hoà Bình của anh gần 4000 trang, mà tuổi Thơ Dữ Dội là phần 1. Anh để tất cả vào cái hòm gỗ, hồi anh ở Nghi Tàm, mối đã xông hết ba phần, chỉ còn lại một phần. Hôm đó anh đã khóc như con nít, vì tiếc cái công trình anh đã làm 15 năm.*" Chúng tôi tin rằng ba phần kia là những phần quan trọng mà nhiều người muốn biết. Nhưng đã muộn, Phùng Quán đã mất vì bệnh gan, chỉ cách hai tháng sau đó.

Lịch sử hiện đại của Việt Nam là một thiên bi hùng ca, đầy những sự kiện khúc mắc, phong phú hơn cả "Cuốn Theo Chiều Gió," hơn cả "Chiến Tranh và Hoà Bình," hơn cả "Bác Sĩ Zhivago." Nhiều người đã tự hỏi tại sao văn học Việt Nam chưa có được một tác phẩm lớn. Tôi không tin các nhà văn Việt Nam không có khả năng viết về những trường thiên. Ngoài mười năm kháng chiến, cuộc di cư vĩ đại 1954 của cả triệu người di cư về miền Nam, cuộc nội chiến hai mươi năm, những địa danh chiến trận không thể quên được như Khe Sanh, Đồng Xoài, Bình Giả, Cổ Thành Quảng Trị, Hạ Lào, Snoul... Cuộc triệt thoái từ Cao Nguyên, cuộc vượt biển của gần triệu người mà biết bao nhiêu người đã nằm dưới biển sâu, để bắt đầu cho Việt Nam một kỷ

nguyên mới: "Kỷ Nguyên Của Biên Cương Mở Rộng." Lại còn cả những cảnh vượt Trường Sơn, sinh Bắc tử Nam, cảnhTây tiến...

Nguyễn Hữu Đang (2), Phùng Quán (4) và vợ chồng tác giả
Chòi Ngó Sóng 9-1994

Chỉ riêng về tình yêu, đã có biết bao nhiêu mối tình dang dở, đẹp đẽ hoặc lớn lao, hãy kể những mối tình của vài người trong nhóm NhânVăn: Phùng Quán đang khi gặp nạn vẫn có một cô giáo dạy Văn tại trường Chu Văn An, Hà Nội, cảm phục nhất định kết hôn, dù cho gia đình hết sức ngăn cản. Hoàng Cầm thì hào hoa, có những người vợ chung tình, có những người tình đã mất hay vẫn còn ở một phương trời nào đó. Phùng Cung sau 12 năm hoạn nạn trở về, làm nghề đập đinh kiếm sống với vợ hàng ngày làm bánh rán nuôi con. Trần Dần năm 54, khi hoà bình trở lại, tình cờ gặp và yêu say đắm một thiếu nữ tiểu tư sản; cô này lại theo đạo Thiên Chúa, nhà ở phố Sinh Từ, đang bơ vơ một mình, vì bố mẹ di cư vào Nam không kịp đi theo. Dù bị đảng không chấp nhận, Trần Dần vẫn nhất định sống với người yêu, không cần cưới xin, sau đó đã bị vùi dập triền miên. Ngay cả như Nguyễn Hữu Đang, sau 15 năm tù đầy, tưởng không bao giờ trở về được, và sau 20 năm quản thúc ở một miền quê hẻo lánh, vẫn mang theo mối tình đầu chung thủy với một tiểu thư Hà thành. Lúc trở về thì người xưa không còn nữa, mà chiếc vòng mình tặng 40 năm trước đã được người ấy mang xuống tuyền đài. Có phải chăng đó là những mối tình thiên thu?

Dù đã chịu oan nghiệt trong mấy chục năm trời, khi nhắc đến những chuyện đã qua, bây giờ họ cũng đã nhiều phần nguôi đi. Ngay như Phùng Quán, một người cương trực, lòng ngay thẳng, giọng thơ như vũ bão, một lần đọc xong bài thơ "*Đêm Nghi Tàm, Đọc Thơ Đỗ Phủ Cho Vợ Nghe*" cho chúng tôi nghe, có nói: "*Sau này, tôi bình tĩnh trở lại, hết giận, mọi chuyện nghĩ cho cùng rồi cũng thế thôi... Bây giờ tôi đã già rồi, cũng ngấm rồi. Khi 30 tuổi thì thích che chở cho mọi người, đến bây giờ thì nghĩ lại không thể che chở cho tất cả, vì chỉ che chở cho kẻ sĩ như Đỗ Phủ không thôi cũng khó rồi. Đây là một bài học, những người tuổi trẻ thường thích sắp xếp lại thế gian.*"

Khi nhắc đến Nhân Văn, mọi người ở miền Nam hồi đó chỉ biết qua quyển "*Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc*" do Hoàng Văn Chí biên tập xuất bản năm 1959 tại Sài Gòn. Sách dầy trên ba trăm trang, giới thiệu hơn hai mươi tác giả và những tác phẩm của họ. Trong đó Lê Đạt, Nguyễn Hữu Đang không thấy được giới thiệu riêng, mà chỉ được nhắc đến trong các chương tổng quát, nên không được sinh viên và học sinh lúc đó như tôi lưu ý. Ngày nay, mọi người có thể tìm thấy một số lớn tài liệu liên quan đến Nhân Văn được lưu trữ trong mạng lưới Talawas.

*

Khi nghe tin việc trao giải thưởng cho mấy người trong nhóm Nhân Văn, tôi vẫn tin là có tên Phùng Cung trong đó. Nhưng không có. Phùng Cung đã mất, chắc chẳng bao giờ nhận được một giải thưởng như trên và chắc cũng chẳng bao giờ nhận được một lời xin lỗi như những người bạn cùng chịu nạn như mình.

Phùng Cung, chúng tôi không có dịp gặp, nhưng nhiều lần trong lúc trò chuyện với Phùng Quán và Nguyễn Hữu Đang, chúng tôi có gửi lời hỏi thăm Phùng Cung và tỏ ý rất thích bài Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh. Bài này đã được Hoàng Văn Chí giới thiệu trong cuốn *Trăm Hoa Đua Nở*. Truyện rất thâm trầm, ngụ ý đả kích những văn nghệ sĩ vì ham miếng đỉnh chung mà biến đổi đời sống, nhân phẩm và lần hồi huỷ

hoại hết tài năng trước kia của mình. Cũng như con thiên lý mã vô địch, giúp Chúa trong chiến trận vào sinh ra tử, sau này được Chúa yêu đem vào làm mã lệnh trong cung, suốt ngày được bọn mã phu tắm rửa, hầu hạ cho ăn ngon nên đã trở thành một con ngựa béo tốt mà vô dụng.

Trong truyện Hằng Nga Thức Dậy Phùng Quán kể lại Phùng Cung, sau 12 năm tù, được trả tự do, làm nghề đập đinh nuôi vợ con, tránh xa bút mực. Nhưng Phùng Quán một ngày đến thăm mang biếu mấy con cá vừa câu trộm ở Hồ Tây, tình cờ thấy Phùng Cung lại làm thơ: "*Đọc thơ anh, chỉ vài câu thôi, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp đến xao xuyến tận đáy lòng, những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà không thấy.*"

Năm đó Phùng Quán cho biết, Hội nhà Văn quyết định trích quỹ tặng sáu hội viên, phần lớn thuộc nhóm Nhân Văn cũ, để in tác phẩm của mình. Nhưng Phùng Cung không ở trong số mấy người đó.

Thương và cảm phục chữ nghĩa trong thơ của bạn, Phùng Quán dự định đi xa nhà một năm đọc thơ rong quyên tiền giúp Phùng Cung in tập thơ. Nguyễn Hữu Đang biết chuyện, ông lấy ra số tiền vẫn dành dụm cho việc hậu sự, đem tặng hết cho Phùng Cung in thơ. Do đó mà tập *Xem Đêm* được ra đời với 200 bài thơ. Phùng Cung có gửi sang tặng chúng tôi một cuốn, và sau khi anh mất, chị Kim Thoa vợ anh cũng còn thư từ liên lạc với chúng tôi.

Trong bài đề tựa tập thơ có cái tên rất lạ *Xem Đêm*, Quang Huy, mà tôi cho là một người rất hiểu thơ Phùng Cung, viết: "*Hầu như bài nào cũng lạ. Nhất là cái lạ về ngôn từ và hình ảnh. Ta hãy đọc những câu thơ vô cùng xuất sắc sau đây về một bến quê:*

Tiếng gọi đò căng chỉ ngang sông.

về thân phận một cánh bèo:

Lênh đênh muôn dặm nước non
Dạt vào ao cạn vẫn còn lênh đênh.

về một góc vườn:

Cuối trời trăng mỏi
Trái gấc chín ngập ngừng.

Hay về một con giun đất bỗng trở thành một tác phẩm nghệ thuật dưới ánh trăng:

Bên gốc hoàng tinh, con giun đất mạ vàng

Và kia một màu hoa chuối:

Hoa chuối tiêu lầm lũi tím tam giang.

rồi lắng đâu đó, tiếng tù và rúc lên đầy hồn vía:

Tiếng tù và bết gió.

Đặc biệt anh rất giỏi về mầu. Có tới hàng trăm chữ tả mầu sắc rất mới lạ khiến chúng ta phải bàng hoàng. Ví dụ một mầu nắng: Nắng phơi rơm, nắng ngả tương, nắng bổ cau và cả nắng Âu Cơ nữa. Ví dụ một mầu trời: xanh cánh chấu, xanh rau khúc, và cả khát muốn chết một mảnh trời da bát.

Phùng Cung xứng đáng là một trong những bậc thầy về nghệ thuật ngôn từ. Và không ai còn ngây thơ cho rằng ngôn từ chỉ nằm trong lĩnh vực hình thức nghệ thuật. Phải nói rằng Phùng Cung đã đẻ ra nó bằng quặn thắt một tấm lòng, hơn thế nữa bằng ngót một đời người chìm nổi. Nhưng trải qua bao nhiêu biến đổi của cuộc đời, Phùng Cung lúc nào cũng vẫn trở lại mình, hay nói khác đi, vẫn là mình. Tôi xin mượn một bài thơ rất hay của nhà thơ 65 tuổi đầy tài hoa này để kết thúc bài viết:

Quất mãi nước sôi
Trà đau nát bã
Không đổi giọng Tân Cương.

Không phải rót, là pha mà là quất mãi nước sôi. Một chữ quất nghe khiếp quá."

Mỗi khi đọc những bài thơ của Phùng Cung, những câu thơ ít chữ trong những bài thơ ngắn gọn, tôi thường liên tưởng đến một văn nhân đã có thời mang chí lớn, nay ngồi đập đinh đơn độc trong một góc nhà kiếm sống, và chắc hẳn những nhát buá nện xuống quyết liệt làm văng những chiếc đinh đã mang bao nhiêu ẩn ức tạo nên những bài thơ rất lạ của anh.

*

Học sinh, sinh viên miền Nam những năm 50 thường nhớ nhất hai nhà thơ Phùng Quán và Trần Dần. Như hai câu thơ của Trần Dần trong bài Nhất Định Thắng, được nhắc đi nhắc lại nhiều lần như những điệp khúc:

" Tôi bước đi
Không thấy phố
Không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên mầu cờ đỏ"

Trần Dần đã gặp nạn nặng nề trong vụ NhânVăn, mà còn bị trù dập vì lấy người mình yêu mà đảng không cho phép. Những năm sau này nghe Trần Dần thường hay đau ốm và đôi mắt gần như hỏng, không rõ có viết thêm gì hay không. Trần Dần đã mất trước khi được trao giải thưởng và lời xin lỗi nói trên.

Phùng Quán được miền Nam biết qua ba bài thơ *Chống Tham Ô Lãng Phí, Viết trên Giấy Có*

Kẻ Giòng và chắc nhiều người đã thuộc lòng một số câu thơ trong *Lời Mẹ Dặn*. Nhưng Phùng Quán còn là một nhà văn, trong 40 năm đã viết rất nhiều tác phẩm, với số ấn hành khá cao và nhiều cuốn đã được giải thưởng. Nếu có dịp nhìn thêm vào cuộc đời và sự nghiệp mới thấy Phùng Quán là một con người khác thường. Anh là một nhà văn, một nhà thơ của những kẻ khốn cùng, của cây cỏ, của đồng đội, của những người bạn trong lúc thế cô. Suốt cả cuộc đời anh hành xử như một hiệp sĩ xông pha cứu khốn phò nguy. Còn ngoài đời Phùng Quán lại là người lúc nào cũng nhiệt thành, hào sảng nên được nhiều người quý mến.

Phùng Quán lại có tính khí rất ngang tàng. Khi bị một người làm bài thơ nhục mạ bài *Lời Mẹ Dặn* của anh, Phùng Quán giận giữ đi tìm Trúc Chi là người làm bài thơ ấy. Phùng Quán nói: *"Nếu tôi gặp Trúc Chi, tôi sẽ nói, anh phải xin lỗi tôi đi, không thì tôi sẽ thách đấu với anh. Nhưng tôi báo cho anh biết, nếu anh muốn đấu dao tôi sẽ đấu dao, muốn đấu gươm tôi sẽ đấu gươm, muốn đấu súng tôi sẽ đấu súng. Nhưng tôi báo trước cho anh biết, tôi sẽ bắn hạ anh, vì tôi là lính trinh sát, tôi là xạ thủ, kiện tướng của cấp trung đoàn, tôi chỉ bắn một phát là đủ. Hai mươi năm sau, tôi mới tìm ra Trúc Chi chính là Hoàng Văn Hoan, thì lúc đó hắn đã trốn chạy sang Trung Quốc rồi, vì bị kết tội như Trần Ích Tắc ngày xưa."* Rồi đến khoảng năm 1993, anh đang bị theo dõi và nghe nói chính quyền chưa muốn chính thức kết tội, anh làm đơn xin đòi được đưa ra tòa xử cho rõ trắng đen!

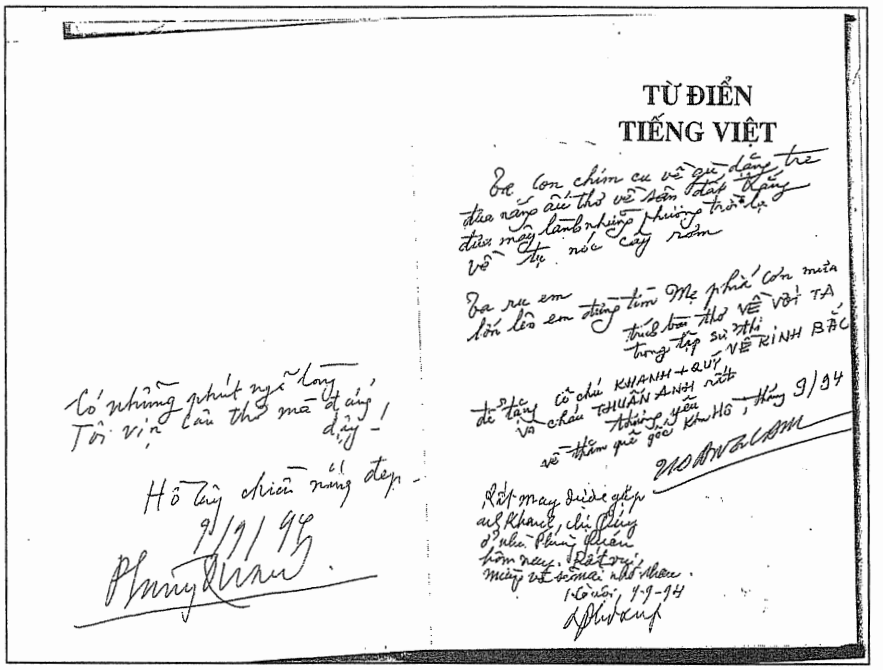

Thủ bút của Hoàng Cầm, Nguyễn Hữu Đang, Phùng Quán viết tặng tác giả

Phùng Quán lúc nào cũng tự cho mình là người lính dự báo về nạn tham nhũng của đất nước qua bài *"Chống Tham Ô Lãng Phí"* ngay từ những năm mới 25 tuổi. Mấy chục năm sau chính quyền công khai nhận có nạn tham nhũng mà chưa tìm được phương cách giải quyết như thế nào. Báo chí hàng ngày trong nước được phép phanh phui tệ trạng này, và đã thấy có những cuộc biểu tình của dân chúng chống lạm quyền áp bức. Phùng Quán đã mất 12 năm trước, không được thấy tình trạng tham nhũng ngày càng lớn vượt những gì mình đã dự báo.

Tập Trăm Hoa Đua Nở không nói nhiều về Lê Đạt. Ông có ba tác phẩm được nói đến nhiều là: *Bóng Chữ, Ngó Lời* và *Hèn Đại Nhân*. Theo nhiều nhà phê bình văn học, chữ

dùng trong tác phẩm của ông có một tầm tri thức cao và mới lạ.

Trong *"Trăm Hoa Đua Nở"* Hoàng Cầm có một bài thơ *Em Bé Lên Sáu Tuổi*, rất nhân bản, kể lại chuyện em bé sáu tuổi đó, bố địa chủ bị đấu tố chết, mẹ trốn vào Nam, bỏ em lại lay lắt thành một đứa bé ăn mày:

Chị bần cố nông cốt cán
Ửa nước mắt quay đi
Nó là con địa chủ
Bé bỏng đã biết gì
Hôm cho em bát cháo
Chịu ba ngày truy hỏi

Chị đội bỗng lùi lại
Nhìn đứa bé mồ côi
Cố tìm vết thù nghịch
Chỉ thấy một con người

Mọi người ít nhớ đến những câu này, mà lại

nhớ nhiều đến kịch thơ "*Lên Đường*" và "*Kiều Loan, cô Gái Điên*," hay những giòng thơ trong thời kháng chiến chống Pháp:

- Tiểu đội anh, những ai còn ai mất?
- Không ai còn ai mất
Chỉ chết cả mà thôi!
Người sau kẻ trước lao vào giặc
Giữ vững ngàn thu một giống nòi...

Chúng tôi đã đưa cuốn Tự Điển Việt Nam cho ba người viết trên trang đầu để kỷ niệm. Phùng Quán viết: "*Có những phút ngã lòng, tôi vịn câu thơ mà đứng dậy.*" Nguyễn Hữu Đang viết: "*... hôm nay rất vui mừng và sẽ mãi nhớ nhau.*" Còn Hoàng Cầm viết tặng một đoạn của một bài thơ trong tập *Về Kinh Bắc*:

Ta con chim cu về gù dặng tre
Đưa nắng ấu thơ về sân đất trắng
Đưa mây lành những phương trời lạ
về tụ nóc cây rơm
Ta ru em
lớn lên em đừng tìm Mẹ phía cơn mưa.

Hôm chúng tôi rời Hà Nội, Hoàng Cầm có ra sân ga tiễn chúng tôi và làm tặng con gái tôi bài thơ "*Về Quê Mẹ*" vào dịp về thăm quê ngoại của cháu tại Bắc Ninh:

... Đã ổi ương đâu mà bướng bỉnh
Mà nghe đu đủ thiếu thơ ngây
Cây soan lạ nhỉ đương soan thế
Sao vội buồn nghiêng lá rụng đầy

Cây gì cũng lạ, hoa không biết
Cỏ cũng không tên, lá dị kỳ
Chỉ thấy trắng mây trời cõi Việt
Mẹ em thì khóc lúc ra đi...

*

Trong bài điếu văn đọc trong tang lễ Nguyễn Hữu Đang, ông Quang Quý, đại diện Bộ Giáo Dục có sơ lược tiểu sử và đề cao thành tích, nhất là về mặt hoạt động văn hoá, chống nạn thất học, truyền bá quốc ngữ, bình dân học vụ cùng soạn thảo sách giáo khoa của cụ. Bài điếu văn cũng ca tụng Nguyễn Hữu Đang là "*một nhà báo sắc sảo, một người có tài vận động tuyên truyền có ảnh hưởng sâu sắc trong giới trí thức và các tầng lớp trên ở thành thị. Là người am hiểu sâu sắc Tây học và Nho học, nhưng cụ luôn luôn đề cao văn hoá dân tộc, đề cao thuần phong mỹ tục và thực hiện đời sống mới.*"

Vụ án Nhân văn được coi là một vụ án văn học lớn nhất trong lịch sử Việt Nam, âm ỷ nhức nhối dây dưa tới các thế hệ cầm quyền tiếp nối. Trong thời gian về sau này, họ đã lặng lẽ đi từng bước chậm rãi hồi phục có giới hạn cho những người trong nhóm Nhân Văn. Theo lá thư Nguyễn Hữu Đang, người bị trầm luân nhất trong nhóm, gửi cho Hoàng Hưng của báo Lao Động nói về đời sống của mình, thì năm 1993 đã được trả lại hưu trí một cách tùy tiện, không còn bị gây phiền hà như trước, bồi bút không đả kích, Tết đến có quà mừng tuổi, đã ký hợp đồng viết hồi ký và một số tờ báo sẵn sàng đăng các bài hiền lành.

Năm 1996 trong thư gửi cho chúng tôi, cụ viết đã được cấp căn hộ ba phòng và hưởng lương hưu Thứ Trưởng vì cụ biết chúng tôi luôn lưu tâm đến cảnh sống của cụ. Nhưng Nguyễn Hữu Đang nói những điều trên mới đi được một nửa và cụ chắc sẽ chết trước khi được trả lại đầy đủ sự công bằng. Nguyễn Hữu Đang quả đã mất trước khi những "lời hứa" được thực hiện, đúng như lời dự đoán của mình.

Sau cùng thì nhà cầm quyền đương thời đã can đảm đi thêm một bước nữa, không những bằng vật chất mà bằng cả việc trao giải thưởng văn học nghệ thuật năm 2007 cho một số nhà văn nhà thơ trong nhóm Nhân Văn. Đỗ Chu, thành viên của hội đồng văn học trao giải đã nói đó là "*một lời xin lỗi của anh em với các anh.*"

Lịch sử Việt Nam của chúng ta không thiếu gì những thi sĩ, văn nhân, anh hùng, hào kiệt, công thần ra công gìn giữ, mở mang, tô điểm sơn hà được lưu danh muôn thuở. Nhưng lịch sử của chúng ta cũng có biết bao nhiêu thi sĩ, văn nhân, anh hùng, hào hiệt, công thần bị bánh xe lịch sử dập vùi, nghiến nát. Nguyễn Trãi đã giúp Lê Lợi đuổi quân nhà Minh dành lại độc lập, cuối đời bị hàm oan chu di tam tộc. Nguyễn Công Trứ đánh đông dẹp bắc, cũng đã từng bị đầy đi làm lính trơn. Cao Bá Quát bị xử trảm vì tội phản loạn. Chu Văn An dâng sớ chém đầu bẩy gian thần không được, rũ áo từ quan về dậy học. Nguyễn Trường Tộ bị kết tội sàm tấu vì tâu trình những điều tiến bộ của nước người khi đi sứ về. Gần đây nhất là Nhất Linh, đã chọn sự tự vận để phản đối nhà cầm quyền và bảo vệ danh tiết. Còn biết bao nhiêu thi sĩ văn nhân, anh hùng hào kiệt, công thần khác xả thân vì tổ quốc bị nạn oan uổng mà lịch sử không nhắc đến tên, không được một lời giải oan, không được một sự đền bù.

Bánh xe lịch sử thường thật nhẫn tâm và vô tình! Nhưng quần chúng nhân dân thì luôn luôn không đồng tình với sự nhẫn tâm và vô tình ấy.

Tuyến đường Ga ấm thượng

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Tôi kéo chiếc va ly ra khỏi phòng để trên hành lang của khách sạn Galaxy. Chúng tôi thuê hai phòng trên lầu ba. Khóa cửa tôi đi dọc theo hành lang gõ cửa phòng số 319. Lát sau cửa mở. Steve, đứa rể Mỹ, thò đầu ra nói:

–We are ready.

Thảo, con gái tôi, mở rộng cửa, kéo theo cái va ly to. Nó nhìn tôi nói:

–Mẹ phải mặc thêm áo lạnh. Con nghe nói trên Sapa lạnh lắm đấy.

Nói xong nó mở va ly lấy ra cái áo len khoác lên người tôi. Chúng tôi xuống thang máy. Cô hướng dẫn viên chờ chúng tôi ở lobby. Du khách ngoại quốc đứng chật trước quầy khách sạn. Trong lúc chờ các con tôi xếp hàng làm thủ tục trả phòng tôi ra đứng trước cửa khách sạn nhìn ra phố. Bấy giờ trời đã tối. Ngoài đường xe ô tô, xe máy chạy đan nhau chung quanh cái bồn nước Hàng Đậu. Bên kia đường là một công viên nhỏ với dăm ba chiếc ghế dài, vài cặp ngồi tình tự trong bóng tối, những chiếc xe máy dựng cạnh.

Hà Nội là một thành phố xa lạ dưới mắt tôi lúc ấy. Xa lạ như thể tôi chưa hề từng đặt chân tới. Thật ra không hẳn vậy. Tuy sinh trưởng và lớn lên ở trong Nam nhưng Hà Nội tôi được biết qua tiểu thuyết tôi đọc thời còn là học sinh, và sau này lập gia đình với một người miền Bắc, nhà tôi vẫn thường kể tôi nghe về những kỷ niệm thời còn bé của anh ở Hà Nội. Ngoài ra có một lần trong đời chính tôi đã từng ghé Hà Nội một thời gian ngắn. Nhưng thành phố này đã không để lại trong tôi một hình ảnh nào đáng ghi nhớ, ngoài hình ảnh buồn bã của những dãy phố lạnh lẽo với những căn nhà màu xám nham nhở cũ kỹ. Vả lại Hà Nội đã gắn liền tôi với một mảnh đời mà tôi thực sự muốn quên đi. Tôi không hề nghĩ mình sẽ trở lại thành phố này lần thứ hai, nhất là từ sau ngày chồng tôi mất mấy năm về trước. Chuyến đi này sẽ không xẩy ra nếu không có lời mời gần như khẩn nài của con gái tôi muốn có mẹ đi cùng với vợ chồng nó trong chuyến về Việt Nam này.

Steve bỏ ba chiếc va ly lên sau chiếc ve van. Cô hướng dẫn viên ngồi băng trước bảo tài xế chở chúng tôi đến nhà ga. Xe êm êm chạy qua những con đường của Hà Nội về đêm. Những khách sạn nhiều từng ánh đèn lộng lẫy. Hồ Hoàn Kiếm trên vỉa hè ven hồ người tản bộ đông đảo. Trong khung đen tháp rùa nổi lên màu trắng xanh. Cửa hàng bách hóa Tràng Tiền Plaza sáng choang ánh đèn. Đường Trần Hưng Đạo dài rộng ngập đầy bóng tối, vỉa hè hai bên rộng thênh thang, những hàng cây sấu to cao gốc cây sơn màu vôi trắng xóa.

Vào ga Hà Nội, chúng tôi đi theo cô hướng dẫn bước qua những thanh ray đường sắt tiến tới một con tàu dài nằm im lìm trong bóng tối sân ga. Đi cùng với chúng tôi là đoàn du khách ngoại quốc kéo theo những chiếc va ly, đa số là những thanh niên thiếu nữ trẻ, ngoài va ly còn mang thêm ba lô trên vai. Đến cửa toa ở đầu xe hỏa cô hướng dẫn viên dừng lại. Cô bắt tay Thảo và Steve, nói:

–Have a good time! See you soon. Good bye and good night…

Rồi quay qua tôi cô nói giọng nhỏ nhẹ lễ phép:

–Sáng mai tàu đến Lào Cai sẽ có nhân viên của hãng đón bác. Sẽ có ô tô đưa bác và các anh chị đến Sapa. Chúng cháu sẽ gặp lại bác khi bác trở lại Hà Nội vào sáng thứ bẩy. Bác đi vui vẻ và chúc bác một đêm ngủ ngon.

Nói xong cô chắp tay trước ngực khẽ cúi đầu chào tôi rồi cô quay người đi trở ngược lối cũ. Bước lên tàu tôi nghĩ trong bụng: "Người đâu mà ăn nói thanh tao dịu dàng đến thế!" Giọng nói và phong cách của cô ta khác hẳn những cô gái Hà Nội thuở nào tôi đã gặp trong chuyến đi Hà Nội trước. Dù sao thì cũng đã mấy chục năm rồi còn gì. Bây giờ phải khác chứ. Vả lại, tôi nghĩ, cô thiếu nữ này được huấn luyện đặc biệt để trở thành hướng dẫn viên du lịch thì phải học cách ăn nói cho lịch sự chứ.

Chuyến tàu đêm toa cút xếp có máy lạnh, sạch sẽ và tiện nghi. Con tàu dùng dằng giật nhẹ rồi chuyển bánh. Buồng nhỏ có hai giường đôi. Người thứ tư trong buồng là một thanh niên Mỹ còn trẻ, ngang tuổi Steve. Chẳng mấy chốc mà hai người đồng hương tình cờ gặp nhau trên chuyến tàu đêm Hà Nội - Lào Cai trở thành bạn đồng hành tương đắc, câu chuyện qua lại trên hai chiếc giường cao, tiếng cười nói vui vẻ. Ngồi ở hai giường dưới mẹ

con tôi chỉ yên lặng mỉm cười, thỉnh thoảng trao đổi ánh mắt. Thảo ngồi xích lại phía cửa sổ nhìn ra ngoài. Nó giơ tay chỉ tôi ngồi gần nó. Hai mẹ con cùng nhìn ra cửa. Tàu chạy sát những căn nhà của Hà Nội. Những quán ăn tấp nập. Những gia đình quây quần bên mâm cơm tối. Đám trẻ bu đông trước màn ảnh TV. Những chiếc xe máy đứng chờ sau cổng đường sắt. Rồi tàu lên cao hạ thấp dần những mái nhà xuống phía dưới. Đoàn tàu rầm rộ trồi lên vượt qua cầu Long Biên. Âm thanh loảng xoảng nghiến trên cầu sắt. Phía xa trên đêm đen của mặt sông Hồng trôi đi ánh đèn của ghe chài những đốm sáng leo lét. Tàu vào huyện Gia Lâm rúc lên một hồi còi dài *"Tu tu..."... "Tu tu..."*.

Tiếng còi tàu Việt Nam nghe rít cao hơn tiếng còi hơi tôi vẫn thường nghe quen ở bên Mỹ. Qua cửa kính buồng ngủ căn nhà chúng tôi ở chung với các con tôi nhìn xuống vịnh Puget Sound, nơi đó trên một con đường sắt ngoằn ngoèo chạy dọc bãi biển Richmond xe hỏa mỗi ngày đi qua vùng vịnh. Từ xa đoàn tàu trông nhỏ xinh như một món đồ chơi, tiếng còi vọng tới, trầm buồn. *"Phè phè..."... "Phè phè..."*. Tiếng còi nặng nhọc như không đủ sức cất cao trong bầu không khí ẩm lạnh của miền Tây Bắc.

Chúng tôi thường từ nhà đi bộ xuống bãi biển. Nhất là từ ngày sức khỏe của nhà tôi suy yếu, bác sĩ khuyên không nên ở lâu quá trong nhà. Chúng tôi nắm tay nhau đi xuống con đường dốc, con đường tắt từ sau nhà dẫn xuống bãi biển. Những buổi chiều mùa lạnh trời nhiều mây xám và lộng gió bãi biển hoang vắng không một bóng người, đàn hải âu bay rối trên không trung, tiếng chim kêu thảng thốt. Những buổi trưa hè chúng tôi thường ngồi trên những khúc thân cây tróc vỏ nhìn thiên hạ tắm biển đi qua lại trên bãi cát, thỉnh thoảng một chuyến xe lửa rầm rộ đi qua, mặt đất phía sau lưng rung chuyển...

"Nhìn những con đường sắt, những chuyến tàu hỏa bao giờ cũng làm anh nhớ tới thời trẻ và bao giờ cũng mang lại một cảm giác buồn buồn." Anh hay nói với tôi như thế cứ mỗi lần anh nghe một tiếng còi hụ hay nhìn một chuyến tàu đi ngang. Những ngày tháng cuối cùng của đời anh anh chỉ thích nhắc đến quá khứ và nỗi ám ảnh của anh về những chuyến đi, chuyến đi nào cũng thấp thoáng hình ảnh con đường sắt, những chuyến tàu, những nhà ga... ga Mường Mán, ga Tua Chàm, ga Diêu Trì, ga Kỳ Lam... của những thị trấn, thành phố miền Trung anh đã đi qua. Nhưng buồn bã và cô tịch nhất - anh bảo - là những nhà ga nhỏ như ga Krongpha, ga Eo Gió ở chân đèo Ngoạn Mục.

Cửa buồng mở. Một người đàn bà bước vào. Chị ta bận đồng phục quần xanh áo sơ mi trắng tay xách cặp da, ở túi áo có đeo phù hiệu nhân viên hỏa xa. Chị yên lặng soát vé bốn người trong phòng rồi trở ra. Thảo quay qua hỏi chị ta:

– Sáng mai mấy giờ tàu đến hở chị?

Chị trả lời bằng một giọng nhà quê hơi sẵng:

– Đến đâu?

– Chúng tôi đi Sapa.

– Tàu không đỗ ở Sapa. Tàu đỗ ở "Nào Cai." Sáu giờ sáng.

Nói xong chị ta mở cửa đi ra.

"Nào Cai"!

Giọng nói ngọng đặc biệt miền Bắc của chị ta làm tôi vụt sống lại những ngày xa xưa lần đầu tiên tôi đến Hà Nội. Rồi tôi chợt nhớ ra rằng cái tuyến đường sắt Hà Nội-Yên Bái-Lào Cai mà tôi đang đi này cũng là tuyến đường tôi đã đi trong chuyến tàu thăm nuôi nhà tôi. Tôi lặng người nghĩ đến chuyến tàu cũ, chuyến tàu thảm thương ấy tôi không thể nào tưởng tượng nó đã từng một lần đi qua đời tôi.

Tôi nhìn đồng hồ tay. Tàu rời Hà Nội đã từ hai tiếng trước. Đứa con rể tôi và người bạn Mỹ đã ngừng nói chuyện. Ở giường bên con tôi và chồng nó nằm đọc sách. Giường trên đầu tôi người bạn của Steve chắc đã ngủ. Tôi ngồi dậy dí mũi sát cửa kính nhìn ra ngoài đêm tối cố tìm một hình ảnh nào quen thuộc trong quá khứ... hình bóng của một cái ga xưa.

Bên ngoài ánh trăng nhợt nhạt, dẫy núi mờ xa, đồng rộng mênh mang từng khoang nối tiếp như đuổi nhau dọc con đường sắt. Thỉnh thoảng thoáng hiện một chòi lá, một trụ điện, một lô cốt in trên nền trời. Giờ này tàu chưa thể đến được cái nhà ga ấy, mặc dầu đây là chuyến tàu tốc hành; may ra thì mới tới được nửa đường, nhưng cho dù có đi qua tôi cũng chẳng thể nào nhận ra. Suốt đời tôi không thể nào quên được cái tên của nhà ga ấy. Tôi tin chắc nhà tôi cũng nhớ rõ như tôi, mặc dù không bao giờ tôi được nghe anh nhắc tới trong số rất nhiều tên ga đã đi qua trong đời anh.

Tôi nằm trên giường kéo chăn bông lên cằm. Tiếng còi đêm *"Tu... Tu..."* lâu lâu vọng về mơ hồ như từ một miền quá vãng. Theo với tiếng động rập rình của con tàu đêm tôi chong mắt nhìn về quá khứ... tôi tính nhẩm... thế mà đã vừa đúng 25 năm, một phần tư thế kỷ.

*

Sau ba ngày ba đêm trên chuyến xe hỏa xuyên Việt tôi đến ga Hàng Cỏ Hà Nội vào một buổi

chiều mùa đông tháng 12 năm 1979. Chiếc áo len cũ tôi giữ từ những ngày còn ở Đà Lạt không đủ làm tôi ấm áp. Tôi lễ mễ xách hai cái giỏ nặng bước xuống tàu. Ga Hàng Cỏ ồn ào tiếng người. Cả chục chiếc xe xích lô tranh nhau mời khách. Tôi bảo chú xích lô chở tôi đến đường Lê Thánh Tông. Đó là địa chỉ của Bộ Giáo Dục nơi anh Tùng làm việc. Anh Tùng là người anh họ của nhà tôi. Năm trước anh từ Hà Nội vào Sài Gòn thăm chúng tôi và cho tôi địa chỉ này.

Lần đầu tiên đến Hà Nội tôi không có ý niệm gì về phố xá ở đây, không biết phố Lê Thánh Tông cách ga Hàng Cỏ bao xa, nhưng tôi nghĩ là phải xa lắm. Chú xích lô đi mất cả tiếng đồng hồ cũng chưa đến nơi. Xe đi lòng vòng mãi qua những đường phố chật hẹp của Hà Nội. Tôi thấy thành phố này sao mà cũ kỹ và buồn tẻ quá. Nhà cửa thấp lè tè, bờ tường loang lổ vàng ố, mái ngói nhà nào nhà nấy rêu xanh phủ đầy. Có lẽ tại tôi quen mắt từ hồi nhỏ những tòa nhà cao và khang trang ở Sài Gòn. Mà sao thành phố này lắm xe đạp thế. Đường phố chật ních xe. Tiếng chuông xe đạp leng keng rộn rã khắp nơi.

Sau cùng chiếc xích lô đỗ trước một tòa nhà thật to. Đó là Bộ Giáo Dục. Lúc trả tiền xe, chú xích lô quất tôi bốn chục đồng. Tôi điếng người. Bốn chục hồi đó lớn lắm. Tôi cự thì nó lại mắng tôi. Không muốn đôi co tôi đành bấm bụng trả tiền. Vào trong Bộ Giáo Dục tôi đi kiếm anh Tùng. Sau khi biết là tôi phải trả tiền xe những bốn chục bạc, anh kêu lên: "Trời ơi! Sao nó lấy dữ vậy!". Tôi nói: "Ai biết đâu. Thấy nó chạy xa quá trời..." – "Thôi chết rồi! Từ ga xe lửa lại chỗ anh có tí đường à. Nó đánh vòng vòng để lừa em lấy tiền". Tôi nói: "Thôi kệ! Miễn nó đưa mình tới nơi tới chốn an toàn là được rồi".

Tối hôm đó tôi ngủ ở nhà anh Tùng. Anh chị và các cháu chen chúc nhau ở trong buồng trên lầu một chung cư. Vào trong nhà anh chị là tôi đi tìm ngay nhà bếp vì tôi muốn hâm lại một số đồ ăn thăm nuôi tôi mang theo từ Sài Gòn. Nhà anh trống hổng, không có bếp, không có nồi nấu nướng. Ngạc nhiên tôi hỏi anh Tùng thì được biết là dân Hà Nội ở tập thể không nhà nào có bếp núc nồi niêu gì ráo trọi. Công chức nhân viên bộ đội ở ngoài bắc ăn cơm trưa và chiều ở cơ quan rồi mới về nhà. Trong giỏ đồ ăn thăm nuôi mà mẹ chồng tôi

DU TỬ LÊ

TÔI MUỐN NHẮC: NIỀM VUI LÀ NẤM MỘ CHỈ NỖI BUỒN MỚI THỰC CỦA TA, RIÊNG!!!

này bé dại ở cùng tôi mãi nhé!
vì niềm vui tuyệt tự. Chẳng sinh sôi.
vì ánh sáng ném tôi vào mất tích.
nhưng, nhờ em, tôi trở lại con người.
này bé dại, ở cùng tôi mãi nhé!
như nụ cười men ấm mắt nâu, sâu.
như cơn gió thổi hồn tôi mất, hút
nhưng nhờ em, tôi lại thấy tôi về.
như thế đó, trong tôi từng hạt lệ:
- nhận từ em, thuở trái đất sơ khai.
(tựa đâu đó, trong tôi từng hạt máu:
- nhận từ cha, và, mẹ thuở tôi-thai.)
sông cổ tích trôi giữa trời bạch lạp.
rừng nguyên sinh: muông thú hát như... người!
cây sinh nở những đứa con như... núi!
tháp phần em, một nửa đã thành tôi.
tự thắt cổ: mặt trời tôi tháng Một,
để hồi sinh từ thơ ấu em (tôi.)
lọn chân, thiết chảy theo chiều tóc mẹ
tôi bước ra từ ân sủng đất, trời.
tôi muốn nhắc: niềm vui là nấm mộ,
chỉ nỗi buồn mới thực của ta, riêng!!!
nên, bé dại: vai tôi chờ tóc mạ;
phút quay lui của quá đỗi băng băng.
(đường thẳng thớm, vậy mà, hầm, hố đấy!
trái ngang tầm, chưa hẳn sẽ trong tay.
thêm mưa, nắng vốn hàm hồ bất trắc
và, tương lai chảnh lắm nhé! thơ ngây.)
này bé dại! Lại đây...! Ngồi xuống...! Ngắm:
- những bông đời tôi hái giữa trăm năm.
tôi không bán. Chỉ mời em tự nhặt:
- một bông tôi từ giỏ-cũ-tâm-hồn.

(Oct.03)

và tôi đã dành mấy tháng trời để sửa soạn phần lớn là đồ ăn khô có thể để được rất lâu, nhưng tôi vẫn sợ một số ít có thể bị thiu sau ba ngày ba đêm ở trên tàu.

Mấy tháng trước tôi lên Sở Công An quận Năm xin giấy phép ra bắc thăm nuôi chồng. Theo thủ tục tôi đem giấy khai sinh và một cái thư của chồng tôi viết từ trại cải tạo chứng minh có người nhà ở tù. Thư phải kèm cả phong bì có đóng dấu, phải nói rõ tên tuổi, số tù, ở trại nào, lại còn phải chỉ rõ đường đi nước bước để người trong này ra thăm không bị lạc đường. Trong khi chờ giấy phép tôi sửa soạn đồ ăn thăm nuôi cho nhà tôi. Hồi đó bánh mì không được mua tự do. Mua cái gì cũng phải trình hộ khẩu. Gia đình sĩ quan ngụy không được mua gì ngoài một tháng bốn lít dầu với ít ổ bánh mì. Với hộ khẩu có tên tôi và mẹ chồng, một ngày chúng tôi chỉ mua được hai ổ. Chúng tôi chỉ dám ăn một ổ còn để dành một ổ xắt miếng đem ra hiên phơi khô. Còn mì gói thì tôi gom góp của người nọ người kia từ mấy tháng trước. Ngoài bánh mì, mì gói, còn mắm ruốc, sào xả, cơm rang phơi khô…

Sáng hôm sau anh Tùng đưa tôi trở lại nhà ga Hàng Cỏ. Trong ga người đông vô kể. Tôi thấy có rất nhiều đường rầy đến những thành phố khác nhau: Yên Bái, Việt Trì, Thái Nguyên, Lào Cai… Trong thư của chồng tôi có chỉ dẫn cách thức đến trại từ Hà Nội. Tôi nghĩ anh sao chép theo cái mẫu có sẵn mà tất cả tù nhân trong trại cải tảo gửi về cho thân nhân chứ sao mà anh có thể biết rành vậy. Nhà tôi ở trại tù Tân Lập thuộc tỉnh Phú Thọ. Từ Hà Nội đáp chuyến tàu đi Yên Bái. Đi hơn nửa đường thì xuống ga Ấm Thượng. Ga này cách trại tù Tân Lập khá xa, phải đi đò mới tới.

Anh Tùng chạy vào mua vé tàu cho tôi. Anh nói cái tuyến đường sắt tôi đi là tuyến đường đi Việt Trì, Yên Bái, Lào Cai. Trước khi lên tàu anh Tùng dặn dò tôi rất kỹ lưỡng. Anh nói: "Ở trên tàu quân ăn cắp như rươi, phải cẩn thận dữ lắm". Trước kia tôi cũng có nghe mấy bà thăm nuôi kể lại là tụi cướp đường đánh hơi mấy bà vợ sĩ quan ra thăm nuôi có mang nhiều đồ ăn nhiều tiền, tụi nó chờ thời cơ là giựt đồ, nhất là ở những khúc đường rừng. Tôi sợ lắm, không bao giờ rời cái giỏ xách tay đựng áo lạnh, tiền bạc, giấy tờ. Đi ngủ tôi cũng phải gối đầu lên nó. Anh Tùng còn sợ lên tàu tôi đói bụng không biết đường mua thức ăn nên anh dúi vào tay tôi một bao ny lông đựng cơm nắm trộn muối mè và thịt kho.

Chuyến tàu từ Hà Nội đi Yên Bái thật khủng khiếp. Nó bê bối hơn chuyến tàu từ Sài Gòn ra ngoài Bắc nhiều. Tàu chật ních. Người đứng người ngồi, đồ đạc ngổn ngang trên sàn tàu. Đã thế mấy thằng du côn ngồi banh chân banh cẳng choán hết lối đi. Tôi có đi qua chúng nó cũng làm ngơ chẳng thèm co chân lại. Mặt chúng câng câng dễ ghét. Tôi tìm được chỗ ngồi trong góc, đút cái giỏ đồ ăn dưới ghế, tay ôm cứng cái bọc quần áo có giấy tờ tiền bạc. Chuyến tàu chợ này chạy chậm lắm. Đã chạy chậm lại còn ngừng ở rất nhiều ga. Mỗi lần tàu ngừng là cả một cảnh hỗn loạn. Người lên người xuống chen nhau cãi vã cứ ồn cả lên. Trước khi chạy tàu giật một cái mạnh, xô mọi người về một phía.

Một anh cán bộ vừa bước lên tàu. Anh ta nhìn quanh. Vì ghế đã chật hết mà dưới sàn hàng hóa để ngổn ngang, anh ta đành ngồi bệt xuống sàn, dựa lưng vào một cái cửa cầu tiêu, ở gần cửa lên xuống. Tôi để ý trên chuyến tàu Yên Bái này có nhiều cán bộ đi hơn là ở trên chuyến tàu từ Nam ra Bắc. Chắc họ đi công tác. Thường cán bộ đi đâu cũng quấn ở bụng cái khăn lông, cái ruột tượng đựng gạo, lưng đeo ba lô, lại cài thêm nồi niêu, xoong chảo lủng la lủng lẳng. Anh này mặc bộ ka ki vàng bạc màu, đội nón cối, đi dép râu, chỉ có ba lô, không mang theo đồ nấu nướng. Anh ta có đồ ăn làm sẵn. Mở ba lô, anh lấy gói cơm ra ăn. Anh ta ăn bốc. Ăn từ tốn, thản nhiên. Lát lát anh ta lại né người xịch sang một bên. Một hành khách mở hé mở cửa cầu tiêu, lách vào.

Tôi cũng lấy bánh chưng bóc ăn. Bánh chưng còn nóng tôi vừa mua lúc tàu ngừng ở ga trước có người lên tàu bán. Bánh chưng một đồng một cái. Tôi còn mua cả chuối. Chuối ăn rất ngon. Ăn xong, vừa thấy có người mở cửa cầu tiêu đi ra tôi vội vàng ôm cái bọc bước tới. Cầu tiêu lúc này người ta xử dụng liền liền nên tôi không thể chần chờ.

Vừa mở cánh cửa cầu tiêu tôi bật ngửa! Trên lối đi vào, trên bệ ngồi bầy nhầy một thứ nước vàng đặc sền sệt của phân người trộn lẫn với nước tiểu. Ngay chỗ lỗ nhà trồ phân vung lên như một cái bánh bò, ngập lên cả hai bàn để chân. Từ đống phân đó vô số những con ruồi trâu bay vù lên, đâm thẳng vào mặt tôi! Hoảng hồn tôi vội quay trở ra, đóng cửa lại. Một mùi hôi thối theo tôi nồng nặc.

Tôi ngồi chịu trận sau đó cả tiếng đồng hồ trong cơn mót tiểu mỗi lúc một tăng làm người tôi co quắp lại. Nhưng nghĩ đến cái cầu tiêu gớm ghiếc kia tôi lợm người không dám trở lại. Cũng may mà tôi đã ăn bánh và chuối trước đó, nếu không tôi không thể nào nuốt trôi bất cứ thứ gì vào bụng. Trong khi đó anh cán bộ vẫn ngồi ung

dung thoải mái. Ăn xong cơm, anh ta chậm rãi đưa ngón tay trỏ lên miệng mút mút rồi xòe các ngón tay ra thè lưỡi liếm vào lòng bàn tay. Lát sau, đầu dựa vào chiếc cánh cửa – chiếc cánh cửa hôi thối – anh ta lim dim đôi mắt như còn đang tận hưởng dư vị của gói cơm ngon lành anh ta vừa ăn xong.

Đến trưa tàu rời đồng bằng tới vùng trung du. Bên ngoài là núi đồi rừng cây nối tiếp. Đến một khoảng rừng trống tàu hỏa ngừng lại giữa đường, chắc là theo lời yêu cầu của hành khách để họ đi tiêu đi tiểu. Thiên hạ đổ xô ra cửa. Tàu đỗ lưng chừng một ngọn đồi. Một bên là rừng cây có bờ dốc đứng. Một bên là cánh đồng có dốc thoải xuống. Nhìn phía bên rừng có cả trăm người đàn ông đứng thành một hàng dài, lưng quay phía tàu, tôi ngần ngại. Tôi bảo một con bé trông đồ cho tôi rồi tôi xuống tàu ở phía bên kia. Không nhìn thấy một ai, lại thấy một con dốc, tôi lần mò đi xuống. Tôi ngồi xuống tiểu trên bờ cỏ, mắt tôi nhìn ngược lên con tàu hỏa ở trên kia mà lòng lo sợ nó chạy mất. Tôi đi tiểu lâu lắm. Sau mấy giờ đồng hồ nhịn trên tàu, bọng đái của tôi tê liệt, tôi cố rặn mà nước tiểu không ra. Càng kinh hãi vì sợ tàu chạy lại càng khiến tôi không tiểu được. Sau cùng tôi phải cố trấn tĩnh và tập trung tư tưởng. Đến lúc nước tiểu vừa thoát ra được thì một tiếng còi hụ vang lên và con tàu từ từ chuyển bánh!

Kinh hoảng tôi kéo vội quần lên, chạy lên bờ dốc. Con dốc dựng ngược hơn tôi tưởng. Cứ mỗi lần hai tay tôi bám vào đất vào đá để níu lên thì đất lại lở ra và tôi lại tụt xuống. Tôi tụt xuống như thế hai ba lần. Cứ mỗi lần tụt xuống thì ở phía trên một toa tàu xẹt qua! Thất kinh, bàn tay tôi quớ quá thụp bám, trong khi dòng nước tiểu trong quần tôi vẫn tiếp tục chẩy dọc xuống đùi. Đến lúc tôi tìm được một khúc rễ cây để bám lên được và chạy đến sát đường rầy thì vừa vặn hai toa tàu chót đi ngang. Rất may tàu chạy không nhanh vì đang lên dốc. Tôi víu được cái thanh sắt ở cửa đu lên. Tàu hỏa có hai mươi toa. Đó là cái cửa của toa tàu chót!

Tôi đi lần lên trên tìm về toa tàu của mình, toa số tám, như người mất hồn. Từ đó cho lúc xuống ga Ấm Thượng tôi ngồi im bất động. Tôi tưởng tượng cái cảnh nếu tôi bị bỏ lại giữa rừng thì không biết số phận của tôi ra sao. Lúc đó hai ống quần của tôi ướt nhẹp, ép cái lạnh cái nhớp nháp vào da đùi tôi. Nhưng nghĩ đến cái cầu tiêu khủng khiếp tôi không dám vào đó để thay quần khác.

Mãi 8 giờ tối tàu mới đến Ấm Thượng. Cùng xuống với tôi tại ga này có khoảng ba bốn chục người. Tất cả đều là dân đi thăm nuôi thân nhân tại trại tù Tân Lập. Xuống ga chúng tôi tập trung tại một cái trạm trình giấy tờ. Trạm là một căn nhà lá lợp tranh. Chúng tôi ngồi chờ riết tại đó cho đến sáng. Trời lạnh như cắt da cắt thịt. Có bao nhiêu áo tôi bận hết mà vẫn thấy rét. Sáng hôm sau đoàn người lũ lượt đi xuống một bến đò gọi là bến Ngọc, nơi đó có phà chở chúng tôi đi ngược dòng sông. Sông khá to, vùng này người ta gọi là suối, có tên là Suối Mai. Chiếc phà tựa như chiếc xà-lan tôi thường thấy chở dừa chở chuối ở bến đò Thủ Thiêm. Cả một ngày trời phà chạy trên sông tôi nhìn cảnh vật hai bên bờ và thấy núi non ở miền Bắc khác hẳn trong Nam. Núi ở đây cao hơn, nhọn hơn, ít cây hơn và có nhiều đá xanh. Hai bên bờ lác đác những căn nhà chòi cất cao như kiểu nhà sàn của người Thượng. Phà đi lâu lắm. Đến tận chiều tối chúng tôi mới đến nơi, một bến đò nằm tuốt phía dưới sâu. Đây là vùng đồi núi, từ bến muốn lên đường cái phải lên cái dốc thiệt cao. Mọi người hì hục dinh đồ lên. Lên trên đó có xe Molotova, một lại xe nhà binh của Liên Xô, chờ sẵn. Xe đưa chúng tôi một quãng đường khoảng 10 cây số đến một cái trạm thì ngừng. Mọi người xuống xe. Lúc đó đã tám giờ tối. Tôi ninh ninh là đã đến Tân Lập. Té ra còn phải cuốc bộ thêm cả tiếng đồng hồ nữa mới đến trại. Hành lý đồ đạc của mọi người được chất đầy trên một chiếc xe trâu, một loại xe giống như xe bò ở miền Nam nhưng do hai con trâu kéo. Dưới ánh trăng mờ mờ, đoàn người thăm nuôi lặng lẽ đi bộ theo xe trâu trên con đường rừng.

Khoảng 10 giờ đêm chúng tôi đến trại Tân Lập. Mọi người trình giấy tờ ngoài cổng và được hướng dẫn đến một dẫy nhà lá ở phía ngoài trại. Nhà này dùng làm chỗ ngủ cho dân thăm nuôi. Đó là loại nhà ở ngoài Bắc gọi là "láng", nhà lá lợp tranh, cột gỗ lấy trong rừng, chắc là do những ông tù cải tạo làm và được ngăn ra từng phòng nhỏ. Mỗi người được cấp phát một cái mền Trung Quốc có lông đỏ thật dầy. Trời ban đêm quá lạnh, có lẽ trong đời tôi chưa bao giờ phải ngủ ở một nơi giá buốt như thế.

Sáng ra tôi trở dậy, đứng xúc miệng đánh răng tôi nhìn xuống núi. Phía dưới kia, trong làn sương sớm, ba tên công an giắt một đoàn tù cải tạo vác cuốc đi vào rừng lao động. Tuy nhìn từ xa nhưng tôi thấy rõ đoàn người ai nấy đều ngoái cổ ngước nhìn lên ngọn đồi chỗ tôi đang đứng và tôi hình dung nỗi nôn nao của họ không biết trong số những bóng đàn bà thấp thoáng trên kia có người vợ thân yêu của mình không.

Lúc ấy lòng tôi cũng nôn nóng không kém họ. Đã năm năm rồi còn gì. Năm năm không hề thấy bóng dáng anh. Kể từ ngày cuối tôi tiễn anh với mớ hành trang và thức ăn tôi sửa soạn rất kỹ để anh dùng trong thời gian xa cách mà lúc ấy tôi nghĩ là chỉ có hai tháng. Sau năm năm chờ đợi, chốc nữa, tôi sẽ gặp anh. Nhưng "chốc nữa" bây giờ tưởng như dài vô tận. Đã 10 giờ sáng rồi mà tên anh chưa thấy gọi trên loa.

Ngồi bó gối trong phòng đợi tôi lấy bánh chưng ra bóc ăn. Ăn xong còn đói tôi sực nhớ ra là trong bọc còn gói ny lông cơm anh Tùng đưa tôi ở ga Hàng Cỏ từ hai hôm nay mà tôi quên khuấy đi mất. Tôi giở ra thì nắm cơm đã thiu. Thấy giữa phòng cạnh một cái bàn có để một cái sọt rác, tôi bèn giục cái bao cơm và cái lá bánh chưng vào đó.

Nghe trên loa đọc tên nhà tôi tôi lật đật đi vô phòng tiếp tân. Tù cải tạo và thân nhân chỉ được phép gặp nhau trong phòng đó nửa tiếng đồng hồ. Cứ người nọ ra thì người khác vô. Lúc tôi vào còn đứng ở cửa thì có một anh bộ đội đang quát một cặp vợ chồng. Hết giờ thăm rồi mà bà vợ cứ bịn rịn mãi không chịu đi ra. Anh cán bộ hét to: "Khẩn trương lên!". Không biết bà ta không hiểu hay giả đò không hiểu, bà ta cứ tỉnh bơ, cứ lần chần rề rà gói đồ ăn thiệt là chậm. Bà rỉ rả nhắn chồng, nhắn có một câu mà cứ nói tới nói lui hoài. Tôi đứng chờ mà cũng sốt cả ruột. Thấy anh cán bộ tức giận qúa tôi sợ cho ông chồng, sợ hắn trù ông ta tội nghiệp, nên mới lên tiếng nói chữa: "Ở trong Nam người ta không nói khẩn trương. Người ta bảo nhanh lên hay lẹ lên. Nói khẩn trương chắc ông bả không hiểu đâu!". Anh ta liền nói "Nhanh lên!" tức thời hai ông bà kia trả lời "Rồi, rồi! Đi liền! Đi liền!". Ông chồng cho vội đồ ăn vào bao rồi lật đật đi trở vô. Còn bà vợ quay qua nhìn tôi, cười khì khì, có vẻ khoái trí vì đã lừa được anh cán bộ.

Phòng tiếp tân có một cái bàn dài như kiểu bàn ăn, nhà tôi ngồi một đầu bàn, tôi ngồi một đầu, công an ngồi ở giữa.

Thoạt tiên, tôi không nhận ra người ngồi phía bên kia đầu bàn, là anh. Nhà tôi vốn xưa nay tạng người gầy gò, bây giờ chỉ còn da bọc xương. Ở đầu bàn kia khuôn mặt đầy những hốc tối của người lạ mặt thoáng vụt trong trí tôi hình ảnh chiếc sọ người có dính thịt. Rồi khuôn mặt ấy thu nhỏ lại. Là anh. Ở cặp mắt. Nhìn nhau, tôi biết ngay là anh đã đọc được nét sửng sốt trong ánh mắt tôi; và qua đó, như tấm gương soi, lần đầu tiên sau năm năm trời cải tạo, anh mới ý thức được cái diện mạo mới của mình.

Tôi biết là mình chỉ được phép gặp anh có nửa tiếng và nửa tiếng đó sẽ vụt qua nhanh lắm, nên tôi cố hết sức đè nén xúc động, không dài dòng tỉ tê mà chỉ tóm tắt cho anh biết rành rẽ về hiện tình ở nhà, tình trạng sức khỏe của mọi người, nhất là của mẹ chồng tôi, bà con những ai đã chết, đã đi xa, những người đã lập gia đình, có con... Còn biết bao nhiêu những điều khác – nhớ nhung, xót thương – tôi chỉ biết lặng lẽ gửi đến anh qua ánh mắt. Tôi hoàn toàn không nói với anh một lời về những khó khăn chồng chất mà hai mẹ con tôi phải chịu đựng trong cuộc đổi đời.

Lát sau họ đưa đồ ăn của tôi vô bầy lên bàn. Công an mở từng gói từng gói đồ ăn ra, họ lấy chiếc đũa khều khều kiểm tra từng li từng tí một. Xong tôi hốt đồ ăn bỏ lại trong gói. Tù thăm thân nhân từ trại đi ra mỗi người đẩy một cái xe cút kít. Chúng tôi bỏ đồ ăn lên xe. Nửa giờ ngắn ngủi đã hết, nhà tôi đẩy xe đồ ăn vào trại, tôi đi trở ra, chấm dứt chuyến thăm nuôi tôi đã để cả sáu tháng trời sửa soạn.

Trở ra phòng khách tôi thấy người ngồi chờ đông lắm. Nhiều bộ mặt mới, chắc là những người này đi trên những chuyến tàu sau tôi. Tôi phải ngồi chờ ở đây cho đến hết giờ thăm nuôi lúc 5 giờ chiều mới có xe đưa về.

Trong lúc ngồi nói chuyện với một bà thăm nuôi, tôi nhìn cái giỏ rác ở giữa phòng, trên miệng giỏ còn vắt cái lá chuối gói bánh chưng tôi vứt vào đó lúc nãy trước khi vào phòng tiếp tân. Bỗng tôi chú ý, ngạc nhiên. Rõ ràng cái lá chuối còn dính một ít bánh chưng sao bây giờ nó sạch bóng sạch trơn như thể có con chó nào liếm láp. Quay qua bà bên cạnh tôi hỏi: "Ủa, có con chó nào ở đây mà tôi không thấy hả? Nó liếm sạch bách cái lá chuối gói bánh chưng tôi mới vứt ở kia trước khi gặp nhà tôi". Bà ta nhìn lá chuối nói: "Ở đó mà chó! Mấy ông tù chứ còn ai vào đây nữa! Mà phải ông nào có phước lắm được điểm tốt lắm mới được phép ra ngoài này dọn dẹp không phải đi lao động... Tôi đi thăm nuôi ba lần rồi tôi biết. Mấy ổng khổ lắm! Khổ còn hơn con chó!". Nửa tin nửa ngờ, tôi bước lại gần cái giỏ rác nhìn vào bên trong. Tôi lặng người. Nắm cơm thiu biến mất. Chỉ còn lại cái bao ny lông trong giỏ.

Tôi nghĩ đến anh lòng buồn rầu. Chắc chắn anh không phải là người "có phước" kia. Bởi vì tôi biết chắc anh không thể nào là người có "điểm tốt". Tôi nghĩ tới đêm qua tôi ngủ ở đây trong căn trại này, đến cái giá rét mùa đông đất bắc thật là khủng khiếp và tôi nghĩ là mình chắc chết nếu đêm qua tôi không có cái mền Trung Quốc. Đó mới chỉ là một đêm trong đời tôi. Còn anh, còn

những người khác... không có cái mền Trung Quốc, không có cả một nắm cơm thiu tôi vứt đi, tháng này năm nọ như thế... Thảo nào mà anh trông rộc cả người đi tôi không còn nhận ra anh nữa.

Hết giờ thăm nuôi chúng tôi mấy chục người bắt đầu rời trại đi xuống một con dốc dài. Lúc đó mới năm giờ chiều nhưng vì mùa đông đêm tới sớm nên trời đã gần tối. Sương chiều bắt đầu lan xuống thung lũng. Xuống gần cuối dốc thì gặp một đoàn tù cải tạo đi lên, tôi không biết đó có phải đoàn vác cuốc tôi trông thấy hồi sáng sớm hay không. Họ đi lao động ngược dốc trở về trại. Đoàn tù dài lắm chắc khoảng cả trăm người được hướng dẫn bởi ba tên cán bộ cầm súng, một tay dẫn đầu, một tay đi giữa, một tay đi sau cùng. Lần này vì đi gần nên tôi trông thấy rõ đôi mắt những người tù, những đôi mắt thật buồn, thật tội nghiệp.

Lần đi về chúng tôi không đi lại con đường cũ, không đi phà trên sông như ngày hôm trước mà có xe Molotova chở thẳng chúng tôi đến ga Ấm Thượng. Xe đi trong đường rừng suốt ba tiếng đồng hồ. Đến ga khoảng 8 giờ tối.

Vừa ngồi ở trạm không lâu thì có chuyến tàu trờ tới. Tàu vừa ngừng ở trạm thì đoàn người thăm nuôi, phần lớn là đàn bà trong số có nhiều bà cụ vội vã chen nhau trước cửa toa tranh nhau lên. Toa tàu chắc đã nghẹt người bên trong nên nhiều người không lèn vào được. Đã thế lại có những thằng mất dậy ngồi dạng cẳng ở bậc cửa choán hết lối đi. Một cảnh hỗn loạn xẩy ra. Ông trưởng trạm chạy ra nói: "Thôi! Lên vừa vừa thôi! Ở lại còn chuyến nữa 9 giờ. Làm gì mà chen dữ vậy!". Nghe thấy thế tôi khều mấy người tôi mới quen lúc ở trại ở lại với tôi. Tôi nói: "Đợi chuyến sau đi! Việc gì mà phải chen lấn. Mà tàu cũng sắp chạy đến nơi rồi, nó chỉ ngừng ở ga có 8 phút thôi". Lúc ấy có một bà lão trên bẩy chục tuổi, mặc dù tàu đã hụ còi mà còn ráng bám vào cửa tính đu lên. Mới chân trên chân dưới thì tàu phát chạy lôi bà ta sền sệt trên mặt đá răm cạnh đường rầy một quãng dài rồi quẳng bà lão nằm sóng sượt trên đất. Mọi người chạy tới vực bà đưa vào trong trạm. Một chân của bà máu mê ướt đẫm cả quần. Bà ta người quê ở Vĩnh Long lặn lội từ đó ra thăm con. Buổi trưa, lúc chúng tôi ngồi chờ xe trong phòng đợi ở trại Tân Lập, chính bà ta đã khóc quá trời kể tôi nghe con bả đi lao động đốn cây, bị té lăn xuống núi gẫy cẳng. Trong trại tù làm gì có nạng. Anh ta dùng hai khúc cây chặt ở trong rừng làm nạng chống khập khễnh từ trong trại đi ra khư tiếp tân gặp mẹ. Bây giờ thì cả con lẫn mẹ đều bị gẫy chân.

Một tiếng sau thì chuyến tàu 9 giờ tới. Chuyến này cũng đông không kém chuyến tàu trước và cảnh chen lấn để lên tàu lại tái diễn. Tôi để ý là những toa ở phía sau có ít người lên xuống hơn những toa đầu nên tôi cùng với vài người chạy dọc theo đường rầy về phía cuối tàu. Vừa lên toa thì tàu hụ còi. Chúng tôi xô nhau lên toa. Vào được trong toa rồi thì, quái lạ, toa tàu tối thui! Tôi nghĩ bụng: "Người ta không bật đèn chắc để tiết kiệm điện. Không thấy đường, tốt nhất là mình nên đứng yên một chỗ". Tôi mừng thầm là dù sao mình cũng leo lên được chuyến tàu chót.

Tàu chạy. Nó giựt một cái mạnh làm tôi xiêu người một bên. Hoảng hồn, sợ bị té, tôi từ từ ngồi xuống. Tôi ngồi bệt xuống sàn. Tay tôi quờ quạng trong bóng tối xem có cái ghế ngồi nào ở chung quanh không. Trống hổng. Sờ phía sau lưng tay tôi đụng thành tàu, tôi chống tay lùi dần đít về phía sau, cho đến khi tôi dựa được lưng vào đó.

Tôi ngồi yên như thế lâu lắm. Thường thường khi con mắt đã quen với bóng tối tôi có thể nhìn thấy được cảnh vật dù rất lờ mờ. Đằng này không. Tuyệt nhiên trong toa tối đen như mực. Bỗng tôi có một cảm giác là lạ là tôi không ở trong một toa tàu hỏa bình thường. Tôi xòe bàn tay mò mò trên sàn để thám hiểm xung quanh. Bỗng tay tôi mò trúng một đống gì sền sệt ướt ướt. Tôi đưa tay lên mũi ngửi. Trời! Cứt heo! Tôi hoảng hồn: "Ủa! Cứt heo đâu trên xe lửa vậy ha!". Ngồi lê trên sàn tôi quờ quờ phía trước. Tay tôi đụng mấy con heo. Chúng nằm cả đống ở đó. Thì ra đây là toa chở heo! Không muốn ngồi gần mấy con heo tôi dịch qua phía bên kia để tránh. Hơn nữa sàn tàu nhớp nháp dơ dáy quá tôi phải tìm cho ra chiếc ghế để ngồi. Mò mãi không ra ghế. Tay tôi lại đụng thêm một bãi gì bầy nhầy. Đưa tay ngửi: Cứt vịt! Một bãi khác: Cứt gà! Tôi quờ tay lên trên. Gà vịt một bày ở đó. Thôi, tôi rút lui, không muốn thám hiểm thêm.

Tôi thụt lui, thụt lui. Tôi không về đúng chỗ cũ vì khi tôi ngồi dựa vào thành tàu tôi ngồi ở giữa hai người, chắc là hai người đàn ông, lúc ấy đang ngủ gục ngáy khò khò. Hồi sau một cái đầu nghoẹo sang đè xuống vai tôi. Nghĩ thằng cha này lợi dụng bóng tối để dê mình tôi đẩy mạnh ra. Nhưng hình như hắn chỉ ngủ say, người hắn mềm xuội, chốc chốc cái cổ lại vẹo sang một bên. Tôi nhích người phía bên kia để tránh thì lại đụng thằng thứ hai. Thằng này còn tệ hơn! Cái đầu nó gục lên vai tôi nặng đến độ tôi không hất ra được. Rồi hự một cái. Trời ơi nó ói! Nó ói nhớt dãi thốc vào cổ tôi, chẩy xuống ướt cả phần trên chiếc áo. Thôi rồi! Mấy thằng này nó say xe chứ không phải dê mình.

Tôi ngồi chịu trận như thế. Lâu lắm. Suốt đêm. Bên cạnh tôi hai người đàn ông bây giờ đã ngủ say, ngáy khò khò. Tiếng ngáy to cộng thêm cái cổ nhớp nháp của tôi đưa lên một mùi chua nồng làm tôi rùng mình, không sao chợp mắt được. Đến gần sáng có lẽ vì quá mệt tôi thiếp đi.

Lúc tỉnh dậy thì tàu vừa đến ga Hà Nội. Trời sáng bạch. Hai người bên cạnh tôi vẫn còn ngủ vùi. Nhìn gương mặt của họ tôi mới biết đó là hai người thượng, có lẽ họ ói mửa vì không quen đi tàu. Tôi nhìn khắp trong toa. Nào heo nào gà nào chuối nào bắp nào bí nào khoai... lổn ngổn đầy trong toa. Thì ra những toa ở trên là toa hành khách còn những toa ở cuối tàu chỉ để chở hàng, thảo nào mà đêm qua không có ai dành nhau lên.

Lúc tôi xuống tàu gặp lại mấy bà quen họ rủ tôi đi mướn khách sạn. Ai nấy đều khuyên tôi là dù có người quen cũng không nên ở vì nhà cửa Hà Nội chật và đông đúc lắm. Mấy người chung nhau mướn khách sạn ở Đường Thành. Tôi tắm rửa sạch sẽ rồi ngủ một giấc dài. Đến chiều tôi kiếm anh Tùng. Anh Tùng lấy xe chở tôi đi. Ngồi sau chiếc xe đạp cũ kỹ của người anh họ lần đầu tiên trong đời tôi thăm Hà Nội 36 phố phường.

Hôm sau anh Tùng ra ga Hàng Cỏ tiễn tôi vào Nam. Anh nói là lần tới ra thăm nuôi thì nhớ lại ghé anh. Hai chữ " lần tới" làm tôi nhớ đến câu nói của nhà tôi trước khi chia tay. Anh cũng nhắc đến "lần tới". Tôi nói với anh là mỗi lần ra bắc tốn kém lắm, có thể phải bán cả cái xe Honda đi. Anh bảo: "Thì bán!". Tôi không nói gì. Anh không biết rằng cái xe chính là nồi cơm của mẹ con tôi, bán đi thì lấy gì mà sống. Bây giờ, sau chuyến thăm nhà tôi, tôi lại có thêm một lý do nữa để tin rằng sẽ không có "lần tới". Nghĩ đến hai chuyến tàu đi và về trên tuyến đường ga Ấm Thượng tôi rùng mình. Tôi thật tình không muốn phải đi lại tuyến đường ấy một lần thứ hai.

Rất may cho chúng tôi là một năm sau chuyến thăm nuôi ấy nhà tôi được thả về.

*

Xuống ga Lào Cai chúng tôi được nhân viên của hãng du lịch đón và đưa chúng tôi đi Sapa, cách Lào Cai khoảng hơn ba chục cây số. Trên chiếc xe van ngoài ba chúng tôi còn có Rick, người bạn mới của con rể tôi và hai du khách người Úc. Xe đi trên con đường đèo chật hẹp quanh co. Tôi nhìn hai bên đường. Phong cảnh nơi đây tuyệt đẹp. Sương hòa lẫn mây giăng phủ dẫy núi cao. Lưng chừng những ngọn đồi bờ đất chạy ngoằn ngoèo ôm lấy những khoang ruộng vàng rực trong ánh nắng mai từng lớp từng lớp đi lên như những bậc thang.

Gấp cuốn sách "Vietnam: the update guide book" đặt trên đùi, Thảo quay qua hỏi tôi:

– Đêm qua mẹ ngủ ngon không?

Tôi trả lời con:

– Mẹ ngủ cũng tàm tạm.

Thật ra đêm qua trong toa tàu tôi trăn trở mãi không ngủ được và khi tôi thiếp đi giấc ngủ lại đầy mộng mị.

Con tôi rời Việt Nam lúc còn nhỏ. Nó thuộc một thế hệ khác và lớn lên trong một thế giới khác. Sau khi nhà tôi mất nó trở thành giọt máu thân thương duy nhất của tôi. Tuy thế không bao giờ tôi tâm sự với nó về những chuyện buồn cũ. Bởi vì tôi biết chắc dù mình có diễn tả cách nào nó cũng chẳng thể nào hình dung ra nổi chứ đừng nói đến chuyện thấu hiểu. Vả lại nói cho cùng nó cần gì biết những chuyện xưa ấy.

Thảo nhìn ra ngoài xe rồi giơ máy ảnh chụp hai người đàn bà thượng vai đeo gùi lưng bọc con đi dọc ven đường. Nó nói:

– Cuốn sách này "rate" Sapa những ba sao. Họ nói Sapa cũng như vịnh Hạ Long là hai thắng cảnh du khách không thể bỏ qua khi đến miền bắc của Việt Nam.

Tôi yên lặng. Tôi ao ước được như con tôi: đến Sapa và nhìn Sapa dưới con mắt thuần túy của một du khách. Dưới con mắt vô tư ấy Sapa dễ dàng được đánh giá bằng con số của những ngôi sao. Còn tôi, tôi không thể nhìn cảnh trí nơi đây một cách bàng quan như thế. Tôi không thể nhìn nó mà không kèm theo những xúc động vui buồn hết sức riêng tư.

Vui vì Sapa là một thị trấn trong mộng tưởng của nhà tôi mà hôm nay tôi thay mặt anh đến thăm. Hồi anh còn bé đã có một lần cha anh kể anh nghe về Sapa và anh cứ nhớ mãi. Từ đó Sapa ăn sâu vào tuổi thơ anh như một cảnh trí thần tiên. Trong tâm tưởng anh Sapa là một thị trấn nằm trên mây, một thị trấn lãng đãng chìm đắm trong sương khói. Đó là nơi anh chờ đợi nhiều nhất để đến trong chuyến trở về Việt Nam của chúng tôi. Chẳng may anh mất trước chuyến đi được dự trù không lâu.

Buồn vì cảnh trí nơi này chưa chi đã làm tôi muốn ứa nước mắt. Khi tôi nhìn xuống chân đồi kia trong làn khói sương bay tỏa một đoàn mấy người thượng mang gùi vào rừng đốn củi tôi không khỏi liên tưởng đến cái cảnh ba tên công an cầm súng dẫn một đoàn tù dài vác cuốc vào rừng lao động, đoàn tù cúi mặt lầm lũi đi trong sương sớm.

Truyện Liêu Trai Mới

Cây gạo đầu nhà

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

(Nhân dịp Gs Đàm Quang Hưng xuất bản cuốn 8, trọn bộ tập Liêu Trai Chí Dị)

Huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, có người học trò họ Vũ, tên Tứ, bạn bè thường gọi là Tiểu Tứ, tính tình hiền lành nhưng rất cục. Nguyên khi còn học ở lớp sơ cấp, Tứ có biệt danh là Tứ "con" vì cùng lớp có một Tứ "lớn". Ở gần nhà có một con bé đen như củ tam thất nhưng có cái răng khểnh rất có duyên, Tứ thích lắm. Một hôm, Tứ "con" đang đứng ở đầu phố chơi với mấy đứa bạn thì con bé đi qua; một đứa quen miệng gọi Tứ là Tứ "con", nó xấu hổ, giận quá, đuổi đánh rất hung dữ, bạn bè phải can mãi, cho nó cái tên kiếm hiệp, nó mới thôi. Từ đó, Tứ "con" thành Tiểu Tứ.

Tiểu Tứ lúc nhỏ thông minh, mọi người đều nói thằng bé sau này tất làm nên nghiệp lớn. Nhưng có lẽ thày địa lý đặt đất sai lệch sao đó, khi Tứ đầy tuổi tôi, bố nó bày cung tên nghiên bút xem Tứ chọn thứ nào, chẳng may cái nắp bút rơi ra, Tứ nhặt được bèn giữ chặt lấy rồi đưa lên miệng thổi toe toe như cái còi, lấy làm thích thú lắm.

Năm Tứ sáu tuổi, chí lớn của nó xuất phát như thế này: một hôm, Tứ rủ em đi trồng cây. Thằng bé em chí khí là là mặt đất, mang mấy hạt ngô ra trồng. Còn Tứ, nhớ đến cây gạo ở đầu nhà cao ngất trời cùng hình ảnh cô đầm xinh đẹp ở trang bìa một cuốn tự điển, xòe bàn tay thổi tơ phấn bay phất phơ, Tứ bèn lấy mấy hạt gạo ra trồng, những mong chiều hè gió lộng thổi để bông gạo bay ra khắp bốn phương. Cây ngô lớn đâm bắp, còn cây gạo thì dù tưới mãi vẫn chẳng thấy hạt gạo nẩy mầm; nhưng cây gạo thổi bông bay khắp bốn phương trời đã trở thành một ám ảnh của đời Tứ.

Năm Tiểu Tứ đi thi lấy bằng thành chung, có bài toán muốn thay đổi phân lượng vàng bạc trong một hợp kim mà đáp số là hoặc lấy bớt ra từ hợp kim hai chỉ vàng hoặc cho thêm vào hợp kim ba chỉ bạc. Cả hai cách đều đúng. Bài toán hỏi thêm một câu phụ: cách nào *tiện* hơn? Tứ trả lời: lấy bớt ra hai chỉ vàng *lợi* hơn. Quan trường bàn nhau: trò này bộp chộp, tham lam, nếu cho đỗ thủ khoa, sau này chỉ tổ làm hỏng việc lớn, bèn đánh trượt với ý định cho nó chờ năm sau để tính khí thêm thuần. Nhưng năm sau chẳng bao giờ đến, việc trường ốc của Tứ từ từ xuống dốc. Ông bố thấy vậy, bèn cho Tứ đi học nghề sửa máy vi tính để kiếm sống.

Học nghề cũng chẳng đi đến đâu. Tứ cứ ngơ ngơ, làm việc gì cũng không có chủ đích, cả ngày chỉ thích làm thơ, viết văn. Một hôm trời đổi gió, Tiểu Tứ bỏ nhà ra đi, dạo chơi những nơi rừng núi khắp cùng trái đất, có khi leo lên cả dãy núi Smokey, có khi đi lang thang trong sa mạc Negev, có khi lò mò sâu xuống lòng Grand Canyon, dọc theo nguồn sông Colorado. Đi chán, Tứ dừng chân ở một thị trấn nhỏ, lấy được cô vợ. Hai vợ chồng mở tiệm sửa máy vi tính kiếm ăn.

Năm ấy, Tiểu Tứ theo bạn bè đi xem hội Bon-sai ở Quận Bưởi. Lần đầu tiên ra chốn đô thị phồn hoa, bỡ ngỡ, cái gì cũng lạ. Phố phường quang cảnh náo nhiệt, người xe đông như nước, chen vai thích cánh. Chợt Tứ thấy trong đám đông có một thiếu nữ áo tím, nhan sắc xinh đẹp, miệng hé cười cũng có cái răng khểnh, giống hệt con bé răng khểnh ngày xưa. Tứ mê mẩn tâm thần, liền đi theo. Một người bán hàng cho thiếu nữ một đóa hồng *plastic*, thiếu nữ cầm lấy nhưng đi được vài bước thì vất xuống lề đường. Tiểu Tứ đi sau bèn nhặt lấy đóa hồng, cất giữ, quý lắm. Đi gần sau lưng thiếu nữ, Tứ ngâm nga, cốt ý cho cô nàng nghe thấy:

"Ai đã làm chi đời ta..." (thơ Vũ Hoàng

Chương)

Thiếu nữ nghe rồi lẩm bẩm:

"Chẳng ai làm chi đời ta hết. Rõ không biết xấu! Thơ văn chẳng phải của mình mà cũng học đòi ngâm nga ghẹo gái."

Tiểu Tứ xấu hổ, ngừng ngâm thơ, nhưng mê quá hóa liều, cứ tiếp tục đi theo. Đến một chỗ hơi vắng, thiếu nữ đưa mắt liếc nhìn. Bắt gặp cái nhìn, tưởng cô gái ưng ý, Tiểu Tứ mừng quá bước nhanh, với tay định nắm lấy vạt áo. Thiếu nữ hoảng sợ, vội rảo bước lẩn vào đám đông. Tứ đuổi theo một hồi thì mất dấu, không thấy cô gái đâu nữa. Đang thẫn thờ tìm kiếm giữa đám họa sĩ vẽ rong, bán tranh mười tiền bên lề đường, Tiểu Tứ thấy một bức tranh tố nữ vẽ một cô gái đứng trước cửa căn nhà tranh ở ven rừng, trên bờ dòng sông nhỏ. Người trong tranh, nét mặt nghiêm nghị như một cô giáo trường làng, trông kỹ chính là cô gái áo tím răng khểnh mà Tứ đang tìm kiếm. Tứ mừng quá, liền móc túi lấy tiền mua tranh.

Tứ mang bức tranh về treo trên tường trong phòng làm việc, trước máy vi tính; còn đóa hồng *plastic* thì cắm vào lọ, rồi đổ nước vào và để trước tranh rất cẩn thận. Ngày ngày, mỗi bữa ăn, Tứ mang bát cơm, khi thì có miếng thịt kho, khi thì có khúc cá rán, xuống ăn trong phòng làm việc. Trước khi ăn, bao giờ Tứ cũng thay nước cho hoa, rồi thắp một ngọn nến và khấn, "xin mời nàng xuống ăn miếng cơm nhạt với tôi." Khấn xong, đếm nhẩm đến mười rồi mới thổi tắt nến, ăn cơm. Tứ nhận thấy nét mặt người thiếu nữ trong tranh ngày càng linh động, tươi ra. Một hôm, trong lúc Tứ đang khấn khứa, bỗng dưng từ loa máy vi tính vang lên tiếng hát rất thương cảm :

"Em có mong dòng sông cũ, vẫn xuôi niềm thương..."

Ai ngờ câu hát lại là câu chú của bức tranh. Câu hát vừa dứt, người thiếu nữ trong tranh hình như mỉm cười, đóa hồng *plastic* phảng phất tỏa mùi thơm, rồi dòng sông nước lững lờ hiền hòa chảy. Tứ bỏ cơm, đứng dậy đi dọc theo bờ sông một quãng xa. Ở một chỗ quẹo, cây cối um tùm, Tứ thấy thiếu nữ áo tím đang tỉa lá cây bên cạnh nhà, như có ý chờ mình. Mừng quá, Tiểu Tứ cầm lấy tay cô gái, không thấy cô rút tay ra. Tứ xưng tên mình rồi hỏi tên nàng thì nàng trả lời:

"Tên thiếp là Uyển Nhi nhưng vì thích mặc áo tím nên bạn bè quen gọi là cô Tím."

Tứ ôm lấy nàng, định cởi xiêm y, thì cô Tím lùi lại, nghiêm mặt nói,

"Người ta yêu nhau, chỉ ngồi cạnh, cầm tay nhau cũng đủ. Thiếp với chàng tuy có chút tiền duyên nhưng cơ thể thiếp chưa thể quen ngay điều cuồng bạo. Vả chăng, sông có khúc người có lúc, việc chi mà chàng vội vàng thế?"

Nghe vậy, Tiểu Tứ bẽn lẽn, từ đó xử sự nghiêm chỉnh. Uyển Nhi dẫn Tứ vào trong nhà, pha trà đối ẩm, trò chuyện rất là tương đắc, không sao dứt ra được. Từ đấy, Tiểu Tứ cứ chờ chập tối mới ăn cơm chiều rồi nghe hát *"Em có mong dòng sông cũ..."* để đi gặp cô Tím. Cô Tím quả là người bất phàm, hình như cái gì cô cũng biết. Tứ biết nàng không phải là người thường nhưng không biết nàng là ma, là chồn hay là tiên. Một hôm, Tứ vừa cầm đèn dơ cao, với ý định xem nàng có bóng hay không thì Uyển Nhi đã cười, tinh nghịch hỏi:

"Chàng muốn biết thiếp có phải là ma phải không? Thiếp không là ma đâu!"

Một buổi tối khác, hai người dạo chơi dưới ánh trăng, Tứ vừa nảy ý định đưa tay mó phía sau xem nàng có đuôi hay không thì Uyển Nhi vụt nói:

"Chàng muốn biết thiếp có phải là chồn phải không? Thiếp không là chồn đâu!"

Uyển Nhi thông thuộc kinh sách cổ kim, thấy Tiểu Tứ ham chuộng thơ văn, thường chỉ bảo, khuyến khích. Một hôm, Tứ nhớ lại cái tịch mịch hiu quạnh vô cùng ở sâu dưới Grand Canyon cùng cảm nghĩ cô đơn hoang vắng của đời mình khi bước đi dọc nguồn sông Colorado, Tứ nảy ra ý định làm một bài thơ tựa đề *Cô Đơn*, bèn lấy giấy trịnh trọng viết:

Biết bao lần tôi đã xuống nơi đây
Trong lòng Đại Vực
Bên cạnh nguồn sông
Trong cô quạnh của sâu thẳm
Tôi ngồi im lặng trông
Nhịp đập của trái tim
Cùng tiếng cười thanh thót pha lê vỡ
Của em
Xuôi theo niềm thương của dòng sông cũ
Đó là bí ẩn của đời tôi
Mãi mãi...

Uyển Nhi lẩm nhẩm đọc, rồi khen:

"Chàng thật tham lam; trong phép làm văn có ba cái khó nhất, ấy là tả cái bất động, cái tối mò và sự im lặng. Chàng đã chọn sự im lặng và thơ chàng hay lắm!"

Tiểu Tứ sung sướng, khiêm nhượng nói:

"Ta phải đổi lại chữ 'trông' thành chữ

'nghe'. Ai lại trông nhịp tim với tiếng cười?"

Uyển Nhi vội xua tay:

"Không! Không! Chàng cứ để nguyên như vậy, nhịp tim đập cùng tiếng cười pha lê vỡ đã ồn ào quá, ta cứ trông thôi, vừa có thêm một hình ảnh. Tâm hồn chàng bản chất là một tâm hồn thi sĩ."

Tiểu Tứ đê mê nghe người đẹp khen. A ha, bây giờ ta đã là thi sĩ! Tứ cầm tay Uyển Nhi để cảm ơn, thấy nàng ưng thuận, bèn đánh bạo ôm người đẹp vào trong lòng hôn hít. Thân thể nàng ấm áp, tỏa hương gây gây, ngai ngái của cô gái đương thì khiến Tứ rộn ràng, ngây ngất. Tứ đang loay hoay cởi khuy áo nàng thì nghe tiếng đàn bà gọi to ở sau lưng:

"Anh ơi, mau lên trả máy tính của ông Ba!"

Tiểu Tứ giật mình, thức tỉnh, dụi mắt ngoảnh nhìn, thấy vợ đang đứng ở cửa buồng, một tay cầm điện thoại, còn tay kia cầm con dao phay thái thịt. Một con thú dữ bị cướp mất miếng mồi ngon có thể làm lắm chuyện bất ngờ, nhưng thấy con dao phay vẫn còn lăm lăm trong tay vợ, Tứ cũng có ý nể, bèn lí nhí trả lời.

Liếc mắt ngửng nhìn, Tứ ngạc nhiên thấy trong tranh, ở đầu nhà, một cây gạo đã mọc cao tự bao giờ đang thả bông trong gió và cô Tím, một khuy áo ngực vẫn chưa cài. Nàng mỉm cười, đôi môi phác họa một nụ cười ái ngại.

Am Mơ tháng Giêng năm Đinh Hợi

Nguyễn Đức Tường

HUY PHƯƠNG

HUẾ OAN KHIÊN

Để nhớ những oan khuất Mậu Thân (1968)

Chiêng trống nào xin hãy nổi lên
Gọi hồn vất vưởng chốn oan khiên
Quan quân uổng tử giờ lâm trận
Tử tội thân lê đoạn xích xiềng.
Những giọt đàn bầu tiếng nỉ non
Nhị hồ réo rắt gọi vong hồn
Cửa thành xương thịt phơi năm hướng
Máu đỏ chan hòa cát biển đông.
Hãy thổi lên một đoạn sáo buồn
Trong đêm than thở tiếng ca ngâm
Gọi hồn lãng đãng chưa siêu thoát
Gọi xác ngậm ngùi chưa rửa tan.
Xương thịt nào của những bách dân
Chôn vùi dưới hào lũy Khiêm Lăng
Kinh đô thịt nát ngày thất thủ
Sọ trắng giăng hàng tết Mậu Thân.
Hãy gióng lên ơi những hồi chuông
Vang về vách núi, dội ven sông
Hồi chuông siêu thoát cho oan khuất
Lạnh lẽo âm thầm chẳng khói hương.
Hãy đánh lên ơi những tiếng cồng
Tù và rúc gọi hồn lưu vong
Tuổi trai tan nát đời chinh chiến
Đầu núi, thân non, chân đạp rừng.
Xin gọi trăng soi khe Đá Mài
Thời gian rêu phủ mảnh đầu ai
Bãi Dâu đau xót hồn Gia Hội
Phú Thứ tóc vương trắng cát dài.
Xin tụng cho hồn một thửa kinh
Được nơi bến Giác, ngộ duyên lành
Vượt qua hết kiếp trầm luân ấy
Nếu thật hồn ơi có hiển linh !
Hãy dựng lên trăm tháp trai đàn
Xin cùng trì chú với chư tăng
Đốt nghìn ngọn nến lung linh sáng
Rưới rượu cho hồn được giải oan.
Mệnh sử một thời mảnh đất Chiêm
Nghìn năm thương Huế nỗi oan khiên
Nam ai một khúc ca đòi đoạn
Trăng khuyết, nhang khuya, lạnh miếu đền...

Nước Úc Xa Xăm

HÀ KỲ LAM

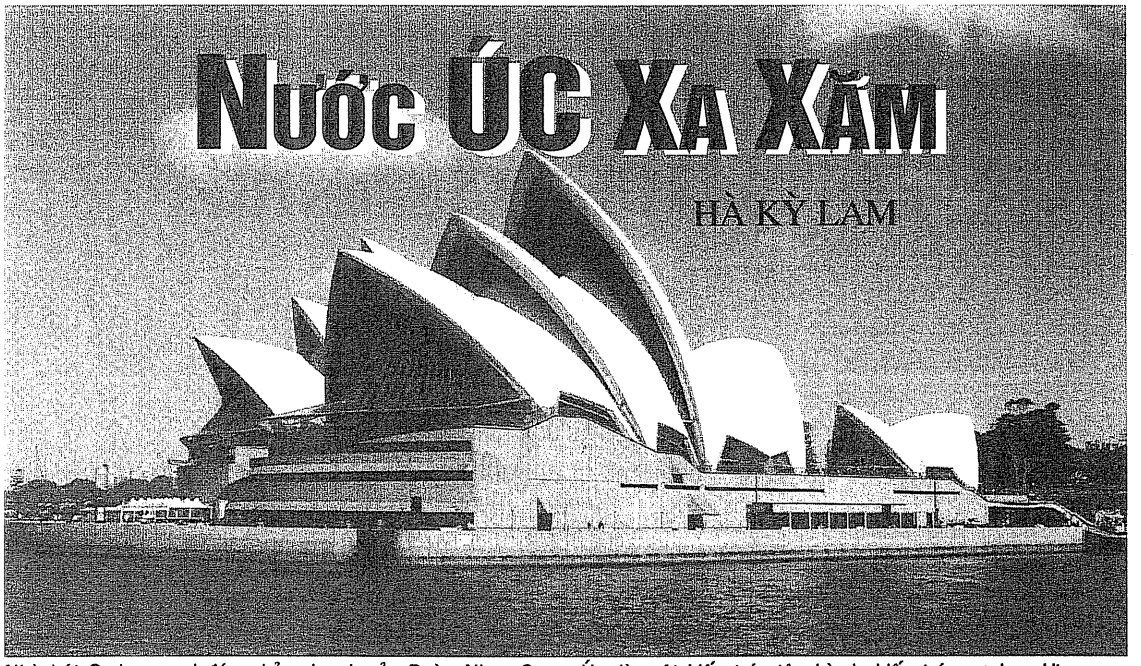

Nhà hát Sydney, nơi đóng bản doanh của Đoàn Nhạc Opera Úc, là một kiến trúc tân kỳ do kiến trúc sư Jorn Utzon của Đan Mạch vẽ kiểu

Dĩ nhiên xứ sở nào ngoài đất nước mình cũng xa lạ, gây hiếu kỳ và sự háo hức khám phá, nhưng Úc châu trong tâm tưởng tôi xa lạ hơn bất cứ vùng trời xa lạ nào. Nghe nói đến Paris, dù ta chưa đặt chân tới đó, vẫn nghe văng vẳng đâu đây âm vang thân quen tự thuở nào, *quartier Latin*, *xóm Montmartre*, v.v., hoặc nghe nhắc đến New York thì một Times Square dù mơ hồ – hay vô hình – đến đâu đi nữa vẫn "thấy" quen quen như đã gặp. Ấy vậy mà Melbourne, Sydney, Canberra nghe trống vắng và xa lạ làm sao! Xa lạ đã đành, bây giờ lại xa xôi nữa, với tương quang địa dư tính từ vùng đông bắc nước Mỹ, nơi tôi ở – một bên là một chỏm trên tây bắc quả địa cầu, và một bên là cái giải đất "down under" dưới đông nam địa cầu, gần cái chỏm nam cực. Dù sao, mùa thu vừa rồi tôi đã hài lòng vì thực hiện được chuyến viếng thăm phần đất nam bán cầu này, nơi tôi hằng mong đặt chân đến.

Đất nước này có lắm tên, như nước Úc, Úc Đại Lợi, Liên Bang Úc, hay thậm chí gọi Úc châu cũng được, vì đó là nước duy nhất trên thế giới chiếm hẳn một châu lục! Diện tích Úc châu xấp xỉ Hoa Kỳ, nhưng dân số chỉ trên hai mươi triệu. Nước Úc là thành viên của Khối Thịnh Vượng Anh (British Commonwealth); các thành viên khác là Gia Nã Đại và Tân Tây Lan. Nữ hoàng Elisabeth II của Anh hiện tại cũng là nữ hoàng của ba nước này. Úc là một liên bang giống như Hoa Kỳ, và gồm bảy tiểu bang: New South Wales, Queensland, Victoria, Tasmania, South Australia, Northern Territory, và Western Australia.

Nói về nước Úc, điều đầu tiên trong bao nhiêu đặc thù ở đây phải kể sự khác biệt về mùa so với các phần đất khác của địa cầu. Vì nằm ở nam bán cầu, thời điểm mùa của Úc trái ngược với mùa ở các xứ thuộc bắc bán cầu. Chẳng hạn, mùa đông Úc rơi vào các tháng mùa hè của các lục địa khác. Như Vậy:

ÚC	CÁC XỨ BẮC BÁN CẦU
Mùa xuân	Mùa thu
Mùa hè	Mùa đông
Mùa thu	Mùa xuân
Mùa đông	Mùa hè

Mùa đông Úc không khắc nghiệt lắm. Vùng Nam Úc lạnh hơn Bắc Úc; nhiệt độ trung bình vào mùa đông ở đây là 10 độ C, và những ngày lạnh nhất hàn thử biểu có thể xuống 6 độ C. Tuyết chỉ có trên các đỉnh núi cao. Mùa xuân và mùa hạ là mùa khô, và năm nay Úc lại đang trãi qua thời kỳ hạn hán có thể là tệ hại nhất thế kỷ. Trong mười ngày tôi viếng thăm vùng Nam Úc, từ 4-10-2006 đến 14-10-2006 – đang mùa xuân của Úc - mọi người ở đây đều kêu ca tình trạng khô hạn. Cơn hạn hán hiện thời đang là đề tài trên trang đầu nhiều tờ báo ở đây. Nhật báo *The Weekend Australian* số ra ngày 14-10-2006 đã dành nhiều

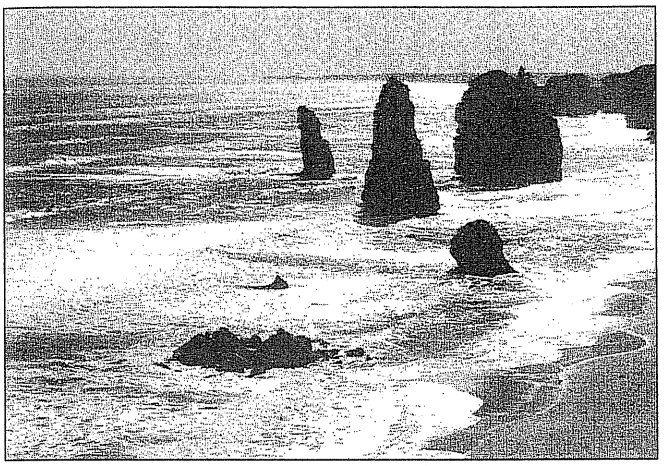

Thắng cảnh "Mười Hai Thánh Tông Đồ" ở tiểu bang Victoria

trang đăng tải những bài phóng sự, xã luận, tin tức, dự đoán về tình trạng "khô hạn lớn của quốc gia." Nhìn chung người đọc thấy chính phủ của thủ tướng John Howard đang bị chỉ trích vì đã không chú trọng đúng mức vào việc phòng chống hạn từ trước bằng các chương trình dự trữ nước, hạn chế nước. Thực ra, nạn hạn hán ở lục địa này là một cái gì "thường tình"; hầu như hằng năm đều có một khu vực nào đó ở Úc hứng chịu sự khô hạn trong mùa khô, và người Úc vẫn có kế hoạch giữ nước và chống hạn hiệu quả. Tuy nhiên, nạn hạn hán năm nay lại xảy ra trên một vùng rộng lớn, bao quát cả miền Tây Nam và Trung Tây Úc, trong khi Úc vẫn còn "thấm đòn" vì cơn hạn hán năm 2002, nên tình thế xem ra tệ hại bội phần. Hạn hán thì mang theo nạn cháy rừng. Trên xa lộ dẫn đến Sydney (tiểu bang New South Wales), và trên vài chặng đường trong tiểu bang Victoria, tôi đã mục kích những đám cháy ven đường, hoặc trong rừng, và người ta đang ra sức dập tắt. Qua đài phát thanh và truyền hình, người ta ghi nhận chính quyền Úc đang quan tâm nhiều đến vụ cháy rừng năm nay, vì sợ tác hại đến nền nông nghiệp xứ này như vụ hạn hán năm 2002. Khi đề cập đến sự khô hạn của cái lục địa hẻo lánh ở nam bán cầu này thì người viết đã về lại "dưới mái nhà" giữa mùa thu vàng óng mênh mông của vùng Đông Bắc Mỹ, dưới một bầu trời sũng nước hơn mọi năm. Ước gì những cơn mưa rả rích dai dẳng này được chuyển đổi qua bên vùng địa cầu kia, nơi vạn vật đang ngày đêm trông mưa! Bỗng thấy nực cười với chính ý nghĩ của mình: con người cứ ước mơ, và bộ máy vận hành của thiên nhiên thì chẳng hề biết khoan nhượng bao giờ; những "giọt mưa thu"1 Bắc Mỹ không thể rơi trong bầu trời xuân Úc châu! Những chuyên gia Úc báo động: cơn khô hạn này chưa có ánh sáng ở cuối đường hầm ít nhất cho đến mùa thu. Mùa thu Úc Đại Lợi, chứ không phải mùa thu bắc Mỹ, nghĩa là đến mùa xuân năm 2007 của chúng ta. Ôi, nước Úc xa xăm!

Nói đến hạn hán làm tôi nhớ lại những đồng cỏ và đồng hoa màu của hai tiểu bang Victoria và New South Wales mình đã có dịp trông thấy. Sự liên tưởng chỉ thuần do một định luật tâm lý – sự khô hạn xui ta nghĩ đến những môi trường đầu tiên chịu sự tác hại của sự thiếu nước – và điều tôi muốn đề cập không phải nạn hạn hán, mà là sự mênh mông vô tận của những cánh đồng kia, cùng những đàn bò và cừu đông như kiến. Tôi chợt hiểu vì sao thịt bò, thịt cừu, và nhất là len của Úc đầy dẫy trên thị trường thế giới. Một đất nước với một phần ba diện tích là sa mạc, và phần còn lại chỉ nhận được một lượng mưa ít ỏi – trung bình 51cm một năm – việc trồng hoa màu phải phụ thuộc vào hệ thống tưới tiêu, ngành chăn nuôi thích hợp nhất là nuôi cừu, vì loại gia súc này dễ thích nghi với môi trường đó hơn các loài khác. Tôi thấy tội nghiệp cho những đàn bò, cừu ở New South Wales: chúng vẫn ngoan ngoãn "gặm rơm" trên những đồng cỏ khô mênh mông đến chân trời. Những đồng cỏ ở tiểu bang Victoria thì xanh tươi hơn. Bây giờ là mùa xuân. Đồng quê Úc đẹp thật, với những đồng cỏ trải dài vô tận, hay lượn khúc theo những ngọn đồi thoai thoải điểm xuyết bằng những khóm cây, hoặc với những đồng cải bẹ xanh hoa vàng như một tấm thảm khổng lồ được trải xa tít tắp đến cùng trời. Được biết những cánh đồng cải xanh này sẽ cho hạt dùng trong kỹ nghệ chế biến mù-tạt (mustard); người ta trồng cải không phải để tiêu thụ lá.

Đất nước này có những bờ biển tuyệt đẹp. Úc châu là một hòn đảo khổng lồ, biển vây quanh, nhưng đẹp nhất là bờ đông với biển Nam Thái Bình Dương. Rất tiếc vì thời gian có hạn, tôi đã không viếng những bờ biển tiểu bang Queensland đẹp nổi tiếng. Chỉ riêng tại New South Wales và Victoria tôi cũng đã có dịp ngắm nhìn những cảnh quan đáng đồng tiền bát gạo của bờ biển Úc. Thắng cảnh Mười Hai Thánh Tông Đồ (Twelve Apostles) dọc bờ biển của tiểu bang Victoria là một công trình điêu khắc của thiên nhiên mà hình ảnh hầu như hiện diện trên mọi sách báo, tài liệu du lịch của Úc. Mười hai trụ đá đó nhô lên cao khỏi mặt nước, đứng thành một hàng dọc bờ biển

như được một bàn tay siêu nhiên sắp xếp trong Vịnh Đắm Tàu (Shipwreck Bay), cách Melbourne bốn giờ lái xe về hướng Tây Nam. Vịnh Đắm Tàu, cái tên tự nó cũng nói lên vùng nguy hiểm cho tàu bè. Trong lịch sử khai phá Úc Châu, tám mươi chiếc tàu đã bị đắm tại đây. Về Mười Hai Thánh Tông Đồ, với thời gian, do sóng gió xoi mòn, bốn trụ đá đã đổ xuống biển, chỉ còn lại tám vị, nhưng cái tên nguyên thủy "Mười Hai Thánh Tông Đồ" vẫn đứng vững với thời gian. Nói chuyện xứ người lại nhớ chuyện quê nhà ở Việt Nam. Mới đây, vào ngày 9 tháng 8, 2006 Hòn Phụ (trong cặp đá Hòn Phụ và Hòn Tử) ở bờ biển huyện Hà Tiên, thuộc tỉnh Kiên Giang thình lình gãy đổ xuống biển. Điều lạ là hiện tượng gãy đổ này không thể giải thích được, vì không do xoi mòn bởi gió và sóng nước. Nó không gãy ở chân, chỗ bao nhiêu triệu năm bị sóng nước đục khoét, xoi mòn, để hòn đá biến mất dưới nước như "bốn Vị Thánh Tông Đồ" bên Úc, mà lại gãy ngang thân trên, cách mặt nước tám thước. "Cái không bình thường" trong sự gãy đổ của Hòn Phụ Tử ở Kiên Giang đã nẩy sinh những lời xầm xì bàn tán nhuốm màu sắc siêu hình. Cảnh quang Mười Hai Thánh Tông Đồ ở bờ biển tiểu bang Victoria, Úc, quả là một công trình ngoạn mục của thiên nhiên, và du khách nào đã đến xem đều phải ghi lại hình ảnh để kể lại với người thân, bạn bè, hay để viết về nó. Dĩ nhiên chúng tôi đã không để lỡ dịp thu vào máy ảnh những bức hình đáng nhớ. Duy có điều là chúng tôi đến nơi thì mặt trời bắt đầu chếch về tây nên yếu tố ánh sáng không lý tưởng chút nào – rọi từ phía sau các trụ đá "Thánh Tông Đồ" – do đó những bức ảnh kém sắc sảo vì bị những vùng tối.

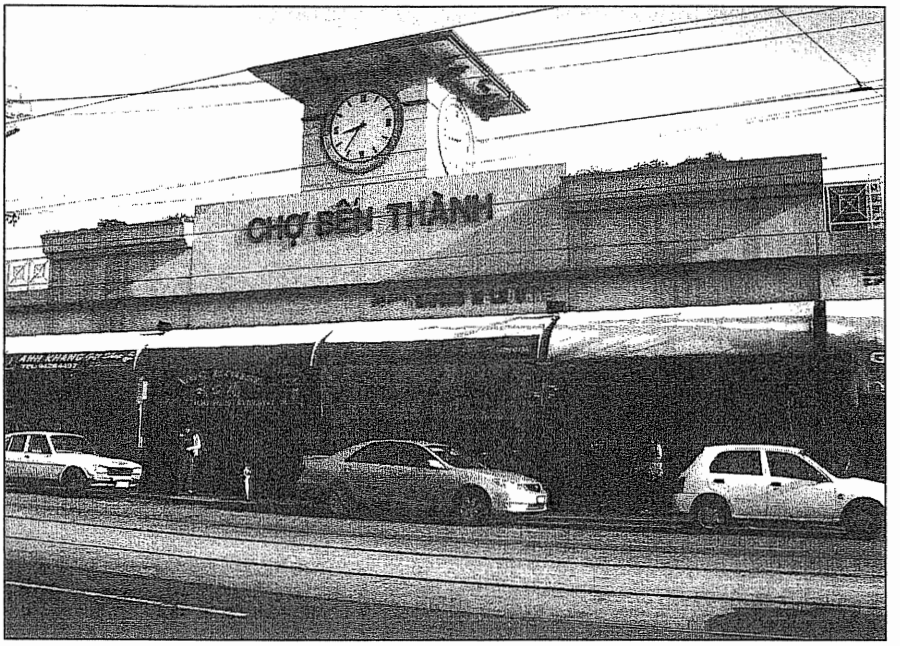

Khu thương mại của người Việt trên đường Victoria, Melbourne Đông

Về đô thị, có thể nói các thành phố Úc có chung một sắc thái với các thành phố Mỹ ở một điểm là cùng trẻ trung. Người ta thấy nét trẻ trung của đô thị Úc trên những kiến trúc tân kỳ ở các thành phố lớn Melbourne, Sydney, Canberra, v.v. Viếng Sydney, tôi yêu hai điều. Thứ nhất là Nhà Hát Sydney (The Sydney Opera House), tọa lạc tại khu bến cảng Sydney, và nhô ra tận bờ nước. Do nhà kiến trúc Đan Mạch Jorn Utzon vẽ kiểu, Nhà Hát Sydney có lối kiến trúc rất tân kỳ, giống những vỏ sò xếp lại với nhau. Thảo nào, các nhà báo tại Việt Nam cứ "tùy tiện" đặt tên là "Nhà Hát Con Sò," trong khi tên chính thức của nó là The Sydney Opera House. Nhà hát này nghiễm nhiên trở thành một dấu chỉ địa hình (landmark) của đô thị Sydney, giống như tháp Eiffel đối với Paris, Washington Monument — người Việt quen gọi "Tháp Bút Chì" – đối với Washington D.C., v.v. Điều đáng yêu thứ hai của Sydney – cũng dọc bến cảng – là trên lối đi bên bờ vịnh, gần Nhà Hát Sydney, bộ Văn Hóa và Nghệ Thuật tiểu bang New South Wales đã có sáng kiến cho cẩn xuống mặt đường những bảng hình tròn bằng kim khí khắc tên tuổi cùng những câu nói để đời của những danh nhân thế giới đã từng đặt chân lên Sydney. Đang đi, tôi đã phải dừng lại ngay, khi thoáng đọc trước bước chân mình hàng chữ "JACK LONDON." Một tác giả mình yêu thích! Tôi đã đọc hết những gì in trên phiến kim loại màu đồng, tròn như con triện lớn ấn xuống lòng đường. Giữa những điều vắn tắt về nhà văn của các truyện phiêu lưu mạo hiểm, một câu nói của ông được đúc trên bảng đồng này, mà người viết chỉ xin tóm lược đại ý: ông muốn thà làm hạt tro từ lửa hồng rực rỡ hơn làm hạt bụi từ

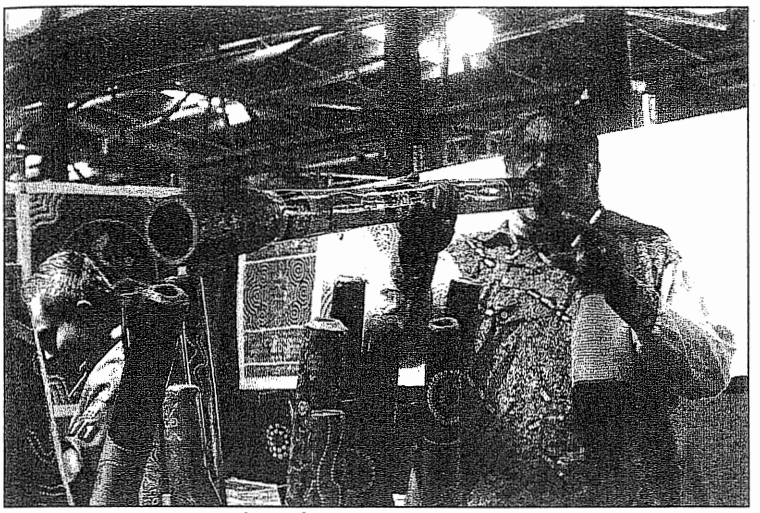

Gian hàng bán nhạc cụ thổ dân Úc Châu trong chợ Nữ Hoàng Victoria ở Melbourne

mớ đồ mục nát khô khốc; ông muốn sống mãnh liệt chứ không phải kéo lê sự sống2. Thành phố Melbourne cũng có nhiều lý thú cho người mới đến, như giòng sông Yarra êm đềm, con đường bộ hành (boardwalk) ven bờ sông, cây cầu Bolte Bridge bề thế, nguy nga bắt qua sông, và Chợ Nữ Hoàng Victoria (the Queen Victoria Market) tọa lạc ở khu tây bắc thành phố. Melbourne có nhiều cầu bắt qua sông Yarra, nhưng Bolte Bridge là cây cầu mới nhất và đẹp nhất, vừa hoàn thành năm 1999 trong dự án của hệ thống đường tốc hành đô thị, được gọi là Citylink. Tôi đứng nhìn cái công trình giao thông với từng dòng xe cộ cuồn cuộn di chuyển qua lại ngang qua khoảng cách rộng lớn giữa hai bờ sông, chưa kịp thốt một lời khen ngợi kỹ thuật cầu đường của Úc, thì ông bạn đồng hương của tôi, với tư cách một cư dân của nước chủ nhà, cho biết công trình Citylink chưa xong, và được dự trù sẽ hoàn tất vào năm 2008. Tôi lại càng phục cái đồ sộ của dự án. Về Chợ Nữ Hoàng Victoria, theo một cuốn sách hướng dẫn du lịch tại Úc, nó được kể là chợ lộ thiên lớn nhất ở Nam Bán Cầu (*lộ thiên* theo nghĩa mở thoáng, không có tường vách bao quanh, nhưng toàn khu chợ vẫn có mái che). Chợ này ra đời cách nay một trăm hai mươi năm. Chiếm một diện tích hơn bảy mẫu tây, những gian hàng trong chợ Nữ Hoàng Victoria bày bán hàng hóa đủ loại – có thể nói thượng vàng hạ cám – từ cây kim sợi chỉ, quần áo, bàn ghế giường tủ, đến thịt cá tươi, trái cây tươi, v.v. Chính tại khu chợ này chúng tôi mới có dịp "chiêm ngưỡng" dung nhan một anh chàng thổ dân Úc tại gian hàng bán nhạc cụ của anh ta – nhạc cụ thổ dân Úc châu, những cây kèn dài cả thước với âm thanh trầm trầm. Ở Melbourne tôi cũng "khám phá" ra một sáng kiến của người Úc: trồng cây vừa để giữ môi trường xanh cho thành phố, vừa làm trụ để đậu xe. Chúng tôi đang đi trên vỉa hè đường Flinders, con đường song song với bờ sông Yarra, và thoạt nhìn tôi đã chú ý ngay những thân cây to lớn đứng thẳng hàng và cách khoảng đều nhau (mỗi khoảng đủ rộng cho một hay hai chiếc xe du lịch vào đậu) gần lề đường nhưng trong lòng đường. Hầu hết các khoảng trống giữa các cây đều có xe đỗ. Tôi không rõ có những nơi nào khác, ở Mỹ, và trên thế giới, người ta cũng làm như thế, chỉ biết đây là lần đầu tôi bắt gặp sáng kiến này mà tôi nghĩ không tệ chút nào. Duy có điều là trồng cây như vậy những ma men chân nam đá chân xiêu đi lạng quạng va vào gốc cây trầy mũi, sưng trán chắc có lý do để cần nhằn, "*bố khỉ, ai trồng cây giữa đường thế này!*" Vùng Melbourne còn có một hiện tượng nổi tiếng là sự bất thường của thời tiết. Đến đây, quí vị đừng ngạc nhiên khi thấy giữa một ngày nóng bức và nắng chang chang nhiều người vẫn ôm theo chiếc áo ấm dày cộm và cây dù để che mưa. "*Four seasons in one day*" là câu nói quen thuộc mà người Úc hay dùng để chỉ sự bất thường của thời tiết ở Melbourne.

Miên man chuyện đô thị dẫn đến chuyện thuê mướn nhà cửa và chuyện tiện nghi sưởi ấm trong nhà ở Úc. Được biết tại Úc tiền mướn nhà phải thanh toán hàng tuần, chứ không phải hàng tháng như ở Mỹ và nhiều nơi khác trên thế giới. Đó là một sự việc "mới mẻ" đối với người viết. Tình trạng sưởi ấm trong nhà ở Úc cũng làm tôi ngạc nhiên. Không biết có phải là một tình trạng chung của nhà cửa Úc châu, hay chỉ là trường hợp cá biệt, nhưng nhà ở của vài gia đình người Việt mà chúng tôi có dịp viếng thăm không trang bị hệ thống sưởi ấm. Kết quả là, trong những ngày ở Úc, chúng tôi bỗng thấy mình trở về lại những ngày mùa đông của miền Trung, hay miền Bắc Việt Nam, đi đứng co ro trong nhà, tối vào giường ngủ với áo xống hai ba lớp, đắp chăn trùm kín đầu!

Dạo phố một chiều thứ Sáu ở Melbourne với vợ chồng người bạn cũ, cư dân ở đây, chúng tôi lại được chỉ cho thấy một hiện tượng độc đáo khác: mức tiêu thụ la-ve của dân Úc. Nhìn những

quán rượu đông khách chiều cuối tuần, tôi không thấy ai cầm một ly rượu, mà chỉ toàn những ly bia, và những ly bia. Tôi bỗng cười thầm, vì một điều ngộ nghĩnh chợt lóe lên trong trí. Số là khoảng mười năm trước tôi có đọc một tập truyện của Jeffrey Archer, và phải chờ đến hôm nay, có dịp tản bộ giữa phố phường nước Úc, tôi mới vỡ lẽ vì sao nhà văn này đã dám đặt vào miệng một nhân vật của mình câu nói đầy hồ nghi và và trịch thượng sau đây, *"Người Úc ấy à?", Hamilton vừa đặt ly rượu xuống vừa hỏi lại với vẻ mặt khó tin. "Làm sao một nước uống bia như hũ chìm lại có thể bắt đầu hiểu công việc đầu tiên về sản xuất một thứ rượu chỉ tạm uống được?"*3

Nói đến nước Úc mà không đề cập đến một loài thú được xem là biểu tượng của xứ này, loài kanguru, là một thiếu sót. Đó là một loài động vật có vú, đầu giống như loài mễnh, hai chân trước ngắn hơn hai chân sau, đuôi dài và to; bụng có túi để mang con. Loài thú này chỉ có ở Úc và đảo New Guinea. Kanguru có nhiều loại, từ loại nhỏ bằng con mèo đến loài lớn có thể đứng cao cả hai thước, cân nặng đến chín mươi ký, như loài Kanguru sắc lông hung hung. Một loài kanguru với kích thước ở giữa hai loài kể trên là những con kanguru lông xám. Tôi thấy loài kanguru xám rất thân thiện với người, trong khi những loài kanguru khác thì rõ ràng cố "giữ một khoảng cách" với loài người. Những con Kanguru xám chúng tôi gặp trong công viên Gumbuya ở tiểu bang Victoria thật dễ thương; vừa thấy người đến, lập tức từng đàn của chúng từ trong rừng "nhảy cò cò" ra (chúng di chuyển bằng cách nhảy bằng hai chân sau), còn những con kanguru thuộc các loài khác thì chẳng buồn để ý đến khách, hoặc chỉ đứng xa nhìn với vẻ đố kỵ. Vợ chồng tôi đút từng mẫu bánh mì cho các con kanguru xám, y hệt như ta cho chó ăn. Điều thú vị là chúng rất "ý tứ", cắn khẽ vào mẫu thức ăn để lỡ có nhầm vào ngón tay của người cho ăn thì cũng không sao, bằng cớ là chính tôi đã hai lần bị một chị kanguru võng con dưới bụng cắn nhầm "êm ái" vào ngón tay. Nhân nói đến động vật ở Úc châu, tôi không khỏi liên tưởng đến chim chóc ở xứ này. Thực tình, từ động vật dưới đất đến các loài bay trên trời, tôi chẳng có một mảy may kiến thức của mấy nhà khảo cứu; "thấy sao nói vậy, người ơi!" Trong những ngày ở Úc, tôi thường thấy một giống chim cỡ con quạ, lưng trắng, đôi cánh điểm vài chiếc lông trắng, còn toàn thân còn lại là lông đen. Vì thấy giống chim đó khắp nơi ở Úc, nên tôi chú ý, và nhớ lại ở Mỹ, cũng như ở quê nhà Việt Nam tôi chưa từng gặp chúng. Tôi nhớ lại có đọc ở đâu đó rằng trong tám trăm loài chim ở Úc châu thì có đến bốn trăm loài không tìm thấy ở nơi nào khác trên thế giới. Vậy có thể giống chim tôi vừa nói trên đây chỉ có ở Úc mà thôi.

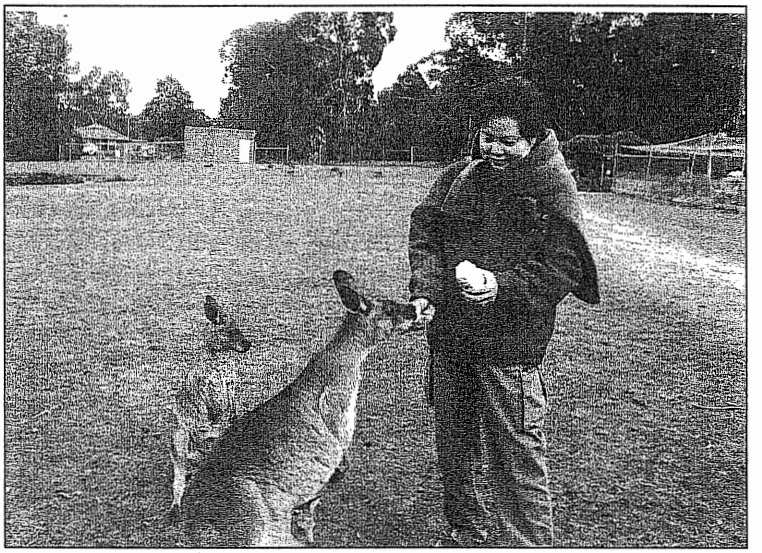
Loài Kanguru xám rất thân thiện với người.

Nhưng những ngày viếng nước Úc còn cho tôi nghĩ rằng lục địa Úc châu không chỉ đặc biệt hơn các vùng khác của địa cầu vì "độc quyền" có một số động vật, mà còn đặc biệt ở chỗ "có nhiều hơn" người ta! Viếng thăm Hawaii mấy năm trước đây, tôi đã vội cho tiểu bang này có nhiều chim cu – hay cu đất, như tên gọi ở các địa phương miền Trung Việt Nam – bây giờ tôi thấy Úc vượt xa Hawaii về loại chim này. Chỉ riêng hai vùng tôi đã đặt chân đến, hai tiểu bang Victoria và New South Wales, cũng đủ để tôi kết luận như vậy, vì không biết cơ man nào là chim cu. Còn tiếng gáy của chúng, ôi thôi huyên náo cả một vùng; sáng sớm đã bị đánh thức bởi giàn nhạc giao hưởng "cúc cu cu", trưa lại phải nghe các tấu khúc "cúc cu cu" nữa! Trưa, đúng thế! Tại sao ở Úc cũng xảy ra điều này?

Một buổi trưa không biết ở thời nào
Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ
*Mà đôi lứa đứng bên vườn tình tự...*4

Thú thật, những ngày ở Úc châu đã gợi tôi nhớ

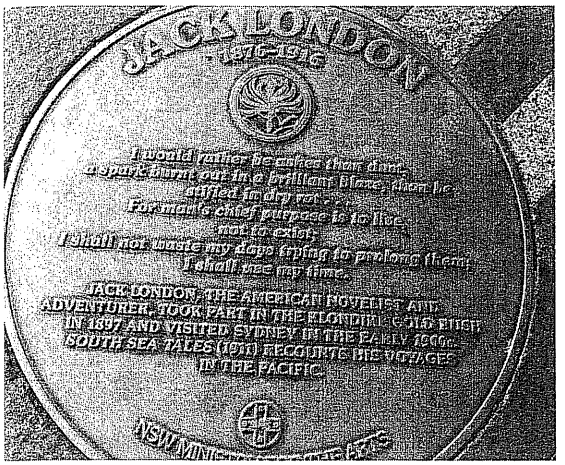

Jack London đã từng đặt chân đến Sydney, và ngày nay nước Úc trân quý kỷ niệm đó bằng tấm bia trên đây được cẩn xuống mặt đường hải cảng.

mấy vần thơ của Huy Cận, mà chuyến đi Hawaii trước đó thì không, bởi lẽ trong những ngày ở Hawaii tôi ở giữa phố thị không một bóng cây, thiếu vắng tiếng cu gáy! Dĩ nhiên Úc có nhiều giống chim tôi chưa được thấy và chưa được nghe tiếng hót, nhưng cớ sao hôm nay tình cờ đề cập đến *tiếng cu gáy của Huy Cận* tôi lại cũng tương tư tiếng chim hót trong các buổi phát thanh Việt ngữ của đài Úc châu thời kỳ trước 1975. Dạo ấy thỉnh thoảng tôi vẫn theo dõi các chương trình Việt ngữ của đài Úc, và điều tôi nhớ nhất là cứ mỗi lần bắt đầu buổi phát thanh, sau khi xướng ngôn viên nói câu mở đầu, "*đây là đài phát thanh Úc Đại Lợi, phát thanh trên các làn sóng...*" thì một tràng tiếng chim hót vang lên, lúc đầu âm thanh trầm nghe "*ục ục ục*" rồi cao hơn, "*oác oác oác ...*" Tôi nghĩ đó là một đài hiệu. Có lần một người bạn đã giễu cợt về đài hiệu đó, "*cậu nghe không, đài hiệu của đài Úc là tiếng chim kêu 'úc! úc' đấy*"! Bây giờ "nghe" lại trong trí tiếng chim ấy tôi hình dung con chim lớn cỡ con diều hâu đầu trọc (bald eagle) biểu tượng của nước Mỹ, và giống chim ấy phải "đặc biệt Úc" – chỉ nước Úc có mà thôi.

Về người Việt trên đất Úc, tôi không đủ dữ kiện thống kê cũng như dữ kiện xã hội để có thể tường trình. Nhân một chuyến viễn du, ghi nhận, nghe ngóng, những gì tôi thấy về tập thể người Việt ở đây rất hạn chế và có tích cách địa phương. Tôi chỉ biết đại khái rằng trên giải đất bao la thuộc nam bán cầu này có khoảng hai trăm nghìn người Việt sinh sống, và phần lớn tập trung ở hai vùng thuộc duyên hải đông nam Úc là Sydney và Melbourne. Chỉ riêng hai vùng này đã có khoảng một trăm bốn mươi nghìn người Việt định cư (hai phần ba dân số người Việt ở Úc); sáu mươi nghìn người Việt còn lại trang trải cho các vùng khác của nước Úc. Người Việt ở Úc châu tập trung đông nhất ở Sydney, thứ đến là ở Melbourne. Nhưng cộng đồng người Việt ở Sydney, không được may mắn như các nơi khác, lại phải đương đầu với một thực tại đáng buồn là tệ nạn xã hội và ma túy của một số thanh thiếu niên Việt. Mô hình định cư của người Việt ở Úc có lẽ cũng đồng dạng với các cộng đồng người Việt ở Mỹ, nghĩa là quần tụ thành những khu phố Việt. Chẳng hạn, thành phố Melbourne và các vùng phụ cận có bốn khu thương mại của người Việt: phía tây Melbourne có khu Footscray và Saint Albans, phía đông có khu Richmond và Springvale. Vợ chồng tôi đã có dịp theo chân ông bà bạn "gia chủ" đi chợ Footscray một buổi. Trong một khu chợ có mái che (như Chợ Bến Thành của Sài Gòn, nhưng nhỏ hơn) tiếng rao hàng vang dội từng hồi đầy thôi thúc, mời gọi khách hàng; lối rao y hệt trong những phiên chợ tết ở Sài Gòn ngày xưa, "*mạy dô, mạy dô, hôm nay ngày cuối*", "*mạy dô, mạy dô, mua một tặng một...*" Khu thương mại Richmond thì phô diễn một nét Việt Nam độc đáo: đứng ngạo nghễ trên nóc nhà khu tiệm của người Việt là tháp đồng hồ Chợ Bến Thành. Tôi cho đây là một sáng kiến thương mại rất ý nghĩa. Trên đường phố Victoria nhộn nhịp của Melbourne, hình tượng tháp đồng hồ Chợ Bến Thành vươn cao nổi bật giữa trùng trùng đường nét kiến trúc đơn điệu nhàm chán là một lời tự giới thiệu, một lời mời chào, là câu nói, "*tha hương ngộ cố tri.*" Đường Victoria này cũng được dân Úc ở Melbourne mệnh danh là một Vietnam Town vì họ đến đây để tìm thưởng thức nghệ thuật nấu nướng Việt; trải dài hai bên phố một đoạn chỉ khoảng một cây số mà đã có khoảng 70-80 nhà hàng Việt Nam. Ký sự Úc châu xin dừng tại đây.

Ngày 7 tháng 2 năm 2007

Chú Thích

1 Tên một nhạc phẩm của nhạc sĩ tiền chiến Đặng Thế Phong

2 Nguyên văn: I would rather be ashes than dust, a spark burnt out in a brilliant blaze, than be stifled in dry rot... For man's chief purpose is to live, not to exist; I shall not waste my days trying to prolong them; I shall use my time. *Jack London (1876-1916)*

3 Jeffrey Archer: "A Twist In The Tale", tập truyện, trang 148. Nhà xuất bản HarperCollins, NY, USA 1994.

4 Huy Cận: bài thơ "Đi Giữa Đường Thơm" – tác giả đề tặng Thạch Lam

Đọc Chốn Cũ của Song Thao

PHẠM XUÂN ĐÀI

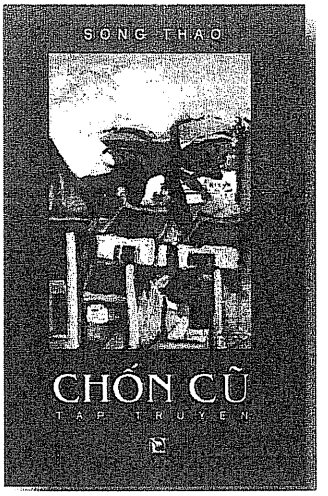

(Chốn Cũ, tập truyện của Song Thao, Nhân Ảnh xuất bản 2006, 225 trang, giá 14 Mỹ kim)

Chốn Cũ là tên của một truyện trong tập truyện này, nhưng đó cũng là cái không khí chung của cuốn sách. Chốn cũ... một tiếng gợi nhớ về những không gian mình đã từng ở trong ấy, những thời gian mình đã trải qua, những tâm tình mình đã từng rung động, những khuôn mặt mình đã gần gũi... Mười truyện, đề tài khác nhau, nhưng khuynh hướng "đi tìm những gì đã mất" vẫn bàng bạc khắp nơi, tuy bàng bạc nhưng vẫn rõ rệt đến nỗi người đọc có thể xem nhan đề Chốn Cũ là chủ đề chính của cả cuốn tập truyện ngắn này.

Một người sinh ra trên đất Bắc, điển hình là Hà Nội chẳng hạn, vào khoảng cuối thập niên 1930 đầu thập niên 1940 thì cuộc đời quả có nhiều cơ hội dời đổi hơn người cùng lứa ở miền Nam. Cuộc toàn quốc kháng chiến bùng nổ chủ yếu là tại Hà Nội, tạo nên phong trào tản cư gần như toàn diện. Hầu như nhà nào cũng bồng bế gánh gồng đi về vùng quê, trong khi tại miền Nam, điển hình là Sài Gòn, lại chẳng có cảnh này. Cuộc chiến kéo dài được mấy năm thì lại có phong trào hồi cư, nhiều gia đình lại quay về thành phố là nơi Pháp chiếm đóng và chính phủ quốc gia non trẻ mới được thành lập. Cuộc sống thành thị bắt đầu ổn định yên vui thì đùng một cái, đất nước chia đôi, tạo nên cuộc di cư vĩ đại đi về miền Nam. Ở miền Nam được 20 năm, lại bắt đầu ra đi nữa, sống nhờ tại nhiều nước trên thế giới. Chưa kể chiến tranh và nhiều sự khắc nghiệt khác, chỉ nguyên một chuyện xáo trộn và di chuyển như thế cũng quả là quá nhiều cho thời gian của một đời người. Và dĩ nhiên các biến cố đã hằn những dấu vết khó phai trong tâm khảm những người trong cuộc.

Song Thao là một người đã trải qua đầy đủ các biến chuyển vừa kể. Người ta không thể không chờ đợi ở một người viết văn như ông, một lúc nào đó bắt đầu viết về... chốn cũ, cho người đọc chia sẻ với từng mảng quá khứ ông đã trải qua, đã trở thành quá xa trong không gian, trong thời gian và trong tâm tưởng, xa đến độ tưởng chừng không còn bao giờ gặp lại, nhưng cũng chính vì thế mà có một khí vị đặc biệt chỉ một số người sống qua hậu bán thế kỷ 20 của Việt Nam mới có kinh nghiệm thôi.

Một điều chắc chắn là tác giả sẽ không thể viết về chốn cũ nếu không có cơ hội về thăm chốn cũ. Chiến tranh kết thúc năm 1975 đối với miền Nam giống như một hòn đá lớn ném xuống một ao bèo, làm nước tung tóe, bao cánh bèo giạt ra tứ phía. Nhưng rồi sóng lặn dần, từng tí một các cánh bèo nhích về vị trí cũ. Song Thao là một trong những cánh bèo ấy, ông đã về thăm lại Việt Nam, không những chỉ miền Nam mà cả Hà Nội, cái nôi thời thơ ấu và niên thiếu của ông. Đó chính là "chốn cũ" quan trọng nhất của Song Thao, nơi tâm hồn và nhân cách của ông đã thành hình, nơi ông đã sống những ngày tháng huyền thoại mà sau khi rời bỏ năm 1954, và nhất là sau cơn biến động 1975 đã xô giạt ông ra nước ngoài, có lẽ ông không hề tưởng sẽ có ngày tái ngộ. Thế mà Song Thao đã về. Đã đi trên những con đường cũ. Đã tìm

được và vào thăm ngôi nhà mình đã cùng gia đình cư ngụ thời xưa. Đã "nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ." Đó là những thời khắc phải nói là lớn lao vào bậc nhất trong đời một người. Nhưng Song Thao không để xúc cảm tràn ngập, ông không khóc than trên giờ khắc tái ngộ, không triết lý về sự tàn phá của thời gian. Ông nói về chốn cũ vừa như một người con đầy xúc động tìm về ngôi nhà cũ của bố mẹ, nhưng cũng với sự tỉnh táo của một du khách của thời toàn cầu hóa. Ông đã tìm thấy Hà Nội huyền thoại của tuổi thơ với cơn dâng trào của biết bao đợt sóng kỷ niệm, nhưng ông cũng không quên Hà Nội hiện tại với bao phế hưng thay đổi không còn giống như ngày xưa. Ông đã gặp lại Hà Nội, tỉnh táo hơn người ta tưởng, mặc dù đã có lúc

"*Tôi ngậm ngùi trước nhà cũ. Ngót nửa thế kỷ lưu lạc, tôi mới trở về. Tôi có phải khóc không nhỉ? Mắt tôi khô đi vì xúc động. Tôi đứng lặng người. Hình ảnh những ngày cũ quay mòng trong chiếc đầu đã hai thứ tóc, những sợi tóc bạc màu nhung nhớ nằm lấn lướt những sợi tóc ngày xanh.*"

Nhưng Song Thao không bao giờ bị chìm đắm trong kỷ niệm. Ông luôn luôn cho thấy là mình đang đối diện với Hà Nội bây giờ, với những nhận xét, những ký ức chợt đến khi đi qua nơi này, nơi khác. Tác giả đã nhìn lại Tháp Rùa, mà bây giờ ông thấy là "quá nhỏ" và nhận ra "*cái gì trong kỷ niệm cũng vạm vỡ hơn trong thực tế. Mình thường phóng đại, tô hồng chuốc lục cho những kỷ niệm.*" Ông nhớ cái bánh mì ba tê "ngon thấu trời" do một chú bé bán ngày xưa, nhớ món đậu phọng rang húng lìu của ông già tàu có "*cái miệng lúc nào cũng nhe ra như cười mà không phải cười,*" nhớ "*chiếc xe điện xưa leng keng kéo chuông giữa lộ nay đã biến đâu mất chẳng còn dấu tích*"... Là người từng trải qua bao biến đổi lớn trong đời, ông đến Hà Nội không mang ảo tưởng phải bắt gặp lại ngày xưa "của mình" để rồi kêu la thất vọng, ông rất biết điều chấp nhận cái đang có để thỉnh thoảng lại lặn sâu vào các kỷ niệm chỉ của riêng ông. Nhờ thế mà đọc truyện của ông ta luôn luôn gặp cái linh động của Hà Nội ngày nay, điểm xuyết đó đây là các hồi ức của một thời niên thiếu làm ta xúc động một cách nhẹ nhàng và đằm thắm.

Truyện Tìm Về nội dung không khác truyện Chốn Cũ (nếu nghịch ngợm nối hai cái tên đó lại thành *Tìm Về Chốn Cũ* cho hai truyện nhập thành một thì có lẽ cũng... được), nhưng có một chỗ làm cho tôi rất cảm động, đó là cái gần như là mối tình của người con gái tên Chuyên 13 tuổi thời 1954 với nhân vật trở về. Câu hát trong bài Ngày Trở Về của Phạm Duy tôi trích dẫn trên kia "nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ" là nhằm vào "chuyện tình" này. Xin đọc một trích đoạn:

"*Gian bên cạnh là cơ ngơi của một cặp vợ chồng trẻ, lúc nào cũng nồng nàn, phơi phới. Có lần đứng với tôi bên khung cửa này, Chuyên đã thầm thì. Khi nào chúng mình lớn, anh với em sẽ thành vợ chồng như vậy nghe! Tôi bỗng nhớ tới Chuyên. Cô bé mười ba tuổi trắng trẻo, mũm mĩm, mắt tròn to, tóc rậm rạp đen nháy, lúc nào cũng theo tôi trong các cuộc chơi.*"

Thế mà nhân vật xưng tôi trong truyện, mà tôi nghĩ rất có thể là chính tác giả, lại bỏ cô Chuyên ở lại để đi di cư vào Nam. Bây giờ gặp lại Chuyên đã là một bà góa, đã về hưu. Nhưng Chuyên đã gặp lại người xưa với đúng cái tình của một cô gái 13 tuổi.

"*Chuyên luồn ra phía sau, ôm cứng lấy tôi, thì thào bên tai.*

'Vậy thì em phải giữ anh cho chắc. Ngày xưa em cũng đã giữ anh như vậy nhưng anh vẫn gỡ vòng tay em chạy mất. Anh còn nhớ vòng tay xưa của em không'."

Kẻ "tìm về" này, kể ra cũng thật là may mắn! Mấy ai, sau bao nhiêu biến đổi sâu xa của đất nước có tác động ghê gớm vào số phận con người, khi tìm về chốn cũ mà được gặp lại một tấm tình của tuổi mười ba còn sót lại như vậy. Dưới ngòi bút của Song Thao – có lẽ ông cũng viết với tâm tình của cậu bé 15 tuổi năm 1954 – câu chuyện diễn ra cảm động và rất đẹp. Trong tất cả những tâm tình viết về các chuyến đi về mà tôi đã được đọc, tôi rất thích truyện này, nó cho thấy thời gian, chiến tranh, chế độ chính trị v.v... có thể nhào nặn, biến đổi, làm méo mó xấu xí đi nhiều thứ, nhưng ẩn dưới bao nhiêu lam lũ và thô thiển của cuộc đời vẫn còn những mảnh kim cương ngời sáng của tình người, của tình yêu khi người ta vừa chớm lớn.

Nếu chỉ dừng lại ở vài truyện có chủ đề tìm về cái cũ thì công việc giới thiệu Chốn Cũ chưa hoàn tất. Còn nhiều điều để nói và đáng nói về cuốn sách này. Nhưng khi đã chọn chủ đề là chuyện trở về Hà Nội thì chỉ nên nói một chuyện ấy thôi. Vì với một người có tiểu sử như tác giả Song Thao, không một chốn cũ nào có thể cũ hơn thành phố Hà Nội nữa.

Václav

NGUYỄN ÁI NHÂN

- Nhan, prosím te, co to znamená?

(Nhân, điều đó nghĩa là thế nào?)

Thật là khổ, không ngày nào tôi được yên với lũ chúng nó! Chúng nó ở đây là mấy thằng bạn Tiệp, mấy thằng mà tôi thường gọi là Blbý1 vì cái tội học môn "tiếng Việt" của chúng nó.

Tôi thường hỏi: "Hết cái để học rồi hay sao mà chúng mày lại đi học tiếng Việt?" Chúng nó mỗi đứa một kiểu giải thích cái lý do chính đáng của mình nào là vì yêu thích, rồi muốn tìm hiểu thêm về ngôn ngữ cũng như về con người, đất nước Việt Nam anh hùng, nào rằng ở đây có rất nhiều người Việt sinh sống, biết đâu sau khi ra trường lại chẳng dễ dàng kiếm việc, v.v. và v.v.

"Nói tóm lại để thành sinh viên thì chúng mày cũng phải tìm ra cái gì đó để học chứ gì?" - Tôi thường kết luận như vậy nhưng lòng cũng thấy dâng lên một niềm tự hào vì rằng mình là người Việt Nam...

Cái gì cũng vậy, ở đời được cái này, ở đây là chút tự hào, thì phải khổ cái khác. Vì ở nhà sinh viên này chỉ có mình tôi là người Việt Nam nên khi gặp tôi chúng nó đã mừng hơn bắt được vàng. Khổ một nỗi, tiếng Việt vốn đã khó, sách vở lại khan hiếm nên tôi bỗng dưng trở thành cuốn từ điển sống. Cũng được, tao dạy bọn mày tiếng Việt, bọn mày dạy tao tiếng Tiệp, có lợi cho cả đôi bên lại có thêm bạn thêm bè, chúng tôi đã thoả thuận với nhau như vậy. Thế là "lúc thì tao tới, lúc mày sang" buổi đầu cũng thấy vui đáo để.

*

Trong số mấy thằng đó thì thằng Václav tỏ ra khá nhất. Có lẽ không chỉ bởi nó có cái năng khiếu ngoại ngữ mà quan trọng là nó có cái gọi là "niềm say mê" với tiếng Việt. Gần nhà nó nghe đau có mấy cái "sờ- ta- nek" 2 bán hàng của người Việt Nam nên những khi rỗi rãi nó thường ra đó để trau dồi thêm vốn tiếng Việt của mình. Đang theo học năm thứ tư và lại đã từng qua một đợt thực tập tiếng ở VIệt Nam nên nó không chỉ dừng lại ở mức độ giao tiếp thông thường, đôi khi những cuộc nói chuyện của nó trở thành những cuộc tranh luận về một vấn đề nào đó.

Một hôm nó đến và bảo tôi:

- Nhan! Tao vừa tranh luận với mấy thằng bán hàng Việt Nam ... (nó kể rất dài chi tiết mà tôi nhớ không xuể) và rốt cục nó hậm hực nói:

- Chúng nó bảo "không là cái đinh rỉ gì." Thế là thế nào hở mày?

À, chết cha mẹ tôi, lại thế nữa! Tôi bảo nó: "Để tao nghĩ mấy phút đã rồi giải thích cho mày sau."

Ngẫm nghĩ một hồi, tôi bắt đầu giải thích cho nó với một sự cố gắng sao cho thật khoa học, lôgic và dễ hiểu (tất nhiên theo cảm nhận của tôi. Nói trước vậy không nhỡ đâu mấy nhà ngôn ngữ học hay quý vị biết ít nhiều mà đọc được những dòng này thì tha hồ lên án cái kẻ đã câm lại còn hay nói). Tôi bắt đầu giải thích:

- Trước hết mày phải hiểu thế nào là cái "đinh" đã. Đinh là một vật thường làm bằng kim loại, đôi khi bằng gỗ, tre... dùng để ghép nối hai vật lại với nhau... Dừng một lát, suy nghĩ thêm tôi nói:

- Đinh tất nhiên bao giờ cũng có loại to, loại nhỏ. Nhưng khi nói đến đinh người ta thường hay nghĩ đến vật nhỏ bé (ở đây bao hàm ý nghĩa không đáng kể). Thế mà lại còn đinh rỉ, đinh rỉ thì chỉ vứt đi thôi chứ còn làm cái gì được nữa, thậm chí nếu không chú ý nó còn gây hại là đằng khác ấy chứ... Tóm lại ý nghĩa của câu này là: Không có nghĩa lý gì hết, chẳng là cái gì cả. Đây là một thành ngữ mới trong tiếng Việt- Tôi đi đến kết luận và không quên hỏi lại:

- Mày hiểu chứ?

Nó gật gù và bảo:

- Cũng khá hơn chút ít.

Trước khi tống tiễn nó ra khỏi cửa tôi không quên càu nhàu:

- Mà mày học trong sách chưa đủ hay sao mà còn phải học cả cái ngôn ngữ ngoài chợ ấy nữa làm gì?

Tôi nói vậy vì tôi sợ một ngày nào đó nó sẽ lại hỏi tôi những câu giống vậy thì thật là phiền toái. Tôi sẽ biết giải thích với nó làm sao mà thú nhận với nó rằng tao tuy là người Việt Nam thật nhưng vốn tiếng Việt của tao rất nghèo nàn thì tôi lại không muốn chút nào.

*

Quả là tôi đã không lo thừa. Chẳng bao lâu sau nó lại đến lúc tôi đang học và hỏi:

- Hey Nhan ! Thế nào là "củ chuối"?

Tôi giật mình hỏi lại:

- Mày nghe từ ấy ở đâu ra thế?

- Thì nghe mấy thằng người Việt Nam chứ còn nghe ai. Hôm nay có hai thằng cãi nhau vì tiền nong hay hàng hoá gì đó và chúng nó bảo nhau là "đồ củ chuối." Về sau tao hỏi nhưng chúng nó không thèm giải thích cho tao.

"Sakra!" (mẹ kiếp!), tôi nghĩ thầm, cũng đã vài lần tôi nghe người ta nói cái từ này nhưng thực tâm tôi chưa lĩnh hội được ý nghĩa của nó. Lần này thì tôi biết giải thích với nó thế nào đây. Tôi không thể đứng trên mặt "sinh vật học" để giải thích cho nó rằng: củ chuối là một phần của cây chuối... Rốt cục, chẳng còn sĩ diện gì nữa tôi nói thẳng với nó:

- Tao không biết giải thích thế nào cho mày hiểu vì chính tao đây cũng chưa hiểu. Tốt nhất mày hãy quên cái từ chết tiệt ấy đi...

Nó đứng lên ra về, đến cửa nó quay lại tuyên bố một câu xanh rờn:

- Thôi, tao sẽ tìm hiểu một mình vậy.

Tôi biết nó sẽ làm. Nó là thằng ham học và chẳng biết lùi bước trước bất cứ khó khăn nào.

Bẵng đi một thời gian chẳng biết nó đi đâu, tôi ít bị làm phiền hơn nhưng thỉnh thoảng cũng hay nhớ đến thằng bạn hay chuyện này. Thế rồi hôm nay nó lại lù lù dẫn xác đến phòng tôi và nói ngay:

- Đi uống bia đi.

Tôi nhìn ra ngoài trời, đã là mùa thu, cây lá rụng hết chỉ thấy thân cành gân guốc. Bầu trời xám xịt, mưa rả rích giống như mưa phùn ở Việt Nam vậy, nhưng nặng hạt và gió thổi lồng lộng. Từ chối thì không xong mà ra khỏi nhà trời này thì thấy ngại quá. Tôi nhăn mặt nói: "Psí pocasí" (thời tiết chó chết). Nó liền tán thành: "Jo, thời tiết củ chuối thật." Tôi tròn mắt nhìn nó. Cái thằng chết tiệt này nó nhất định không quên cái từ "củ chuối." Nhưng mà nghe cũng hay, cũng đúng, cũng có lý đấy chứ. Tôi im lặng và thầm thán phục thằng bạn mình. Ra khỏi cửa tôi ngắm lại mình, hình như có gì đó không ổn trong cách ăn mặc, tôi bảo:

- Đợi tao, có lẽ tao phải thay cái áo khác, mặc thế này có vẻ không ổn.

Nó nhìn tôi và bảo:

- Cũng có đến nỗi nào đâu, mày ăn mặc còn tử tế hơn nhiều những tay Việt Nam mà tao gặp ở sòng casino.

Chẳng là trước đó nó kiếm được chân làm bảo vệ ở casino ban đêm mà. Tại đây sinh viên đứa nào cũng phải làm thêm mới đủ sống. Nó nói tiếp ngay: "Mấy tay đấy có đêm đánh bạc hết hàng trăm ngàn cô- run, nhưng ăn mặc thì 'củ chuối' lắm. Lịch sự chẳng ra lịch sự, cao bồi chẳng ra cao bồi, tao không biết nên kể thế nào nữa."

Lại "củ chuối," khỉ thật mà hình như nó lại có lý. Tôi lại phát hiện ra một sắc thái ý nghĩa mới của từ "củ chuối" trong hoàn cảnh này. Vừa đi tôi vừa cố lĩnh hội những điều vừa mới phát hiện ra. Cuối cùng thì tới quán bia, đây là quán dành cho sinh viên. Trời cũng đã tối, sinh viên kéo tới mỗi lúc một đông.

Làm một hơi hết nửa cốc bia tôi bắt đầu hỏi nó xem nó đã làm gì trong thời gian vắng mặt vừa qua. Thì ra cậu quyết định thâm nhập, tìm hiểu cuộc sống của người Việt trên đất Tiệp này và cũng để thực hành luôn vốn tiếng Việt của mình. Theo lời giới thiệu của một ông bạn người Việt cậu ta mò lên thành phố Chéb (một thành phố phía tây Tiệp) bán hàng thuê. Đáng ra cậu sẽ bán đến tận dịp Noel này nhưng không chịu nổi tay chủ quầy hàng nên đành phải về. Tôi hỏi: - Hắn là người thế nào?

Thằng bạn tôi kể rằng ông chủ người Việt mà nó làm thuê trạc trên dưới 30 tuổi. Cách đây vài năm sang Tiệp đi "du lịch," song vì quá yêu mến nước Tiệp nên đã xin ở lại kinh doanh. Nhưng có lẽ hắn cũng là người gặp may, chỉ sau hai ba năm đã có được tài sản kha khá là cái quầy hàng, xe ô- tô v.v. Buổi đầu hắn hứa hẹn ghê gớm lắm, nào tiền công, tiền thưởng... Thấy thằng bạn tôi nghiêm chỉnh không tơ hào (thì trí thức mà lại) nên ông chủ dần dần trao lại cả quầy hàng cho nó, rồi đi chạy mánh lới lung tung kiếm tiền nữa.

Cái vốn tiếng Việt đã giúp nó rất nhiều trong việc giao tiếp với ông chủ và những người Việt bán hàng bên cạnh. Ông chủ nó vốn tiếng Tiệp

chỉ dừng lại ở con số đếm và đôi ba lời chào. Tuy có hai từ sau được ông sử dụng rất thành thạo cũng như phát âm rất chuẩn là svine (đồ con lợn) và hovno (cứt). đặc biệt những lúc ông nổi cáu, nó đếm không xuể số lần những từ đó được ông văng ra. Cũng may là ông chủ đi suốt ngày, chỉ ghé thăm lại quầy mỗi ngày một hai lần để thăm nom hàng hoá, cất bớt tiền và quát nạt vài câu cho ra "oai" ông chủ. Ngay chuyện này cái thằng bạn dở hơi dở hồn ấy của tôi cũng khó chịu vì nó cứ nghĩ rằng mình là một "Ông sinh viên đi thực tế chứ không phi là một thằng đi làm thuê." Tôi đã bảo với nó rồi làm thuê là phải chấp nhận những điều tương tự mà nó vẫn chưa quen.

Tuy nhiên nó cũng thừa nhận rằng đa số những người Việt Nam bán hàng ở đó thật dễ mến. Họ chăm chỉ, niềm nở, hào phóng, sẵn sàng giúp đỡ khi có ai đó gặp khó khăn. Thậm chí cả bán hàng giúp nó những khi nó phải chạy đi đây đó, ví dụ như đi vệ sinh, ăn uống. Những lúc vắng khách nó cũng tụ tập cùng họ làm chén trà, điếu thuốc cùng vài ba câu chuyện tào lao. Nhưng nó cũng kể là nó không thích tí nào khi những người Việt bán hàng thỉnh thoảng hay chửi khách hàng bằng tiếng Việt, may mà chỉ có mình nó hiểu. Nó thấy cái sự vất vả của nó cũng có lý lại càng ra sức chăm chỉ hơn. Thế rồi cuối tháng ông chủ đến thanh toán tiền lương, tiền thưởng như đã hứa. Nhưng than ôi! Tiền thưởng không có, tiền lương- nhận một nửa, một nửa- tháng sau để làm tin, thử thách. Hỡi ơi, bao dự định "lớn lao" của một thằng sinh viên nghèo đi làm thuê thế là tiêu tan. Đấu tranh mãi không được nó cáu quá, bỏ về, đành kỷ niệm lại nửa tháng lương cho ông chủ quý hoá. Sau khi kể một hồi, nó dừng lại hỏi:

- Mày thấy thằng ấy có "củ chuối" không ?

Máu dân tộc nổi lên, tôi định bênh vực cho đồng bào của mình nhưng rồi cái từ "củ chuối" lại gây ấn tượng mạnh hơn cho tôi. Ừ nhỉ, "củ chuối," mà có lẽ tay đó đúng "củ chuối" thật. Thằng bạn tôi lại có lý. Nó dùng từ đắt thật. Tôi không biết nói gì hơn, chỉ biết nhìn nó đầy thông cảm. Tôi chỉ muốn nói với nó rằng ở đâu cũng vậy, cũng có người tốt, người xấu cả và hy vọng cái thực tế vừa rồi không làm cho nó vơi đi cái lòng say mê với tiếng Việt.

Cuối cùng thì nhờ thằng Václav tôi đã hiểu thế nào là "củ chuối." Thêm một lý do nữa để chúng tôi thân nhau hơn. Chắc chắn làm bạn với nó tôi không chỉ nói khá hơn tiếng Tiệp mà cái vốn tiếng Việt nghèo nàn của tôi cũng sẽ được phong phú thêm. Mà tôi cũng sẽ phong phú thêm về nhiều điều khác không chỉ riêng về cái vốn tiếng Việt.

*

Thằng Václav mãi vẫn chưa tốt nghiệp. Nói đúng hơn, nó vẫn chưa muốn tốt nghiệp. Đã gần hai năm trôi qua kể từ ngày nó nâng cao vốn tiếng Việt của tôi thêm từ "củ chuối." Nó vẫn vậy, vẫn "hâm" như tôi thường bảo nó. Cái lòng say mê tiếng Việt của nó tuy có lúc giảm, lúc tăng, nhưng vẫn chưa vơi đi nhiều. Lắm lúc tôi lấy làm ái ngại cho nó. Nó đã bước vào năm thứ sáu, nghĩa là nó sẽ phải trả tiền học phí (ở Séc, sinh viên nếu kéo dài hơn năm năm, từ năm thứ sáu đến năm thứ tám sẽ phải trả tiền học phí).

Tôi thường bảo nó:

- Mày nên học xong đi. Nếu không sẽ rắc rối lắm, bố mẹ này sẽ không hài lòng và sẽ đâm ra oán tiếng Việt, ghét người Việt Nam.

- Điên à! Nó phản ứng, - Chuyện đó dính dáng gì đến tiếng Việt, đến Việt Nam.

Các bạn đừng ngạc nhiên là tôi nói với nó tự nhiên như vậy. Nó đã khá sõi tiếng Việt. Hết năm thứ tư, nó không còn tiêu chuẩn học bổng đi Việt Nam, với số tiền tiết kiệm cộng với gần 15.000 cô- run của bố mẹ cho vay (mà đến nay nó vẫn chưa chịu trả hết) nó đã tự sang Việt Nam thực tập thêm gần sáu tháng. Bây giờ nó nói và hiểu tiếng Việt rất khá.

- Học xong, tốt nghiệp xong mày nghĩ sẽ thế nào? Lúc đó đừng hòng có thời gian tìm hiểu thêm cái gì nữa. Nó lên lớp cho tôi. Và tiếp tục:

- Hàng ngày mày sẽ phải lo đủ thứ chuyện, công việc, nhà cửa, tiền nong... Sẽ không còn thời gian và cả hứng làm bất kỳ khác. Nhân, mày hãy tin tao, lúc đó mày chỉ muốn về làm vài cốc bia và đi ngủ hay phục vụ ái tình cho bồ hoặc vợ mày thôi.

Thằng này nhìn đời bi quan thật! Tôi thất vọng nhìn nó:

- Mày nghĩ chỉ có thế thôi sao?

- Còn gì nữa? Không hề nhìn tôi, nó tự nói tiếp:

- Tao thà trả mấy ngàn cô- run một học kỳ còn hơn. Trong trường ít nhất tao vẫn còn thời gian, còn hứng biết thêm nhiều điều. Làm việc, tao cũng như mày sẽ phải làm đến cuối đời, vội gì.

LÊ NHIÊN HẠO

NẾU TÔI CÓ ĐƯỢC MỘT BÀI THƠ ĐẸP

Nếu tôi có được một bài thơ đẹp, tôi để chỗ nào cho đẹp hơn? Em nói: Chỗ này, da láng mướt, vai em là một tảng kim cương...

Tôi cười, không nói, thơ chưa có, nhưng có em rồi... sẽ có thơ! Thôi Hiệu làm thơ cài vách núi, tôi từng mơ ước giống người xưa...

Em cười, em nói, tại anh quên: Em là núi đá, rất bình yên, một chỗ vách cao trời cúi xuống, ngàn năm chỉ đợi gắn thơ lên...

Chúng ta hồi đó, Ban Mê Thuộc. Hồi đó Cheo Reo khói đạn mù... Nói chuyện thơ văn chiều phố gió, trời mưa nho nhỏ, biết đi đâu?

Bài thơ tôi hứa chưa hề viết, em cũng chưa hề áo hở vai... Mấy chục năm rồi dâu với biển, đá vàng cũng dám có lần phai?

Hôm nay chợt thấy vai ai đẹp, Chợt nhớ thơ và chợt nhớ em... Lòng lắng mấy phen ngồi nắn nót, viết hoài, đọc lại, thấy vô duyên!

Tại trời, em nhỉ, đang mùa rét, em dễ chi mà áo hở vai, anh dễ chi mà thơ bất tử phơi trên bờ núi gió không bay... Em ơi có lúc anh lang bạt ngẫm nghĩ lang bang chuyện ngỡ ngàng, Thôi Hiệu đã đi vào lịch sử, bài thơ Hoàng Hạc hết thêm trang...

Thôi coi anh chửa biết làm thơ. Tình cũ muôn năm khói bụi mờ. Chưa được hôn người vai láng mướt, thơ dù có cũng biết đâu đưa...

Từ khi đất nước mình tơi tả, ai cũng chia tay cũng biệt hành! Ngay cả lúc ngồi so tóc bạc, đố ai không tiếc tuổi Xuân xanh...

Tôi im lặng. Thấy vậy nó bảo:

- Nghĩ thế hơi củ chuối phải không?

- Củ chuối thật! Tôi đồng tình và giật mình. Tôi đã sử dụng từ củ chuối thật tự nhiên từ lúc nào?

Tôi hỏi nó:

- Thế bố mẹ mày không phàn nàn gì à?

Nó làm một ngụm bia, mắt nhìn vào một cõi vô hình xa xăm, rít một hơi thuốc và thở dài:

- Cũng than phiền! Cũng nói nhiều lắm. Nhưng biết làm sao được. Cuộc sống là của tao. Mỗi người phải tự lo lấy, tự chọn lựa lấy cuộc sống cho mình. Tao cũng không hề bao giờ hỏi, không bao giờ trách, tại sao bố mẹ tao không giàu hơn, không mua xe ô- tô đẹp cho tao hay tại sao không gửi tao sang Mỹ học đại học. Thậm chí lắm lúc nghĩ lại, tao tự hỏi: Tại sao ông bà lại đặt tên tao là Václav. Bố mẹ tao có bao giờ hỏi ý kiến tao về chuyện đó đâu!

Tôi sửng sốt. Thằng này say rồi hay sao? Dám chỉ trích cả bố mẹ nó kiểu vậy!

Václav dừng lại, tu một hơi hết cốc bia, vẫy tay ra hiệu cho cô phục vụ thêm một cốc nữa và tiếp tục:

- Nhân, mày biết không, mọi chuyện hay lắm. Khi học trung học, tao muốn trở thành kỹ sư máy như ông già tao. Nhưng thấy bố tao, kỹ sư máy cuộc sống tuy ổn định, luôn có việc làm nhưng toàn bị phụ thuộc vào quyết định của người khác. Ngoài ra ngành đó cũng không phải triển vọng nhiều lắm. Đến năm cuối trung học tao nghĩ lại và đăng ký thi vào khoa luật và chính trị học. Luật thì O.K., nhưng chính trị học thì phải học kèm với một ngành khác. Thấy trong danh sách có nghành Việt Nam học, tao nghĩ bụng, cũng hay và chắc thi dễ nên đăng ký. Mày biết không, tao đỗ tuốt vào cả ba ngành. Học luật, sau sẽ làm luật sư, sẽ suốt ngày chìm đắm vào các vụ án -- sẽ rất đơn điệu tuy chắc sẽ có ích nhiều. Nghĩ vậy nên tao quyết định học chính trị học và Việt Nam học. Đến giờ tao vẫn không thấy ân hận gì.

- Thế phản ứng của bố mẹ mày lúc đó ra sao. Tôi sốt ruột cắt ngang lời nó.

- Bố mẹ tao chẳng nói gì. Nhưng tao biết,

mọi người thất vọng. Họ nghĩ sẽ tự hào về cậu con sẽ học luật của mình với hàng xóm, với bạn bè cùng cơ quan. Nhưng cả hai rất độ lượng... Rắc rối hơn nhiều với hai bà của tao.

- Rắc rối với hai bà nội ngoại!? Tôi thật sự tò mò.

Làm một ngụm bia nữa nó kể tiếp:

- Lúc đầu hai bà biết tin tao đỗ vào khoa luật, cả hai rất mừng và khoe với mọi người quen là cháu tôi sẽ là sinh viên luật. Rằng nó sẽ thành luật sư, sẽ thành người quan trọng và sẽ là niềm tự hào cho cả nhà. Than ôi, khi được biết tao chọn sẽ học chính trị học và tiếng Việt, cả hai bà đều than thở: "Trời ơi, sao nó lại học về thổ dân làm gì? Có gì hay ho gì ở cái dân da vàng hay chiến tranh ấy? Và nó sẽ làm gì với thứ tiếng Việt nữa!" Chưa hết, sau đó cả hai bà đều im lặng, lờ đi mỗi khi người quen hỏi và không đả động gì đến cậu cháu giỏi giang của mình nữa...

- Mày thấy củ chuối không?

Nghe nó hỏi. Tôi không nén được sự tức giận, tự ái:

- Củ chuối quá đi chứ! Hai bà mày lạc hậu và phân biệt chủng tộc bỏ mẹ!

Lòng tự hào dân tộc trỗi dậy làm tôi trở nên bất lịch sự. Tôi làm liền hai ba ngụm bia. Nước Việt Nam với ngôn ngữ truyền thống có hàng ngàn năm, dân tộc anh hùng nổi tiếng với nền văn hiến lâu đời và truyền thống đấu tranh (mà hai bà nó coi là đánh nhau) bị hai bà Tiệp nhà quê đâu đó coi thường. Tôi bực và buồn cười đến nỗi không thốt lên lời.

Thằng Václav thấy sự bất bình của tôi vậy thì cười và bảo:

- Này, người ta bảo, lúc tức giận hay tự ái quá thường hay dẫn đến các loại bệnh tim, sẽ chết sớm. Mày tức bà của tao làm gì!

Nghe nó nói tôi bật cười và bảo:

- Đường nào tao cũng chết, vì lý do gì thì cũng thế thôi. Mày để tao tức một tí. Mà thật sự, hai bà của mày củ chuối bỏ mẹ.

- Tao biết thế. Thôi hôm nay tức đủ rồi, về ngủ đi. Mai tao phải đi "cày" sớm.

Tôi gật đầu. Hôm nay thế là đủ bực rồi, từ chỗ ái ngại cho nó chuyển sang cáu hai bà nó. Không biết bao cuộc uống bia đều kết thúc giống vậy. Chúng tôi trả tiền và đi về.

*

Dạo này thằng Václav có nhiều tiền hơn trước. Nó đã không còn là thằng sinh viên đi làm thuê mà luôn nhầm tưởng là đi thực tập ngày nào. Tất nhiên thỉnh thoảng trêu nó, tôi vẫn thường nhắc lại cái vụ nó đi bán hàng thuê ngày xưa ở thành phố Chéb và hỏi nó về nửa tháng lương của nó vẫn chưa được nhận.

Bây giờ khác, nó đã thôi nghĩ mình là tầng lớp trí thức và phải được ưu đãi. Hơn thế, nó đã biết tận dụng ưu điểm hiếm có của nó: biết tiếng Việt và tiếng Séc. Nó làm cho một văn phòng dịch thuật - tư vấn, chuyên lo giải quyết những rắc rối về giấy tờ cư trú và phiên dịch cho khách - phần đông là người Việt Nam. Công việc vừa hợp, vừa sử dụng những kiến thức nó biết. Không chỉ thế, nó còn có điều kiện đi sâu vào cá tính và cách sống của người Việt.

Nhiều lúc tôi nói đùa với nó: - Mày biết về dân Việt nhiều quá, không cẩn thận mày thành "xù" 3da trắng lúc nào không biết đấy! Những lúc đó nó cười khoái trá và bảo tôi: "Thế thì đã sao? Có gì xấu đâu? Chỉ khổ hai bà nội, ngoại của tao thôi."

Lúc đầu tôi thấy hài hước, sau quen dần và nhiều khi tôi quên hẳn nó là người Tiệp. Nhất là những khi nó mua đậu phụ về rán hay luộc và rủ tôi đến cùng nó chấm mắm tôm uống với bia. Nó rất nghiện hai món: Nem và Đậu phụ. Dĩ nhiên, những khi đó chẳng ai bén mảng đến gần phòng chúng tôi cả. Nó vẫn là người Tiệp mà, nó chỉ say sau không ít hơn hai chục vại bia. Sau sáu, bảy chai bia nó tâm sự và triết lý với tôi: - Nhân ạ, mày cũng chết, tao cũng chết. Trăm năm nữa có ma nào biết mày, trừ đám con cháu của mày, nếu có. Nghìn năm nữa thì ngay cả đám cháu mấy chục, mấy trăm đời của mày cũng không biết tí gì đến mày. Mà đã chắc lúc đó còn khỉ ai để mà nhớ đến nữa. Biết đâu chẳng tuyệt chủng hết như những loài khổng long hay ti tỉ loài khác. Những lúc đó tôi đã ngà ngà, tuy chỉ sau có vài cốc bia, tôi không thấu hết những gì nó nói, tôi chỉ phục: - Thằng này biết lắm từ dân dã thật.

*

Thỉnh thoảng nó cũng làm tôi giật mình, ví như có lần đang nghĩ ngợi khâm phục về vốn từ tiếng Việt của nó, tôi chợt phải tập trung khi nghe nó: - Nhân, sau vài chục năm nữa có chó thằng nào cần xin hộ chiếu, hay biết bố ai là tay nhân viên thu giấy tờ ở sứ quán CHXHCN Việt Nam ở Praha.

Bằng phản xạ tự nhiên, tôi chộp chai bia làm một hơi dài. Thói quen này tôi học được ở nó.

Nó giải thích với tôi rằng, làm như thế một phần để tỉnh táo lại khi đang ngà ngà, phần khác khi uống một ngụm bia dài sẽ giúp cho các phần cơ thể khởi động lại và sẽ tăng khả năng tập trung hơn. Đặt chai bia xuống, tôi trừng mắt nhìn nó: - Sao tự nhiên mày lại lôi sứ quán vào đây?

Nó nổi cáu vô cớ: -Tại sao ư? Tại vì sứ quán của bọn mày củ chuối. Đáng lẽ để bảo vệ cho người dân Việt Nam ở Tiệp thì ngược lại.

Tôi xua tay định chuyển sang chuyện khác.

Dại dột!

Động tác đó lại làm nó lại càng cáu:

- Tại sao mày ngại va chạm chuyện đó nhỉ. Đó là điều mà ai cũng biết. Trong khi một thằng Ami4 bình thường gặp tai nạn xe ô tô, chỉ cần gọi điện đến sứ quán là sứ quán bọn nó làm loạn lên để bảo vệ ngay, tìm kiếm ngay luật sư để lo cho nó. Ngược lại, bất cứ người Việt Nam nào, khi bị bắt, và khi được hỏi có muốn thông báo với sứ quán để giúp đỡ hay không theo Công ước Viên5 thì mười một người Việt Nam trong mười người được hỏi đều từ chối ngay lập tức. Chưa kể còn nạn đổi, thay hộ chiếu của bọn mày...

Nó thường đi phiên dịch cho cảnh sát nên hay gặp những chuyện đó.

Tôi vừa bực vừa tự ái:

- Mày làm như chỉ sứ quán Việt Nam là khủng khiếp lắm hay sao?

Nó nhìn tôi vừa ngạc nhiên, vừa pha chút thương hại:

- Mày đừng hỏi ngu như thế! Tao đã bao lần có mặt ở phòng lãnh sự Việt Nam, tao nghe thấy và hiểu những gì diễn ra ở đó. Mà mày có thấy thằng Ami nào ở trong tù hay không? Người nước ngoài trong tù chỉ là người Ukrajina, Trung Quốc, Rập hay Việt Nam mà thôi.

Nó dừng một chút và đặt cho tôi một câu hỏi rất ngạc nhiên:

- Nếu mày gặp chuyện gì rắc rối, liệu mày có muốn thông báo với sứ quán đáng yêu của mày theo công ước Viên hay không? - Mày hãy nghĩ kỹ đi đã và đừng hấp tấp trả lời ngay, nó còn lưu ý cảnh cáo tôi.

Làm một ngụm bia nữa, gắp thêm miếng đậu phụ luộc và thong thả chấm vào bát mắm tôm pha chút chanh chua cùng tương ớt, tôi nhai thật từ tốn, cố thong thả hết sức nhấp nhấp... và cũng để trấn tĩnh và tìm cách suy nghĩ về câu hỏi của nó.

Im lặng một hồi, mỗi người chúng tôi nhìn một hướng khác nhau vào khoảng không vô hình trước mắt. Tôi quay sang và gần như quên rằng tôi đang nói chuyện với thằng Václav, một thằng sinh viên Tiệp học tiếng Việt, mà như với một người bạn thân, tôi bảo nó chân thực:

- Chắc là tao không điên gì báo cho sứ quán! Tao sẽ tự tìm cách giải quyết. Báo cho sứ quán chẳng được tích sự gì mà lại còn rách việc, có khi, không! Chắc chắn lại còn rắc rối hơn vì họ sẽ gây nhiều chuyện phiền phức cho tao và có thể cả gia đình tao nữa.

Tôi nhìn thằng Václav, đôi mắt xanh của nó nhạt dần và buồn buồn sâu thẳm. Nó không vui gì, dù nó đã đúng. Thậm chí nó có vẻ rất buồn vì điều đó. Nó chậm rãi bảo tôi: "Mày cũng không ngốc lắm!"

Chúng tôi, cả hai cùng im lặng, nhưng có thể cả hai đều nghĩ đến những điều giống nhau.

Và trong lòng tôi tràn ngập nỗi buồn, nỗi uất ức và cả sự nhục nhã lẫn tự ái. Thằng Václav khi cần xin hộ chiếu mới, với nó khó và ngại nhất là đi chụp ảnh và sau chưa đầy ba ngày là nó có hộ chiếu mới trong tay.

Còn tôi: Phải viết đơn khai, phải xin giấy chứng nhận của phòng quản lý sinh viên, phải viết bản lý lịch, phải trả lời những câu hỏi thú vị ngu xuẩn và phải đợi khá lâu. Hộ chiếu của thằng Václav được cấp giá trị đến cuối đời, còn của tôi vẫn nằm trong sự kiểm soát chỉ được có năm năm. Thằng Václav nếu muốn, ngay bây giờ nó có thể ra ga tàu mua vé đi ngay sang Paris không cần xin phép ai, còn tôi nếu muốn xuống âm phủ cũng phải xin visa.

Nghĩ đến đây tôi bỗng bật cười. Thằng Václav trố mắt nhìn tôi. Tôi giải thích với nó:

- Tao đang nghĩ là đi âm phủ chắc chắn tao cũng phi cần visa vì bọn nó sẽ sợ tao trốn ở lại đó cư trú. Nhưng tao cười vì tao chợt nghĩ "Mẹ kiếp! Không biết sứ quán của âm phủ ở đâu?"

Thằng Václav phì cười và bảo tôi: - Mày yên tâm đi, tao sẽ bảo hai bà nội ngoại của tao làm giấy mời cho. Tất nhiên mày sẽ phải trả lời vài câu hỏi đơn giản thôi.

Tôi nhăn mặt hỏi nó: - Câu hỏi gì?

Nó nhìn tôi khoái trí: Ví dụ như: - Anh xuống âm phủ làm gì? Anh có người quen ở đó không? Anh có định ở lại đó không? Anh có định kiếm việc làm ở đó không? Bố mẹ anh có phải là đảng viên cộng sản không? Sau khi học xong anh sẽ ở lại châu Âu, âm phủ hay sẽ về lại quê hương? Điểm thi của anh ở trường thế nào? Tại sao bây giờ anh mới định đi thăm âm phủ? Tại

sao anh không đi thăm âm phủ sớm hơn, ... có không? Và: - Tại sao ...?

Tôi chỉ muốn ném hất cả cốc bia vào mặt nó. Nó đang nhắc lại những câu hỏi mà tôi phải trả lời khi xin visa sang thăm Anh quốc. Nó đang "cười" trên nỗi đau khổ, nhục nhã của tôi - một học sinh, sinh viên của một nước Việt Nam đã tự hào 4000 năm và vẫn đang tự hào ngày hôm nay. Máu nóng dồn lên đầu, nhưng tôi nuốt hận và rủa thầm:

- Mẹ kiếp mày, cạy mày sinh ra ở châu Âu, may mắn hơn tao mà cười à! ...

Nó nhìn tôi chăm chú và hình như đọc được những gì tôi đang nghĩ. Nâng chai bia, chạm chai với tôi, nó bảo:

- Mày đừng giận. Tao cũng không sung sướng gì hơn mày đâu. Nhưng cái máu "Svejk"6 người Séc của tao nó như vậy đấy. Có như thế dân Tiệp mới tồn tại được qua bao thời giữa lòng châu Âu này.

Tôi chợt tiêu hết sự tự ái, bực mình và chợt hiểu: - Thằng Václav còn hiểu nhiều điều hơn biết bao người Việt Nam khác. Cầm chai bia, "chạm cốc" cùng nó và tôi bình tâm trở lại.

*

Không lâu sau đó là đến tháng nghỉ học thi. Bên này, thông thường có hẳn một tháng sinh viên không phải đến trường và chỉ để học thi. Trong gần tháng rưỡi đó chúng tôi phải tự sắp xếp bố trí học và thi những môn cần thiết. Nếu ai lười hay không kịp thi thì có thể để lại một hay hai môn đến tháng 9 thi nốt.

Mùa thi, hay đúng hơn tháng học thi, là thời kỳ không kém phần thú vị. Thời gian đó đặc trưng bởi sự đúng giờ gần như tuyệt đối của sinh viên xếp hàng ở nhà ăn vào bữa trưa. Nhà ăn lúc đó trở thành khu văn hoá của khu sinh viên. Chúng tôi mỗi người một tính, nhưng cứ đến trưa là cả nhóm bạn bè quen biết của tôi lại hẹn nhau kéo ra nhà ăn. Tất nhiên đến đó chúng tôi gặp và chào biết bao bạn học, bạn quán... quen khác. Cũng là dịp ngắm và chiêm ngưỡng các cô sinh viên, các cô bạn phong phú. Nhưng mà, nhiều cô trong kỳ học thi trông thay đổi đáng kể. Không ít các cô chỉ sau một hai môn thi đã thay đổi đến mức tôi cần phải nhắc lại ý định mời mấy cô đi ăn chiều hay xem phim trước đó. Tôi nhiều khi cũng quá đáng thật. Và chắc tôi sẽ phải trả giá đắt về bệnh hình thức như mẹ tôi đã từng nhận xét . Âu, cũng là số phận. Về khoản đó tôi khác với thằng Václav.

Thằng Václav biết khá nhiều về quan niệm cùng cách suy nghĩ của người Việt Nam. Nó độ lượng hơn nhiều với mọi người và cả về quan hệ nam nữ cũng khác. Nó thường bảo với tôi: - Nhân ạ, với tao sự phản bội, không chung thuỷ trong tâm hồn còn khủng khiếp hơn sự phản bội trong thể xác. Nó trông khá đẹp trai, từng trải và thuộc vào hạng có "tài." Lúc đầu nó yêu một cô rất xinh, bạn học cũ từ thời trung học. "Trai tài, gái sắc," nó kể với tôi về mối tình đó. "Tao lúc đấy học giỏi, Petra thì xinh. Rất hợp với nhau." Lên Praha nó được rất nhiều cô thích, phần vì ở trường con trai rất ít, phần vì tính nó hay, hiểu biết nhiều và biết tiếng Việt. Nó không bao giờ xấu hổ và giấu diếm điều đó. Cuối cùng nó phải lòng một cô "đẹp nhất trên đời" với nó. Hai đứa rất hiểu nhau và luôn vui vẻ, nồng nhiệt như chúng vừa quen ngày hôm qua. Nó thường than phiền với tôi rằng, con trai hay đàn ông Việt Nam nói chung ích kỷ. Nó trách vì chuyện nó thường hay nghe họ kể về những phụ nữ khi gặp những chuyện không may hay buồn trong quan hệ tình cảm.

Nó có lần nói thẳng tuột: - Lũ đàn ông Việt Nam quê bỏ mẹ đi được! Cứ như anh nông dân, nhiều khi rất thích, yêu quý một cô nhưng lại chỉ sợ người khác dèm pha, chê hay khích bác về quá khứ của cô ta. Những cô gái Việt Nam nào không may lỡ phận duyên số thì thật đến khổ với sự ích kỷ và hèn kém đó của lũ đàn ông Việt Nam chúng mày.

Những khi đó tôi chỉ biết im, không biết chống chế thế nào.

Qua những chuyện kể của nó tôi được biết thêm nhiều điều về cộng đồng của mình. Như câu chuyện, có một cô Việt Nam khá đẹp nhưng vất vả trong quan hệ tình cảm. Cô tính rất hay, tự nhiên và cũng hay cười. Tất nhiên là một cô gái hiểu biết và nhậy cảm. Thế nhưng đã hai lần phải chia tay với những người mà cô yêu, một người vì không hợp, người thứ hai vì khác màu da, mặc dù cho đến nay một người vẫn yêu cô. Thời gian trôi, trôi đi và bạn bè cô đã có gia đình, có con. Cô vẫn vui vẻ một mình. Vốn thông minh, cô hiểu cái nhìn của dư luận. Không ít người rất thích cô, nhưng bao anh Việt Nam lại sợ những dư luận về cô và không dám thể hiện tình cảm của mình. Thằng Václav kể với tôi, nó được nghe ít nhất hai anh tâm sự với nó là các anh rất thích và cô, nhưng cả hai đều sợ những lời khích bác của mọi người như: "Làm

gì phải thừa hưởng của người khác!", "Hết đàn bà rồi hay sao?", "Nó yêu bao người rồi liệu mày có chiều nổi nó không?", v.v.

Thằng Václav thường lắc đầu bảo tôi: - Tao không thể tưởng tượng được! Tại sao lũ chúng nó hèn và ích kỷ thế!

Tôi bèn hỏi đùa nó: - Cô ấy ở đâu, mày giới thiệu cho tao đi.

Nó nhìn tôi lắc đầu: - Cô ấy hơn mày những ba hay bốn tuổi. Theo tao biết, với người Việt đó cũng là điều rất khó chấp nhận được. Tao không tin rằng mày vượt qua cái quan niệm đó.

Nó nói đúng tim đen của tôi. Tôi chỉ biết bảo nó: - Mày giỏi!

Cuối cùng cũng có một người không hèn kém và đã vượt qua mọi định kiến và dám đến với cô gái nọ. Thằng Václav được mời đến dự đám cưới rất vui vẻ của hai người. Sau đó, lần đầu tiên tôi thấy nó phấn khởi và được nghe nó khen: - Không phải tất cả đàn ông Việt Nam đều kém cả. Phải thế chứ, hy vọng cả mày sẽ độ lượng, dũng cảm, biết yêu và cũng sẽ biết sống.

*

Mỗi khi thấy tôi ngoái đầu theo các cô gái, nó thường bảo: - Nhân, mày ngu lắm! Hoa đẹp để ngắm, cùng lắm để sờ vuốt một chút thôi. Làm sao có thể sống, nói chuyện hay đồng điệu với một bông hoa không vị cả đời được. Nhìn con gái mày phải biết nhìn cả những gì khác hình thức nữa. Hãy tìm, hãy nhìn những gì không hiện ra ngoài.

Những lúc đó tôi thường phản bác: - Thế hoa đẹp để cho ai? Mà tao đã xấu, lấy vợ xấu rồi sinh ra con xấu, lúc đó cả thiên hạ- cả mày lại chẳng chê.

Nó lắc đầu nhìn tôi và bảo: "Đừng lo, mày xấu lấy vợ xấu con mày sẽ có thể rất xinh đẹp. Lý do để bảo tồn do tự nhiên quyết định mà. Nếu cứ cha mẹ đẹp, con cũng đẹp hay cha mẹ xấu, con lại xấu thì sau đó tuyệt chủng hết một nhánh những người xấu hay sao?

Tôi chỉ biết im lặng. Nó luôn có câu trả lời cho nhiều điều.

Một hôm tôi đang cùng cô bạn và bồ của nó tranh cãi về người yêu lý tưởng thì nó đến. Sau khi ôm hôm thắm thiết và rất tình cảm "cô gái đẹp nhất trên đời" nó tham gia vào chuyện của chúng tôi. Sau khi biết là chúng tôi đang bàn về người tình lý tưởng, nó cũng tham dự nhiệt tình. Tôi đang trình bày về ý nghĩ của mình, nó chợt nhớ ra gì và hỏi tôi: - Nhân, mày có biết trong tiếng Việt những từ máy nấu cơm, máy rửa bát, máy giặt còn nghĩa gì nữa không?

Tôi nhìn nó: - Chịu, đấy là những thứ máy có các chức năng như tên gọi của nó chứ còn nghĩa gì nữa.

LUÂN HOÁN

Mê Làm Thơ Lục Bát

thắp đèn không để đánh cờ
thắp đèn để vọc câu thơ lỗi thời

tôi ngồi trên nệm giường đôi
hai chân chàng hảng, giữ hơi đan điền
cây viết mũi hơi nghiêng nghiêng
mực thơm còn cả ống nguyên chưa xài
đợi giờ hoàng đạo vươn vai
bắt đầu nhịp sáu lai rai được rồi:
nhớ em, lạ, nhớ quá trời...

nhịp tám coi bộ ham chơi chưa về
ngồi lâu mông vế dần tê
rảnh tay vừa bóp vừa mân mê đùi
chạm vào đâu, nỗi ngậm ngùi
cũng len lén ngấm qua mười ngón tay
nỗi tình tôi bấy lâu nay
dành cho thơ vẫn còn đầy, còn nguyên
yêu thơ tôi chẳng có quyền
giỡn chơi qua mặt thánh hiền xa xưa
bên ngoài cửa chạm hạt mưa
gió khuya gọi chẳng ai thưa nửa lời
nhịp tám vừa về đến nơi:
em yêu, gởi chiếc lá đời cho tôi !

lục bát, ơi, lục bát ơi
tôi nguyền nằm mãi trong nôi của người
nhớ em, lạ, nhớ quá trời
em yêu, gởi chiếc lá đời cho tôi.

Nó giải thích cho hai cô bạn và khoái trí hỏi lại tôi: - Mày không biết thật à?

Tôi lắc đầu: - Không biết thật.

Nó lắc đầu thương hại: - Đồ mọt sách, những từ đó còn ý nghĩa ám chỉ những đức tính, yêu cầu cho các cô gái Việt Nam. Ngoài đẹp, học hành, ... còn phải biết chăm nấu ăn, rửa bát, giặt quần áo phục vụ chúng mày và đám đàn ông Séc chúng tao.

Tôi ngạc nhiên nghe thấy lần đầu. Hai cô kia sau khi nghe nó giải thích nổi giận bất bình. Cả hai cùng thống nhất: "Đàn ông là một lũ ích kỷ!"

Thằng Václav khoái trí ra mặt, nó tủm tỉm cười với Tereza (tên người yêu nó): - Đúng thế, hầu hết lũ đàn ông là những kẻ vô tác dụng, những kẻ tự mãn và ích kỷ... nhưng bọn em cũng phải trừ anh và thằng Nhân ra chứ.

Cô Tereza trợn mắt định nói gì đó, nó vội đưa tay bịt mồm cô ấy lại và kêu ca (bằng tiếng Việt!): - Khổ lắm, đừng nói nữa!

Tôi và nó cùng phì cười, còn hai cô ngạc nhiên và không hiểu gì. Marcela, cô bạn thứ hai theo tôi trông xinh và hấp dẫn hơn Tereza của thằng Václav, cô đầy đặn và ít nhất cũng không gầy như Tereza, quay sang hỏi tôi: - Nó làu bàu cái gì đấy?

Tôi bảo: - Chịu, mày hỏi nó ấy.

Thằng Václav giải thích với hai cô rằng, câu đó rất khó dịch, tiếng Séc đại thể như là: "Boze,• nerikej nic."

Tereza quay lại phía Marcela và đồng tình: - Cũng không nên ném tất cả con trai vào một nắm. Anh Václav thật sự không ích kỷ và khác những người đàn ông khác. Hay như Nhân đây, nó cũng thế và chắc chắn sẽ rất tốt với người yêu hay vợ.

Tôi cám ơn Terezavà thầm nghĩ: "Xứng đáng là bồ của thằng Václav!" Dù sao Tereza cũng giúp tôi có ấn tượng tốt với Marcela, cô bạn xinh xắn mà tôi đang có cảm tình. Nhất là trong lúc tôi đang nghẫm nghĩ tìm cách mời cô đi chơi hay đi xem phim.

*

Rất thú vị mỗi khi gặp thằng Václav ở nhà ăn sinh viên. Từ xa chúng tôi đã chào hỏi nhau rất vui vẻ và... ầm ĩ, tất nhiên bằng tiếng Việt. Hầu như lần nào cả hàng dài đều quay lại nhìn chúng tôi. Sau đó mỗi khi ngồi ăn cùng bàn thì thật rôm rả, tiếng Việt, tiếng Tiệp pha trộn xen kẽ. Mọi người, cả đám bạn bè xung quanh chỉ nghe lõm bõm và rời rạc vài từ, câu tiếng Tiệp lọt ra như: ... Vole..., hrozná ..., sakra ..., ...zapocet ....7 Chưa kể những lần xếp hàng đợi lấy món ăn tôi hay nó bình luận và nhận xét các món ăn bằng tiếng Việt (mục đích để mọi người không hiểu) như: "Cá thơm nhưng trông ghê quá ....; Rizek8 trông hơi củ chuối, như thừa từ ngày hôm qua... Polevka9 gì mà trắng nhợt ...; Thịt xay trông như cho lợn..." Các bạn đừng ngạc nhiên, dạo này thằng Václav nói tiếng Việt rất khá, nó còn biết nhiều từ bậy hơn cả tôi. Tuy nhiên, điều làm tôi khoái nhất là việc nó đã phát âm rất chuẩn tên tôi: "Nhân này...; Nhân ạ..."

Thằng Václav là một nhà Việt Nam học thật sự - cả về lý thuyết và thực hành. Tôi tin rằng nó hiểu biết còn nhiều hơn bao nhà Việt Nam học chính thức đang làm ở viện, ở trường này khác. Nhiều lần, thấy tôi cáu bực, nó thường nghiêm giọng bảo tôi: - Phải tự phê bình và phê bình. Bao giờ tôi cũng phì cười vì câu khẩu hiệu "ngược" của nó.

Lần sang Việt Nam lần thứ hai nó được nghe suốt ngày trên đài, đọc trên báo thành ra nó rất nhớ. Nó chỉ đo ngược lại để cho hợp với bản thân nó và để lên giọng với tôi mà thôi. Không chỉ vài câu khẩu hiệu, mỗi lần đi xem ca nhạc hay dịp hội họp nào đó nó đều hiểu hết nội dung các bài diễn văn chính thức. Khác hẳn nó - tôi thì chẳng mấy khi nghe.

Lúc đầu tôi nghĩ nó khoác lác, nhưng sau vài lần thử, nó hiểu những bài diễn văn thật. Tôi khâm phục bảo nó: - Mày giỏi thật! Không những hiểu mà còn kiên trì nghe nữa.

Nó hể hả bảo tôi: - Lúc đầu tao nghe để tập và cố hiểu. Nhưng sau nghe nhiều quá, thành quen. Hơn nữa các bài phát biểu giống hệt nhau, dễ hiểu thôi mà.

Tôi thắc mắc: - Sao lại giống hệt nhau?

- Tất nhiên là không giống nhau hoàn toàn. Như dự báo thời tiết ấy, tất phải khác nhau nhưng nội dung thì tương tự nhau. Diễn văn của Việt Nam thì thay cho các cụm từ: "Có mây, mưa nhỏ ở một vài nơi, nhiệt độ từ ... đến..." là một vài cụm, vài khẩu hiệu khác như: " Cần phê bình và tự phê bình," "Làm trong sạch đảng," "Quyết tâm đi theo đảng," "Không rời bỏ CNXH"... Đơn giản thôi mà!

Nói xong nó hắng giọng và "phát biểu" ngay cho tôi một bài làm chứng. Quả là bài diễn văn của nó rất hay, "rất tiêu chuẩn." Tôi chỉ biết há mồm ngạc nhiên. Lại một điều

"mới" với tôi.

*

Thằng Václav không phải lúc nào cũng yêu quý và nhiệt thành với tiếng Việt, với Việt Nam. Nó không cuồng tín đến quá mức. Theo thời gian nó cũng lớn lên, biết nhìn nhận cái hay, cái dở trong mọi chuyện. Một lần nó hầm hầm vào phòng tôi bảo: - Nhân, đù mẹ..., ra uống bia chúc mừng tao mày.

Tôi không hiểu chúc mừng kiểu gì, khi trông nó hầm hầm như vậy.

Sau khi làm một hơi hết hơn nửa vại bia, nó bảo tôi: - Tao sẽ thôi môn Việt Nam học, thôi học tiếng kinh, tao sẽ đi Việt Nam học tiếng Mán hay tiếng Tày.

Tôi sửng sốt và không hiểu:

- Lại có chuyện gì thế!

- Chẳng có chuyện gì cả. Tao chán ngấy tình trạng ở Việt Nam rồi. Đã thế đại sứ quán mày chẳng khác gì một Việt Nam thu nhỏ. "Bordel" 10bỏ mẹ.

Tôi vẫn chưa hiểu chuyện gì xảy ra làm nó cáu đến thế. Tôi hỏi nó: - Hôm nay mày có khoẻ không?

- Khoẻ! Nó chợt hiểu ý tôi và giải thích: Cô giáo nó có giấy mời sang Việt Nam làm việc một thời gian rất ngắn. Đầy đủ hết các thủ tục, giấy tờ nhưng sứ quán Việt Nam không chịu cấp visa. Nó định nhờ quen biết và cả "quà cáp" để cô giáo nó (chưa hề sang Việt Nam bao giờ) có visa nhanh. Nhưng cố giáo nó từ chối: - Cô đi làm việc khoa học theo giấy mời, chứ có phải đi du lịch, đi chơi hay đi kinh doanh... gì đâu mà phải như vậy?

Như một người Việt Nam chính cống, bao nỗi bực tức dồn lên, nó vừa chửi, vừa lôi lại đủ chuyện khó chịu mà nó đã trải qua. Sau cốc bia thứ ba nó trấn tĩnh dần trở lại. Nó kể với tôi những trường hợp "rắc rối" gần đây nhất nó gặp. Đang định kể, chợt nhớ ra gì, nó hỏi tôi: - Nhân, nói như thế nào thì đúng "Ăn mặn thì khát nước" hay "Ai ăn mặn sẽ có lúc khát nước"?

Tôi không hiểu: - Mày muốn nói đến câu tục ngữ "Đời cha ăn mặn, đời con khát nước" hay gì khác?

- Không! Chưa cần đến đời con. Đời cha đã khát nước rồi, đã phải trả giá cho việc làm của mình rồi. Nó cắt lời tôi và cố gắng giải thích để tôi hiểu ý nó. Đại thể là nó lẫn câu tục ngữ trên với câu tục ngữ nào đó khác ám chỉ chuyện: Ai làm, người đó sẽ phải chịu.

Tôi cố gắng lục tìm trong đầu những câu tục ngữ tương tự. Nhưng tôi bất lực bảo nó: - Chịu, bây giờ tao không nhớ cái gì hết.

- Thôi, không sao. Ta cứ tạm coi là "Ai ăn mặn, có ngày khát nước" vậy.

Thằng Václav hỏi tôi tiếp: - Mày còn nhớ cái tay mà tao bán hàng thuê cho hắn ở Chéb không? Cái thằng "củ chuối" mà vẫn nợ tao nửa tháng lương hồi trước ấy.

Tôi cười bảo nó: - Hoá ra mày vẫn chưa quên à! Cũng nhớ lâu đấy chứ.

- Tao cũng quên rồi, nhưng vừa mới đây tao gặp lại nó, ông chủ cũ của tao.

Tôi tò mò: - Hắn định trả lại mày tiền lương hay sao? Chẳng nhẽ nó lại tốt bụng đến thế, hay nó hối hận chăng?

- Không! Nó lên nhờ giải quyết những rắc rối của nó gặp với cảnh sát và sứ quán. Gặp lại tao, nó hơi ngỡ ngàng, nhưng ngay sau đó nó giải thích, xin lỗi chuyện cũ rắc rối lắm. Nó bảo, sau đó nó định tìm lại tao để đưa nốt số tiền kia, nhưng chịu và không biết tao ở đâu. Rồi sau đó theo thời gian nó quên mất...

- Thế nó có trả lại mày tiền không? Tôi sốt ruột.

- Tất nhiên là có, nó trả cả tiền lãi hai năm, nguyên một tháng lương cùng bao lời giải thích thanh minh khác. Nhưng tao không tin.

- Có thế chứ! Mày hỏi cái câu tục ngữ trên chắc vì chuyện đó? Tôi thở phào.

- Không chỉ thế, nó tham, bán hàng giả mang các nhãn hiệu nổi tiếng và thuốc lá không tem. Bị cảnh sát tóm và phải ra toà, bị phạt gần 40 000 cô- run. Nhưng vụ đó nó đã nhanh chóng giải quyết rồi. Nó lấy giả vờ ngay một cô vợ Tiệp và làm thủ tục thường trú và tránh được chuyện bị trục xuất về. Nhưng nó gặp chuyện khác.

- Chuyện gì? Tôi sốt ruột, thằng Václav bao giờ nói chuyện cũng rất có đầu, có đuôi.

- Mày cứ từ từ. Và nó bảo thêm tôi: - Để tao gọi thêm hai cốc bia đã.

- Thằng cha ấy vì tiếc tiền nên không chịu đổi hộ chiếu ngay. Mày còn nhớ, nó sang đây đi du lịch rồi ở lại. Nó chỉ kéo dài thời hạn hộ chiếu cũ. Bây giờ chúng mày có hộ chiếu mới. Nó phải đổi, và vì hộ chiếu nó chưa đổi bao giờ ở Praha nên bị vặn hỏi, gây khó dễ đủ kiểu. Sợ rắc rối, thế là nó phải sang chỗ văn phòng nơi tao làm thuê.

Thằng Václav dạo này khác với hai năm

trước đây. Nó rất thích nhấn mạnh là nó chỉ đang đi làm "thuê" mà thôi.

- À, tao hiểu. Chuyện đó thì tao biết. Thế văn phòng mày phải lấy nó thật đắt chứ?

- Không! Không thể cũng cư xử như nó được. Nó phải trả tiền tư vấn dịch vụ như mọi người khác. Tao không muốn ăn mặn để rồi khát nước. Mày biết, tao lúc khát thì tốn tiền bia lắm. Mỗi lần khát thì tốn đến vài trăm, lấy đâu ra tiền.

Nó định kể tiếp thì cô phục vụ ra nhắc nhở chúng tôi là quán đã đóng cửa. Nhìn quanh, hoá ra chúng tôi là hai trong số ba người cuối cùng, ngoài hai cô phục vụ. Mới thế mà đã gần bốn tiếng rưỡi trôi qua lúc nào không biết. Nó định rủ tôi đi sang quán khác gần đó mở cửa đến bốn giờ sáng, nhưng tôi từ chối: - Thôi để hôm khác tâm sự nốt những uẩn khúc của mày. Tao đã chuyếnh choáng rồi. Về ngủ thôi. Tôi còn lưu ý nó: - Mà mày cũng uống mười mấy cốc rồi còn gì?

*

Thằng Václav thì mất tăm, nó đi giải quyết rắc rối gì đó cho hai người Việt ở tận biên giới Đức. Chỉ thỉnh thoảng nó gọi điện thoại về cho bồ nó và gửi lời hỏi thăm chúng tôi. Cũng lúc đó thì em gái nó đến ở nhờ Praha sau một thời gian làm việc tại Tây Ban Nha. Cô em gái nó khác hẳn nó. Cô trông người phát triển đầy đặn, mặc dù mới khoảng 18, 19 tuổi. Với bộ ngực nở nang bao giờ cũng thu hút cái nhìn đầu tiên của mọi chàng và vóc người đậm, cô khác với những cô người mẫu trên các trang tạp chí khắp nơi. Nhưng em gái nó dáng đẹp, tóc vàng để lộn xộn như không chải bao giờ (nhưng thật ra, mỗi sáng em nó phải mất hàng giờ để tạo nên cái kiểu tóc lộn xộn đó). Đôi mắt lúc xanh nhạt, lúc xanh đậm tuỳ theo thời tiết và tình cảm của cô ta. Tuy không cao, nhưng en gái nó có đôi chân dài vừa phải và đi đứng rất tự nhiên, không gò bó. Tóm lại, một cô gái mới nhìn qua rất "hấp dẫn." Hấp dẫn cả với tôi. Có lần tôi bảo thằng Václav: - Eva xinh thật. Người phát triển rất đẹp, rất hợp lý, chỗ cần thừa thì thừa, chỗ cần thiếu ra thiếu. Có bao nhiêu chỗ hay trên người nó.

Thằng Václav cười thích thú: - Ừ! Nhiều người cũng nói thế, tao cũng biết thế và cả nó cũng biết thế. Nhưng tao biết, chắc chắn có một chỗ trên người nó mày sẽ không ưa.

- Chỗ nào nhỉ? Tôi cố hình dung lại em gái nó.

- Cái đầu nó! Thằng Václav khoái trí.

- Nó có đến nỗi nào đâu, cũng thông minh đấy chứ, tất nhiên không bằng mày thôi. Tôi bảo vệ em gái nó.

- Mày nghĩ thế à?

- Ừ! Hơn nữa trên cái đầu nó, đôi mắt và đôi môi cũng đáng giá, đáng hôn đấy chứ. Tôi kể thêm.

Nhà thằng Václav rất đặc biệt và rất phong phú. Nó thì học chính trị học và Việt Nam học. Em gái nó thì lại thích tiếng và các nước vùng Balkan và các nước nam Âu như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hy Lạp. Eva đã hai lần thi trượt đại học vào nghành Tiếng Tây Ban Nha. Sau đó cô ta bực mình bỏ đi Tây Ban Nha làm Au Payer (Đi làm trông trẻ em và ở nhà gia đình người Tây Ban Nha. Hàng ngày trông trẻ em, làm các việc trong nhà. Ngoài việc ăn ở cùng gia đình còn được nhận một khoản tiền lương nhỏ. Mục đích chủ yếu để học tiếng và làm quen với xã hội nước sở tại). Theo tôi, Eva cũng không phải là học kém, tuy nhiên ở Séc cũng như ở Việt Nam, trường đại học vẫn là "đặc quyền" cho một phần nhỏ trong xã hội. Tương tự như thời xưa, đặc quyền đó thuộc về tôn giáo, ngày nay thuộc về Bộ giáo dục và các trường đại học. Bố thằng Václav là kỹ sư máy, mẹ nó trước làm kế toán trong cùng nhà máy với bố nó, sau đó ra kinh doanh riêng cũng trong nghành kế toán. Lúc đầu sau cách mạng, kinh tế nhà nó có thời rất khá, bố mẹ nó có điều kiện cho nó sang Mỹ học năm cuối của Trung học. Đến thời sau, tình hình kinh tế đi xuống, em nó đã không được hưởng sự may mắn như nó. Chuyện nhà nó là cả một chương riêng, sẽ có dịp tôi kể lại sau bởi câu chuyện của nó đến đây đã quá dài rồi.

Chú thích

1 Dở hơi

2 Quầy bán hàng

3 "Xù" là tiếng lóng của người Việt ám chỉ người Việt ở Tiệp Khắc.

4 Người Mỹ- tiếng lóng của tiếng Tiệp

5 Công ước quốc tế về việc bảo vệ quyền công dân thông qua cơ quan ngoại giao

6 Svej là một nhân vật huyền thoại có vẻ ngu si, ngây thơ nhưng rất bình thản sống qua mọi hoàn cảnh.

7 Đồ con bò... kinh khủng,... mẹ kiếp,... kiểm tra....

8 Thịt rán

9 Canh, súp

10 Nhà thổ- tiếng Séc

Sách Mới Phát Hành

NGƯỜI VIỆT *xuất bản*

Sách dày 1,080 trang, có chọn thêm những bài mới gần đây nhất

- **Trình bày mỹ thuật**
- **Ấn loát công phu**
- **Bìa cứng, bọc plastic**

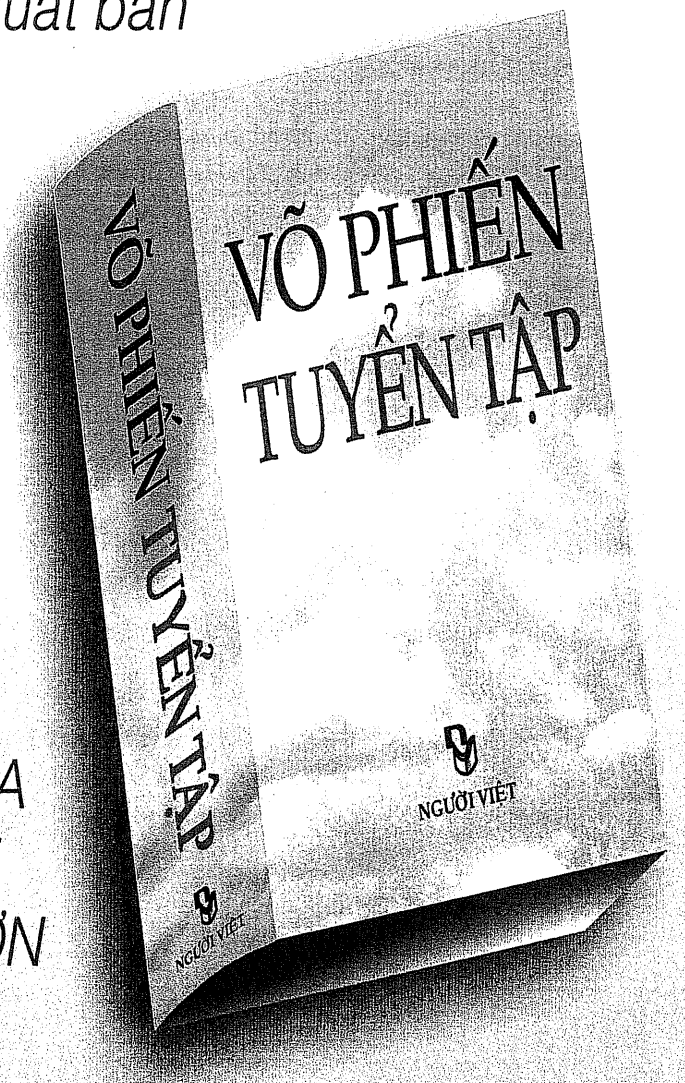

MÓN QUÀ VĂN HÓA TRANG NHÃ NHẤT TRONG MÙA LỄ LỚN CUỐI NĂM

Võ Phiến là tác gia có tầm cỡ hàng đầu trong văn học Việt Nam
ĐẶNG TIẾN. Tạp chí *Diễn Đàn* (Pháp) số 73, tháng 4 - 1998

Nổi tiếng nhất là Võ Phiến một cây bút độc lập ai cũng nhận là có tài phân tích tâm lý, "chẻ sợi tóc làm tư", và tài tả cảnh vật. Nhưng tạp bút của ông được nhiều người thích hơn. Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn...
NGUYỄN HIẾN LÊ. Hồi kí Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản *Văn Học* (Việt Nam), in năm 1993

Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ XX.
NGUYỄN HƯNG QUỐC. Võ Phiến, nhà xuất bản *Văn Nghệ* (California) 1996

Giá 30 MK ■ Có bán tại tòa soạn NGƯỜI VIỆT và tại các nhà sách

ĐÃ PHÁT HÀNH HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA SONG THAO:

CHỐN CŨ

Tập Truyện - 228 trang
Tranh bìa: Đinh Cường

Canada: 18 Gia kim
Hoa Kỳ: 17 Mỹ kim
Các nước khác: 22 Mỹ kim

Một điều chắc chắn là tác giả sẽ không thể viết về chốn cũ nếu không có cơ hội về thăm chốn cũ. Chiến tranh kết thúc năm 1975 đối với miền Nam giống như một hòn đá lớn ném xuống một ao bèo, làm nước tung tóe, bao cánh bèo giạt ra từ phía. Nhưng rồi sóng lặn dần, từng tí một các cánh bèo nhích về vị trí cũ. Song Thao là một trong những cánh bèo ấy, ông đã về thăm lại Việt Nam, không những chỉ miền Nam mà cả Hà Nội, cái nôi thời thơ ấu và niên thiếu của ông. Đó chính là "chốn cũ" quan trọng nhất của Song Thao, nơi tâm hồn và nhân cách của ông đã thành hình, nơi ông đã sống những ngày tháng huyền thoại mà sau khi rời bỏ năm 1954, và nhất là sau cơn biến động 1975 đã xô giạt ông ra nước ngoài, có lẽ ông không hề tưởng sẽ có ngày tái ngộ. Thế mà Song Thao đã về. Đã đi trên những con đường cũ. Đã tìm được và vào thăm ngôi nhà mình đã cùng gia đình cư ngụ thời xưa. Đã "nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ." Đó là những thời khắc phải nói là lớn lao vào bậc nhất trong đời một người. Nhưng Song Thao không để xúc cảm tràn ngập, ông không khóc than trên giờ khắc tái ngộ, không triết lý về sự tàn phá của thời gian. Ông nói về chốn cũ vừa như một người con đầy xúc động tìm về ngôi nhà cũ của bố mẹ, nhưng cũng với sự tỉnh táo của một du khách của thời toàn cầu hóa. Ông đã tìm thấy Hà Nội huyền thoại của tuổi thơ với cơn dâng trào của biết bao đợt sóng kỷ niệm, nhưng ông cũng không quên Hà Nội hiện tại với bao phế hưng thay đổi không còn giống như ngày xưa.

PHẠM XUÂN ĐÀI

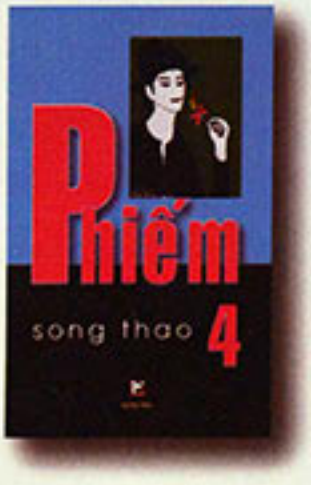

Canada: 25 Gia kim
Hoa Kỳ: 25 Mỹ kim

Phiếm 4

tranh bìa: **THÁI TUẤN**
40 chuyện phiếm, 402 trang
NHÂN ẢNH xuất bản

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:

7805 Claire Fauteux, #1
Montréal, P.Q., H1K 5B6
Điện thoại: **(514) 354-5338**
Email: **tatrungson@hotmail.com**

Ấn phí (bao gồm luôn cước phí bưu điện bằng máy bay):

Trọn bộ 4 cuốn, từ **PHIẾM1** đến **PHIẾM4**:
Canada: 90 Gia kim
Hoa Kỳ: 85 Mỹ kim

Chi phiếu và money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

Giá Bán 7 Mỹ Kim